SỐ 5 THÁNG CHÍN 1989 • $2.50

THẾ KỶ 21

CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

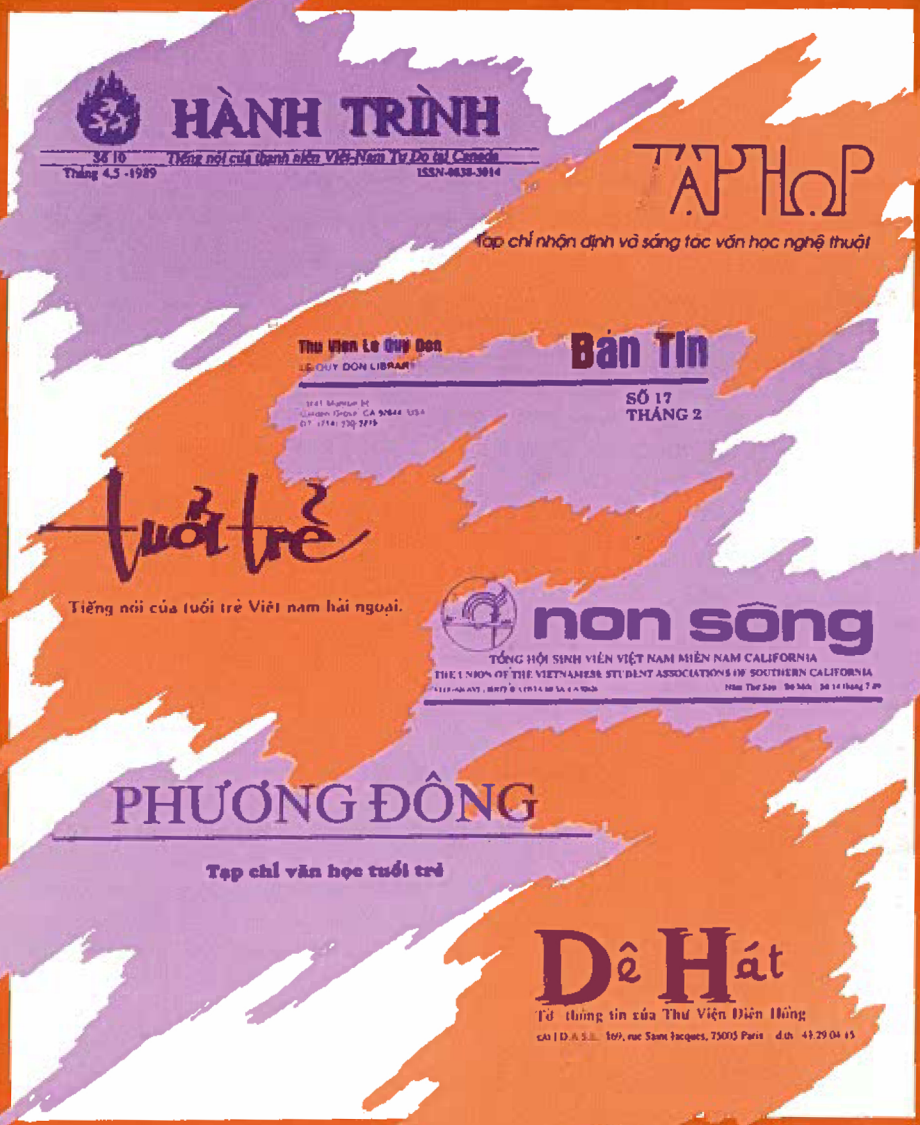

TUỔI TRẺ HẢI NGOẠI VÀ TIẾNG VIỆT

Bộ chữ Việt Nam trên IBM PC & PS2

do VN Labs, nơi đầu tiên chế tạo Computer tiếng Việt (1984) và Bộ Chữ Quốc Tế (1985)

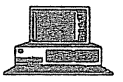

Hệ thống Computer tiếng Việt tối tân nhất thị trường. VN Labs hiện là nơi duy nhất chế tạo Bộ Chữ Việt Nam có thể in các loại phototypesetters và Postcript printers, ngoài dot matrix và laser printers.

عربي

עִבְרִית

- Đầy đủ mọi áp dụng: viết văn, ấn loát, kế toán, thống kê, truyền tin, giáo dục, vv..
- Dùng trên hầu hết các loại IBM PC & PS2 với MDA, CGA, EGA, MCGA, VGA, PGA, Hercules, Taxan, Genius, vv..
- In tiếng Việt đủ cỡ, đủ kiểu trên các loại dot matrix printers, laser printers, postcript printers, và phototypesetters.
- Dùng tiếng Việt với các software thông dụng trên thị trường: WordPerfect, WordStar, Volkswriter, PC-Write, Microsoft Word, Personal Editor, PFS Professional Write, Dbase, Foxbase, Rbase, Quattro, VP-Planner, Ventura Publisher version 1.1 và 2.0, vv..
- Viết tiếng Việt 'chữ trước, dấu sau', hoặc 'dấu trước, chữ sau' (có thể thay đổi bất cứ lúc nào trong khi dùng software thị trường).

Khả năng của Postcript printers:

Từ một font chính, Postcript printers có thể in ra các cỡ khác nhau từ 2 pts. cho đến 254 pts., tăng từng .1 pts.

Một số loại Postcript printers (Linotype) có thể in đến 1720 dots/in., trong khi HP Laserjet chỉ có thể in 300 dots/in.

Bộ Chữ Việt Nam căn bản	$95
Bộ Chữ Việt Nam và Ventura option (Laserjet)	$195
Bộ Chữ Việt Nam và Ventura option (Postcript)	$295

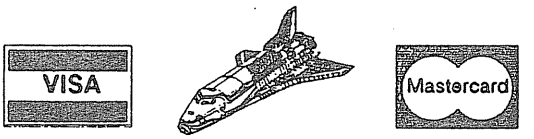

VN Labs

4320 Campus Drive, Suite 290
Newport Beach, CA 92660
Phone (714) 474-6968
FAX (714) 250-8117

Giám Đốc: Việt Nguyễn
Trưởng Ban Marketing: Alan Runfeldt
Trưởng Ban Software: Susan Nguyễn
Cố Vấn Kỹ Thuật: Hiếu Phạm

Đại Diện VN Labs:

LOS ANGELES: BMC (213) 422-4444
ORANGE COUNTY: SIGMA Computers (714) 893-0609
HOUSTON: Computrex (713) 524-5065
DALLAS: Zen Computer (214) 484-8008
UTAH: Altech Computer (801) 282-4252
OREGON: Lake Oswego Computer (503) 636-1541
NEW YORK: Kays International (914) 425-6469
CANADA: Speed Copy (604) 278-8518
AUSTRALIA: Graphics Applications Center 03-347-0548
ISRAEL: Technical Communication 303379
NETHERLANDS: Roth International 18371687
UNITED ARAB EMIRATES: TCS 237241

Tử Vi Computer (Postcript)

Lá Số Tử Vi trọn đời tính bằng Computer. Đầy đủ lời giải trên 12 trang, kèm theo bản An Sao in tuyệt đẹp bằng Bộ Chữ VN Labs trên Postcript printer, do Cosmos Systems thực hiện.

Vui lòng gửi chi tiết tên họ, ngày giờ năm sinh (Âm Lịch hoặc Dương lịch), Nam hoặc Nữ, và kèm theo $20 ngân phiếu hoặc Money Order về địa chỉ:

Cosmos Systems
P.O.box 2482
Mission Viejo, CA 92692
(714) 582-8233

THƯ TÒA SOẠN

Tiếng Việt của nước Đại Việt

Từ nhiều năm nay một câu hỏi lớn vẫn được nhiều người thiết tha với vận mệnh của tiếng Việt và văn hóa Việt đặt ra: Liệu bao lâu nữa tiếng và chữ Việt ở hải ngoại sẽ tàn lụi? Liệu bao lâu nữa, những đứa trẻ Việt nam sẽ đánh mất bản sắc Việt Nam? Liệu bao lâu nữa những tờ báo Việt ngữ sẽ không còn xuất hiện ở các phố chợ Á Đông? Liệu bao lâu nữa...?

Người ta ví ngôn ngữ Việt trên vùng đất lưu vong như những chiếc ghe vượt biên trên biển cả. Như những chiếc ghe tí hon trên đại dương bao la, văn hóa Việt rồi đây không chóng thì chầy sẽ bị cái đại dương rộng lớn kia làm cho trôi giạt, lạc hướng, nếu không chìm xuống đáy nước!

Anh hay Pháp, Đức hay Thụy Điển, Canada hay Úc, nhất là Hoa Kỳ... đó là những nước mở cửa cho người Việt định cư, đó là những "đại dương bao la," và trên một triệu người tị nạn chúng ta như những chiếc ghe tí hon trôi giạt tới! Phải chăng rồi đây khi bước vào thế kỷ 21 - chừng một thập niên nữa thôi - chúng ta chỉ còn những người Việt nói tiếng Mỹ, nói tiếng Pháp, nói tiếng Đức... *Phong cách* sống của thế hệ thứ hai của chúng ta chỉ còn phảng phất chút ít cái *hương vị* quê nhà. Ngôn ngữ, văn hóa chỉ là "Vang Bóng Một Thời?"

Chúng tôi lạc quan nghĩ rằng không phải thế. Sức sống của dân tộc ta vẫn trường tồn. Văn hóa của Việt Nam mặc dù rải cùng khắp thế giới, trên những mảnh đất *xa nhau* và *xa lạ* từ con người, đến cảnh thổ sẽ vẫn không đánh mất bản sắc của nó. Có thể nó sẽ thay đổi tùy theo môi trường sống và nền văn hóa trong đó nó gia nhập, nhưng chắc chắn tiếng nói và chữ viết Việt, vẫn được đốt đuốc chuyền tay. Trước đây người ta thường nói mặt trời của đế quốc Anh không bao giờ lặn, hoặc nơi nào có nhà cửa nơi đó có người Trung Hoa, ngày nay ta cũng có thể nói như vậy cho người Việt và tiếng Việt.

Sự có mặt của người Việt trên khắp các vùng đất của địa cầu cho phép ta tin tưởng sự lớn mạnh của một dân tộc vốn vẫn trường tồn sau khi đã là nạn nhân của nhiều cuộc xâm lăng và từng gánh chịu biết bao cuộc chiến tranh tàn khốc.

Tiếng nói và chữ viết Việt Nam chỉ mở thêm những cánh cửa mới, chớ không bao giờ khép lại.

Thế kỷ 21, trong mấy số đầu, đã có lác đác bóng dáng những người trẻ (ở lứa tuổi 20, 30) xuất hiện.

Số 5, và có thể nói "từ số 5," lứa tuổi 20 xuất hiện đông đảo và đa dạng hơn.

Từ những lớp dạy Việt ngữ tới những cuộc thi viết văn, từ những tờ báo "học trò" đến những nhóm "thư viện," tuổi trẻ Việt hải ngoại, sau 14 năm xa quê hương, cùng với những thành công trong tiến trình hội nhập xã hội mới, vẫn tha thiết với nguồn suối văn hóa dân tộc.

Bằng phỏng vấn, trích dẫn, mời viết bài... *Thế Kỷ 21* số 5 bắt đầu giới thiệu một loạt các khuôn mặt trẻ (từ 18 tới 30 tuổi) ở khắp nơi: California, Canada, Úc, Pháp...

Sự xuất hiện đông đảo và đa dạng này cho phép chúng ta tiên liệu một tiền đồ tươi sáng cho tiếng Việt ở bên ngoài nước Việt Nam - một "nước Việt lớn" (Đại Việt) theo lời sử gia Phạm Cao Dương.

THẾ KỶ 21

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

14841 Moran St.
Westminster, CA 92683
USA
ĐT: (714) 892-9414
Fax: (714) 894-1381

Chủ nhiệm:
ĐỖ NGỌC YẾN

Chủ bút:
VƯƠNG HỮU BỘT

Chủ biên văn học:
NGUYỄN XUÂN HOÀNG

Chủ biên biên khảo:
LÊ ĐÌNH ĐIỂU

Giám đốc mỹ thuật:
NGUYỄN ĐỒNG

Giám đốc trị sự:
TÂM QUYÊN

Trong số này

Nguyễn Hữu Chung
Hòa giải/ 4
Nguyễn Thiếu Nhẫn
Khi thế kỷ 20 rơi những tờ lịch cuối/ 7
Lê Đình Điểu
Tuổi trẻ nói với.../ 8
Tiểu Uyển
Thư viện Diên Hồng/ 12
Hoàng Mai Đạt
Chuyện một đêm trăng/ 16
Hoàng Từ Dương
Nơi chốn của người vắng mặt/ 24
Hoàng Nha Trang
Cuộc đàm thoại ở quán cà phê/ 27
Trần Vũ
Chiếc dương cầm/ 32
+ Thơ Thường Quán, Ngu Yên Trần Văn Nam
Phạm Thị Xuân Anh
Đứa con đất nước/ 39
Tam Trương
Chuyện mưa nắng/ 44
Đỗ Kh.
Người đàn bà bỏ chồng/ 46
+ hai bài thơ
John Knowles
Nguyễn Khanh dịch
Kẻ thù và bạn hữu của người trẻ viết văn/ 52
Nguyễn Huỳnh Mai
Xin mở rộng trái tim/ 56
Ngô Nguyên Dũng
Ý tạm/ 58
Nguyễn Hưng Quốc
Đọc thơ
Ngã trên núi khi đi vác nứa/ 63
Vũ Huy Quang
Đọc thơ Mai Thảo/ 65

Phỏng vấn
Trần Thanh Hiệp
Hai giờ với René Tavernier/ 67
David Aikman
Trịnh Y Thư dịch
Phỏng vấn A. Solzhenitsyn/ 73
Lê Đình Điểu
Hoàng Khởi Phong
Nói chuyện với Gs Nguyễn Ngọc Huy/ 80
Độc Thư
Sách trong tháng/ 86

Đọc, viết và góp ý!

Mua báo và giới thiệu với thân hữu!

Để *Thế Kỷ 21* trở thành tờ báo của chúng ta

• *Giá báo dài hạn:* Bulk Rate trong nước Mỹ: 6 số US$12; 12 số US$24; 24 số US$48; 36 số US$72 . First class trong nước Mỹ: 6 số US$18; 12 số US$36; 24 số US$72; 36 số US$108. Canada: 6 số US$20; 12 số US$40; 24 số US$80; 36 số US$120. Các nơi khác: 6 số US$21; 12 số US$42; 24 số US$84; 36 số US$126. Gửi phiếu hoặc thư đặt mua báo về 14841 Moran St., Westminster, CA 92683. ĐT: (714) 892-9414 FAX (714) 894-1381. *Quảng cáo:* Liênlạc địa chỉ nêu trên. THẾ KỶ 21: Xuất bản và phát hành bởi Công ty Người Việt (Nguoi Viet, Inc.) 14841 Moran St., Westminster CA 92683. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng, Los Angeles, California. Bài gửi cho THẾ KỶ 21 xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh / địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tiền nhuận bút tùy theo thỏa thuận giữa tòa báo và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên THẾ KỶ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của người xuất bản. Trích đăng bài của THẾ KỶ 21 phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

TUỔI TRẺ SINH HOẠT, SUY NGHĨ, SÁNG TÁC/7-46
Nhiều tác giả

Sau 15 năm lưu vong, người đọc hải ngoại nhận ra không phải chỉ có một lớp người cầm bút Việt Nam trước 75 mà giờ đây vẫn còn đang tiếp tục cầm bút trở lại. Nền Văn học nghệ thuật Việt Nam lưu vong, nói theo nhà thơ Đỗ Quý Toàn, nền văn học nghệ thuật chính thống của chúng ta đang được tiếp nối. Những người Việt ở lứa tuổi 20-30 hay những người trước đây ở quê nhà chưa từng cầm bút đang bắt đầu xuất hiện với một bút pháp mới mẻ, cái nhìn mới mẻ, suy nghĩ mới mẻ. Những Nguyễn Hoàng Nam, Hoàng Mai Đạt, Phạm thị Ngọc, Tạ Thái, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Phạm Thị Xuân Anh, Nguyễn Tấn Hưng, Mai Ly... ở Mỹ, Phan Thị Trọng Tuyến, Nguyễn Hưng Quốc, Trần Vũ... ở Pháp, Thường Quán, Hoàng Tử Dương, Hoàng Nha Trang, Hoàng Ngọc Tuấn (Nhạc)... ở Úc, Ngô Nguyên Dũng... ở Đức, Trần Sa... ở Gia Nã Đại. Đó chỉ mới là một ít người mà chúng có thể biết, còn nhiều người cầm bút khác mà ngay sáng tác đầu tay đã có thể làm sửng sốt người đọc, vẫn đang sống, làm việc để sống và viết. Chúng ta lạc quan tin tưởng ngôn ngữ Việt sẽ trường tồn.

MỖI KỲ ĐỌC MỘT BÀI THƠ/63
Nguyễn Hưng Quốc

Nhà phê bình văn học trẻ tuổi và vô cùng sâu sắc của chúng ta, kể từ số báo này, mỗi kỳ sẽ đóng góp một bài đọc thơ về những tác giả mà ông chọn theo cách riêng của ông.

HAI GIỜ VỚI RENÉ TAVERNIER, CHỦ TỊCH VĂN BÚT QUỐC TẾ/ 67
Trần Thanh Hiệp

Tháng Chín 89 Đại Hội Văn Bút Việt Nam hải ngoại sẽ nhóm họp tại Montreal, Canada. Chắc chắn sẽ là một đại hội sôi nổi. Những người cầm bút lưu vong cần một tổ chức mạnh mẽ để tranh đấu cho các nhà văn, nhà báo... chúng ta còn bị giam nhốt trong các nhà tù CSVN. Trong ý nghĩa đó, bài phỏng vấn ông René Tavernier, nhà thơ Pháp, hiện là Chủ tịch Văn Bút quốc tế của nhà báo Trần Thanh Hiệp đương kim chủ tịch Văn bút Việt Nam hải ngoại, là một cần thiết. Mặc dù bài phỏng vấn có tính cách trần tình, thân mật và thực hiện bằng tiếng Pháp, người đọc sẽ nhận được nhiều lượng thông tin giá trị.

CHÚNG TA CÓ HAI LÁ PHỔI.../ 73
David Aikman thực hiện
Trịnh Y Thư chuyển ngữ

Nhà văn lớn nhất của văn học Nga ở thế kỷ 20 đang sống lưu vong ở Mỹ, vừa hoàn thành tác phẩm mới nơi một sơn trại hẻo lánh ở Vermont. Tác phẩm *Vòng Quay Đỏ* của ông dày 5,000 trang và ông nói đó là tất cả những gì ông hằng suy tưởng. Ký giả David Aikman của báo Time đã nói chuyện với tác giả Tầng Đau Địa Ngục trong một bài phỏng vấn đầy hào hứng và phát hiện nhiều khám phá mới mẻ về một ngòi bút rất có trách nhiệm. Nhà thơ Trịnh Y Thư chuyển ngữ bài báo nói trên với một bút phóng rất "Trịnh Y Thư."

Đỗ Hùng và **Dương Như Nguyện** trả lời cuộc phỏng vấn của thế Kỷ 21 về tuổi trẻ hải ngoại và tiếng Việt.

Thơ của
Thường Quán. Hoàng Xuân Sơn
Nguyễn Hoàng Nam. Trần Sa.
Allen Ginsbergk. Ngu Yên.
Đỗ Kh.
Trần Văn Nam.
Hí họa
Gúc/ 6

Bìa và trình bày
Trúc Phượng
Minh họa
Nguyễn Thị Hợp.
Khánh Trường.
Ruth Talovich.
Kỹ thuật
Yến Trần

HÒA GIẢI

NGUYỄN HỮU CHUNG

Tháng vừa qua, người ta thấy trên nhiều báo lời tuyên bố của nhà văn Phan Nhật Nam với phái đoàn Thượng nghị sĩ Mỹ Art Torres trong khi phái đoàn này viếng thăm Việt Nam. Người ta chú ý nhiều tới lời tuyên bố của ông Phan Nhật Nam một phần vì ông đã là một người chống Cộng nổi tiếng mà những bài báo, những quyển sách xuất bản trước 1975 đã được nhiều người hưởng ứng, phần khác vì ông là một người bị giam cầm lâu nhất, lại có tiếng đồn là một người không chịu khuất phục, không hèn hạ trong ngục tù. Nhưng những lời tuyên bố của ông Phan Nhật Nam đã làm nhiều người từng ái mộ ông thất vọng. Thất vọng vì người ta cảm thấy những lời tuyên bố kia có lợi cho chính quyền Cộng sản và nhiều người cho rằng ông Phan Nhật Nam đã đầu hàng cộng sản, làm công cụ tuyên truyền cho chúng.

Theo tôi, một người tù bị hành hạ về thể xác lẫn tinh thần trong 14 năm, có đầu hàng cộng sản cũng là chuyện... thường. Nhưng tôi có đọc kỹ, đọc nhiều lần những lời tuyên bố của ông Phan Nhật Nam và tôi thấy rằng ông ta không đầu hàng. Có thể con số hơn 150 tù nhân chính trị còn bị nhốt ở Việt Nam mà ông đưa ra là không đúng, là quá thấp..., nhưng điều đó không có nghĩa là ông Phan Nhật Nam đã đưa ra một con số láo khoét để tuyên truyền cho Cộng sản, bởi vì một con người thông minh như ông đã không đưa ra con số đó nếu ông biết sự thật nó lên tới mấy mươi ngàn người. Trước 1975, ông Phan Nhật Nam tỏ ra là một người nắm vững kỹ thuật tuyên truyền. Trong cuộc phỏng vấn ông còn lý luận một cách khúc chiết, vậy thì nếu muốn tuyên truyền cho Cộng sản, ông đã không đưa ra một con số như vậy. Tôi có thể giả thuyết rằng nếu có vài chục ngàn người tù chính trị và ông Phan Nhật Nam biết điều đó, thì con số 150 ông đưa ra chỉ là một con số mỉa mai. Nhưng tôi không nghĩ vậy. Tôi nghĩ rằng ông Phan Nhật Nam thành thật vì ông ta chủ quan. Là một trong những sĩ quan bị nhốt lâu nhất, bị coi là nặng tội nhất đối với "cách mạng," là một tên tù quan trọng, được nhiều người nhắc tới v.v... Phan Nhật Nam nghĩ khi ông đã được thả thì mọi người đã được thả hết. Nhưng trong hơn 14 năm qua, không phải chỉ có một đợt sĩ quan "ngụy" học tập từ hồi 1975, mà còn không biết bao nhiêu vụ bắt bớ nữa, vì lý do chính trị, mà ông Phan Nhật Nam không biết tới. Tinh thần chủ quan của ông Phan Nhật Nam được thấy rõ trong suốt bài phỏng vấn. Nhưng chủ quan cũng phải, vì trong 14 năm cận kề cái chết, lúc nào cũng phải tranh đấu để sống còn và nhất là để giữ gìn ý chí của mình, con người chẳng những trở nên chủ quan mà còn tự kỷ. Vì vậy, không nên trách ông Phan Nhật Nam về điểm này, vả lại nó cũng không quan trọng. Điểm quan trọng hơn là việc tư tưởng ông Phan Nhật Nam bị "điều kiện hóa" mà ông KHÔNG BIẾT. Con người cũng như mọi sinh vật, phản ứng tùy hoàn cảnh (hay môi sinh). Con người cao hơn mọi sinh vật ở chỗ có ý thức. Nhưng trong con người còn có vô thức. Trong mọi hoàn cảnh, dù ý thức được ảnh hưởng bên ngoài, dù ý chí mình muốn chống lại những ảnh hưởng đó, con người cũng có những thay đổi mà mình không biết. Chỉ có những người đã tu luyện để đạt được cái TRI cái GIÁC của Phật, của Thánh, thì mới mong thoát khỏi ảnh hưởng của hoàn cảnh. Ý thức của Phan Nhật Nam còn rất mạnh mẽ nên ông đã nói: "Họ nghĩ tôi đã đầu hàng, đã bị tẩy não để được tự do." Tôi tin ở ông Phan Nhật Nam khi ông nói điều này. Tôi tin rằng Phan Nhật Nam đã không đầu hàng. Nhưng ông Phan Nhật Nam như người bị bắt ngồi trong một căn phòng tối, nhìn vũ trụ qua một khung

cửa sổ, trong 14 năm, chỉ thấy những gì hiện ra trong khung cửa, ông ta đã bị "điều kiện hóa," điều mà ông ta không ý thức được.

Trong 14 năm tù, dù không đầu hàng Cộng sản, ông Phan Nhật Nam cũng phải chấp nhận chúng như một thực tế quyền lực duy nhất vì chúng định đoạt sinh mạng ông, cho ông ăn, hay bắt ông nói. Ông không chấp nhận chúng thì ông chấp nhận ai vào đó? Ông đã phải thần phục cái quyền lực đó trong 14 năm, và hôm nay tuy đã được thả ra khỏi những nhà tù nhỏ ở Việt Bắc, ông vẫn còn bị giam trong cái nhà tù lớn là Việt Nam, thì trong thực thế, ông vẫn còn thần phục chúng, như ông đã tuyên bố "bạn không nói chuyện với Cộng sản thì nói chuyện với ai bây giờ. Đó là thực tế." Ông Phan Nhật Nam chưa có không khí tự do để thở, chưa có khoảng trống mênh mông để bay nhảy, chưa có 4, 5 đài truyền hình để xem mỗi ngày, ông ta vẫn thấy những gì lởn vởn trong khung cửa sổ nên đã tuyên bố là "trong tương lai, không có thế lực chính trị nào có thể thay thế Cộng sản, chỉ có Cộng sản tự lột xác... vì thế chúng ta phải nói chuyện với Cộng sản..." Ý kiến nầy quá chủ quan vì nó đi từ giả thuyết "không có thế lực chính trị nào có thể thay thế Cộng sản" đến một dự phóng mơ hồ "Cộng sản tự lột xác" mà người ta không biết hình thù và tâm tính ra sao để cổ võ việc phải hợp tác với Cộng sản. Nói chuyện thì nói, ai đang ở Việt Nam thì phải nói chuyện với chính quyền Cộng sản, tôi gặp tên Cộng sản thì tôi cũng nói (sợ gì?), nhưng NÓI CHUYỆN theo cái ý ông Phan Nhật Nam (nghĩa là hợp tác) thì tôi không làm vì tôi không tin những giả thuyết chủ quan của ông. Ý kiến này có vẻ đúng vào năm 1988. Qua năm 1989, nó không còn đứng vững nữa vì người ta thấy ở Ba Lan Cộng sản không lột xác mà bị thay thế, ngược lại ở Trung hoa, Cộng sản như rắn lột da, cái xác và nọc độc vẫn còn y nguyên.

Những điều tuyên bố của ông Phan Nhật Nam làm tôi quan tâm nhất là khi ông nói về những Việt kiều về thăm nhà. Ông nói: "những người về đây được chúng tôi coi là những người hòa giải. Tệ hại nhất là khi họ trở lại nước ngoài với cộng đồng của họ, họ lại bị chỉ trích nặng nề. Đây là điều chủ quan khắt khe hoàn toàn. Xin đừng làm thế bởi vì đối thoại là đối thoại giữa hai con người với nhau." Ở đây, tôi hoàn toàn không đồng ý với ông Phan Nhật Nam khi ông muốn làm "luật sư cho quỷ đỏ (avocat du diable). Vì bị "điều kiện hóa" trong 14 năm, ông Phan Nhật Nam thần phục Cộng sản là điều đương nhiên và bắt buộc, nhưng những người đã ra đi năm 1975, đã hưởng bao nhiêu tự do, những người đã đi sau, đã chịu không biết bao nhiêu khổ đau và tủi nhục trên con đường vượt thoát, những người đó sao lại trở về thần phục Cộng sản? Việt kiều về nước khi đã XIN và ĐƯỢC cộng sản cho về, XIN PHÉP và CHO PHÉP, như khi tôi xin chủ tôi một ngày nghỉ và chủ tôi cho vậy. Cho tới ngày hôm nay, ai về nước là thần phục cộng sản, là phản bội linh hồn các chiến sĩ, bạn bè, anh em. Không có chuyện hòa giải vì làm gì có vấn đề hòa giải. Hòa giải, theo tôi hiểu, là tìm một giải pháp chấm dứt xung đột, nhứt là xung đột bằng võ lực, giữa hai phe chống đối nhau vì tư tưởng, vì lập trường, vì quyền lợi riêng, nhưng phải ngưng chém giết vì đã mệt mỏi, vì quyền lợi chung của dân tộc, của tổ quốc v.v..., trong hoàn cảnh lực lượng hai bên còn cân bằng, không bên nào có thể tiêu diệt bên nào. Sau khi đã hòa giải, phải đi đến hòa hợp, nghĩa là tìm một phương thức chính trị để chung sống hòa bình với nhau, nhân nhượng những quyền lợi về kinh tế, trong khi mỗi phe không bắt buộc phải từ bỏ lập trường, tư tưởng, văn hóa v.v... Việc hòa hợp để sống chung hòa bình có kéo dài hay không tùy thuộc nhiều yếu tố quân sự, kinh tế, văn hóa và nhứt là phương thức chính trị áp dụng. Nếu nó thành công thì thời gian sẽ giúp xóa dần những dị biệt ban đầu và đẩy xa những nguy cơ tái xung đột bằng võ lực. Đó là lý thuyết. Trên thực tế, trước 1975 miền Nam Việt Nam phải nêu vấn đề hòa giải hòa hợp để giành lấy chính nghĩa hòa bình, đồng thời tránh nguy cơ tan rả của quân đội miền Nam khi người Mỹ bỏ đi. Năm 1975, miền Nam đã bại trận, lực lượng đã bị tiêu diệt, cả trăm ngàn người bị bỏ tù, cả triệu người chạy khỏi xứ, làm gì có chuyện hòa giải giữa người Cộng sản và người không Cộng sản. Đảng Cộng sản là đảng duy nhất cai trị ở Việt Nam bằng công an và vũ lực, trong 14 năm qua. Họ muốn bắt ai thì bắt, thả ai thì thả, không cần xét xử. Việc họ phóng thích những tù cải tạo không phải là một hành động hòa giải. Đó có thể là một cử chỉ nhân đạo hay một hành động tuyên truyền, cũng như khi người ta bố thí cho kẻ khác. Thực tế là như vậy. Còn trên phương diện lý thuyết, chưa có một văn kiện nào của đảng cộng sản hay của chính phủ Hà Nội tuyên bố một chính sách hòa giải hay kêu gọi những "cựu ngụy quân, ngụy quyền yêu nước" trở về hòa giải với đảng để tái thiết xứ sở.

Đảng Cộng sản Việt Nam đang thua nặng, đang cúi đầu nhục nhã trước nhân dân Việt Nam và thế giới, nhưng điều đó không có nghĩa là nó sẽ buông tha nạn nhân của nó, nó sẽ giác ngộ. Trái lại nó là một trong những đảng Cộng sản cổ hũ nhất, giáo điều nhất và ngoan cố nhất. Việc đảng CSVN cử Đỗ Mười làm thủ tướng chính phủ đã chứng tỏ điều đó. Để cứu

vãn nền kinh tế đang khánh tận, để tránh nội loạn, để tự cứu, Cộng sản Việt Nam đã bắt chước các đảng Cộng sản đàn anh đổi mới và cởi mở. Nhưng đổi mới cái gì, cởi mở cái gì? Việc trai gái tha hồ nhảy đầm, việc gái điếm đứng đầy đường Sàigòn không phải là cởi mở. Việc Hà Nội chạy theo Mỹ xin bang giao để xin viện trợ không phải là cởi mở. Không hề có cởi mở chính trị ở Việt Nam, bởi vì chính tờ báo *Văn Nghệ* của hội các nhà văn Cộng sản, chỉ vì đăng có mấy truyện ngắn châm biếm, mà chủ bút đã bị cất chức. Cộng sản Việt Nam có đổi mới chút ít chính sách kinh tế như từ, bỏ độc quyền quản trị mọi ngành sản xuất, cho dân chúng tự do buôn bán, cho nông dân tự do cày cấy, kêu gọi ngoại quốc đầu tư v.v..., điều mà cộng sản Tàu đã làm mười năm qua. Và điều mà cộng sản Tàu vừa làm hôm tháng Sáu trên công trường Thiên An Môn, cộng sản Việt Nam cũng sẽ làm y hệt trong tương lai. Nói hòa giải là hiếp dâm từ ngữ! *Đối với một người Việt Nam, vấn đề chính trị, ở Việt Nam hôm nay không phải là vấn đề CÒN LẠI của cuộc chiến tranh Nam Bắc, không phải chỉ có chuyện tù cải tạo, chuyện đoàn tụ gia đình O.D.P, chuyện mấy cái hài cốt lính Mỹ. Đó là những vấn đề của một chế độ chính trị lạc hậu đã gây khổ đau cho 50 triệu người Việt Nam ở miền Nam lẫn miền Bắc và đang là một trở ngại cho sự phát triển của cả dân tộc.*

Tư tưởng và ngôn ngữ của ông Phan Nhật Nam bị "điều kiện hóa," vì vậy ta không nên trách ông hay nghi ngờ ông. Tôi không quen biết ông Phan Nhật Nam, nhưng qua bài phỏng vấn mà tôi được đọc, tôi thấy, trong ý thức, ông Phan Nhật Nam vẫn cố gắng giữ tư cách và phong độ của mình. Ông còn hơn rất nhiều người đã từng được ngồi ở cấp lãnh đạo quốc gia và chỉ huy quân đội, đã làm hao tốn không biết bao nhiêu xương máu của chiến sĩ và đồng bào, ngày nay đang phè phỡn ở chốn tự do, nghe chủ cũ động dao động thớt muốn lập bang giao với cộng sản Việt Nam, đã hí hửng tuyên bố muốn trở về đầu tư, hòa giải v.v... Những người vô liêm sỉ đó mới thật đáng trách.

NGUYỄN HỮU CHUNG
89/8/22

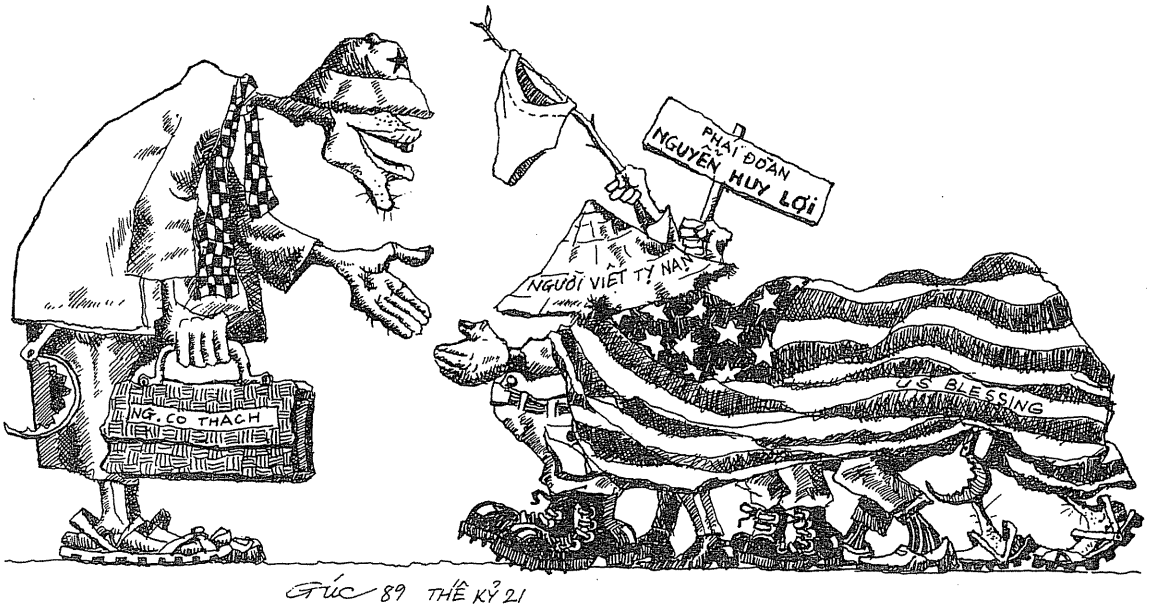

GÚC 89 THẾ KỶ 21

Khi thế kỷ hai mươi rơi những tờ lịch cuối

Con yêu dấu
Khi thế kỷ 20 rơi những tờ lịch cuối
Con đã là một học sinh trung học
Rồi con sẽ vào đại học
Cũng như mọi người ở Xứ Cơ Hội này con cũng cần phải có cấp bằng
Ba không mong con nổi tiếng thần đồng
Ba chỉ mong con học được những điều nghĩa nhân, liêm sỉ
Và hãy sống một cuộc đời đáng sống
Cứ hội nhập nhưng đừng quên dòng giống
Như người Hòa Lan hàng trăm năm ở Pella
Cứ mỗi năm làm lễ rước Nữ Hoàng khi tulip rộ mùa hoa.
"Ôi tội nghiệp Sicily.! Chưa bao giờ có Tự Do, người dân khốn khổ.
Công lao động quá rẻ. Và máu rơi quá dễ..."
Nếu là nhà văn con hãy bắt chước nhà văn Mario Puzio viết những dòng như thế
khi nói về quê hương yêu dấu Việt Nam.
Nếu vì tranh đấu cho Tự Do, Công Bằng, Nhân Ái mà phải bị tù đày
Con hãy sống như Doãn Quốc Sĩ, Phan Nhật Nam,
những nhà văn của Liêm Sỉ.
Hãy nói những tiếng nói bất khuất
của Trần Dần chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ
của Phùng Quán dùng dao khắc thơ trên đá;
của Vũ hoàng Chương than vãn cỏ bờ Anh Vũ chẳng ai chơi;
của Nguyễn Chí Thiện thét lên từ dáy vực:
"Nếu nhân loại mọi người đều biết Cộng sản là gì, tự nó sẽ tan đi.";
Như Nguyễn Mậu Lâm với lời kêu gọi thức tỉnh lương tri:
"Mọi giấc mơ hoa đều có tội!";
Như lời tuyên bố sắc như dao của Từ và Nhã:
"Sẽ viết, nhưng không phải ở đây!"
Và biết bao nhà văn, nhà thơ anh dũng mà ba không được biết...
Đừng bắt chước những thằng nịnh bợ, "ăng ten" ở trại tập trung
Qua xứ tự do vỗ ngực xưng danh là kẻ anh hùng.
Đừng, con hãy đừng làm phường dối mạt
Con có thể dối mọi người nhưng con làm sao dối lương tâm con được.
Nếu là chiến sĩ con hãy noi gương Lê Quốc Quân, Trần Văn Bá
những Kinh Kha thời đại, hiên ngang đi vào đất Tần bất trắc.
Con yêu dấu,
Khi thế kỷ 20 rơi những tờ lịch cuối
Có thể con không nhớ hết, không làm được những điều ba nói hôm nay
Mà có cần gì. Con cứ sống thẳng ngay.
Con cứ sống, cứ làm những điều mà con cho là đúng.
Ba già rồi! Ba đã lỗi thời rồi!
Ở đâu. Thời nào chả vậy.
Người ta sống với Yêu Thương và Lẻ phải.

NGUYỄN THIẾU NHẪN
6/89

Tuổi 20 nói với ...

Dân tộc ta dư thừa dũng cảm Cái chúng ta cần là dân trí

LÊ ĐÌNH ĐIỂU thực hiện

Lê Cẩm Thạch, 26 tuổi, kỹ sư điện (cao học), trưởng nhóm Thư Viện Lê Quý Đôn, trả lời phỏng vấn của Thế Kỷ 21

LTS. -- Chỉ còn 10 năm nữa là hết thế kỷ 20. Và 10 năm đó chồng chất lên vai những thế hệ 40, 50, đủ nặng để đẩy lui những người này vào "tuyến hai" (mượn chữ của Đặng Tiểu Bình để chỉ vai trò thứ yếu của lớp người "đi trước" trên đường dài lịch sử). Bước vào thế kỷ 21, công việc quản trị và lãnh đạo (cộng đồng cũng như đất nước) phải và nên *nằm trong tay những người hôm nay còn ở lứa tuổi 20, 30.*

Hãy thử lắng nghe tuổi 20, 30 nói với... mọi người (lại mượn ý của Nhất Hạnh" nói với tuổi 20").

Thế Kỷ 21 *gửi thư phỏng vấn năm người trẻ, ở năm tiểu bang nước Mỹ.*

Kỳ này, chúng tôi giới thiệu những phát biểu của Lê Cẩm Thạch. Các kỳ tới sẽ có tiếng nói của Chử Tam Anh, Vương Hồng Hà, Đỗ Hùng, Dương Như Nguyện. Chúng tôi hy vọng tiếng nói của những người trẻ này sẽ có nhiều hồi âm.

Loạt phỏng vấn này do Lê Đình Điểu thực hiện.

Hỏi: Xin anh cho vài nét tiểu sử.

Đáp: Sinh năm 1963 tại tỉnh Bình Định, Việt Nam, trong một gia đình đông con. Lớn lên trong không khí chiến tranh khốc liệt ở miền Trung. Thủa nhỏ, có một thời mê đi hái keo ở trường Cường Để, Quy Nhơn (của thầy Nguyễn Mộng Giác trong truyện *Bèo Giạt.)* Vượt biển năm 1979, tạm trú tại trại tị nạn Galang, Nam Dương, và cuối cùng định cư tại thành phố Memphis, Tennessee, năm 1980. Ở Mỹ, học các trường Christian Brothers College, Memphis, Tennessee và Purdue University, West Lafayette, Indiana. Đỗ bằng cao học ngành kỹ sư điện năm 1986. Hiện đang làm việc tại thị xã El Segundo, California. Thích cuộc sống ngoài trời và không khí miền biển. Mê hội họa.

Hỏi: Anh chuyên về ngành nào? Đang làm việc gì?

Đáp: Chuyên về các ngành Người máy (Robotics), Mắt điện toán (Computer Vision,) Thông minh nhân tạo (Artificial Intelligence) và Hệ thần kinh nhân tạo (Artificial Neural Networks.) Công việc bao gồm nghiên cứu và áp dụng các kỹ thuật kể trên vào các hệ thống có liên quan đến vệ tinh nhân tạo và kỹ thuật không gian nói chung.

Hỏi: Anh có hài lòng với công việc hiện tại không?

Đáp: Tôi rất hài lòng với công việc hiện tại. Về phương diện kỹ thuật, tôi cảm thấy có đầy đủ phương tiện và cơ hội để học hỏi và theo đuổi các ngành mình thích. Về phương diện thăng tiến nghề nghiệp, tôi chưa gặp một trường hợp bị kỳ thị nào.

Hỏi: Anh nghĩ sao về hội nhập (Integration) và bản sắc (Identity)?

Đáp: Chúng ta không thể sống như người bản xứ được, vì lối sống đó sẽ không thỏa mãn được chúng ta là những người có quá khứ, tập tục, lịch sử, văn hóa, ngôn ngữ và những nhu cầu khác xa họ. Nhưng với hoàn cảnh của những người di cư, mức độ hội nhập sẽ đo lường sự thành công của chúng ta trước một xã hội với những luật sống mới.

Mới nhìn sơ qua, sự hội nhập vào xã hội mình đang sống và sự giữ gìn bản sắc của dân tộc mình là hai điều nên làm, nhưng có vẻ chống đối lẫn nhau khi mang ra thực hành. Nếu chúng ta quá tích cực trong sự hội nhập, chúng ta mất đi nhiều bản sắc. Và ngược lại, nếu chúng ta quá cố giữ cái bản sắc của chúng ta, thì sẽ khó mà hội nhập vào cuộc sống mới.

Hỏi: Bản sắc và hội nhập có đối kháng đến độ không "hòa hợp hòa giải" được không?

Đáp: Theo tôi, hai vấn đề này là một nếu chúng ta nhìn dưới một góc cạnh khác với tinh thần cầu tiến: giữ những điều hay và loại bỏ những cái dở của cả ta lẫn người. Bản sắc của dân tộc do tiền nhân để lại giúp chúng ta dùng làm nền tảng để phát triển và hoàn bị hơn từ những tinh hoa thu thập được, chứ không phải để khư khư giữ lấy rồi mỗi ngày càng thụt dần trong bóng tối. Vả lại, của người chưa hẳn là đã hoàn hảo, nhất là khi thế giới phương Tây đang bị một cuộc khủng hoảng đạo đức như hiện nay. Tôi tin rằng chúng ta có thể hơn người nếu chúng ta biết kết hợp cả hai tinh hoa Đông Tây. Ví dụ như sự kết hợp của tinh thần cần cù, kiên nhẫn, chịu học hỏi (mà bằng chứng là sự thành công của sinh viên học sinh Việt Nam trên khắp thế giới) và tinh thần doanh nhân (Entrepreneur) của người Mỹ chẳng hạn.

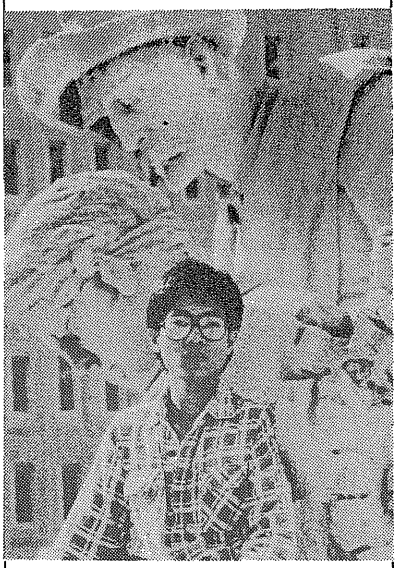

Hỏi: Lý thuyết thì xuôi, nhưng thực hành được không?

Đáp: Tất nhiên sẽ có nhiều vấn đề mà sự thẩm định giá trị sẽ không đơn giản. Nhưng các vấn đề đó nếu được đem ra bàn cãi, thảo luận giữa chúng ta và với sự thử thách của thời gian sẽ dần dần được giải quyết. Đây là một phương diện, mà báo chí cũng như các cơ quan truyền thông có thể đóng góp một cách tích cực, như Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh đã làm trong những ngày đầu của cuộc gặp gỡ Đông Tây của dân tộc ta.

Hỏi: Nếu chính phủ Hà Nội mời anh giúp với một hình thức nào đó, anh nghĩ sao?

Đáp: Là một người được chứng kiến những bước chân bảy dặm của nền khoa học kỹ thuật loài người ở cuối thế kỷ 20 này, và nhìn thấy sự thụt lùi của dân tộc trước lân bang và thế giới, tôi đau lòng và nôn nóng muốn đóng góp xây dựng quê hương, nhất là trong phạm vi chuyên môn của mình. Nhưng nếu chúng ta nhận lời giúp chính phủ Hà Nội xây dựng kinh tế là chúng ta chỉ chữa cái mụt ngoài da chứ không chữa cái bệnh trong tim phổi. Cái nguyên nhân chính của sự nghèo nàn lạc hậu của đất nước hiện nay là do đảng Cộng Sản Việt Nam gây ra chứ không phải vì đất nước ta thiếu tài nguyên hay nhân tài.

Hỏi: Nếu Cộng Sản Việt Nam thay đổi...?

Đáp: Mặc dầu hiện tại, chính phủ Hà Nội tuyên bố chính sách "cởi mở," "đổi mới," nhưng liệu chúng tôi, những người trong lứa tuổi hai mươi nhiều nhiệt huyết nhưng ít kinh nghiệm, có đám tin vào một tập đoàn có một quá khứ thủ đoạn và dã man, như thế hệ 45, 54, 75 đi trước của chúng tôi đã tin không? Riêng tôi không dám tin nhưng con người của lứa 80 tuổi từng trải qua 50 năm gian dối, lừa đảo, có thể một sớm một chiều mở tay chấp nhận dân chủ, ngưỡng mộ nhân bản.

Hỏi: Nếu đó chỉ là "hư chiêu" của Cộng Sản Việt Nam, chúng ta phải làm gì?

Đáp: Tôi nghĩ là trong thế cùng hiện nay, chính phủ Hà Nội đang liều lĩnh dàn một ván cờ mới với hy vọng thoát ra ngõ bí, một ván cờ mà sẽ có kẻ thắng và người thua. Để thắng

ván cờ này, chúng ta phải tập trung nhiều đầu óc lại với nhau, thường xuyên học tập kinh nghiệm, phân tích tình thế, biết địch, biết ta, phác họa chương trình hành động lâu dài và phản ứng quyết liệt đồng nhất. Chúng ta có thể dùng tiềm năng kinh tế, kỹ thuật, ảnh hưởng chính trị của người Việt hải ngoại, và sự bất mãn của đồng bào bên nhà để làm áp lực, đạt mục tiêu tối hậu. Trốn tránh đối diện, sợ hãi kẻ thù quá đáng, không phản ứng, hoặc phản ứng lẻ tẻ là coi như chính phủ Hà Nội đã thành công.

Hỏi: Đó là quan niệm. Còn phương thức?

Đáp: Trước hết, tôi nghĩ cần nhìn rõ một điểm yếu của chúng ta. Đó là sự thiếu đoàn kết, nạn bè phái, nghi kỵ, và khủng hoảng lãnh đạo giữa chúng ta hiện nay. Theo tôi, chúng ta có thể khắc phục được điểm yếu này bằng cách tạo một môi trường sinh hoạt có một nền móng cơ cấu dân chủ để bảo đảm sự phản ánh nguyện vọng của đại đa số. Một môi trường như vậy, vì thỏa mãn được nhu cầu của đại đa số, sẽ lôi kéo được số đông quần chúng tham gia. Một tập hợp đông và dân chủ, cộng thêm với sự chọn lựa lãnh đạo qua nhiều thử thách từ dưới lên trên, dựa trên thành quả thiết thực và kiến thức uyên bác (thay vì bằng cấp hay quá khứ) sẽ tìm được một tập hợp lãnh đạo giỏi và được sự tin cậy của mọi người. Và như vậy, hy vọng chúng ta có một thực lực khả dĩ đối đầu với đảng Cộng Sản Việt Nam một cách hữu hiệu.

Hỏi: Người ta nói rằng Cộng Sản đang suy yếu, khỏi đánh cũng đổ. Anh thấy sao?

Đáp: Sự suy kém rõ rệt của chế độ Cộng Sản Việt Nam hiện nay đang cho chúng ta một cơ hội bằng vàng. Chúng ta không thể thờ ơ. Tôi không tin câu "Bất chiến tự nhiên thành."

Bài hát của người mới qua đời

Mới nghe người ấy hát đây
Hôm nay nghe tin người đã về trong đất
Một mình. Tan rã. Và biến mất
Người sẽ hóa thân là cỏ, là cây?
Là cát, là đá, là gió, là mây?
Tỷ triệu năm sau lại được làm người?
Ẩn mật ấy nào ai được biết
Chỉ có một điều chứng minh bằng sự chết
Ngày hôm nay sẽ là ngày hôm qua
Ngày mai chúng ta sẽ ra đi biền biệt
Chúng ta, những kỳ diệu của vũ trụ trong tỉnh cờ hội ngộ
Sau cuộc sum vầy này
Là vĩnh viễn chia ly
Mỗi người một mộ đất vô tri
Im lìm cách biệt thiên thu
Hoang mang hẹn hò hóa kiếp
Chúng ta, những kẻ sống chỉ một lần
Những ong bướm của trần gian
Vẫn lãng phí đời nhau với những điều vô lý
Những lo âu, sợ hãi, oán thù
Những tiếc nuối, khổ đau, đuổi bắt
Những có, không, còn, mất, chấp, tranh
Còn ba mươi năm, hai mươi năm, mười năm...
Rồi như lá vàng rơi...
Người mang gì theo trong lúc qua đời?

Mới nghe người ấy hát đây
Hôm nay người đã nằm trong đất
Bài ca hôm qua thay lời trăn trối
Đừng biến Hạnh Phúc thành niềm thống khổ
Sau cuộc sum vầy này
Là vĩnh viễn chia ly.

TRẦN SA

Lỗ Cộng Sản Việt Nam đổ, nhưng thay vào đó một chính quyền thân Trung Cộng thì sao? Chúng ta phải sáng suốt, dẹp bỏ tị hiềm, giành thế chủ động để khôi phục quê hương.

Hỏi: Anh thấy học sinh, sinh viên Việt Nam ở Mỹ (và ở khắp nơi trên thế giới tự do) nên hướng về những ngành học nào? Tại sao?

Đáp: Hiện tại đất nước Việt Nam đã hoàn toàn phá sản. Để xây dựng lại một Việt Nam trong tương lai, chúng ta sẽ cần nhiều chuyên viên hầu như từ mọi ngành. Nhìn chung, phần đông sinh viên Việt Nam tại hải ngoại theo đuổi những ngành mà xã hội đang sống đòi hỏi mạnh mẽ như kỹ sư, y khoa, điện toán, để được trọng dụng khi ra trường. Điều này có vẻ như không được hoàn toàn lắm, nhưng tôi nghĩ nó không đặt ra vấn đề gì nghiêm trọng mấy.

Hỏi: Nghĩa là không cần thúc đẩy họ theo học các ngành nhân văn?

Đáp: Với một lực lượng chuyên viên về các ngành kỹ thuật cao lớn như vậy, nếu biết dùng một cách đúng đắn, chúng ta có thể dễ dàng vượt qua hầu hết các nước Đông Nam Á và có cơ bắt kịp Đài Loan, Singapore và Nam Hàn. Dùng sự thành công ở các ngành kỹ thuật cao này làm đòn bẩy đẩy các ngành khác trong những năm đầu của cuộc xây dựng đất nước. Nhu cầu thúc bách cho các ngành khác sẽ tạo một lớp chuyên viên mới về những ngành đó. Điều quan trọng là phải có một cơ cấu kinh tế, có một chế độ tưởng thưởng phản ánh luật cung cầu.

Hỏi: Có cần, và có thể, làm một cuộc vận động kết hợp tuổi trẻ Việt Nam hải ngoại?

Đáp: Học sinh, sinh viên và chuyên viên Việt Nam tại hải ngoại hiện nay có thể thành lập các hội của các ngành chuyên môn như khoa học, kỹ thuật, kinh tế, chính trị, doanh thương, vân vân. Ngoài sự học hỏi tương trợ lẫn nhau, hội viên có thể nghiên cứu, phác họa những chương trình có liên quan đến tương lai Việt Nam, mở rộng diễn dàn tranh luận, tạo sự liên kết giữa các hội chuyên môn khác nhau. Như vậy chúng ta sẽ biết rõ thực lực của mình và có thể sẵn sàng đối phó kịp thời và hữu hiệu với tình hình đổi thay.

Hỏi: Lúc nãy anh có nói đến vấn đề dân chủ trong việc xây dựng thực lực. Làm sao có tự do dân chủ?

Đáp: Vấn đề tự do dân chủ rất quan trọng. Nó sẽ bảo đảm một cơ cấu phản ánh được nhu cầu của đại đa số và một màn lưới lọc đãi nhân tài rất hữu hiệu. Các chế độ không dựa trên nền móng tự do dân chủ sẽ không tiến nhanh được và sẽ mang lại nhiều khó khăn về lâu về dài. Mười năm trước người Trung Hoa ủng hộ để Đặng Tiểu Bình là một lãnh tụ cấp tiến được cầm quyền, nhưng nếu mười năm trước họ tranh đấu cho một chế độ thực sự tự do dân chủ thì đã không có một cuộc thảm sát tại Thiên An Môn.

Hỏi: Theo anh, người Việt chúng ta có thể có sinh hoạt tự do dân chủ đích thực không?

Đáp: Người Việt chúng ta trong quá khứ không có một lịch sử lâu dài về sự tự do dân chủ. Do đó chúng ta phải bắt đầu bằng những bước đi tập tễnh nhỏ nhất. Bắt đầu bằng cách nhận thức đúng đắn về ý nghĩa của nó và mang ra thực hành khắp mọi tầng lớp từ những hội đoàn có trên hai người. Vấn đề này đòi hỏi sự tham gia rộng rãi và có trách nhiệm của mọi người. Các cơ quan truyền thông và các hội đoàn có thể phát động và đẩy mạnh tinh thần này.

Hỏi: Làm sao cho dân Việt Nam sống ấm no, hạnh phúc?

Đáp: Dân trí cao. Tôi tin như cụ Phan Chu Trinh tin. Dân tộc ta dư thừa dũng cảm. Cái chúng ta cần là dân trí. Nhìn lại lịch sử đẫm máu hơn hai trăm năm qua, từ vua nhà Nguyễn khư khư bảo thủ "bế quan tỏa cảng" bỏ ngoài tai lời điều trần của Nguyễn Trường Tộ, cho đến sự vội vã theo Việt Minh, cho đến sự ngây thơ tin Cộng Sản, cho đến sự ngu ngơ dựa vào Mỹ, đều cho thấy chúng ta thiếu hiểu biết, thiếu một tầm nhìn xa, và lúc nào cũng bị các thế lực khác cuốn đi. Một dân tộc dũng cảm với một dân trí cao sẽ có đủ bản lĩnh để vượt qua bất cứ cạm bẫy hay hiểm trở nào.

Hỏi: Câu hỏi cuối, hơi tò mò một chút, người bạn đời lý tưởng của anh cần những điều kiện gì?

Đáp: Hình như tôi không có mẫu người lý tưởng. Những người tôi thích nhiều khi rất khác xa nhau. Nhưng có một điều chắc chắn là tôi thích những người có thể chia sẻ được những triết lý sống của tôi.

BLUE SKY TRAVEL

9061 Bolsa Ave, Suite 201
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 895-5411 / 895-6153
GIÁ VÉ THẤP NHẤT

"BÚT ĐÀM" VỚI THƯ VIỆN DIÊN HỒNG THƯ VIỆN LÊ QUÝ ĐÔN

TIÊU UYÊN thực hiện

LỜI GIỚI THIỆU: Mời các bạn độc giả theo dõi cuộc phỏng vấn, hay "bút đàm" với Thư viện Diên Hồng (ở Paris) do nhóm Thư viện Lê Quý Đôn thực hiện vào tháng 9-88. Hai tháng sau khi gửi thư phỏng vấn, nhóm Thư viện Lê Quý Đôn nhận được thư trả lời của anh Nguyễn Đại Bằng, ủy viên sinh hoạt văn hóa của nhóm Thư viện Diên Hồng.

Hỏi: Xin anh cho biết mục đích của Thư viện Diên Hồng?

Đáp: Mục đích của TVDH gồm:

- Bảo tồn, truyền bá, và nếu có thể, phát triển văn hóa Việt Nam.
- Tạo một môi trường sinh hoạt cho tuổi trẻ Việt Nam.

Văn hóa, đối với TVDH, phải thể hiện tính cách nhân bản, tuy đa nguyên nhưng không được hoàn toàn trở thành ngoại lai, và nhất là không độc tôn, độc đoán. Bảo tồn, truyền bá, phát triển văn hóa là để cho những người ở hải ngoại có thể tìm, biết, và hiểu về nguồn gốc của mình, lấy đó mà nương tựa hầu có thể tìm lấy một lối sống tin yêu, thoải mái, là để cho những người ở quốc nội mai sau có thể tìm về di sản văn hóa nhân bản Việt Nam.

Tuổi trẻ là hy vọng của giống nòi, là tương lai của đất nước (tuy không phải chỉ là của giống nòi, đất nước,) là sức sống đang vươn lên. Tuổi trẻ ngày hôm nay trông chỉ thấy vui chơi, phá giỡn, nhưng chẳng bao lâu, những người trẻ hôm nay sẽ là rường cột của ngày mai. Thế hệ sau này có được nhiều người hiền lương, giỏi giang làm đẹp cuộc sống hay không là do ngày hôm nay tuổi trẻ có được chăm sóc và nuôi lớn một cách lành mạnh hay không.

Lập trường của TVDH là chống lại tất cả những thể chế độc tài, phi nhân bản, và soi sáng lý tưởng trung thứ, khoan dung. Đường lối tranh đấu là làm văn hóa, đi sinh hoạt với tuổi trẻ để xây tình người.

Hỏi: Thư viện được thành lập năm nào? Vì sao lại đi đến quyết định lập thư viện?

Đáp: TVDH đã được thành lập vào tháng Sáu năm 1984 bởi một nhóm học sinh, sinh viên cùng đi cắm trại chung và cùng đi thi tú tài, lại cùng học chung một lớp Việt văn, bỗng cảm thấy thiếu một nơi có sách Việt Nam để học hỏi và gặp gỡ.

Hỏi: Lần đầu tiên nhóm lại với nhau để lập thư viện, có bao nhiêu người tham gia?

Đáp: Không đếm nên không nhớ. Đại khái chủ lực độ mươi, mười lăm người, ủng hộ viên gấp ba, gấp tư.

Hỏi: Các anh chị làm thế nào "xây dựng" được trụ sở? (Vấn đề "trụ sở" đã là một trong những khó khăn làm tụi này điên đầu!)

Đáp: Vấn đề "cắm dùi" được giải quyết suông sẻ. Nhờ có người giới thiệu, TVDH đã mượn được một căn phòng nhỏ ở Viện Việt Pháp. Nơi đó hiện tại vẫn là trụ sở của tụi này, nằm ngay trung tâm Paris trong khu sinh viên *(quartier latin)* nên rất thuận tiện cho việc đi lại.

Hỏi: Hưởng ứng của "người người" ra sao?

Đáp: Hưởng ứng ban đầu của các bạn trẻ đồng lứa rất khả quan, tuy nhiên sự ủng hộ thường bị giới hạn ở mức "chơi chung nhưng không làm chung" hoặc ở những hoạt động có giới hạn nào đó. Ngày nay, phần đông chỉ đến mượn sách hoặc đi cắm trại chung, số đến thăm thư viện cũng còn khá đông -- tuy rằng không còn được thường xuyên -- số làm việc rất kém, làm tê liệt khá nhiều phương diện hoạt động đáng lẽ phải được phát triển hoặc duy trì.

Giới phụ huynh thì có sự khích lệ tinh thần, đôi khi tài chánh, nhưng sự giúp đỡ tận tâm chỉ là ngoại lệ.

Tuy nhiên, phải nói là TVDH muốn tự lập, tự trị, tự quyết nên đã tỏ ra dè dặt trong việc tìm sự giúp đỡ của "người lớn."

Hỏi: Nhóm TVLQĐ rửa xe, bán báo... để gây quỹ mua sách, báo. TVDH gây quỹ bằng cách nào?

Đáp: Quỹ tài chánh của TVDH được chia làm hai: một để mua sách, báo phục vụ độc giả, một để dùng vào những sinh hoạt khác. Dĩ nhiên đó chỉ là nguyên tắc, khi cần, quỹ này có thể được dùng để bù đắp cho quỹ kia, nhưng sự san sẻ là điều phải cố tránh.

Hiện tại ngân khoản cho sách báo phải được đài thọ bởi chính các độc giả bằng tiền niên liễm (90FF, tương đương với $14) hoặc tam cá nguyệt liễm (30F, tương đương với $4.5.)

Tiền cho quỹ sinh hoạt thì được góp nhặt từ những cách như bán áo thun với tên TVDH (đã bỏ cách này,) tiền tặng của quý vị hảo tâm, mở trương mục tiết kiệm lấy lời, mở dạ vũ (hai

lần một năm.) Đặc biệt là tụi này đã một lần liều in sách! Thực ra sách bán lỗ vốn, nhưng vì sách in ra có ích cho sự hội nhập của người Việt tị nạn trong xã hội Pháp nên được một cơ quan chính phủ tài trợ, nhờ vậy nên cuối cùng lại hóa ra lời! Xin giới thiệu thêm tựa đề của quyển sách là: *Thủ tục Hành chánh và Xã hội Pháp* -- Nếu có quý bạn nào định sang bên này lập nghiệp...

Hỏi: Tụi này nhờ rất nhiều vào những bảo trợ viên, người tặng hiện kim, người tặng sách, báo, tranh, v.v... TVDH có lẽ được nhiều vị bảo trợ?

Đáp: Ở Pháp, người ta không thể mong gì nhiều vào sự giúp đỡ của chính phủ, ngoại trừ một vài cơ hội nào đó. Phần TVDH, nhờ người giới thiệu nên được Viện Pháp Việt cho mượn một căn phòng nhỏ ba lần mỗi tuần, đó đã là một may mắn lớn. Về phía tư nhân, giúp đỡ tiền bạc là chuyện không tưởng. Cộng đồng Việt Nam ở Paris không có một nền doanh thương trù phú; vả lại ở Pháp không có truyền thống kinh tài giúp tiền cho văn hóa. Tuy đến giờ TVDH vẫn chưa đi vận động sự giúp đỡ của cộng đồng Việt Nam nhưng nếu sau này cần phải làm thì cũng sẽ chỉ hướng vào từng cá nhân hoặc nhờ vả sự bảo trợ của một hội đoàn khác cho một hoạt động nhất định. Hiện tại sự giúp đỡ cụ thể nhất là tụi này nhận được là những tờ báo tặng của một số các báo chí Việt Nam ở khắp năm châu.

Hỏi: Xin anh cho biết cơ cấu tổ chức của thư viện.

Đáp: TVDH lúc đầu gồm một nhóm bạn bè làm việc với nhau chứ không có cơ cấu gì cả. Phải khoảng một năm sau vì nhu cầu, TVDH mới hệ thống hóa tổ chức của mình. Hiện giờ TVDH có một ban chấp hành gọi là ban Thường vụ, với nhiệm kỳ một năm, để lo công việc thường xuyên. Ban thường vụ có trách nhiệm trước một hội đồng bao gồm tất cả những

Một kích thích tố cho người trẻ tham gia viết văn:

Cuộc thi viết văn mùa hè

"Quan niệm viết văn không nuôi sống được tác giả là của Việt Nam, chứ nếu viết tiếng Mỹ mà trở thành best-seller thì vẫn hốt bạc triệu," cô Hạ Yên phát biểu như vậy. "Đối với tôi, viết văn là để thỏa mãn nhu cầu tinh thần của mình, chứ không vì những lợi ích vật chất."

Cô Hạ Yên là người đoạt giải nhất trong cuộc thi viết văn hè 1988 vừa qua do nhật báo *Người Việt* tổ chức. Có tất cả 50 truyện ngắn của những người trẻ gửi đến dự thi; trong số này ban giám khảo chọn tám truyện ngắn trúng giải: một giải nhất, hai giải nhì đồng hạng, hai giải ba đồng hạng, và ba giải khuyến khích. Lễ phát giải thưởng đã được tổ chức tại tòa soạn *Người Việt* vào chiều Chủ Nhật 5-3-1989.

Ông Lê Đình Điểu, trưởng ban tổ chức cuộc thi, đưa ra một số nhận xét:

"Mục đích của cuộc thi viết văn là khuyến khích giới trẻ viết bằng tiếng Việt. Chúng tôi muốn tìm những người viết mới và tạo môi trường cho họ."

Ông Điểu ghi nhận cần phổ biến rộng rãi hơn trong các kỳ thi tới để được sự tham dự đông đảo hơn của giới trẻ ở những vùng xa.

Ông Điểu cũng nhắc lại một số các thành quả của cuộc thi viết văn lần trước -- với đề tài "Mùa Hè năm 1999..." -- mà các tác phẩm trúng giải đã được in thành một tuyển tập. Ông nói tuy tuyển tập "Mùa Hè năm 1999" không thành công về phương diện thương mãi, nhưng đã rất thành công trong việc tác động tinh thần bảo tồn ngôn ngữ Việt nơi giới trẻ.

Đại diện cho ban giám khảo, giáo sư Lưu Trung Khảo nhận xét rằng tuy cuộc thi lần này ít phổ biến hơn, nhưng số bài gửi về nhiều hơn so với lần trước.

Nói chung về những bài viết trong lần này, giáo sư Khảo ghi nhận "phần đông có nội dung tích cực, xây dựng, luôn luôn hướng về ba điều Chân, Thiện, Mỹ."

Giáo sư Khảo nói đa số truyện đều lấy bối cảnh từ cuộc sống hằng ngày ở Mỹ, và đưa ra khuyết điểm về hình thức nơi một số truyện là "văn phong không giữ được cốt tính Việt Nam, cách đặt câu áp dụng theo kiểu Mỹ," một điều khó tránh được nơi các người trẻ.

Cái nhìn của những người trẻ

Hai câu hỏi sau đây đã được đặt ra cho bốn người viết mới đoạt giải trong Cuộc Thi Viết Văn Hè 1988:

1) Qua những bài viết bạn từng được đọc trên các tạp chí văn học Việt ngữ bên ngoài Việt Nam, bạn có nhận xét tổng quát về nền văn học hải ngoại như thế nào?

2) Bạn sẽ viết như thế nào trong thời gian tới?

Hạ Yên *(giải nhất, truyện ngắn "Băn Khoăn")*, tên thật: Nguyễn Phương Hà, sinh viên năm thứ 4, ngành Computer Science, University of California, Irvine.

1) Qua những bài viết tôi được đọc, tôi thấy có đề tài phong phú. Những truyện ngắn thì hay hơn hồi trước 1975. Có lẽ hồi trước 1975 người ta thường viết *feuilleton* nên không chú ý truyện ngắn. Tôi rất thích sự xuất hiện của những người viết mới, tuy nhiều khi chỉ một lần nhưng là tác phẩm đầu tay nên

thành viên của thư viện. Hội đồng này ngoài việc bầu ban thường vụ, biểu quyết về những dự án đưa ra từ ban thường vụ hoặc từ hội đồng và giúp đỡ ban thường vụ trong những công việc nặng nhọc. Hội viên của TVDH được nhận vào theo thể thức kết nạp (nghĩa là phải được sự giới thiệu của người trong hội đồng và được hội đồng đa số chấp thuận hơn 50% tán thành.)

Vào thời kỳ vàng son, thư viện có đến 15 hội viên và khoảng gấp đôi cảm tình viên tích cực. Hiện tại tụi này gặp phải một khó khăn trầm trọng trong việc quy tụ và thay đổi nhân sự. Thế hệ mới lớn có vẻ thích tụ hội để chơi đùa thôi chứ không muốn làm việc văn hóa. Những người đi trước đã bắt đầu đụng chạm với vấn đề sinh kế nên thì giờ và sự hăng say cũng giảm đi nhiều. Vì vậy số thành viên của TVDH chỉ còn già nửa và phần đông các cảm tình viên không còn hoạt động thường xuyên với thư viện nữa.

Hỏi: Xin các anh cho biết về số lượng sách báo của thư viện.

Đáp: Về báo, tụi này không thể cho biết con số chính xác được vì nhiều quá, kể không hết. TVDH đã nhận được khoảng 40 đến 50 tờ báo đủ loại, đủ cỡ. Hiện giờ TVDH có chừng 12 tờ báo nhận được đều đặn (có chừng thôi vì không thể biết trước được rằng người ta có cúp báo kỳ sắp tới không, có báo mới nào sắp ra không v.v...)

Về sách, tụi này kiểm kê trung bình mỗi năm một lần. Rất tiếc là cuối tháng 12 năm 88 mới kiểm kê lại nên số sách đưa ra sẽ thiếu chính xác, phần vì mua sách mới (khoảng bốn tháng một lần,) phần vì sách hư, sách mất (vì tệ nạn này TVDH bắt buộc phải đòi hỏi một số tiền thế chân để phòng hờ: 150 FF, tương đương với $23.) Biện pháp này chưa biết có hiệu quả không vì mới áp dụng từ năm nay, trước đó số sách mất lên tới 10%. Đại khái tụi này có chừng 1,000 tựa sách và khoảng 1,300 quyển sách; ngoài ra, viện Việt-Pháp cho tụi này sử dụng một tủ sách có chừng 300 tựa và rất nhiều tạp chí từ thời 54-75. Nhưng độc giả không có quyền mượn các loại sách và tạp chí này về nhà.

Hỏi: Ngoài việc tổ chức một thư viện, các anh chị có những hoạt động gì khác không?

Đáp: Lúc mức phát triển của TVDH đang lên cao, tụi này có các hoạt động như thuyết trình về các đề tài "Kiều," "Kiến trúc cổ truyền Việt Nam," "Thuyền Nhân," "Nhân bản luận"... tổ chức văn nghệ, giúp đỡ các lớp Việt văn, làm liên hoan Tết Nguyên Đán, Noel hoặc tham dự những buổi văn nghệ của hội đoàn bạn, cắm trại, thể thao (lập đội bóng chuyền, đi tham dự đại hội thể thao sinh viên và kiều bào Âu Châu,) và công tác ở các trại tạm cư cho người tị nạn Việt Nam mới qua, đặc biệt một trại dành riêng cho trẻ em vô gia đình, và tổ chức Trung Thu với các hội đoàn khác.

Hiện tại chỉ có sinh hoạt thuyết trình và cắm trại là còn

họ viết hay. Tôi nghĩ truyện ngắn sau 75 hay hơn, kỹ thuật cao hơn. Có lẽ vì người ta thích viết truyện ngắn bởi lý do không có thời giờ viết truyện dài.

2) Tôi chỉ viết được truyện ngắn, tùy bút. Thơ thì không làm được. Về nội dung, tôi không biết chắc sẽ viết gì nhưng biết những gì không viết được. Hiện sinh và khoa học giả tưởng thì không có tôi. Đại khái, tôi nghĩ, những truyện ngắn sắp tới của tôi sẽ là đời sống, cái gì làm phiền mình, bắt mình suy nghĩ, thì tôi viết.

Tâm Đan *(giải nhì, truyện ngắn Đã Muộn),* tên thật: Lưu Lan Tú, sinh viên năm thứ 3, ngành Biology, University of California, Irvine. Đã có truyện đăng trên *Việt Nam Tự Do, Tiểu Thuyết Nguyệt San, Văn Nghệ Tiền Phong.*

1) Tôi không có được dịp đọc nhiều các tạp chí Việt ngữ, nên xin miễn trả lời.

2) Tôi viết về hiện tại, về cuộc sống của những người Việt Nam ở Mỹ. Tôi viết về đề tài mà tôi nghĩ có ảnh hưởng mạnh. Bố mẹ tôi luôn khuyến khích tôi bảo tồn văn hóa Việt Nam, nên hy vọng qua ngòi bút của tôi, việc này sẽ được thực hiện.

Lê Ái My *(giải nhì, truyện ngắn Ái My Hoa),* tên thật: Lê Thị Phú Thuận, sinh viên năm thứ 4, ngành Computer Science, California State University, Long Beach.

1) Tôi thấy các tạp chí Việt ngữ có quá nhiều bài viết về quá khứ. Đa số những người trẻ thích đọc những gì thuộc hoại hướng tới. Tôi thích những tác phẩm về hiện tại, hoặc hướng tới tương lai, hơn là nhắc lại dĩ vãng.

2) Vì đi học, đi làm, nên tôi không có dự định viết nhiều. Tôi dự định sẽ viết về đời sống tình cảm con người hiện tại.

Phạm Thu *(giải ba, truyện ngắn Hoang Khởi),* sinh viên năm thứ 4, ngành Chemical Engineering, California Institute of Technology.

1) Tôi thấy phạm trù của lối nhìn Việt Nam về đời sống ở Mỹ rất giới hạn. Có ít bài viết về đời sống mới, trong khi những bài viết về quá khứ thì quá nhiều. Những suy tư về quá khứ không lôi cuốn được giới trẻ tại hải ngoại.

2) Tôi nghĩ trong giai đoạn này cần phải có những tác phẩm nói về suy tư của người Việt tại hải ngoại trong thực tế hiện tại. Chẳng hạn như nói về sự giúp đỡ những người mới đến hội nhập vào đời sống mới. Hoặc về sự đụng chạm với người bản xứ.

tương đối đều đặn. Phần văn nghệ và thể thao đang cố gắng củng cố lại. Tuy nhiên, TVDH luôn luôn cố gắng giữ truyền thống ăn Tết ta với nhau nên hàng năm tổ chức một ngày hội Xuân riêng cho các hội viên, cảm tình viên, độc giả, và các bạn trẻ lớp Việt văn. Hoạt động xã hội thì hầu như tê liệt, chỉ còn làm việc lẻ tẻ hoặc nhân một cơ hội nào đó chứ không còn có dự định nào cả.

Hỏi: Xin anh cho biết những dự tính tương lai của TVDH.

Đáp: Dự tính của TVDH trong tương lai là tiếp tục làm những gì đang làm, củng cố những gì phải củng cố, và nhất là đi tìm sự tiếp tay của thế hệ 18-20 tuổi. Đó là chìa khóa của sự nối tiếp, sự tồn tại, và có thể, sự phát triển của thư viện. Không có người mang chung một niềm tin, sống chung một giây phút thì TVDH chỉ là cái xác không hồn, ai ai cũng sẽ dần dần xa lánh.

Vì vậy, tuy mục đích của tụi này có hai, trong tương lai chắc hẳn TVDH phải đặt nặng vấn đề sinh hoạt hơn vấn đề văn hóa vì đó là việc sống còn của thư viện. Và xin các bạn tin rằng điều lựa chọn bắt buộc này không phải là một điều vui mừng gì đối với tụi này.

Thư viện Diên Hồng
Bibliothèque Dien Hong
269 rue St. Jacques
75005 Paris, France
TIỂU UYÊN thực hiện

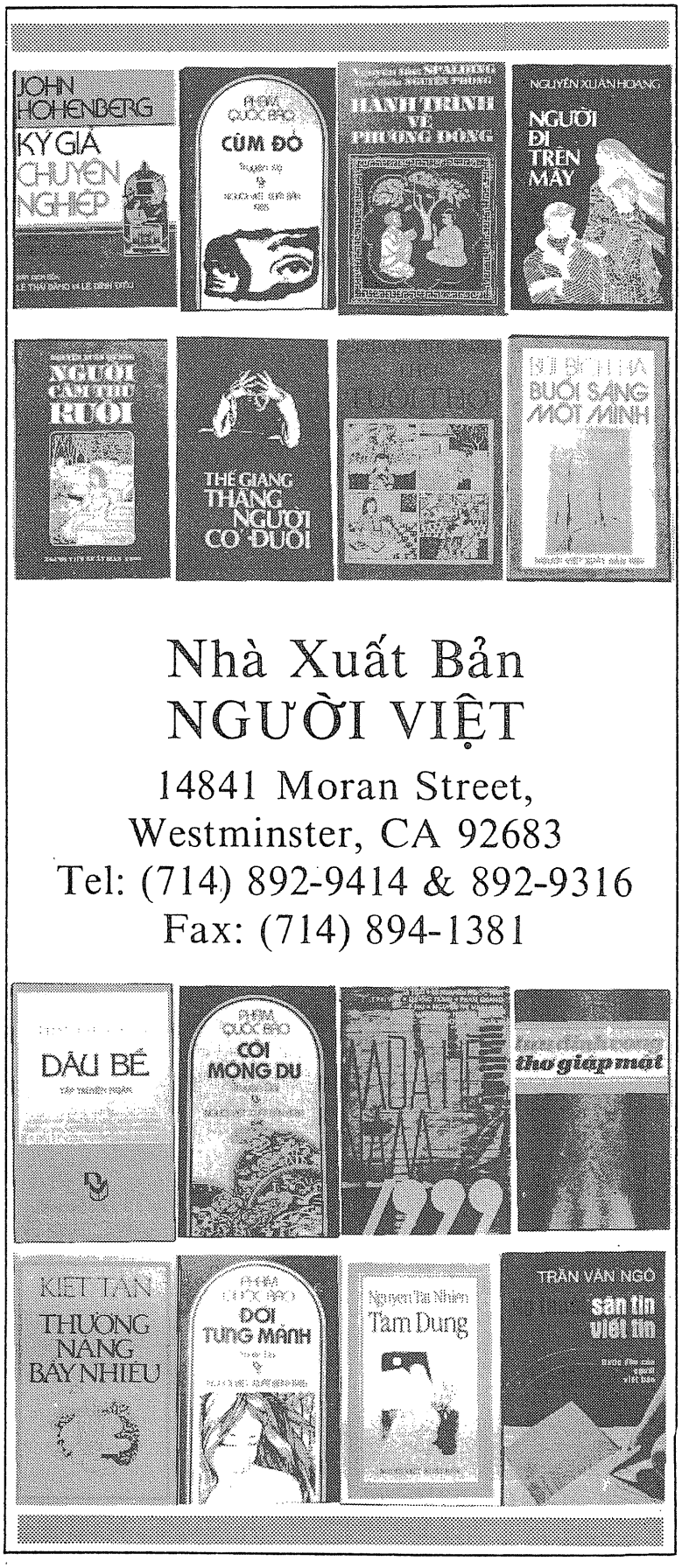

CHUYỆN MỘT ĐÊM TRĂNG

HOÀNG MAI ĐẠT

Trăng rằm lên quá đỉnh đầu, và tôi thấy người thiếu nữ mặc áo dài vàng vừa bước vội vào công viên.

Vài con vịt trắng ngẩng đầu nhìn, xong yên lặng bước xuống hồ khi bóng đen của người thiếu nữ lướt qua bãi cỏ nơi đàn vịt đang nằm. Đến dưới một gốc cây khuynh diệp có tàn lá rũ dài xuống gần mặt nước, người mặc áo vàng dừng bước và ngoảnh mặt nhìn bìa rừng tối đen ở đằng sau. Mái tóc dài đen của người thiếu nữ tung bay giữa hơi sương theo từng đợt gió lạnh từ trên cao tràn xuống mặt hồ.

Trong lúc yên lặng quan sát rừng tối thẫm, người ấy không để ý đến những con vịt trắng đang bước trở lại lên cỏ thoáng ướt hơi sương. Một con vịt, trắng và nhỏ như ấm nước trà, lững thững đến gần người thiếu nữ, co một chân lại rồi thản nhiên nằm xuống bên cạnh nàng. Như cảm thấy có sự gần gũi, người thiếu nữ nhìn cái ấm trắng ở dưới chân rồi vén tà áo trước khi ngồi xuống dưới gốc cây khuynh diệp.

Màu áo vàng của nàng thu nhỏ lại thành một chấm sơn hiện rõ bên trên thảm cỏ và rừng cây đen. Ánh trăng vàng lấp lánh trên mặt hồ đen ngòm. Thỉnh thoảng người thiếu nữ biến mất đằng sau màn thác nước vàng từ vầng trăng đổ xuống lênh láng mặt hồ. Người ngồi dưới gốc cây bỗng ngẩng mặt lên nhìn mặt trăng, và trong lúc ngẩng lên nàng thấy tôi, kẻ đang ngồi trên băng ghế gỗ ở phía bên kia bờ hồ. Tôi chợt cảm thấy hồi hộp trong tim.

Người thiếu nữ chiếu thẳng đôi mắt vào người tôi. Tôi nhìn nàng chờ đợi. Công viên vắng vẻ. Mặt hồ hơi gợn sóng. Vài con vịt trắng trôi từ từ trên mặt nước. Sương trắng lờn vờn bay. Tàn lá cây xào xạc trong gió. Rừng và đồi vẫn đen thẫm ở xa. Người mặc áo dài vàng chợt chống tay đứng dậy, mắt vẫn nhìn tôi chằm chằm. Tôi phân vân không biết người thiếu nữ đang nghĩ gì. Không để cho tôi nghĩ ngợi thêm, nàng nhón chân đi vài bước, ngoảnh mặt nhìn đằng sau về hướng bìa rừng, và rồi rảo bước nhanh dọc theo bờ hồ.

Tôi thấy nàng ẩn hiện đằng sau những bụi cỏ lau sậy cao chót vót; có khi nàng biến mất vào bóng tối của rặng thông, sau đó hiện rõ như một vệt sáng vàng dưới ánh trăng rằm quá đỉnh đầu. Con vịt trắng con ngơ ngác nhìn theo

người thiếu nữ, rồi yên lặng nằm ngủ lại dưới gốc cây khuynh diệp.

"Anh cũng đi ngắm trăng rằm?" người thiếu nữ chợt hỏi khi đến cách ghế tôi ngồi khoảng năm thước.

"À! Đúng! Vâng!" tôi ngập ngọng trả lời. Có mùi rong biển phảng phất trong gió. Cảm thấy không cần phải đứng dậy,tôi ngồi dựa lưng lại và gác chân lên nhau. "Trăng rằm đêm nay đẹp," tôi nhìn ra mặt hồ. "Tôi có cảm tưởng ánh trăng vàng đang lan rộng ra trên mặt nước và sẽ thấm vào người tôi." Tôi thấy nàng gật đầu và có cảm tưởng đôi mắt của người lạ đang liếm ướt làn da của tôi.

"Anh đến đây lâu chưa?" người thiếu nữ tiến sát đến một đầu ghế. Tiếng chân bước nhẹ trên cỏ ướt nghe như tiếng rắn đang trườn mình.

"Cũng lâu rồi," tôi nói và chỉ tay về cây khuynh diệp nơi người thiếu nữ đã ngồi lúc ban nãy. "Tôi đến đây từ lúc mặt trăng mới mọc ở đằng sau tàn cây đó. Ngày rằm nào tôi cũng kiếm một chỗ vắng để ngắm trăng. Đêm nay trăng sáng tỏ và bầu trời trong suốt." Tôi chợt quên có người lạ đang đứng gần đó. Hình ảnh mẹ tôi trong bệnh viện đang hiện rõ trong đầu tôi. Bà mặc áo trắng và ngồi yên lặng trên bãi cỏ xanh. Những ngọn đồi ở xa đang bao bọc lấy linh hồn trắng buốt của bà.

"Vậy anh có thấy đóm lửa đỏ?" người thiếu nữ ngồi xuống bên cạnh tôi.

"Đóm lửa đỏ?" tôi giật mình và cảm thấy hơi ấm từ hơi thở của người phụ nữ lạ. Tôi quay lại hỏi, "Đóm lửa đỏ?"

"Đóm lửa đỏ," người thiếu nữ trả lời. "Có khi nó to như mặt trăng rằm ở trên kia, có khi nó nhỏ như con ngươi trong đôi mắt ngờ vực của anh."

"Tôi ngờ vực? Tôi không hiểu cô muốn nói gì?" tôi tự động nhích người ra xa tách rời hơi thở ấm thu hút lạ kỳ của người đàn bà có đôi mắt sáng và đen. "Cô muốn gì? À, mà tại sao áo dài của cô cháy mất vạt ở đằng sau?" Tôi nhìn nửa tà áo vàng có vết cháy đen cao gần mông.

"Anh có vẻ hốt hoảng," người đàn bà hé môi cười. "Tôi không hại anh đâu." Nàng bỗng quay mặt nhìn về phía rừng ở đằng sau cây khuynh diệp. "Anh có thấy đóm lửa đỏ không?"

"Không. Nãy giờ tôi không thấy lửa đỏ." Tôi cảm thấy lúng túng không biết phải nói gì thêm. Bây giờ tôi mới thấy rõ những vết cháy đen trên vai đằng sau lưng và ở khuỷu tay của bộ áo dài màu vàng dịu. Tôi nhắc lại cho người thiếu nữ nghe, "Tôi không thấy đóm lửa đỏ nào từ hồi tối tới giờ."

"Chắc hắn ta còn kiếm tôi ở trong đó," người thiếu nữ trỏ tay về hướng rừng.

"Hắn là ai?" Tôi tiến lại gần và nhìn kỹ hơn hai vết cháy đen trên vai người thiếu nữ. Nghe hơi thở của tôi nàng quay lại. Đôi mắt sáng ngời lấp lánh ánh trăng thu hút tôi đến gần hơn. Chợt thấy đôi mắt ướt như sắp khóc, tôi ngừng hẳn lại. Ở dưới mắt trái của người phụ nữ, một vết phỏng còn rướm mủ nằm phập phồng trên làn da trắng. "Chuyện gì đã xảy ra?" tôi hỏi nhỏ và nghe hơi thở của chính mình đang phập phồng ở trong ngực.

"Tôi bị hiếp dâm," nói chưa dứt câu, người thiếu nữ cúi mặt và bắt đầu khóc thành tiếng.

Tôi giật mình như chính tôi vừa

SINH NHẬT

NGUYỄN HOÀNG NAM

Nếu tôi
chụp mường tượng một tấm ảnh
chỉ có cửa kiếng quán phở mờ hơi thở lạnh
và mưa bay trắng xóa bên ngoài
làm mù xe cộ tiệm tùng thành phố cuộc đời

nếu tôi
chụp mường tượng một tấm ảnh
chỉ có ly chè ba màu vơi nửa
và chai heineken còn tí bọt trắng dưới đáy
nở dầy những nụ cười vốn khó tìm

nếu tôi
chụp mường tượng một tấm ảnh
chỉ có những hồi chuông điện thoại dài không dứt
và không có ai ở đó
khép đôi mắt nặng lồng ngực khi cần thiết một người

nếu tôi
bỏ ảnh vào phong bì và dán tem
như thiên hạ thản nhiên chúc mừng sinh nhật
buổi trưa rớt cái xoẹt vào lỗ thư nhà em
cầm lên
mở ra
em chắc ngờ ngợ mang máng
tháng giêng gần tết cơn mưa ấy
tôi đã yêu em nhiều biết chừng nào

bị lửa đốt cháy da. Tôi muốn an ủi người đàn bà đang khóc, nhưng tôi không biết có nên nấm vai hay nói câu gì cho hợp lý. Buổi chiều rời nhà thương điên tôi không muốn về phòng, sợ hình bóng của mẹ sẽ bị tôi nhốt trong căn phòng ít ánh sáng. Tôi lái xe đi lanh quanh và cuối cùng dừng lại ở công viên này. Mọi việc đang xảy ra hình như không có thật. Ánh trăng sáng nhấp nhô trên mặt nước như những con rắn đang trườn mình trôi vào bờ. Ở đâu đó, tôi nghe tiếng chó sói tru dài trong đêm tĩnh mịch. Người hóa thành chó sói vào đêm trăng rằm, một huyền thoại mà tôi chợt nhớ đến. Nhìn vào rừng thẳm, tôi cố tìm đóm lửa đỏ. Hơi sương trắng từ mặt hồ bốc lên nhè nhẹ, lơ lửng trong không khí loãng giữa tôi và màn rừng thẳm. Tiếng chó tru từ xa vọng lại một lần nữa. Tôi thoáng nghi ngờ tiếng tru và câu chuyện của người thiếu nữ xa lạ.

"Ôi đau quá!" người ấy rên.

Nhìn mái tóc đen dài có lẫn lá và cỏ khô vừa rung chuyển mạnh sau cái rên, tôi cảm thấy cái đau của người thiếu nữ có mái tóc xõa dài trên lưng ghế.

"Cô đau ở đâu?" tôi hỏi. "Tôi có giúp cô được gì không?" Người xa lạ ấy ngẩng mặt nhìn tôi. Vết phỏng ở dưới mặt đang nứt và tuôn ra một giòng máu đỏ. Tôi tiến lại đưa tay lau máu trên má và cảm thấy cái nóng của máu cùng với cái lạnh của gò má trắng xanh.

"Anh có thể giúp tôi trốn thoát," người thiếu nữ nói thì thầm.

"Trốn đi đâu?" tôi ngồi xuống bên cạnh nàng.

"Đi thật xa, thật là xa nơi này." Người phụ nữ không để ý đến tôi. Nàng mải nhìn màn đêm đen ở bên kia bờ hồ. Ánh trăng sáng soi rõ hai vết cháy trên vai nàng.

"Tại sao cô phải trốn đi?" tôi nhìn đôi bàn tay trắng đang bấu vào nhau ở trên vạt áo vàng dịu.

"Tôi không chịu nổi nữa," người thiếu nữ vùng đứng dậy và bước xuống gần mé hồ. "Ngày nào tôi cũng bị cưỡng hiếp. Hơn cả ngàn năm nay rồi." Bộ áo dài vàng có vết cháy quay lưng lại phía tôi. Ánh trăng vàng chiếu sáng chung quanh mái tóc đen xõa dài man dại của nàng. Hình dạng người thiếu nữ nổi bật lên trên lớp sương mỏng và mặt nước lấp lánh. "Bây giờ là hắn, người đàn ông với cái đầu lửa đỏ." Người đàn bà quay lại nhìn tôi.

"Đầu lửa đỏ?" tôi thầm hỏi trong đầu. Nhìn thân hình gầy yếu của người đàn bà bị hiếp, tôi không còn thấy gương mặt của một thiếu nữ vừa quá đôi mươi như tôi đã tưởng. Nàng đứng yên như một khối đen giữa những khối đen của rừng núi và bầu trời. Một khối đen đã có lâu đời, từ lúc những cây cổ thụ trong khu rừng ở bên kia bờ hồ mới nẩy mầm, từ lúc mưa rơi lần đầu tiên xuống thành hồ nước lấp lánh, và từ lúc mặt trăng còn nằm chung trong một khối với trái đất và mặt trời.

Mái tóc đen và tà áo vàng bỗng tung bay theo gió. Tôi chợt thấy rõ hình hài gầy yếu là có thật. Những vết cháy trên da thịt nàng như vừa bốc cháy làm tôi cảm thấy sức nóng trên chính da thịt của mình. Người đàn bà vẫn đứng yên, chờ đợi tôi nói.

"Đầu lửa đỏ hay đóm lửa đỏ, cô nói gì tôi không hiểu?" tôi lên tiếng.

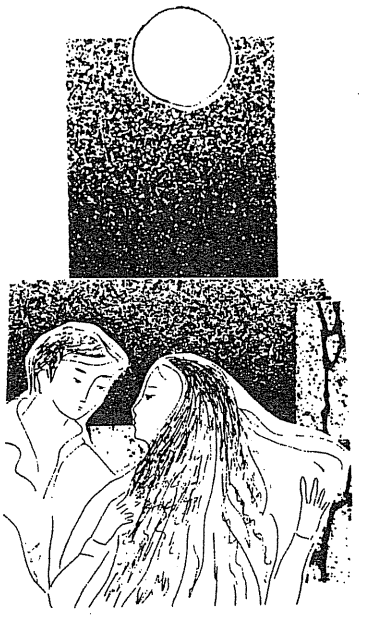

"Cũng là một," nàng trở lại gần tôi. "Hắn là chồng tôi, người đàn ông có cái đầu khối lửa đỏ. Nhiều năm trước đây, khi rừng già mất hẳn ánh sáng, vạn vật đều cầu mong mặt trời sẽ trở lại để nuôi sống muôn loài. Đó là lúc người đàn ông có cái đầu lửa đỏ xuất hiện. Tôi lầm tưởng hắn là mặt trời nên tiến lại gần." Một giòng nước mắt tuôn ra, lăn qua vết thương trên má, và tan biến vào khoé môi hồng cam của người đàn bà. Nàng mím môi lại như muốn nuốt trôi giòng nước mặn.

"Nhưng khi đến trước mặt hắn," người đàn bà tiếp tục kể, "cái đầu lửa của hắn phóng ra những tia nóng cháy đỏ và làm cho tôi mù lòa đôi mắt. Lúc đó tôi mới biết hắn là con ác quỷ vừa trốn lên từ địa ngục. Hắn bắt giữ tôi và ra lệnh cho muôn thú đến làm chứng hôn lễ giữa ác quỷ và con người. Rồi hắn trói một chân tôi lại vào gốc cây và hiếp tôi ngày cũng như đêm. Muôn thú đứng xem xong lắc đầu bỏ đi. Chúng nó hèn nhát và không dám lên tiếng cứu tôi." Người đàn bà lại đứng dậy và bước gần xuống mé nước.

"Chỉ có những đêm trăng như thế này tôi mới thấy lại được thế giới của con người." Nàng quay lại nhìn tôi vài giây, rồi trở lại với ánh trăng vàng lấp lánh trên mặt nước. "Một con rồng già nua, trong lúc bay ngang khu rừng tối đen và thấy tôi bị trói, liền ghé lại cho biết là tôi có thể tự thoát ra khỏi khu rừng, rồi sau đó tìm người đưa đi xa. Lão rồng nhân từ cũng nói mặt trăng là thiên thần của trời, có sứ mạng đi bắt con ác quỷ đầu lửa đỏ. Thành thử mỗi đêm trăng rằm, con ác quỷ dập tắt ngọn lửa và chôn thân trong một cái lỗ do nó đào sẵn để cho trăng không thấy tăm tích nó ở đâu."

Tiếng nói của người đàn bà bỗng trầm xuống và đều đặn như tiếng chuông chùa ngân nga trên mặt nước hồ hơi gợn sóng. Tiếng chuông tan đi xa, rồi vang vọng lại từ bìa rừng.

"Không có lửa của con quỷ sứ, tôi thấy lại được mọi vật chung quanh. Thế nhưng tôi đã không chạy đi đâu được. Sợi dây xích quá nặng, và càng xiết chặt hơn mỗi

lần tôi vùng vẫy. Và rồi tôi đợi cho sợi xích tan rã theo thời gian. Nó sét rỉ dần sau những mùa mưa dài ẩm đạm, và nó càng lỏng lẻo hơn khi hy vọng vượt thoát lớn theo những giòng nước mắt tuôn chảy trong bóng tối. Một đôi khi có thợ săn băng qua rừng. Thấy tôi hấp dẫn họ ngừng lại và muốn chinh phục tôi như chinh phục một con thú rừng. Nhưng tới lúc biết tôi cần sự giúp đỡ để trốn thoát con quỷ đỏ, họ chỉ vờn cho thỏa lòng ham muốn rồi bỏ tôi lại cho người chồng ác quỷ." Người đàn bà chợt thôi nói và nhìn tôi chằm chằm.

"Đêm nay tôi rút chân ra khỏi sợi dây xích như tôi đã từng làm mấy mùa trăng vừa qua. Thế nhưng tôi đã không gặp ai ở đây để cứu tôi thoát. Quỷ đầu lửa đỏ bắt tôi về sau khi mặt trăng lặn. Đêm naytôi gặp anh." Người đàn bà bỗng ngẩng đầu lên trời làm cho tôi phải nhìn theo.

Một đám mây đen đang từ từ trôi đến mặt trăng. Người đàn bà bước vội vã lại gần tôi. Ngước mặt nhìn lên bầu trời lần nữa, tôi chợt thấy gương mặt sợ hãi băng ngang mặt trăng. Bóng tối từ từ lan dần. Hơi lạnh từ thân thể người đàn bà thấm qua làn da của tôi. Tự nhiên tôi đưa cánh tay qua đôi vai có vết cháy và cảm thấy muốn che chở người đàn bà. Đôi mắt của nàng đang chiếu thẳng về bìa rừng đen ở bên kia bờ hồ. Con vịt trắng con nằm dưới gốc cây đã đứng dậy và đang chạy xuống nước.

Người đàn bà dí đầu sát vào ngực tôi hơn. Cái sợ của nàng đâm sâu vào lòng tôi. Hơi thở nhẹ của nàng đang đo từng nhịp tim đập mạnh của tôi. Ánh trăng biến mất hẳn trên mặt nước. Màn đêm xiết vòng tay và ôm chặt công viên. Tôi cảm thấy khó thở. Người mẹ của tôi vừa choàng thức giấc sau cơn ác mộng. Mồ hôi của bà thấm ướt làn da của đứa con mà bà không nhận ra.

Người đàn bà bỗng run nhẹ. Trông theo ánh mắt của nàng, tôi nhìn về phía rừng tối. Sâu trong bóng đêm một tia lửa bay xẹt ngang dọc, nhanh như những tia điện chớp trước khi mưa rơi. Tia lửa lớn dần, trở thành một trái banh đỏ, rồi hóa ra một khối lửa cháy rực ở bìa rừng. Khối lửa đỏ dừng lại ở dưới gốc cây khuynh diệp, rồi bất thần phóng nhanh về phía chúng tôi. Sức nóng của lửa quỷ liếm cháy một bên tóc của tôi. Người đàn bà thu nhỏ lại trong lòng tôi. Lửa đỏ đốt cháy làn da trên cánh tay đang quàng qua đôi vai đã cháy. Một vùng ánh sáng chói lòa như sắp thiêu cháy đôi con ngươi của tôi. Vung bàn tay lên, tôi tính tát mạnh vào khối lửa. Bỗng nhiên ánh trăng bắt đầu sáng trở lại trên mặt nước. Khối lửa đỏ vụt bay đi và biến mất lại vào trong khu rừng già. Vết phỏng trên cánh tay đang cào mạnh vào những tế bào còn sống, khiến tôi muốn hét lớn vì đau đớn.

Người đàn bà ngước mặt nhìn tôi và đưa hai bàn tay nâng nhẹ cánh tay bị phỏng. "Anh vừa cứu tôi thoát," người đàn bà nhìn tôi nói. "Tôi cũng nghe trái tim của anh đập mạnh trong ngực. Đã lâu lắm rồi, bây giờ tôi mới nghe được nhịp đập của một con tim trung thực. Có lẽ anh sẽ cứu tôi thoát hẳn ngoài vòng tay của khối lửa đỏ?"

"Làm sao tôi đưa cô thoát khỏi nơi đây?" tôi nhìn kỹ vầng thâm bao quanh đôi mắt tinh sáng và to của người đàn bà.

"Tôi muốn về phòng trọ của anh," nàng nói nhỏ và rõ, "nếu anh không ngại đưa một phụ nữ lạ về phòng."

"Tôi không ngại, nhưng tôi không biết cô sẽ trốn ở đó được bao lâu?" tôi nhìn đôi môi của nàng rồi quay đi và cố quên đi sự hấp dẫn lạ kỳ từ con người như không thực của nàng.

"À, không. Tôi sẽ không trốn ở phòng trọ của anh đâu," nàng quay người nhè nhẹ và vẫn xoa cánh tay bị phỏng của tôi. "Đến đó tôi sẽ chỉ cách cho anh cứu tôi thoát. Anh hãy tin ở tôi."

"Tôi không biết nói gì hơn. Ngay bây giờ tôi chỉ muốn cứu cô thoát," tôi nhìn sâu vào đôi mắt thiết tha của nàng.

"Anh tên gì? Tôi muốn biết," nàng hỏi.

"Thư," tôi nói.

"Tên anh nghe hiền quá," nàng bỗng cười khúc khích làm cho tôi

cũng muốn bật cười theo.

"Còn tên cô là gì? Tôi cũng muốn biết."

"Ngọc," nàng vẫn còn cười. "Thôi mình đi đến phòng anh ngay bây giờ đi, chứ để khi mặt trời mọc thì tôi không thể thoát được."

"Ừ thì đi."

Lúc băng ngang qua bãi cỏ, Ngọc ôm cánh tay của tôi và chỉ cho tôi xem một tàn cây ở gần đó. "Vào ban ngày hoa của cây đó chắc đẹp lắm phải không Thư?"

"Đẹp lắm Ngọc," tôi nhìn đôi mắt đen của người đàn bà. "Hoa màu tím pha với xanh biển. Mùa xuân năm nay thời tiết ấm đúng mức nên loài hoa tím này nở khắp nơi. Nhưng có lẽ ở công viên này là đẹp nhất."

"Có lẽ một ngày nào đó Ngọc sẽ được đi bên cạnh Thư mà không phải lo lắng sẽ bị bắt trở lại khu rừng già tối đen." Người đàn bà ngước mặt nhìn vầng trăng.

Tôi cũng nhìn trăng và thầm ước sẽ có một ngày như thế. Trên đường về nhà, tôi yên lặng lái xe và thỉnh thoảng quay sang nhìn Ngọc ngủ vùi trên ghế. Giấc ngủ của nàng như chưa từng có từ bấy lâu nay. Tôi lái xe chậm qua những nẻo đường vắng. Những ánh đèn cam lướt qua mặt Ngọc cho tôi cái cảm tưởng tôi đang thấy một nàng tiên ẩn hiện lẫn lộn giữa hư và thực. Tôi bỗng cảm thấy hạnh phúc của người phàm đang đưa tiên trở về một thiên đường đã mất. Những ánh đèn tiếp tục thay phiên nhau xoay chậm trên gương mặt trắng có đôi môi hồng sắp cười.

Đậu xe lại bên cạnh nhà trọ, tôi quay sang nhìn Ngọc. Có gì khác lạ về nàng mà tôi chưa nhận ra. Ngọc mở đôi mắt đen nhìn tôi, và khi nàngngồi thẳng lưng trên ghế tôi nhận ra bộ áo dài vàng hoàn toàn không có vết cháy ở trên đôi vai. Tôi đưa tay và vô tình nhận kèn, khiến một âm thanh chói tai vang lên bất chợt. Tôi biết tôi đang sống.

"Hình ai đây?" Ngọc hỏi sau khi ngồi xuống tấm lót. "Người đàn bà và đứa bé này chắc đặc biệt lắm nên anh mới treo họ ở đầu giường?

"Mẹ tôi và tôi, hơn hai mươi năm trước đây." Tôi đang chú tâm dọn mấy cái thùng giấy vào một góc phòng.

"Bà ấy đẹp quá, như một tiên mẫu trong chuyện thần thoại,"

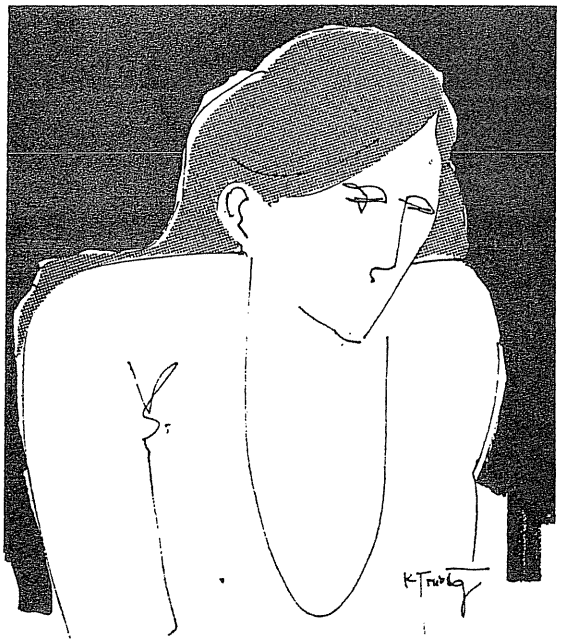

"Mình vộ phòng đi nhé," Ngọc nói nhỏ.

"À quên," tôi quay sang nhìn nàng, rồi mở cửa bước ra.

"Phòng của anh rộng quá," Ngọc nói khi bước chân vào nơi tôi chỉ dùng để ngủ.

"Cũng không rộng lắm đâu. Có lẽ tại không có bàn ghế và giường nằm nên trông nó có vẻ rộng." Tôi vừa nói vừa đưa tay kiếm cái nút bật đèn.

"Chắc khỏi cần bật đèn, Thư ơi!" Ngọc nói ngay sau gáy của tôi. "Trăng sáng như thế kia cũng đủ thấy rõ lắm. Cả hai cửa sổ đều có ánh trăng chiếu vào."

"Coi chừng mấy cái thùng giấy và đống sách!" tôi nhắc.

"Thư ngủ ở đây?" Ngọc chỉ vào góc phòng giữa hai cửa sổ, nơi có tấm lót mỏng và mền gối lẫn lộn.

"Ừ," tôi gật đầu, rồi chỉ tấm lót. "Ngọc ngồi xuống đó đi. Cần uống gì không? Tôi có nước cam."

Ngọc đưa đôi tay vuốt tà áo dài ở dưới, mắt vẫn không rời bức hình trắng đen lớn bằng tờ giấy viết. "Anh khác mẹ nhiều lắm. Có lẽ anh giống cha. Bà ấy còn sống?" Ngọc quay sang nhìn tôi.

"Còn sống," tôi gật đầu và ngồi xuống sát tường trong bóng tối giữa hai vệt trăng vàng.

"Bà ấy bây giờ ở đâu?" Ngọc thả mái tóc đen qua một bên vai.

"Phòng này bí hơi quá." Tôi đứng dậy và mở hết hai cửa sổ. Gió lạnh thổi mạnh vào mặt và làm tôi cảm thấy dễ chịu.

"Mẹ anh bây giờ ở đâu?" Ngọc nhìn tôi ngồi xuống lại ở tường đối diện.

"Bà ấy đang ở nhà thương điên." Nói xong tôi lại đứng dậy và tìm gói thuốc lá. "Không biết nó đâu rồi," tôi lục lọi trong đống sách báo.

"Mẹ anh vô đó lâu chưa?"

Tôi nghe câu hỏi ở đằng sau lưng nhưng chưa muốn trả lời. "Hình như lúc nãy tôi có thấy nó ở đây?" Tôi tiếp tục tìm gói thuốc lá. "Xin lỗi," tôi quay lại nhìn Ngọc. "Bà ấy vào nhà thương kể từ ngày chôn anh tôi, khoảng hai năm trước đây. Hình như vậy."

"Anh vẫn đi thăm mẹ thường xuyên?"

Tôi không trả lời liền. Tôi cảm thấy vừa khó chịu và vừa thoải mái khi trả lời cho Ngọc nghe. "Hàng tuần tôi vẫn đến thăm mẹ, nhưng từ ngày vào đó cho đến giờ bà ta chưa bao giờ nhận ra tôi là ai." Tôi bước đến cửa sổ và nhìn lên trời. Mặt trăng đã xuống gần ngang tầm mắt. "Bà ấy thương anh tôi, người giống cha của anh ta từ hình dạng cho đến tính tình. Đó là theo lời mẹ tôi kể mỗi khi bà ấy chịu nói chuyện với tôi trong nhà thương điên. Chính tôi cũng không biết điều đó trước đây." Tôi bỗng cảm thấy hơi ấm từ hai bàn tay của Ngọc trên đôi vai của tôi. Sau vài giây yên lặng, tôi không muốn ngừng nói, dù biết rằng mình đang kể lể với một người chưa hẳn là quen.

"Tôi cứ tưởng hai anh em tôi cùng một cha. Bây giờ tôi hoàn toàn không biết cha tôi thật sự là ai. Kể từ ngày vào nhà thương, mẹ tôi hoàn toàn không biết tôi là con của bà ta trước ngày anh tôi chết. Hình như có lần bà ấy nhắc tên tôi và nói không nở giết đứa con hai giòng máu mà bà đã có mang từ biển. Có lẽ tôi là kết quả của một vụ hiếp dâm. Nhưng bây giờ tôi cũng không chắc là mình đã nghe được như vậy."

Ngọc đưa tay sờ vết cháy trên cánh tay của tôi. Bàn tay mềm và mát của Ngọc làm tôi dễ chịu.

"Mẹ tôi hay nói bà muốn về nhà. Tôi có hỏi nhà ở đâu. Bà chỉ trả lời nhà ở một nơi có hoa nhiều màu rung rinh trong nắng, có cây thật xanh vi vu theo gió, có đồi cỏ thoai thoải, có biển xanh biếc ầm ì tiếng sóng, có cầu vồng sau những cơn mưa rào miền cao nguyên, và có nhiều thứ nữa mà tôi không nhớ hết. Tôi muốn đưa mẹ tôi về nơi bà ta mong ước, nhưng tôi hoàn toàn không biết nơi đó là ở đâu. Ngọc có biết không?"

Ngọc không còn đứng ở sau

lưng tôi. Người đàn bà từ khu rừng thẳm đang đứng ở cửa sổ còn lại. Nàng nhìn tôi lắc đầu. Mặt trăng đang xuống thấp trong khung cửa gỗ.

"Trời sắp sáng rồi Thư ơi," Ngọc bỗng nói lớn. "Anh phải giúp Ngọc trốn thoát nơi này."

"Bằng cách nào?" Tôi kiếm được gói thuốc và châm một điếu hút.

"Anh có thể lấy mấy cái thùng giấy và cắt cho Ngọc một đôi cánh."

"Một đôi cánh bằng thùng giấy?" tôi hỏi lại.

"Một đôi cánh," Ngọc gật đầu. "Tôi là con của loài chim. Phải có cánh tôi mới bay được."

"Nhưng liệu cánh bằng giấy có chịu nổi gió lớn hay không?" Tôi nhìn ra ngoài cửa sổ và thấy vài đám mây đang bay tới gần mặt trăng tròn.

"Được," Ngọc tiến lại gần tôi. "Lúc trước Ngọc đến đây cũng bằng cánh giấy, mà mỏng hơn như thế này." Ngọc trỏ tay chỉ thùng giấy ở gần chân tôi. "Thư có kéo không?"

"Có." Tôi kiếm ra cái kéo và bắt đầu cắt. Hai lưỡi kéo lướt nhanh như tự chính chúng nó biết việc cắt cánh. Trong vài giây, đôi cánh to bằng thân người Ngọc đã hoàn thành. Tôi đưa chúng cho Ngọc.

"Thư đưa Ngọc ra biển đi, ở đó em mới bay đi được." Ngọc gắn từng cái cánh vào sau lưng, trong khi tôi đi kiếm áo lạnh khoác vào người.

Ở giữa một cây cầu bắc ngang, Ngọc bảo tôi ngừng xe để nàng nhìn những dòng xe chạy dưới gầm cầu. Những ngọn đèn vàng lao tới. Những ánh đèn đỏ trôi đi. Chúng tôi đứng ở giữa.

"Họ đi đâu vậy Thư?" Ngọc nhìn theo một ánh đèn đỏ vừa mất hút ở góc trời.

"Anh không biết. Có lẽ họ cứ đi cho đến khi đuối sức. Cảnh tượng thay đổi chung quanh cho họ cái cảm giác họ đang sống. Có nhiều lần lái xe trên đường vắng, anh cứ mong cho đường cứ dài mãi để anh cứ việc đi mà không bao giờ đến. Ngồi ở trong xe những lúc đó, anh có cảm tưởng mình đang sống trong một vỏ ốc bằng thủy

Siêu thị ở Cali

Tôi nghĩ gì về anh đêm nay, Walt Whitman, mà đi trên những con đường nhỏ dưới cây, đầu nhức nhối và ý thức được là mình đang ngắm nhìn trăng tròn.

Trong cơn đói mệt, tìm mua hình ảnh, tôi bước vào siêu thị hoa trái đèn néon, chiêm bao những lời kể lể của anh!

Những trái dào và bóng tối! Từng gia đình dắt nhau đi chợ đêm! Kệ hàng đầy phu quân! Các bà vợ trong những quả bơ, hài nhi trong cà chua! -- và cả anh nữa, Garcia Lorca, anh đang làm gì sau đống dưa đỏ?

Tôi đá gặp anh, Walt Whitman, không con cái, một thực khách già cô độc khám xét thịt trong tủ lạnh và nháy nhó mấy chú bán hàng.

Tôi nghe tiếng anh hỏi từng người một: Ai đá ám sát các miếng sườn heo? Chuối này giá bao nhiêu? Cậu em có phải là Thiên thần của ta không?

Tôi len qua các chồng đồ hộp bóng lộn theo anh và tưởng mình bị tên thám tử của tiệm để ý.

Chúng ta đá đi khắp các hành lang đoàn kết với nhau trong giấc mơ riêng, nếm vị ạc-ti-sô, và ăn hết các thức ăn đông lạnh mà không thèm trả tiền.

Nhưng rồi chúng mình sẽ đi đâu đây, Walt Whitman? Giờ sau tiệm sẽ đóng cửa. Râu anh chỉ về hướng nào đêm nay?

(Tôi vuốt ve quyển sách của anh và mơ thấy cuộc phiêu lưu kỳ ảo của chúng ta trong siêu thị và biết là mình đang làm chuyện phi lý.)

Chúng ta sẽ đi trên các đường phố vắng suốt đêm nay à? Cây đổ bóng tối vào bóng tối, nhà cửa không một ánh đèn, hai đứa mình sẽ cô đơn lắm đó.

Hay là chúng ta nên đi lang thang để tưởng nhớ một Mỹ châu của tình yêu đá mất bên những chiếc ô tô xanh nằm yên trên lối đậu, rồi trở về căn nhà nhỏ êm ái của chúng ta?

Này người cha yêu quý râu xám, người thầy can đảm già và cô đơn, người đá chiếm được nước Mỹ nào khi Charon ngừng đẩy tay sào và người đá đặt chân lên mé bờ sương khói đứng nhìn chiếc phà khuất bóng trên dòng Léthé nước đen?

ALLEN GINSBERG
NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG dịch

tinh trong suốt. Từ đó anh thấy ánh sáng, màu sắc và hình bóng đang thay đổi liên tục ở bên ngoài." Tôi quay sang nhìn người thiếu nữ từ một chân trời xa lạ. "Tự nhiên ngay lúc này anh biết là Ngọc có thật." Tôi thấy Ngọc cười. Vết phỏng trên cánh tay bỗng giật nhẹ làm tôi quên nụ cười.

Đến gần biển, Ngọc bảo tôi lái xe lên một ngọn đồi. Từ trên đó chúng tôi có thể thấy những hòn đảo lấp lánh như sao trên thảm biển rập rờn.

"Đó là nơi em sẽ bay đến," Ngọc chỉ một hòn đảo nhỏ ở một góc trời.

"Xa quá nhỉ," tôi nói nhỏ.

"Với đôi cánh này thì mau lắm," Ngọc nhìn tôi và mấp máy đôi môi hồng.

"Ở đó chắc yên bình lắm phải không Ngọc?" tôi nhìn ra khơi và nắm tay Ngọc. Bàn tay mát và mềm nằm gọn trong bàn tay nóng hổi của tôi.

"Ở đó có trăng, có biển, có suối, và tất cả những gì mà mẹ Thư muốn," Ngọc nắm lại tay tôi. "Thư đi với Ngọc ngay bây giờ đi nhé?"

"Ngay bây giờ?" tôi xiết chặt những ngón tay mềm của Ngọc. "Bằng cách nào?"

"Với đôi cánh Thư đã làm cho Ngọc, hai đứa mình có thể bay đến đó được. Thư chỉ cần nắm chặt tay của Ngọc." "Nhưng ở đó hoàn toàn xa lạ đối với anh," tôi nhìn đôi mắt đen của Ngọc.

"Không sao đâu. Thư cũng là con của loài chim, như Ngọc. Ở đó Thư có thể sống với Ngọc như từ thuở ban đầu."

"Nhưng còn mẹ," tôi buông bàn tay của Ngọc ra. "Thư phải ở lại với mẹ."

"Bà ấy đâu còn biết Thư là ai."

"Đúng. Nhưng có thể chỉ tạm thời. Biết đâu một ngày kia mẹ sẽ thức giấc và sẽ nhận ra đứa con hai giòng máu của mẹ. Dẫu sao chăng nữa, Thư vẫn biết bà ấy là mẹ." Tôi nắm lại tay Ngọc.

Một tiếng sóng mạnh đập vào ghềnh đá. Ngọc bóp chặt tay tôi, rồi nói, "Em phải đi. Mai sau, nếu muốn về sống với em, anh cứ đến đây vào đêm trăng rằm như đêm nay. Ở ngoài kia em sẽ đợi anh. Nhớ nhé Thư!" Tôi nhìn đôi mắt của Ngọc, rồi mỉm cười gật đầu. Ngọc buông tay tôi ra. Hơi ấm từ bàn tay cũng tan dần theo hình bóng của Ngọc. Khi có một đàn chim biển bay ngang khung trời, tôi hoàn toàn không phân biệt được Ngọc và những đôi cánh vỗ đều đặn trên bầu trời bình minh.

HOÀNG MAI ĐẠT

Đường nào cũng tới La Mã
Xa lộ nào cũng dẫn bạn tới nhà hàng

BÒ 7 MÓN PAGODE SAIGON

Gourmet Restaurant

VISA
MasterCard

710 W. Las Tunas Dr #7 San Gabriel
(Góc Las Tunas và Mission)
(818) 282-6327

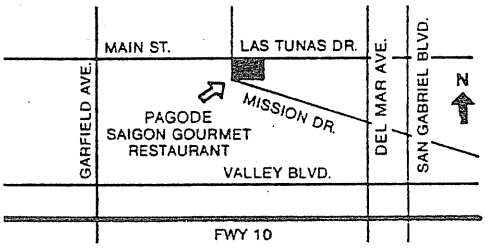

* BÒ NƯỚNG VỈ
* TÔM MỰC NƯỚNG VỈ
* TÔM MỰC NHÚNG DẤM
* TÔM NƯỚNG VỈ

Hoàng Mai Đạt tháng Bảy 1989
Ảnh của Ngọc

Tiểu sử

Hoàng Mai Đạt

Hoàng Mai Đạt sinh đầu năm 1963 tại Nha Trang, Học trường Nam, Tân Phước, và Võ Tánh. Biết yêu, thương, đau khổ, sung sướng kể từ khi cha chết trận năm 1965. Di tản về Sàigòn cuối năm 1974. Mê tóc demi-garcon và ăn đòn tại trường Nguyễn Trãi, Khánh Hội. Rời Sàigòn chiều 29 tháng Tư, 1975.

Ghé đảo Guam, tạm trú ở Indiatown Gap, Pennsylvania, và bắt đầu đời sống mới ở Mỹ vào mùa thu 1975 tại Huntington, Pennsylvania với mẹ và em trai. Giữa mùa đông sau đó cả ba mẹ con ra ở riêng tại Irwin. Đốt pháo bông mừng sinh nhật 200 năm Hoa Kỳ vào mùa hè 1976 tại vùng quê Rillton. Là con chiên Tin Lành ngoan đạo trong hai năm, mặc dù gia đình theo Phật giáo. Mê cô giáo Anh Văn lớp 7, được cô giữ bài viết cảm tưởng để làm mẫu cho những lớp sau, và được khuyến khích tiếp tục viết.

Đầu năm 1979 đi làm part-time, và cuối năm gia đình dọn tới thành phố Pittsburgh vì việc làm. Tiếp tục làm tối và cuối tuần. Đứng đầu lớp 11 tại Steel Valley High School năm 1981 và được chọn đi thi lấy học bổng đại học Pennsylvania State University (PSU). Đầu năm học lớp 12, nghĩ nhiều về quê hương, gởi cho báo những bài viết tiếng Việt (bài được đăng đầu tiên là "Một Cuộc Hẹn" trên Tiểu Thuyết Nguyệt San số một bốn năm sau đó), chụp hình và viết tạp ghi tiếng Anh cho báo trường, lơ là chuyện học hành và cảm thấy lạc lõng giữa những bạn Mỹ. Xếp hạng ba hay bốn khi tốt nghiệp trung học năm 1982.

Sau hai năm học ngành kỹ sư không gian tại PSU, quyết định chọn Film Art, có lẽ vì mê Fellini, Bertolucci, Godard, Truffaut, Lang, Welles, Kurosawa, Woody Allen, vì Mann, Kafka, Fitzerald, Hardy, Orwell, O'Connor, vì O'Neill, Tennessee William, hay chỉ vì dại và không thích bị nhốt trong khuôn. Thực hiện hai tờ đặc san cho hội sinh viên Việt Penn State. Tốt nghiệp cử nhân mùa giáng sinh 1986.

Vào mùa xuân 1987 khăn gói qua San Francisco, xuống Los Angeles, rồi sống hơn hai năm gần Little Saigon. Làm nhiều nghề để sống (và biết mình thật sự dại), kể cả việc phụ tá giáo viên, chạy máy pha thuốc hóa học, dịch truyện ba xu, và đứng quay lưng ở góc đường trong phim cảnh. Kể từ mùa xuân 1988 là biên tập viên của nhật báo Người Việt, phụ trách trang Anh ngữ và soạn tin cho đài Truyền Hình Việt Nam. Có bài viết trên báo Tuổi Hoa, Văn Học, và Thế Kỷ 21,

Bây giờ vấn đề hạnh phúc gia đình là trên hết. Nếu có thì giờ sẽ đọc và tiếp tục viết như đã hứa năm nào.

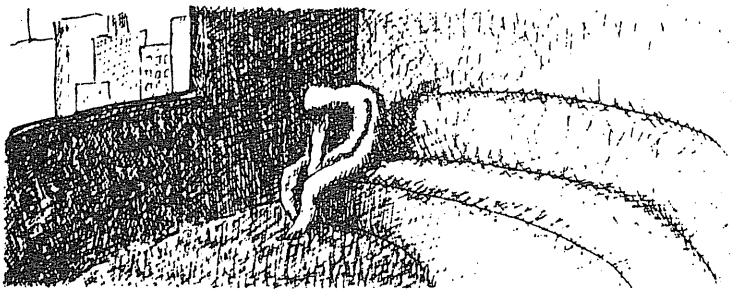

NƠI CHỐN CỦA NGƯỜI VẮNG MẶT

HOÀNG TỪ DƯƠNG

LTS: Hai truyện ngắn dưới đây của Hoàng Từ Dương và Hoàng Nha Trang được trích từ tạp chí TẬP HỌP, số 3-1988, ấn hành tại Úc Đại Lợi, mang chủ đề VĂN HÓA VÀ CON NGƯỜI.

Hai số trước, hiện chúng tôi không có trong tay, mang các chủ đề CỘNG SẢN VÀ NHÂN QUYỀN và NGHỆ THUẬT VÀ GIÁ TRỊ CUỘC SỐNG.

Trong số những tờ báo của tuổi trẻ hải ngoại mà chúng tôi hiện có trong tay, có thể nói TẬP HỌP (địa chỉ: P.O Box 266 Belmore, NSW 2192, Australia) là tạp chí mà từ hình thức đến nội dung chứa đựng giá trị cao nhất. Tạp chí số 3 chia làm bốn phần:

Nhận định, Thơ, Truyện, Ca Khúc và Điêu Khắc của Nguyễn Trực Tâm, Văn Phục, Văn Điện, Thường Quán, Trần Sa, Cao Huy, Hoàng Từ Dương, Hoàng Nha Trang, Hoàng Ngọc Tuấn, Lê Thành Nhơn...

Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc Thế Kỷ 21 *và xin cám ơn các bạn trong tạp chí Tập Họp cho phép trích đăng các sáng tác nói trên.*

TK 21

I. Công viên

Một công viên xa lạ. Rất xanh lá, cỏ, và trời. Nắng rực rỡ. Những lối đi lót đá. Tôi bước không tiếng động. Nhẹ hẫng. Không một cảm giác về trọng lượng cơ thể, chừng như đang bơi trong khoảng chân không. Mấy con hải âu lướt ngang đầu kêu quang quác vô nghĩa. Có tiếng trẻ con chạy reo bên kia hàng trắc bá. Tôi tiến về phía đó.

Dưới bóng mát những tàng cây là những băng ghế dài kiểu cổ xưa. Lố nhố người già ngồi trên đó, đầu cúi gầm, khuôn mặt khuất sau những trang báo mở rộng. Lũ trẻ con đứng hoặc nằm trên bãi cỏ, im lặng. Không một chuyển động. Không một âm thanh nào cất lên. Những hình nhân bằng sáp. Lạnh lẽo. Vô cảm. Một cõi không có thực ư? Tiếng trẻ con chạy reo đâu rồi? Có thể nào chỉ là ảo giác?"

Mấy giờ rồi? Tôi tự hỏi. Giá như có một cái mốc, một điểm tựa nào đó! Giá như tôi bắt được một điểm xác định, bất cứ điểm nào, trong thời gian, để dò tìm sự thực. *Ngươi là ai? Từ đâu đến đây? Muốn gì? Đây là đâu? Bây giờ là lúc nào trong cuộc sống của ngươi? Có phải ngươi đang sống?*"

"Thưa ngài, thứ lỗi cho. Tôi muốn biết bây giờ là mấy giờ..." Khuôn mặt vẫn khuất sau trang báo. Chiếc mũ da đắt tiền không chuyển động. Tôi không thể biết tôi nói bằng ngôn ngữ gì, nhưng tôi biết thứ ngôn ngữ tôi nói có thể diễn đạt ý muốn của tôi, và tin rằng ai cũng hiểu.

"Thưa ngài, thứ lỗi cho. Tôi muốn biết bây giờ là mấy giờ..." Im lặng tuyệt đối. Bất động tuyệt đối. Tôi đọc trộm những hàng chữ trên trang báo quay về phía tôi. Dù không thể xác định được ngôn ngữ nào, tôi vẫn hiểu được tất cả những gì in lên giấy. Một vụ giết người ghê rợn. Máu. Chất nổ. Sự tẩu thoát. Một cuộc liên hoan chào mừng tân lãnh tụ chính trị. Diễn văn. Rượu. Lời ca

tụng. Một quái thai ra đời. Sự hiếu kỳ. Người mẹ. Niềm thất vọng. Một thiếu nữ xinh đẹp tự tử. Tình yêu. Ghen. Sự phụ rẫy. Một ngôi sao màn bạc vừa nhận giải thưởng. Tiền. Danh vọng. Đám đông ái mộ. Một chiếc tàu bị đánh đắm. Lửa. Súng đạn. Chiến tranh. Một hiệp ước quốc tế được ký kết. Trò bịp bợm. Sự rỗng tuếch.

"Thưa ngài, thứ lỗi cho. Tôi muốn biết bây giờ là mấy giờ..." Tôi lập lại. Lải nhải. Sự rỗng tuếch mở rộng trong tôi. Choáng váng.

"Bạn nhỏ ơi, thứ lỗi cho. Tôi muốn biết bây giờ là mấy giờ..." Đôi mắt xanh trong suốt. Hàng lông mi vàng hoe dài và đẹp lạ thường. Sức sống. Tuổi hồn nhiên. Đường tương lai vượt những chân trời. Niềm thơ ngây trao nhận tình người bao la không nghi ngại.

"Bạn nhỏ ơi, thứ lỗi cho. Tôi muốn biết bây giờ là mấy giờ..." Màu xanh trong làm nhớ đến những hòn bi ve thời thơ ấu. Những hòn bi trong ký ức xoay xoay. Đôi mắt sáng ngời sao vô hồn, không chớp.

"Bạn nhỏ ơi, thứ lỗi cho. Tôi muốn biết bây giờ là mấy giờ..." Cái gì đang mở rộng. Không gì cả. Chỉ có sự mở rộng. Tôi rơi vào trong đó. Hun hút sâu. Những mắt bi ve lạnh lùng. Những hoe vàng cỏ khô đồng cháy nắng. Những chân trời rất xa tín hiệu rạc rời không gửi tới. Môi tê khô lải nhải vụng về.

"Thưa bà, thứ lỗi cho. Tôi muốn biết bây giờ là mấy giờ..." Những sợi tóc trắng lấp lánh bạc. Người mẹ khả kính. Vầng trán thời gian mặt trời mặt trăng cày những luống âu lo. Tấm áo len dở dang giữa hai bàn tay khẳng khiu, đôi kim đang lặng nghỉ. Những mùa đông rất dài trong đời. Những mùa hè rất ngắn, không đủ thời giờ sưởi ấm đôi vai.

"Thưa bà, thứ lỗi cho. Tôi muốn biết bây giờ là mấy giờ..." Tóc bạc trắng màu tơ nhân tạo. Đâu rồi những tháng năm niềm ân cảm chứa chan? Những trẻ sơ sinh ra đời. Những dòng sữa. Hơi ấm vòng tay. Những tình người trời cho rất trong và rất trắng. Những lời ru. Những khúc nhạc hành quân. Những chia tay đau đớn ngọt ngào. Những trở về căng ngực yêu thương.

Thưa bà, thứ lỗi cho.Tôi muốn biết bây giờ là mấy giờ..." Khoảng trống khôn cùng. Đường rơi không giới hạn. Tĩnh vật. Những hình khối. Những khung cửa khép. Cuộc sống ở bên kia. Lẩn khuất. Niềm bí mật. Ngôn ngữ không còn là tín hiệu. Điểm tựa ở nơi nào?

Tôi quay trở lại. Những lối đi lót đá. Những bước chân nhẹ hẫng không trọng lực, chừng như đang bơi trong khoảng chân không. Mấy con hải âu lướt ngang đầu, kêu quang quác vô nghĩa. Nắng rực rỡ. Rất xanh lá, cỏ, và trời.

Phía sau lưng, có tiếng trẻ con chạy reo. Bên kia hàng trắc bá.

II. Thành phố

Tôi bị cuốn theo dòng người cuồn cuộn về mọi phía. Những bộ y phục kiểu rất mới. Những tòa nhà chọc trời che rợp thương khung. Những ô không gian đặc quánh. Lượng tiếng động vượt giới hạn giác quan đồng nghĩa niềm im lặng. Những chiếc hộp, những khối sắt lầm lì chuyển động. Những điểm đến định sẵn. Những con số chính xác. Sự sống đồng nghĩa sự chết.

Mọi ngày là ngày hội. Con người chào hỏi nhau lịch sự, ân cần. Những bàn tay siết chặt. Giọng nói tự tin. Cử chỉ gọn gàng. Nhân ảnh trên đường phố và nhân ảnh trên những tấm bích chương không thể nào phân biệt. Sự đồng nhất độc đáo. Những màu da không thể nào phân biệt. Những cá tính không thể nào phân biệt. Cái chung đồng nhất cái riêng. Tôi trở thành biểu tượng.

Đây rồi một khuôn mặt rất quen. Bất cứ khuôn mặt nào. Sự đồng nhất. Tôi mở môi, không một tiếng nói. Cố gắng. Vô ích. Dòng người xô đẩy cuốn đi. Tất cả những khuôn mặt đều rất quen. Tôi tìm thấy tôi trong đó.

"Chào bạn, mạnh giỏi chứ?"

"Tôi mạnh giỏi, cám ơn. Còn bạn?"

"Tôi mạnh giỏi, cám ơn. Trời hôm nay tốt đấy, chứ nhỉ?"

"Đúng thế, không tệ lắm..."

Thành phố có ba triệu người. Trong một giờ có ba mươi triệu cuộc đối thoại lịch sự và ân cần diễn ra như thế. Không vất vả. Không cần suy nghĩ. Không ngộ nhận. Ngộ nhận là kẻ thù của hạnh phúc.

Nền tảng của hạnh phúc là sự cảm thông. Sự cảm thông làm nẩy sinh tình yêu, tình người, tình bạn. Hạnh phúc cũng cần sự đồng nhất. Không phải thế sao? Những dị biệt chỉ tạo nên tranh chấp, bất hòa. Hạnh phúc chỉ có thể yên ngủ trên những thói quen. Con người không thể chợp mắt trên chiếc gối kẻ khác, dưới mái nhà xa lạ. Khi khủng bố và bạo sát là những thói quen hàng ngày, hạnh phúc cũng cần những thứ đó. Một ngày không được nghe, không được đọc một tin giết chóc là một ngày lạ thường. Cuộc sống lạc nhịp.

"Chào bạn, mạnh giỏi chứ?"

"Tôi mạnh giỏi, cám ơn. Còn bạn?"

"Tôi mạnh giỏi, cám ơn. Trời hôm nay tốt đấy, chứ nhỉ?"

"Đúng thế, không tệ lắm..."

Đây rồi một khuôn mặt đáng yêu. Tôi thoáng bắt gặp màu xanh những mùa quá khứ. Mùa cổ tích. Mùa huyền thoại. Ai nắm giữ được màu xanh? Màu xanh, tự nó hiện hữu, không đậu bám trên những trục không-thời. Màu xanh chân thực không nương tựa vào tên gọi.

Tôi cố gắng chen lách giữa những thân người di chuyển ngược xuôi, tiến về phía cô gái

trẻ. Không thể nào nhớ nổi tên nàng. Mỗi khuôn mặt người đòi hỏi một tên gọi. Thành phố không tước đoạt ký ức con người, chỉ tước đoạt tất cả kỷ niệm, mà những tên người nằm trong vùng kỷ niệm. Tôi nhìn nàng. Mở môi không thành tiếng. Hãy cho tôi kỷ niệm. Hoặc những con số, những ký kiệu nào đó dịch được thành kỷ niệm. Hãy cho tôi một tên gọi chính xác về màu xanh tôi thoáng gặp trên khuôn mặt đáng yêu. Tôi nhìn vào mắt nàng. A, B, C, D... Z. Không thể nào có tên gọi màu xanh cổ xưa êm ái ấy. Màu mắt trong phản chiếu màu trời. Màu trời trên những màu biển mênh mông nắng chói. Khi tất cả con người đều nhuốm bóng tối, phép lạ nào khiến nàng còn giữ được khoảng thiên thanh?

Nàng nhìn tôi với đôi mắt mỉm cười. Rồi bất giác lùa một bàn tay vào mớ tóc đen óng ả sau gáy cổ.

"Chào bạn, mạnh giỏi chứ?"

Nàng nói. Tôi mở môi, không một tiếng thốt ra. Ngỡ ngàng, luống cuống. Đôi mắt nàng vẫn mỉm cười. Trong một khoảnh khắc đứng lặng của thời gian, tôi chợt thấy bàn tay mình nhấc lên, vòng qua sau gáy cổ. Một chốt lên giây thiều tự bao giờ nằm đó. Tôi xoay nhẹ mấy vòng. Ngực run lên niềm kinh ngạc.

"Tôi mạnh giỏi, cám ơn. Còn bạn?"

Môi tôi mấp máy. Những âm tiết phát ra gọn gàng, chính xác, tự tin. Ngữ nghĩa là gì?Tôi hoàn toàn thua cuộc. Tiếng nói của kẻ lạ mặt nào thốt qua miệng lưỡi tôi. Chốt dây thiều xoay xoay sau gáy cổ.

"Tôi mạnh giỏi, cám ơn. Trời hôm nay tốt đấy, chứ nhỉ?"

Nàng nói. Khoảng thiên thanh vụt khép. Bóng tối phủ con ngươi. Đâu rồi mùa cổ tích? Đâu rồi mùa huyền thoại? Những mùa xưa?

"Đúng thế, không tệ lắm..."

Người lạ mặt trong tôi trả lời. Ân cần, lịch sự. Rồi chúng tôi chia tay.

Dòng người cuồn cuộn tuôn về mọi phía. Những bộ y phục kiểu rất mới. Những tòa nhà chọc trời che rợp thương khung. Những ô không gian đặc quánh. Lượng tiếng động vượt giới hạn giác quan đồng nghĩa niềm im lặng. Những chiếc hộp, những khối sắt lầm lì chuyển động. Những điểm đến định sẵn. Những con số chính xác. Sự sống đồng nghĩa sự chết.

Màu xanh đã chết.

III. Chuyến tàu

Một sân ga vắng người. Những đường sắt đen đủi, bằn bặt câm, trải tít tắp ra ngoài giới hạn của tầm mắt với vẻ lãnh đạm ghê rợn. *"Cuối cùng rồi ai cũng phải ra đi,"* tôi tự nhủ *"Dù không biết sẽ đi về đâu."* Tôi dự tưởng rồi một chuyến tàu chẳng mấy chốc sẽ đến. Nó phải đến để đưa tôi - kẻ cuối cùng của thành phố - ra đi. Tôi đã sẵn sàng.

Bên kia dãy tường đá thấp, những cao ốc trống hoác đứng chết lặng trần truồng dưới khối mây nhuốm bụi than không chuyển động. Không con người và sinh vật nào còn lại. Không cả một hơi thở của gió. Chữ nghĩa cũng không còn tồn tại. Tất cả bảng chỉ đường đều trơ một nền trắng. Con người đã tháo gỡ tất cả từ và ý để mang về một thế giới khác. *Thế giới nào?* Tôi tự hỏi, và thấy mình rơi vào vô hạn.

Ngay lúc ấy, con tàu lầm lũi đến. Máy nổ không nghe tiếng, chỉ nghe những đường sắt lập cập rung chuyển. Rồi con tàu dừng lại. Những cánh cửa sắt đồng loạt mở ra. Tiếng kim loại rít ken két. *"Mình sẽ đến một thế giới mới,"* tôi tự nhủ. *"Mọi người sẽ gặp nhau ở đó."* Thong thả bước vào khoang tàu, tôi cố hình dung một nơi chốn thật yên ả, sạch, và đẹp - một nơi chốn nào đó cũ xưa hơn mọi quá khứ và mới mẻ hơn mọi tương lai. Tôi muốn chia xẻ với bất cứ ai về ý nghĩ đó. Nhưng không tìm thấy một ánh mắt người.

Những cánh cửa sắt đồng loạt khép lại. Con tàu lướt tới. *"Vĩnh biệt. Xin chào cuộc hành trình đầu tiên về một thế giới mới."* Con tàu bứt thoát những cánh tay vô hình của không và thời gian. Tôi hiện hữu trên vận tốc.

Hãy thử tưởng tượng đến ngày mai, giờ bình minh, khi con tàu đã dừng lại, cuộc hành trình đã kết thúc." Tôi tự nhủ. *"Một thế giới khác sẽ được tìm thấy. Nơi đó, mỗi đêm là kỷ niệm và mỗi ngày là niềm hy vọng. Nơi đó, không gian được đo bằng khóe nhìn của mắt, và thời gian bằng nhịp đập của tim."* Con tàu hân hoan lướt về

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
Nguyễn Thị Ngọc Sương
14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 531-2773

phía trước.

Hãy thử tưởng tượng đến thế giới đó." Tôi tự nhủ. "*Nơi từ thành một với ý. Nơi sự yếu đuối được tôn vinh. Nơi không còn lịch sử mà chỉ có những chuyện tình. Nơi mọi con người đều hiền thánh.*" Những vòng bánh nhẹ hẫng cuốn tôi vào giấc ngủ. Tôi mơ thấy mình biến thành nhân loại, ngồi tựa vào vai nhau ấm áp những khoang xe. Hít thở. Nói cười. Trước mặt là sự sống. Một bầu trời rất xanh đang mở rộng. Một thế giới đang nở hoa theo khoảng cách ngắn dần.

Đột nhiên tôi cảm thấy những khoảng cách biến thành hư tưởng. Khởi thủy đồng nhất với chung cuộc. Tốc độ tuyệt đối đồng nhất sự bất động. "*Phải chăng hành trình này không có thực? Và tôi đã chẳng bao giờ ra đi?*" Tôi choàng dậy, thảng thốt. "*Và phải chăng thực sự không còn thế giới nào khác để đến?*" Một màu trắng lạnh lùng, đặc quánh dán vào ô cửa kính.

Nhân loại vụt biến mất. Những băng ghế trơ trọi. Màu trắng chiếm hữu mọi giác quan tôi. "*Có thể nào trên tất cả những băng ghế trống kia thực sự không có những con người như tôi, những kẻ đồng hành, đang ngồi đó? Hay phải chăng mỗi con người đều chỉ có thực trong cõi của riêng mình, vô hình trước nhãn quan khách thế?*" Tôi nhắm mắt lại và thấy chính mình không còn nữa.

Chỉ còn sự trong suốt, và niềm im lặng tột cùng. "*Thực sự chỉ có một thế giới để sống. Và một con tàu chưa bao giờ lăn bánh.*"

HOÀNG TỪ DƯƠNG

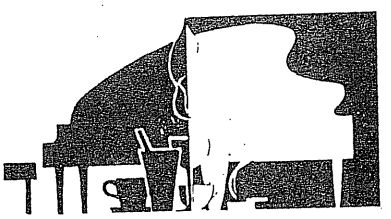

CUỘC ĐÀM THOẠI Ở QUÁN CÀ PHÊ FOREST LODGE

HOÀNG NHA TRANG

Tối hôm qua, ở quán cà phê Forest Lodge, tôi được dự vào một cuộc đàm thoại khá thú vị và có chút ý nghĩa (ít ra là đối với tôi, bởi tôi cảm thấy cần phải ghi lại đây để khỏi quên.) Những "câu chuyện cà-phê" thường là những mẩu đối thoại không đầu không đuôi, những chuyện tán dóc của đám dư giờ thích cảm giác nhàn tản, lười lĩnh (trong đó có tôi.) Ấy vậy mà đêm qua tôi lại tình cờ được dự vào một cuộc đàm thoại tương đối nghiêm chỉnh, thế mới lạ. Thế nên, sáng nay tôi thức dậy sớm để ghi lại. Tôi không muốn các bạn xem nó như một thứ truyện ngắn, bởi chẳng có gì được hư cấu, cũng chẳng có cốt truyện gì rõ ràng. Đối với tôi, nó có chút ý nghĩa và khá thú vị (như tôi đã nói), và tôi chỉ muốn chia xẻ với các bạn cảm giác đó, thế thôi. Chắc chắn rằng tôi không tài nào nhớ đủ mọi chi tiết, tuy nhiên tôi sẽ cố gắng ghi lại được chừng nào hay chừng ấy.

*
* *

Cuộc đàm thoại bắt đầu từ một câu nói bâng quơ, kiểu làm dáng của John Mc Cabe, một sinh viên luật sắp ra trường (những điều tôi nghe và nói lai rai trước đó không đáng ghi lại

ở đây.) John nói, mắt ngước nhìn theo những cụm khói thuốc lãng đãng bay lên, tay đang cầm tờ tuần san LEFT POWER số mới:

"Jazz quả là một thứ sản phẩm âm nhạc của giai cấp bougeois... Nó cung cấp cho chúng ta những cảm giác bồng bềnh rất giả tạo, và có khả năng lôi cuốn chúng ta ra khỏi cái thực tại tệ hại của cuộc sống trong chốc lát..."

Khi ấy, chúng tôi - John McCabe, Jenny White (bạn gái của John), Josef (tay thổi saxophone gốc Tiệp, tôi không nhớ họ), Pavel Czerniawski (tay đánh bass gốc Balan,) Grigory Ivanich (tay chơi jazz piano gốc Nga,) và tôi (tay chơi guitar người Việt) - đang uống cà-phê, hút thuốc, và thưởng thức một đĩa nhạc của Duke Ellington. Thực ra, gọi chúng tôi là một nhóm bạn thì không hẳn đúng, mặc dù một tuần hai lần (đêm thứ Sáu và đêm thứ Bảy) chúng tôi thường gặp nhau ở đây từ khoảng mười giờ đêm (dù không bao giờ hẹn trước; thói quen của bọn ghiền cà-phê mà, bạn biết đó,) chia nhau một bàn, cùng uống cà-phê (tự trả tiền phần mình,) và nói chuyện lai rai cho đến khuya.Đúng nhất nên dùng chữ *quen mặt* thay vì *quen biết* giữa chúng tôi, vì chúng tôi chưa biết nhau đủ.

"Tôi cũng nghĩ như vậy," Jenny nói: (Có lẽ tôi sẽ không ghi lại bất cứ câu nói nào khác của Jenny trong cuộc đàm thoại đáng nhớ này, bởi nàng chỉ biết nhái lại bất cứ cái gì John phát biểu. Có lần John bảo tôi rằng nàng mới lấy xong cái B.A. năm ngoái. A là Arts, nhưng theo nhận xét chủ quan của tôi, những phát biểu của nàng về nghệ thuật thì khá rác rưởi. Nàng là một mẫu *typical* thời thượng sinh ra từ những khu phố trung lưu như Paddington, Edge Cliff... chẳng hạn. Một số những đặc điểm bề ngoài của mẫu này có thể kể là: y phục trắng đen thùng thình lỏng lẻo, lộ vẻ lơ đễnh một cách tính toán; sính các thứ pop arts; thích đồ ăn và các tranh ảnh thương mại Á Đông; hay nói chuyện Zen, thường nhắc đến những lần thực tập "meditation" nào đó, và thỉnh thoảng ăn chay; lưu tâm đến vấn đề cách mạng tình dục, có cảm tình với đám gay, lesbian; khoái các từ ngữ: *revolution, liberation...;* ưa nói chuyện Marxist dù rất lười biếng tìm hiểu, và thường làm ra vẻ khuynh tả v.v...)

"Thực sự bạn nghĩ như vậy sao?" Josef hỏi, hơi ngạc nhiên. "Bạn biết Langston Hughes chứ?" Một người da đen nghèo nàn, một thi sĩ, một tay ghiền jazz, sống jazz, một jazzman của tự do, tình yêu, hòa bình, bình đẳng... Có lần Langston biểu lộ sự giận dữ khi nghe báo chí Xô-viết phê bình jazz là thứ nhạc tiểu tư sản suy đồi. Ông nói *nó là âm nhạc của tôi, và tôi chắc chắn sẽ không bao giờ vì một cuộc cách mạng thế giới mà từ bỏ nhạc jazz được.*" Bạn có nghĩ Langston là bourgeois không, John?"

"Jazz là một thứ élan vital," Pavel nói. "Một thứ sinh khí sáng tạo thực sự. Vâng, élan vital, kể cả những bài blues buồn bã nhất."

"Có thể lắm," John nói. "Nhưng các anh có thể giải thích tại sao những người vô sản lại muốn dẹp bỏ nó từ bảy mươi năm trước không? Và như các anh thấy, họ đã thay đổi nó từ phong cách đến nội dung từ lâu rồi. Hẳn các anh đã từng nghe nhạc jazz mới của Nga chứ?"

"Soviet Jazz! Thứ đó mà gọi là jazz sao? Này, mấy jazzmen của tôi có nghe John nó nói cái gì không?" Pavel kêu lên, nhún vai nhìn mọi người.

"Người vô sản nào? Người vô sản ở nước Úc này chăng?" Josef hỏi.

"Không," John đáp. "Tôi muốn nói người vô sản giác ngộ kia. Người vô sản ở Nga, ở Balan, ở Tiệp... chẳng hạn."

"Người vô sản giác ngộ ở Nga? Bạn muốn nói đến nhà nước Xô-viết?" Grigory hỏi, nhìn John.

"Có thể như vậy... Tiếng nói chung của các công dân Nga...," John tìm cách giải thích suy nghĩ của anh.

"Anh bạn ơi, khoan nói đến Nga cái đã. Hãy nói đến Đức trước," Grigory nói. "Bạn có biết Hitler và Goebbels đặt tên cho nhạc jazz là gì không? Judeo-Negroid music. Bạn có nghe người ta nhắc đến nhóm Ghetto Swingers không? Bạn biết Eric Vogel chứ? Tay bỉnh bút âm nhạc cho tờ Down Beat ở Mỹ đó. Cả nhóm Ghetto Swingers bị giết ở Terezin, trừ Eric Vogel đào tẩu được, bạn biết chứ?"

"Không, tôi chưa từng nghe những chuyện như vậy," John nói, nhìn Grigory. "Bọn Fascist cũng chống nhạc jazz sao, Greg?"

"Sao không? Năm 1942, Goebbels tuyên bố trên đài German Radio về vấn đề nên hay không nên phát thanh cái gọi là nhạc jazz. Gã lý luận hồ đồ rằng nếu jazz là thứ nhạc đặt nền tảng trên tiết tấu, và hoàn toàn không lưu ý đến giai điệu, mà thứ tiết tấu của nó lại được tạo nên bởi những âm thanh chói tai, xúc phạm tới tâm hồn, thì tại sao không dẹp quách cái nhạc jazz đó đi cho xong..."

"Shit!" Josef nói. Pavel lập lại chữ đó, vẻ cáu kỉnh.

"... Tuy nhiên, chắc bạn biết," Grigory nói tiếp. "Nhạc jazz vẫn không chết dưới bạo lực Nazi. Ngay trong trại tập trung Buchenwald khét tiếng cũng có một ban chơi swing để giữ tinh thần cho các tù nhân Pháp và Tiệp ở đó. Dĩ nhiên là chơi lén, và nhạc cụ là bất cứ thứ bá láp gì có thể tạo âm được, Josef, chắc ông nghe chuyện một tay chơi guitar dám hát bản Tiger Rag của Louis Armstrong trong một trại tập trung gần Wiener Neustadt sat Vicherek chứ..." Anh chàng ấy còn dám hát cả những lời thách thức nữa kìa..." Grigory chợt cao hứng hát ngay mấy câu tiếng Đức,

"Das Spiel ist ganz und gar verloren. Und dennoch wird es weitergehen... Thua keo này... Thì bày keo khác... Cừ thật nhỉ?"

"Nhưng Greg này," John nói. "Như vậy Hitler và Goebbels chống nhạc jazz vì kỳ thị chủng tộc. Chữ Judeo-Negroid là bằng chứng. Thế còn, theo ông, Xô viết chống nhạc jazz vì gì vậy?"

"Sai rồi anh bạn ơi," Grigory nói. "Đâu có phải Hitler và Goebbels chống nhạc jazz vì kỳ thị chủng tộc, mặc dù chúng là bọn kỳ thị chủng tộc. Cái mà chúng sợ chính là sức mạnh của đám đông. Chúng nhận thấy jazz là loại âm nhạc của đám đông và chúng e rằng nó có thể kích động đám đông chống lại chúng..."

"Tôi nhớ có đọc đâu đó rằng...," Pavel xen vào. "Những họng súng ý thức hệ và đôi khi ngay cả những họng súng công an của tất cả những chế độ độc tài luôn luôn nhắm vào những người thổi kèn."

"Josef Skvorecky, nhà văn Tiệp khắc, viết câu đó," Josef nói.

"Josef nhà văn Tiệp khắc viết điều đó cho Josef người thổi saxophone Tiệp khắc," tôi nói.

Mọi người cùng cười ồ lên. Josef đỏ mặt vì mắc cỡ và hãnh diện.

"Xô viết chống nhạc jazz cũng chỉ vì sợ sức mạnh của đám đông," Grigory nói tiếp, giọng bình thản.

John McCabe định nói gì đó, nhưng thôi. Anh bưng ly cà-phê lên uống, vẻ suy nghĩ. Tôi cũng muốn nghe Grigory nói thêm về điều đó, nhưng thấy anh bắt đầu gõ những ngón tay xuống mặt bàn như đánh piano theo những hợp âm đầy ma lực của Duke Ellington, và Josef chu miệng ra, mắt lim dim, đầu gật gù khoái trá trong tiếng clarinet vút cao của bản *Tenderly*.

Chúng tôi tạm ngưng cuộc đàm thoại để thưởng thức âm nhạc, cà-phê, và thuốc lá.

John McCabe vẫn có gì chưa thoải mái. Anh chưa chịu thua mặc dù anh bắt đầu khớp Grigory, tôi biết. Tôi có cãi với anh gần một chục lần về những chuyện tương tự, đại loại như chuyện "samizdat," chuyện "gulag" v.v... nhưng chẳng bao giờ đến đâu. Có nhiều lý do khiến tôi cãi với John không đến nơi đến chốn. Một trong những lý do đó là John hay đem chuyện lý thuyết sách vở ra để nói, trong khi tôi chúa ghét những thứ cũ rích đó; và khi tôi đem chính cuộc sống khốn nạn của tôi ra để chứng minh, thì John không tin, cho tôi là chủ quan, phóng đại, quá nhiều xúc cảm cá nhân. John hay bảo tôi khi cãi nhau hãy đem cái logic khách quan ra mà nói, thay vì đem các thứ nước mắt, nước mũi, đờm dãi ra. Có thể tôi chủ quan, nhưng theo tôi cái thứ "logic khách quan" của John chỉ là cái lối mòn lý sự của những tên mọt sách đần độn. Có thể John học rất giỏi (tôi không nghi ngờ gì về điều đó,) nhưng bên cạnh những phần sáng láng, trong đầu anh có những phần rất tối khiến anh quá dễ dàng bị khớp khi đụng đến Marxist-Leninism qua sách vở.) Tất nhiên anh sáng láng hơn Jenny nhiều vì anh còn chịu khó gặm được một mớ sách dày cộm của Marx, Engels, Lenin, trong khi Jenny chỉ là thứ Tả thời trang và rởm đời, chuyên nhai lại những thứ do John nhả ra. Một lý do khác khiến tôi không cãi kịch liệt đến cùng với John là vì tôi biết anh sẽ không bao giờ là một tên Marxist thứ thiệt, dù anh hiện là hội viên có thẻ của tổ chức socialist hay communist gì đó, và tôi không muốn nhìn thấy anh phải tuôn nước mắt, nước mũi, đờm dãi một cách cụ thể và bi đát trong không khí nhẹ nhàng của quán cà-phê này chỉ vì tôi để cho hai bàn tay tôi nổi nóng quá đáng. Hơn thế nữa, những người như John quá nhiều, lúc nhúc trong quán này, lổn ngổn ngoài đường kia.

"Có lẽ qua cái nhìn của những người anti-Communist, các ông khó thấy được những điều hay và đúng của chủ nghĩa Cộng sản," John chợt nói, khi bản *Tenderly* vừa kết thúc.

"Chúng tôi không chống Cộng," Grigory trả lời. "Chúng tôi chống độc tài, bất công, phi nhân bản. Nếu Cộng sản không có những cái đó, chúng tôi hẳn đã không chống đối họ. Nếu Phát-xít không có những cái đó, chúng tôi cũng đã chẳng phàn nàn gì. Rõ ràng chứ?"

"Vậy nếu những cái đó có ở đất nước này, hay ở Mỹ, các ông có chống không?"

"Tất nhiên, bởi chúng tôi không phải là bọn sống nhờ những trò chính trị này nọ, chúng tôi không thuộc phe phái nào cả, chúng tôi chỉ muốn sống như những con người, thế thôi. Mấy thằng chơi trò con nít chia phe đánh nhau nên xuống địa ngục mẹ nó cho rồi. Vả lại, John, bạn có nhận thấy ở đây chúng ta có tất cả phương tiện để bày tỏ thái độ, chúng ta còn có quyền bày tỏ thái độ nữa. Tôi gọi đó là tự do. Bạn nên biết những cái bình thường và đơn giản mà bạn đang có và đang sử dụng đã không bao giờ hiện hữu dưới chế độ cộng sản và phát xít," Grigory nói. "Tôi rời bỏ Liên xô chỉ vì ở đó tôi không có phương tiện và không có quyền bày tỏ thái độ của tôi. Bạn nghe rõ chứ?"

"Vâng, tôi nghe rõ," John nói. "Nhưng tôi có vài nhận xét. Trước hết, những cái ông gọi là độc tài, bất công, phi nhân bản có thể không phải thực sự là độc tài, bất công, phi nhân bản, mà bởi chính vì con mắt tư sản đã khiến ông thấy chúng là độc tài, bất công, phi nhân bản. Có thể những cái đó lại chính là dân chủ, bình đẳng, nhân đạo đối với đại đa số quần chúng vô sản. Quyền lợi của đại đa số nhất định phải tương phản với quyền lợi của một thiểu số đối nghịch. Vả lại... có lẽ ông đã rời Liên-xô quá sớm, trước khi nhà nước chuyên chính vô sản thực sự vững vàng và ổn định như

hiện nay để đưa ra cái glasnost. Ông không thấy Andre Sakharov, Yuri Orlov được tự do ăn nói đó sao, dù cho quan điểm của họ có thể đi ngược lại quan điểm chung của nhân dân Xô-viết? Ông không thấy Diễn Đàn Hòa Bình Quốc Tế của Gorbachev vừa thành công lớn đó sao? Ông không thấy hơn 800 người nổi tiếng trong giới trí thức Tây phương, bao gồm cả các nhạc sĩ, diễn viên điện ảnh, đạo diễn, nhà văn, nhà khoa học, nhà tranh đấu cho hòa bình,v.v... trong số đó có những tên tuổi cỡ Norman Mailer, Graham Greene, Peter Ustinov, Gregory Peck, Fay Weldon, Yoko Ono, John Ogdon, Pierre Cardin, v.v.. ùn ùn kéo đến Liên xô đó sao? Ông không nghe Graham Greene, đại diện phái đoàn văn giới, phát biểu rằng "tôi muốn giúp cho Gorbachev" sao? Ông không nghe Graham Green luôn miệng nói ông ta muốn được chết ở Nga hơn là ở California đó sao? Không lẽ những khuôn mặt lớn đó đều đần độn cả sao?"

Chúng tôi quay lại nhìn Grigory Ivanych sau khi nghe một cơn mưa câu hỏi của John McCabe. Grigory bình thản mồi điếu thuốc, miệng mỉm cười. Nếu John mong nhìn thấy một chút bối rối trong cử chỉ của Grigory thì hẳn đó chỉ là ảo tưởng. Người nhạc sĩ Nga 52 tuổi tóc lốm đốm bạc vẫn rất ung dung hút thuốc lá, đôi mắt có vẻ hóm hỉnh, giễu cợt.

"John, nhà trí thức trẻ tuổi Úc đại lợi ơi, bạn có biết Arthur Koestler gọi đám trí thức Tây phương đó là gì không? *Call girls.*" Lý do tại sao Koestler gọi họ là "call girls" thì quá dễ hiểu."

"Còn Lenin gọi đám đó là *my useful idiots,* phải không Greg?" Tôi hỏi Grigory.

Mọi người cười rộ lên.

"Đúng vậy," Grigory xác nhận, rồi nói tiếp. "Còn những điều Graham Greene phát biểu đó thì đáng gì so với những điều André Gide đã phát biểu trong những năm 30. Gide nói "tôi những muốn khóc lớn nỗi tri cảm của tôi đối với Liên xô và hy vọng tiếng khóc tôi được nghe thấy và gây nên những ảnh hưởng. Tôi muốn sống thọ đủ để chứng kiến sự khải thắng của nỗ lực vĩ đại mà tôi hằng cầu mong nó đạt được bằng cả ước mơ tự đáy lòng, v.v...", rồi còn sụt sùi khóc lóc chút ít nữa chứ. Khóc vì cảm kích đất nước Xô viết nhân đạo vĩ đại. Bạn không biết chuyện đó sao? Rồi bạn có biết sau này, khi đã tỉnh mộng, Gide nói gì không? Bạn không biết sao? Tôi không nhịn cười được khi thấy cái trò *call girls* và *useful idiots* đến bây giờ vẫn còn ăn khách."

"Thực vậy," Pavel nói. "Người Tây phương bây giờ không chịu tin lời nói của những người đã sống ở các nước cộng sản gần nửa cuộc đời rồi thoát ly, mà lại dễ dàng tin lời nói của những người được các nước cộng sản mời đến ghé chơi ăn uống chỉ một đôi ngày."

"Buồn cười hơn nữa ở cái chỗ rằng những kẻ ca cẩm Cộng sản lại là những tên bourgeois chính hiệu mới chết chứ!" Josef nói thêm. "Call girls, useful idiots, những từ ngữ tuyệt diệu!"

"Greg, hãy cho tôi biết ý kiến của ông về glasnost," John nói, nhìn thẳng vào mặt Grigory.

"Glasnost," Grigory nói. "Quả là phép lạ của thế kỷ!"

Pavel, Josef và tôi bắt đầu cười. John nhìn chúng tôi, có vẻ hơi bực mình.

"Glasnost," Grigory nói. "John thân mến của tôi ơi, tôi sắp kể cho anh nghe một câu chuyện ngụ ngôn hiện đang được truyền miệng ở Liên-xô và Đông Âu. Tôi tin nội dung của câu chuyện ngụ ngôn sẽ giúp anh thấy rõ hơn về bản chất của phép lạ glasnost."

Grigory vừa lim dim vừa hút thuốc, vừa kể...

Có một gia đình nghèo khó và đông con, hai vợ chồng và sáu đứa con, sống trong một cái nhà chỉ vỏn vẹn có một phòng ngủ nhỏ bé. Những đứa trẻ ngày mỗi lớn, và căn phòng càng chật hẹp hơn. Bởi thế, người cha mới tìm đến pháp sư để kể lể sự tình và cầu xin được cứu giúp.

Tên pháp sư nói: "Với quyền năng của ta, không có gì là bất khả. Có điều là để nhận được một phép lạ không phải dễ dàng như nhận một món quà tặng rẻ tiền. Tuy nhiên, ta không đòi hỏi nhiều ở những kẻ nghèo nàn như bọn ngươi. Ta chỉ muốn bọn ngươi biết rằng cái giá phải trả để được nhận phép lạ chính là sự kiên nhẫn của bọn ngươi.

Người cha khốn khó trả lời: "Thưa ngài, nhà ở, thức ăn và tiền bạc thì chúng tôi không có, nhưng kiên nhẫn thì có thừa, bởi chúng tôi đã được rèn luyện trong khổ đau."

Tên pháp sư nói: "Vậy tốt lắm. Để làm căn nhà của ngươi rộng thêm, có ba bước cần phải được kiên trì thực hiện. Trước hết, ngươi ra chợ mua gấp hai chục con gà đem về nuôi ngay trong phòng ngủ. Nhớ rằng đừng nhốt chúng trong lồng hay cột chúng lại, mà phải để chúng tùy ý đi đứng ăn ngủ bất cứ nơi nào chúng muốn trong phòng người, và nhớ tuyệt đối đừng bao giờ dọn phân. Hãy kiên nhẫn chịu đựng trong ba tháng, rồi trở lại đây, ta sẽ hướng dẫn để thực hiện bước thứ hai."

Người cha về nhà và làm đúng như lời tên pháp sư căn dặn, dù số tiền mua hai chục con gà và thực phẩm cho chúng lớn bằng chính sinh mạng của ông. Ba tháng sau, người cha trở lại gặp tên pháp sư và nói: "Thưa ngài, quyền phép vô biên, chúng tôi đã thực hiện y như lời ngài dặn và chúng tôi sắp chết. Xin ngài hướng dẫn gấp bước thứ hai ngay cho."

Tên pháp sư nói: "Tốt lắm, thật xứng đáng. Vậy hãy ra chợ mua gấp bốn con dê nữa rồi đem về nuôi ngay trong phòng ngủ của ngươi, cùng với hai

chục con gà trước kia. Đừng trói cột chúng. Đừng dọn phân chúng. Nhớ cho chúng ăn uống thật đầy đủ, và ngủ chung với chúng một phòng. Hãy biết rằng nếu một con vật chết đi, hoặc một người ra ngoài ngủ riêng một lần nào đó thì cũng đủ làm tất cả phép lạ thành vô hiệu. Hãy kiên trì chịu đựng thêm ba tháng nữa, rồi trở lại đây, ta sẽ hướng dẫn cho bước cuối cùng."

Người cha về nhà và làm đúng như lời tên pháp sư căn dặn, dù số tiền mua bốn con dê cùng với ba tháng thực phẩm cho dê và gà lớn bằng sinh mạng của toàn thể gia đình. Ba tháng nữa trôi qua, người cha dắt người mẹ cùng cả bầy con đến nhà tên pháp sư và nói: "Thưa ngài quyền năng vô lượng, chúng tôi đã thực hiện y lời ngài dặn và chúng tôi không thể sống thêm một giờ nào nữa trong căn phòng thối tha, chật chội, nóng nực, bẩn thỉu như địa ngục đó. Sự kiên nhẫn của chúng tôi đã thực sự kiệt cạn vì đói ăn và mất ngủ suốt sáu tháng qua. Xin ngài đoái nhìn những bộ xương tàn tạ này và ban phép lạ ngay cho."

Tên pháp sư vui vẻ nói: "Tốt lắm, thật xứng đáng. Và đây là bước cuối cùng để phép lạ xảy ra. Hãy đem ngay đến đây cho ta hai chục con gà và bốn con dê ghê tởm đó, rồi về nhà dọn dẹp từ trong chí ngoài cho thật sạch sẽ. Sau đó, hãy ăn một bữa đơn sơ những thức dễ tiêu hóa, rồi đi ngủ ngay đừng chần chờ gì cả. Sáng ngày mai, hãy đến đây cho ta biết kết quả."

Những kẻ khốn khổ vội vã dắt nhau về nhà và làm đúng như lời tên pháp sư căn dặn. Sáng hôm sau, người cha hớn hở chạy đến báo cho tên pháp sư: "Thưa ngài công đức bất khả sánh, phép lạ đã xảy ra và quả là tuyệt diệu. Vợ con tôi giờ đây vẫn còn ngủ. Chưa bao giờ họ ngủ ngon như vậy. Tôi cũng thế, đêm qua tôi ngủ say một giấc không mộng mị. Căn nhà rộng rãi, mát mẻ và thơm tho dễ chịu làm sao! Xin đội ơn ngài..."

Và như thế, ai cũng được vui vẻ. Gia đình đông con nghèo khó kia đã có được căn nhà rộng, và tên pháp sư có được hai chục con gà và bốn con dê.

Grigory dứt lời. Cả đám bò ra cười.

"Viva glasnost," Josef nói.

"Glasnost forever," Pavel nói.

"Sự mở rộng muôn năm," tôi nói.

"Glasnost thực chất chỉ là như vậy sao?" John hỏi, nhìn Grigory bằng cặp mắt kinh ngạc.

"Vâng," Grigory nói và đưa tay chỉ Pavel, Josef, và tôi. "Ít nhất chúng tôi thấy rõ nó như vậy. Còn bất cứ ai không tin nhận xét và kinh nghiệm của chúng tôi, thì hãy đến sứ quán Liên-xô để xin tỵ nạn chính trị. Bởi vì, chỉ có cách ở ngay trong nó mới thấy rõ và hết thắc mắc về nó. Hơn thế nữa, biết đâu những kẻ có lý tưởng cách mạng vô sản chân chính, như bạn chẳng hạn, sẽ tìm thấy tự do và hạnh phúc đúng nghĩa ở đó. Nếu có một giấc mộng, hãy trả bằng bạc thật để được sống với nó. Không ai có thể mua một giấc chiêm bao, dù là ác mộng, bằng bạc giả..."

Trước khi rời quán, Grigory hát cho cả bọn nghe một bài hát với giọng bariton thầm thì và khàn đục. Đó là một bài hát samizdat ở Nga, do một người bạn nhạc sĩ guitar sáng tác, và chính Grigory đã dịch ra Anh ngữ:

With may guitar on my knee
Singing through many dark skies,
Freedom I shall never see,
Only music: may real life!

If you want to, cut my throat,
Cut all my veins, and just kill...
All I beg is - do not cut
May six guitar strings of steel...

"Cảm ơn bạn," tôi nói và bắt tay Grigory khi chúng tôi cùng bước ra đường. "Nhờ bạn mà cuộc cà-phê đêm nay thật đáng nhớ."

"Vui thôi, có gì đâu. Ngủ ngon nhé," Grigory nói. Và chúng tôi chia tay.

HOÀNG NHA TRANG

Thụy

Bạn ạ khi chiều mưa mới tới!
Trẩy hết sinh linh lòng bụi trần
Thèm như cây lá nằm yên thở
Một khoảng xanh ngời trên áo khăn

Nhắm mắt mà đi không thắc mắc
Ví thử có làm người mộng du
Thả hồn rớt tới thiên niên đại
Đứng ngẩn trên khung gió tuyệt mù

Đứng đó. Mở bừng con mắt ra
Tóc bay để mặc tóc bay xòa
Trán hằn thiên đỉnh nơi muôn trượng
Núi ẩn trong rừng thung lúng xa

HOÀNG XUÂN SƠN

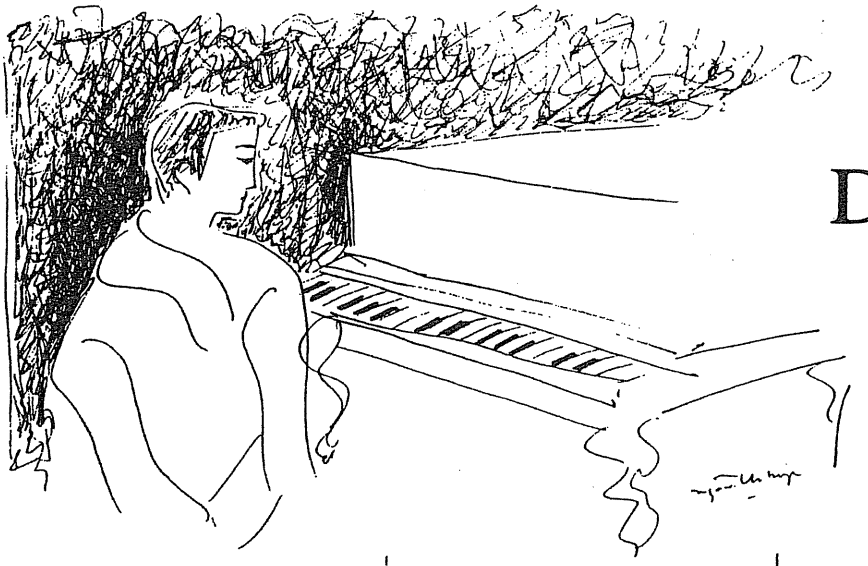

CHIẾC DƯƠNG CẦM

TRẦN VŨ

Ngày đầu tiên đạp xe xuống Củ Chi, nhận một chỗ giáo viên cấp một, Hòa đã chú ý đến chiếc dương cầm kê lây lất trong một góc tối của gian lớp học quạnh quẽ. Giữa bốn bức tường gạch xây không sơn phết, chiếc dương cầm nằm trơ trẽn, trần trụi và im lìm như một quý vật đang hấp hối. Lớp gỗ đánh bên ngoài hãy còn bóng, mảnh khăn nhung phủ phím đàn vẫn còn mịn. Cả chiếc ghế ngồi hình chữ nhật, có bốn chân cong cũng còn gần bên. Cây đàn chưa mất di dáng dấp sang trọng, lẫn vẻ kiêu sa của chính nó. Hòa đứng yên trong gian phòng vắng. Anh nhìn cây đàn chìm trong bóng mờ của bức tường khuất nắng. Trên nền đất không tráng xi măng, xông lên một mùi ẩm. Cả mùi gỗ tươi của mớ bàn ghế đóng tạm bợ, vội vàng cho niên học sắp khai giảng, vất ngổn ngang bên chiếc dương cầm. Dưới lớp bụi lấm tấm, cây đàn giữ lại trọn vẹn hình ảnh của cả một thời đại vừa đi qua. Hoà vẫn không rời mắt cái nắp đàn khép hờ, phô bày hàng phím trắng nõn, thẳng đều tinh xảo dưới sắc màu đỏ gụ của giải khăn nhung dịu, cũng chỉ che đậy hờ. Hòa đến gần cây đàn như bị kích thích của tò mò ham muốn chạm tay vào món vật quý giá ấy. Tấm biển trạm nổi nhỏ, khắc tên hiệu của nhà sản xuất chiếu sáng người màu đồng lúc Hòa mở nâng nắp đàn. Làm sao một món hàng rất tư sản, rất trưởng giả xa hoa như chiếc dương cầm này lại hiện diện nơi đây, trong một ngôi trường *giải phóng*, thiếu thốn trăm bề của vùng Củ Chi "*thành đồng đất thép này*" ? Hoà không rõ lắm, chỉ nghe từ đáy lòng mình những phím âm thanh xôn xao của một thời hoa mộng vừa vọng lên. Từ chiếc dương cầm toát ra sức lôi cuốn mạnh mẽ khác thường mà Hòa không sao tự chủ nổi. Năm ngón tay anh mơn trớn, ve vuốt trên mặt đàn, chỉ dám lướt hờ trên những phím nhạc. Lúc những đầu ngón tay hơi cong lại, sắp gõ xuống một nốt nhạc, nhấn xuống một hợp âm, Hòa chợt rụt tay về. Gian lớp học vắng người vẫn yên lặng như tờ. Một vài đọt lá rụng rơi bên ngoài. Vạt nắng nhỏ luồn vào khe cửa. Nền đất ẩm, trần vôi tơi tả... và chiếc dương cầm ở đó, giữ nguyên tiếng lòng của nó hãy còn ẩn núp, chưa thức giấc.

Buổi chiều đạp xe trở về thành phố, Hòa bằng lòng với chính mình. Anh đã để yên cho chiếc dương cầm im ngủ trong gian lớp học. Không nên đánh thức một thời đại đã chết, đã câm tiếng. Trong những khí cụ của âm nhạc, dương cầm là vị hoàng tử không có chỗ đứng trong dân gian, không lẫn với giai cấp bần nông. Nó tự cách biệt bằng địa vị quý tộc, bằng những âm hưởng của giây đàn không hòa điệu với loại nhạc thép đấu tranh. Cao sang chừng đó, vọng tộc ngần ấy, vậy mà hồi trưa nó đã chịu nằm hẩm hiu trong một xó góc gần như bị bỏ bê, hoang phế. Hòa không thấy buồn bã, chỉ một nỗi buồn vu vơ bâng quơ, lảng đảng theo cùng cơn gió ngoại ô thổi hửng hờ từng chập dai dẳng. Hai năm ở trường trung học sư phạm, để bây giờ ra nhận một chỗ giáo viên tiểu học, với Hòa thôi thế cũng xong. Một chỗ đứng để qua ngày, như cây đàn đã tìm ra cho mình một xó lớp an phận.

*
* *

Những ngày khai giảng đầu tiên, Hòa tiến hành chức năng mới của người giáo viên dưới mái trường Xã Hội Chủ Nghĩa hoàn toàn trong thiếu thốn đủ mọi vật liệu học đường. Phấn màu chưa có, phấn trắng không đủ. Tấm bảng đen duy nhất loang lở, lồi lõm vì thớ gỗ bị dột mưa. Học trò hơn bốn mươi đứa, đủ mọi lứa tuổi. Từ những đứa nhỏ chưa biết đọc

kêu khóc trong lớp, đến những đứa già đầu nhìn Hòa cười nham nhở. Trong thâm tâm Hòa không mấy tha thiết với *thiên chức* của mình. Mà hình như tất cả những đồng nghiệp ở đây của anh cũng chẳng ai quan tâm đến chức năng của một thầy giáo. Họ chỉ tha thiết hết lòng vào những ngày cuối tháng, chia chác khẩu phần tiêu chuẩn thịt cá, tranh nhau ỏm tỏi trước đôi mắt của lũ học trò ngơ ngác. Đã hết thật cái thời *tiên học lễ, hậu học văn.* Không phải vì những câu châm ngôn mà cổ nhân di lại cho hậu thế như *phú quý sinh lễ nghĩa, bần cùng sinh đạo tặc* không còn đúng nữa. Tất cả vẫn đúng, chỉ có đám hậu sinh bây giờ là khả ố. Hòa thường đi rảo trong hành lang, trước những *tiết học* với ý tưởng mình là một tên khả ố. Anh chỉ tìm thấy chút bình an mỗi khi ghé mắt nhìn vào trong gian nhà dùng làm kho chứa đồ phế thải, nơi có chiếc dương cầm trầm ngâm suy lặng. Hòa an tâm nhìn cây đàn mặc dù bị xem như món hàng phế thải vẫn còn nguyên vẹn dáng dấp hình hài và đức tính quý phái, uy nghi. Một đôi lần họp hiệu đoàn, có người đưa ý kiến hồ đồ và bốn cợt là đem cây đàn bửa làm củi đốt. Nhưng dù chuyên chính vô sản và có tính triệt để cách mạng đến đâu, ban giám hiệu nhà trường vẫn nhận ra đây là một vật quý. Người ta không trọng dụng nó vì không biết cách sử dụng. Nên cây đàn vẫn được để yên, nằm riêng rẽ một góc trong căn phòng chứa đồ không dùng đến. Hòa là người ngó ngàng và chăm sóc cây đàn trong âm thầm lặng lẽ.Đối với anh, nó là biểu tượng của sự sống sót của cả một triều đại phú túc vừa bị vùi dập. Chỉ một mình anh hiểu nó và chỉ một mình nó hiểu anh. Hòa thường hay đến mân mê lau chùi chiếc dương cầm mỗi khi rảnh rỗi. Nhưng không lần nào anh có đủ can đảm gõ xuống một nốt nhạc. Cây đàn

Ghi bên góc phố Flagstaff

Hàng cây trụi lá sáng nay
những dốm hồng
trời đang đưa mây về
những đám khói mờ
tịch mịch trên những mái nhà
nâu ngói cổ
tôi đứng bên một vách tường
nắng 10 giờ
bên dưới thấp là bến tàu
trên dốc cao là phố chợ
tất cả đều bình yên
trong màu nước
và màu nắng
bên kia bờ tường hàng graffiti
đỏ
No more meat killings
thời chiến tranh không biết
có đá đi qua?
tôi nhớ những cánh đồng ở
Phước Tường
không biết lúa hay cỏ
và những con bò
lưng trầy trụa
lạy trời đó không phải dấu
vết bạo hành
những lô-cốt buổi trưa tiếng
kéng khô khan kỳ lạ
mà những bạn trẻ thơ mắt
đen
và những con bò mắt nâu
dẹp kỳ lạ
dưới bầu trời nắng khô cuối
đông
tôi đi lòng vòng thành phố từ sáng
tới chiều tối
uống những mái ngói bờ rào hàng
giậu
những gốc cây già nua vết nứt
vỉa hè
những hàng hiên tôi quen thuộc
như sân nước nhà mẹ
những rổ rau tần ô
bên những chậu hoa vạn thọ
tôi đi và nhiều lần đứng lại
chết vì một bình hoa
đằng sau cửa sổ
những bình hoa tôi đã gặp nghìn
lần
lại nở ra mới mẻ
thêm một điều kỳ lạ
tôi không thể hiểu
như những vì sao tím huyền
nhiều đêm
có lúc buồn bã tôi ghé vào
một sân nhà thờ

một hiên chùa
ngồi hằng giờ nhìn những chiếc
lá da nâu theo nhau
rụng ngá
trên những sân đá hoa sứ trắng
bốc hương
chiều hôm thành phố lên đèn
nhớ những bạn bè
đến chào ra chiến trường
tóc mười tám húi ngắn
và miệng cười
ngoài cửa
thời chiến tranh có đã đi qua?
những trưa sân trường trung học
thành phố
những chùm bông nắng đỏ
tôi muốn ôm hít mọi người
và nói
hãy sống hãy trở về
buổi trưa tiếng còi hụ nôn nao
không ai muốn đi
vậy mà tất cả đều rồi đã
rời bỏ
đời sống chỉ là một giấc mộng
nhắc hoài thành sáo ngữ
nhiều sáng ngày thức dậy
nhưng nhiều sáng ngày
thức dậy
ngạc nhiên tại sao tôi
ở đây
tại sao trang giấy
những hàng chữ
rớt
vào buổi sáng
như buổi sáng nay
trên những hàng cây trụi
xám
những đốm hồng.

THƯỜNG QUÁN
21-8-89

đã câm tiếng như từ lâu Hòa biết im lặng trong cuộc sống.

Phải chờ đến một buổi chiều, như rất nhiều buổi chiều Hòa cùng những bạn đồng nghiệp ngủ đêm tại trường để soạn giáo án cho một *tiết học* sớm, tránhcái cảnh đạp xe hàng nhiều mươi cây số để hộc tốc đến trường với đôi chân rã rời, đôi mắt lạc thần vì đuối sức. Hòa trở ra từ phòng giáo viên với tâm trạng buồn bảng lảng. Dáng điệu của Tuyền ngún nguẩy từ chối lúc anh rủ nàng đi dạo dưới làng. Ánh mắt Tuyền thờ ơ với đuôi tóc đỏng đảng tinh nghịch:

"Hòa đi dạo đi, nghe nói có quán nếp cẩn mới mở đắt khách lắm. Tuyền bị trễ giáo án mấy hôm nay, phải soạn ngắn lại cho tuần sau. Chắc không đi với Hòa được, thôi để lần sau. Đừng giận Tuyền nghe Hòa.

Nắng buổi chiều phơi trên lối đi đỏ gay. *Đất thép thành đồng,* nên nắng cũng là nắng lửa. Hòa dừng chân nơi tàu lá chuối xanh rờn trồng ven hàng rào ở khu lớp học. Hòa biết anh chọn về dạy Củ Chi cũng vì Tuyền. Chọn? Có nghĩa là không nộp đơn xin thôi, mà chấp nhận đi xa theo *yêu cầu.* Về Củ Chi với Tuyền, không xa thành phố lắm, Hòa hy vọng một cuộc tình trong xây dựng. Hai năm chung trường trung học sư phạm, Hòa đeo đuổi mái tóc lưng chừng vai, sóng mũi thanh và hai vai nhỏ nhắn nại của Tuyền.

Nhiều lần đi chơi chung. Một đôi lần chia nhau dĩa bánh cuốn. Một đôi lần Hòa chở Tuyền ở yên sau, đạp lên Thủ Đức, đạp xuống Lái Thiêu. Và cũng có đôi lần sợ ngã, Tuyền ôm lấy thắt lưng Hòa. Rồi dừng ở đó, không có cái nắm tay trai gái. Dầu sao Hòa vẫn hy vọng Tuyền sẽ chấp nhận mối tình của mình, như Tuyền đã chấp nhận về dạy ở vùng Củ Chi đơn sơ, mộc mạc này. Lúc rời hàng tàu lá chuối, để đầu trần đi về căn phòng chứa đồ phế thải, Hoà nghe nóng bỏng ở trán. Từng phiến nắng lửa rơi xuống người Hòa, vỡ tan thành trăm nghìn tia lửa nhỏ. Tuyền có cố tình khi bảo anh ra quán một mình? Chỉ có những tên thất tình mới đi uống rượu một mình. Hòa ngao ngán nhận ra giữa anh và Tuyền chỉ chung một lối đi đất đỏ dẫn đến phòng giáo viên.

Chiếc dương cầm hiện ra sau cánh cửa mở, với tất cả sự lạ lùng và quyến rủ của lần đầu Hòa bước chân vô căn phòng này. Nhưng lần này, Hòa trông thấy nhiều hơn ở cây đàn một vẻ chờ đợi đầy chung thủy. Chiếc dương cầm kê sát vách tường toát ra sự mời gọi tha thiết của người tố nữ, e ấp, thẹn thùa. Hòa ngồi xuống trước cây đàn như một bắt buộc không cưỡng lại. Anh chậm rãi rỡ nâng nắp đàn, khám phá những phím trắng ngà phơi bày thôi gìn giữ. Âm thanh của phím đàn vọng lên

đầu tiên như một tiếng kêu bất ngờ, thảng thốt. Ở những nốt nhạc tiếp là sự chất ngất của yêu thương. Đến khi Hoà đặt luôn cả hai bàn tay của mình xuống phím đàn, thì chuỗi âm thanh trầm ngắn, từng chập lảnh lót thánh thoát ngân lên vang ngời ngời, biến thành những hợp âm của cả một nỗi si mê. Hòa không còn kiểm soát được hai tay mình, không còn ngửi thấy mùi đất ẩm, cùng mùi gỗ mục mốc meo ở đà nhà. Mười ngón tay trước mặt anh là mười ngón tay của đứa trẻ theo học dương cầm cách đây lâu lắm. Gian phòng dùng làm nhà kho chợt biến thành căn phòng học nhạc ở tầng trệt dẫy lầu đường Gia Long, phía trong sân tập võ nhu đạo. Trong những âm giai đang bay bổng, Hòa nghe cả tiếng thầm thì của người sư huynh già phụ trách lớp nhạc. Anh trông thấy cả vừng me la đà trước hiên trường quốc gia âm nhạc. Buổi trình tấu đầu tiên, những phím đàn rơi rụng xuống lớp thính giả im phắc. Mớ hình ảnh đầy mầu sắc, lên xuống âm vang theo từng cung bậc của phím đàn chợt tan biến, ngưng bắt. Hòa nhấc tay lên trong sự run rẩy của toàn thân đẫm mồ hôi. Đôi mắt của đứa trẻ soi mói, chiếu thẳng vào lưng Hòa. Anh đọc được trong ánh mắt ngây dại đó, có cái gì nửa ghen tức, nửa thán phục. Tia mắt của đứa trẻ lạ kỳ, chầm bẩm. Trước khi Hòa kịp lên tiếng, đứa bé gái chạy vụt ra khỏi lớp. Hòa không nhận ra đứa trẻ trong số những khuôn mặt thoáng nhanh qua đầu anh. Có lẽ nó học ở một lớp nào đó. Hòa vẫn ngồi bất động trước phím đàn khi cánh cửa bật mở tung và bóng Tuyền lật đật.

"Trời ơi! Ban đầu Tuyền cứ ngỡ là có cả một bầy họa mi cùng cất tiếng hót. Không ngờ là Hòa. Học đàn bao giờ mà mãi mới chịu trổ tài!"

"Tuyền có thấy một đứa học sinh vừa chạy ra khỏi đây?"

"Không. Đứa nào? Ở đây có cả trăm. Đàn nữa đi Hòa! Trời ơi, Tuyền mê nhạc. Hòa đàn được bản Sonate không?

Từ khi có chiếc đàn dương cầm chen vào giữa, quan hệ tình cảm của Hòa với Tuyền ngày một thêm gần gũi, mật thiết hơn. Những buổi tối thay vì đạp xe về thành phố, Tuyền ở lại trường thường hơn. Nàng cũng gắn bó với cây đàn như Hòa. Từ chiếc dương cầm nẩy sinh niềm thông cảm và quyến luyến giữa hai người. Hòa phải công nhận Tuyền mê âm nhạc và sành sỏi biết thưởng thức ít nhiều. Một đôi lần sau giấc cơn tối, Hòa ở lại dạo những tấu khúc của Mozart và Bach. Tiếng đàn vọng lên giữa đêm trầm bổng, như một khúc sáo trời. Đôi khi vài người bạn đồng nghiệp trẻ vây quanh Hòa, đề nghị chơi nhạc mới. Tuyền và hai cô bạn gái hợp ca bản *Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây*. Những lúc đó, Hòa để ý thấy tiếng đàn mình dị hợm và thô kệch, trơ trẽn. Mãi mãi, dương cầm không bao giờ là nhạc khí được tạo ra để đệm những bài ca Cách Mạng. Tiếng đàn chỉ trở lại truyền cảm, rung động mỗi khi họ đóng cửa lén chơi nhạc vàng. Một đoạn *Hoài Cảm*, một khúc *Ngậm ngùi*, mà sau khi những bạn đồng nghiệp về ngủ, Tuyền thường ngồi nán lại dựa đầu trên vai Hòa hát nho nhỏ những bài tình khúc xưa. Những buổi tối của họ luôn kèm tiếng dương cầm réo rắc.

Có một chuyện mà Hòa dấu người yêu, là ánh mắt của đứa bé vẫn rình rập soi mói sau lưng anh, mỗi khi Hòa đánh dương cầm. Tia mắt của đứa trẻ ngột ngạt kỳ lạ, gần như đố kỵ và ghen tức với Hòa. Bao nhiêu lần bắt gặp ánh mắt đầy tức giận đó, Hòa chỉ kịp đứng lên chạy ra hành lang để thấy đôi mắt nhỏ tan biến vào trong những lùm cây um tùm sau trường. Một bận duy nhất vào giữa trưa, Hòa vào phòng dương cầm với mảnh nùi dẻ và ít verni xin được với dụng ý chùi lại cây đàn đã cũ. Đang dở tay lau chùi, anh chợt nổi gai ốc đầy mình và ngửng lên bắt gặp đứa trẻ đang nhìn mình đăm đăm. Đứa bé đứng ở cửa gian lớp, không sợ hãi, không chạy trốn. Tia nhìn giận dữ chiếu thẳng vào Hòa. Ánh mắt oán hận giữ rịt lấy bàn tay Hòa còn đặt trên thùng đàn. Đôi mắt của đứa bé gái khoảng chín hay mười tuổi chỉ dịu bớt, giảm hẳn ngọn lửa đang phừng phừng khi anh lấy tay ra khỏi thùng đàn. Hòa ngạc nhiên lắm. Anh ngạc nhiên vì thái độ bất thường của đứa học trò và ngạc nhiên cả chính mình đã đứng yên trong góc phòng, chịu đựng cái nhìn của đứa nhỏ cho đến khi nó bỏ đi. Sau này tò mò thăm hỏi, anh được biết tên đứa bé là Phụng, học lớp nhất A. Gia đình Phụng sống trong căn nhà lợp tôn xiêu vẹo, nằm gần đường lộ, phía sau ngôi biệt thự ba tầng của trụ sở phường.

Việc tụ họp đàn địch, hát xướng nhạc vàng của Hòa chẳng bao lâu đến tai ban giám hiệu. Người *hiệu phó* cho gọi Hòa vào văn phòng. Sau khi lớn tiếng giảng giải về... chức năng mới của người giáo viên dưới mái trường mới xã hội chủ nghĩa, về *tinh thần đạo đức cách mạng* tư tưởng văn hóa, người *hiệu phó* già mất mười năm vượt Trường Sơn nhìn Hòa thông cảm:

"Các cậu còn trẻ, mê nhạc mê đàn địch thì cũng dễ hiểu thôi! Mình ngày xưa chả mê Hoàng Cầm ấy à?! Nhưng quan trọng là phải biết phân biệt sai trái, đấu tranh tư tưởng ngay thì mới có tiến bộ! Mình đề nghị thế này: Thay vì các cậu tụ tập đàn hát buổi tối, mình lập hẳn một tổ văn nghệ và một lớp nhạc sơ cấp cho toàn trường và học trò cùng sinh hoạt. Cậu thấy mình dự kiến phương án có tốt không? Nhất trí đi nhé!"

Hòa lẳng lặng gật đầu, không thắc mắc vấn đề *phụ cấp bồi dưỡng* cho những giờ dạy nhạc phụ trội ngoài thời khóa biểu. Với anh, được tự do đánh

dương cầm là... tốt thôi.

*
* *

Lớp nhạc sơ cấp khai giảng đầu tiên với hai mươi em tình nguyện, trong số có Phụng. Trước khi học đàn, học ca, môn học trước nhất bao giờ cũng là nhạc lý. Hoà bắt đầu với những khóa Sol, khóa Fa. Tập cho lũ trẻ đánh nhịp hai, nhịp ba và nhịp bốn. Ánh mắt của Phụng đã dịu đi rất nhiều từ khi Hòa cầm tay nó, nâng lên hạ xuống chỉ tay cách đánh nhịp. Phụng tỏ ra có năng khiếu đặc biệt. Nó thuộc nhạc lý rất nhanh và mau chóng quen với mặt phím dương cầm. Sự tiến bộ vượt bực của Phụng trong lúc những đứa khác còn quờ quạng với những nốt Do Re Mi, làm Hòa có cảm tưởng Phụng đã quen với cây đàn từ trước đó. Trong hai con mắt to mở rộng đầy thèm khát học hỏi của Phụng, lâu lâu vẫn nẩy lên những tia máu đỏ ối, đục ngầu dữ tợn mỗi khi trông thấy những đứa trẻ khác sờ mó, đụng chạm vào cây đàn. Cặp mắt của Phụng, ngoài những phút tập đàn cho chính bản thân như chỉ được mụ nặn để rình rập, soi mói canh chừng tất cả mọi thứ tiến đến gần cây đàn. Mà Phụng cũng có lý của nó, khi chiếc dương cầm - từ ngày căn phòng chứa đồ dư mở cửa đón nhận mọi người - càng thêm tàn tạ xơ xác. Lũ nhỏ đến lớp nhạc để chơi đùa nhiều hơn để học. Chúng nạy phá nắp đàn, lấy dao khắc gạch và vạch vòng tròn để phòng phi tiêu. Hòa hết sức la mắng, khuyên răn, nhưng chỉ cần anh rời khỏi gian lớp năm phút để lên văn phòng nộp sổ lương thực, chiếc dương cầm đủ tả tơi. Tệ hơn nữa là tổ văn nghệ trường mỗi khi tập dượt, có những kẻ vô ý thức gạt tàn thuốc đầy lên phím và bỏ cả vỏ chai bia vào trong thùng đàn. Những lúc vắng mặt rồi trở về chứng kiến cảnh tượng bê hề như thế, Hòa đau nhói trong lòng. Lại ra sức lau chùi, lượm lặt vỏ chai, tàn thuốc trước đôi mắt đỏ hoe của Phụng. Nhưng công sức của Hòa, của Tuyền và của cả Phụng không đủ giữ cho cây đàn khỏi ngày thêm bệ rạc, điêu tàn. Hòa thấy rõ ràng mình không cứu nổi chiếc dương cầm. Như không thể cứu giúp, vớt vát cái thời đại phú túc đã đi qua.

Một buổi sáng đến trường cho giờ *phụ đạo nhạc lý*. Hòa chán chường nhận thấy chiếc ghế dài hình chữ nhật, có khoảng mặt ngồi bọc da đặt trước cây dương cầm đã bị mất cắp. Có tay nào đó đã nâng nhẹ chiếc ghế quý. Miếng vải nhung che phủ phím đàn rơi thỏng dưới đất, cáu bẩn. Đôi mắt Phụng trong *tiết học* hôm đó mới tóe lửa dễ sợ. Suốt buổi học nhạc lý, nó lầm lỳ nhìn trừng trừng vào những đứa trẻ chung quanh, như thể đám trẻ này là thủ phạm của vụ ăn cắp. Lúc Hòa cho gọi từng hai đứa một lên tập đàn, đến phiên Phụng và thằng con trai, đứa nhãi ranh vô phúc đánh đổ bình mực tím cất trong túi áo đậy không kỹ.Mực tím thấm ướt chiếc áo cộc tay của thằng con trai và thấm ướt cả mặt phím đàn. Diễn biến xảy ra nhanh đến độ Hòa không kịp ngăn chận. Phụng chụp lấy cây bút chì gác trên nắp đàn chọc vào mắt đứa con trai. Thằng nhỏ ngả lăn quay trên nền đất vãi mực tím, dẫy đành đạch và la khóc inh ỏi. Cái bợp tai bay đi quá mau, quá bất ngờ đến nỗi Hòa không kịp nhận ra là mình vừa tát trái Phụng. Tiếng khóc nức nở của Phụng hòa vào tiếng la thét của thằng nhỏ.Căn lớp học bồn chồn. Phím đàn vấy mực. Hai chiếc ghế đẩu ngả chổng trơ trên mặt đất và chiếc dương cầm thu mình trong góc.

Sau đó Phụng bị đưa lên văn phòng giám hiệu. May mắn là đứa con trai không bị đui chột, chỉ rách một chút ở mí mắt. Buổi chiều mẹ Phụng đến trường để nghe những lời cảnh cáo con gái và ký vào tờ giấy cam kết giáo dục lại con. Bóng hai mẹ con đã ra khỏi cổng trường, biến mất ngoài đường mà Hòa vẫn còn cảm thấy bàn tay run rẩy gầy đét của người mẹ đang ký giấy trong lòng mình. Những ngày dạy học ở Củ Chi, mối tình của anh và Tuyền tiến triển dần trong chiều hướng khích lệ xây dựng. Tuyền bằng lòng làm lễ cưới khi Hè đến. Những tối ngồi ở hàng hiên tâm sự, nàng tâm tình thổ lộ với Hòa những ao ước ham muốn vụn vặt mai sau. Tuyền không hiểu trong Hòa đang ăn sâu một vết thương. Mà chính Hòa cũng không rõ căn nguyên của vết thương trong lòng anh. Đến từ bạt tai quá mạnh hôm nào không kềm chế được đã đánh Phụng? Hay từ hình ảnh của chiếc dương cầm tàn tạ, thoi thóp chết từ từ? Hòa úp mặt vào mái tóc người yêu, nhưng cảm nhận rõ ràng là những vòng ôm xoắn xít của Tuyền không đủ khép kín miệng vết thương vô hình trong tim anh.

*
* *

Vết thương trong lòng Hòa bật máu sau hai tuần Phụng không đến trường. Từ sau hôm bị đánh, Phụng bỏ hẳn giờ nhạc lý, chỉ đến lớp học rời rạc rồi nghỉ luôn. Sáng thứ hai của tuần lễ thứ ba, Hòa bỏ ăn trưa đạp xe xuống làng. Ngôi biệt thự sừng sững ba tầng gạch ngói Tây, ngả chiếc bóng đồ sộ đè lên căn nhà vách ván lộp tôn - nếu có thể gọi đó là căn nhà của mẹ con Phụng. Con đường lộ của vùng *đất thép, thành đồng* nắng chói chan. Và vì là *đất thép* nên không thể trồng trọt cầy cấy bao nhiêu. Những người dân Củ Chi đã đào bao nhiêu hầm hố để chống Mỹ. Chắc tay cuốc, nên lảng tay cày. Những ruộng lúa èo uột, trây xát hai ven đường. Căn nhà sơ sài đến mức độ bần cùng nhất. Bốn cây cột chống một mảng tôn, dăm tấm ván che bên hông và những thùng các tông đập dẹp để làm nệm. Người mẹ hôm nọ lúi xúi sau chái bếp, ngẩng lên nhìn Hòa.

"Thưa bác, cháu là giáo viên ở trường đến kiếm em Phụng."

Vẫn là một đôi mắt của Phụng, nhưng nhiều nếp nhăn và già héo hơn trả lời Hòa. Người mẹ cho biết Phụng đã theo cha ra chợ bán củi. Bà xin phép cho Phụng không phải trở lại trường nữa. Họ đã sắp đi kinh tế mới. Hòa bỡ ngỡ với tiếng "Thầy" người mẹ dùng để chỉ anh. Đã từ lâu Hòa quen với lối xưng hô *anh giáo, chú giáo, cậu giáo* của những bậc phụ huynh quanh vùng. Những người dân mà trên ba phần tư gia đình *liệt sĩ cách mạng*. Con em họ không học cũng lên lớp, không cần nể trọng thầy cô. Tiếng "Thầy" từ cặp môi người mẹ run run bám lấy Hòa khi anh trở ra đường lộ về trường. Chiếc bóng vĩ đại của ngôi nhà lầu, nơi đặt trụ sở phường, in đậm choáng ngợp sau lưng anh.

Hòa không còn gặp lại Phụng lần nào nữa. Gia đình của những con người khốn khổ này dời đi mất biệt vào trong nỗi bất hạnh không biên giới của quê hương. Chiếc dương cầm tàn tạ dần theo cùng với năm học. Những đêm trằn trọc, Hòa hình dung lại rõ mồn một đôi mắt của Phụng. Anh bắt gặp lại lần lượt tất cả những ánh mắt soi mói, canh chừng. Những tia nhìn tức giận, khinh bỉ mà Phụng đã ném vào mọi người đụng tới chiếc dương cầm.

Ở đầu đốm lửa của những điếu thuốc hút liên miên vào những đêm trắng, Hòa mơ hồ mường tượng ra sợi giây liền lạc giữa Phụng và cây đàn. Giữa ngôi nhà lầu ba tầng dùng làm trụ sở phường và cái hình thể dị hợm được gọi là căn nhà phía sau. Phụng, cây đàn, ngôi nhà, trụ sở phường. Bấy nhiêu hình ảnh ám ảnh Hòa. Anh tự tìm lấy cho mình một giải đáp về ánh mắt kinh khủng của Phụng. Tự đoán mơ hồ rằng cây đàn trong trường hiện thời đã là của Phụng. Đã thuộc về gia đình Phụng, cho đến khi họ bị đuổi ra khỏi nhà và bị tịch thâu tài sản. Ngôi nhà lầu biệt thự, tiền bạc của cải phường đã chiếm hết. Chỉ còn chiếc dương cầm không biết dùng làm gì phường *hiến tặng* cho trường. Và Phụng đã đi theo canh chừng cây đàn, món vật quý giá đã thành sở hữu chung. Lối suy luận này giải thích hợp lý phần nào những hiện tượng xảy ra ở Phụng. Nó hãy còn quá nhỏ ngay cây đàn bị tiếp thâu để sành sỏi nhiều về âm nhạc. Song Phụng đã cố gắng phát triển vượt bực năng khiếu học tập của nó về dương cầm, để chứng tỏ chỉ có mình nó - nữ chủ nhân của chiếc dương cầm - là xứng đáng được đánh trên những phím đàn đó. Hòa chỉ ray rức hối hận cho bạt tai đã đánh Phụng trong lần quá nóng giận. Anh làm sao hiểu được những căm thù trong lòng đứa bé gái chín tuổi, khi nhìn thấy món đồ chơi quý giá nhất của nó bị phá hư hỏng, vấy mực lem luốc?

Buổi sáng cuối cùng của niên học đã mãn. Hòa buộc những túi sắc của mình và Tuyền lên hai yên sau xe đạp. Trong lúc chờ đợi Tuyền đi chào tất cả những chị em đồng nghiệp bạn gái, Hòa trở vào thăm lớp nhạc lần cuối. Chiếc dương cầm mang hình thù một con quái vật, nằm tênh hênh xiêu đổ giữa nhà. Cái nắp đàn đã long bản lề, không đóng được nữa, phơi bày toang hoác những

Hơn cả hoang mang

Như vậy, phải hay không?

Trời không phải màu xanh. Nhiều người nói xanh.
Trăng không phải màu tím. Chắc gì màu vàng.
Tình không phải trong tim.
Nhớ chắc gì trong trí.
Sao hỏi làm gì? Chuyện phải hay không.

Hôm qua trời mưa. Hôm nay trời gió.
Không phải đi đâu cũng xách nợ dù.
Tháng trước mùa xuân. Tháng này mùa hạ.
Không phải tháng nào cũng thú mơ hoa.
Lúc xưa, đúng. Phải.
Bây giờ, đúng. Không phải.
Biết đúng ra sao mà phải hay không.
Mãi hỏi làm chi? Khó chịu trong lòng.

Có phải hay không. Hỏi trời xanh hay trắng.
Hỏi trăng tím hay vàng. Đỏ, chắc gì sai.
Ừ, phải thế nầy nghĩa là như thế.
Ừ, không phải thế. Chắc gì thế nầy?

NGU YÊN
10, Tháng 7, 1989
Littlerock

Mận Đà Lạt

Mận Đà lạt, tên cây xưa
Xứ người thấy mọc lưa thưa sân nhà
Tiết xuân cành trắng la đà
Đầu mùa lá hết, ngàn hoa trổ đầy
Mơ hồ nhớ một tên cây
Bao năm viễn xứ, một ngày tưởng quên
Tên cây gợi nhớ về miền
Tên người để nhận ra mình đồng hương.

Bảng Little Saigon trên xa lộ

Đi vào xa lộ Hăm hai
Thấy bảng chỉ tới phố Sàigòn ta
Có con chim mới bay qua
Đậu trên bảng hiệu nhìn ra dòng đời
Bóng chim là kiếp đổi dời,
Còn ta là kiếp con người lưu vong
Loài chim nhớ tổ nhớ tông
Sàigòn gợi nhớ non sông cõi ngoài.

TRẦN VĂN NAM
(Trích tập: Ở ĐÂY CŨNG CÓ THƠ)

phím đàn vàng ố cáu bẩn. Hơn quá nửa phím bị mẻ, lốm đốm màu mực tím. Nửa số phím còn lại, long lay gập ghềnh như hàm răng người già. Tấm biển nhỏ chạm trổ tên hiệu của nhà sản xuất đã biến mất. Giải khăn nhung cũng đã mất tích. Thùng đàn in lỗ chỗ những mũi đâm nhọn của phi tiêu. Dăm hình vẽ khắc bằng compas và chi chít những hàng chữ có ký tên. Hòa ngồi xuống chiếc ghế đẩu đang lây lất trước miệng đàn. Phủi bay lớp bụi bậm cùng tro tàn thuốc đóng mờ trên phím. Không gian của căn phòng yên lặng lắm. Vẫn là cái không gian thênh vắng của một năm trước đây Hòa đến nhận chỗ giáo viên cấp một, tình cờ chú ý đến chiếc dương cầm. Những đọt lá rụng rơi bên ngoài. Vạt nắng nhỏ luồn qua khe cửa. Nền đất ẩm. Trần vôi tơi tả... Hòa nhấn tay xuống phím đàn. Nhưng thanh âm vừa vọng lên thật kỳ quặc. Trong một giây Hòa ngượng ngùng tưởng mình nhấn sai hợp âm Do thứ. Anh cúi nhìn những đầu ngón tay đang ở đúng vị trí của các nốt thăng giảm, quy chuẩn cho hợp âm Do thứ. Anh thử lại lần nữa. Lần nay thì Hòa biết rõ thứ âm thanh vừa phát lên, không còn là những âm thanh của đàn dương cầm.

TRẦN VŨ
5/1989

ĐỨA CON ĐẤT NƯỚC

PHẠM THỊ XUÂN ANH

Phạm Thị Xuân Anh trước dạy học ở Việt Nam. Chị cùng gia đình tị nạn tại Hoa Kỳ từ năm 81. Truyện ngắn đầu tay xuất hiện trên tạp chí Tân Văn của nhà văn Hà Thúc Sinh. Đã viết đều cho một số báo thân hữu như Sóng, Sáng, Đường Sống...

Thế Kỷ 21 hân hạnh giới thiệu truyện ngắn mới nhất của chị - Đứa Con Đất Nước - một chuyện tình nhẹ nhàng nhưng hàm súc cái thao thức thời đại thật lạ ở một ngòi bút nữ.

"Honolulu ngày... tháng... năm...

... Cang ơi, sáng nay trời hâm hấp nóng hơn mọi hôm. Không phải mồ hôi mà là một cảm giác nhơm nhớp khó chịu luồn qua tóc, bám trên gáy trên cổ em. Y hệt như trong mùa hè Sài Gòn mình, Cang ạ. Ngoài kia là những tảng nắng đậm hạt như những đốm lông tơ trên mình chú nai sao. Từ ngoài cửa sổ những chùm nắng rọi vào trông như những mảnh sò li ti đủ màu, óng ánh nhảy nhót. Chậu rau quế, rau mùi ngoài rào còn ướn ẹo đèo trên chúng những giọt sương đêm sót lại. Anh có để ý bên Hawaii này rau cỏ cứ mơn mởn và thơm đậm đà như ở quê nhà không? Hiển đã dọn sang Cali vì nhu cầu công tác được hơn một tháng nay. Hắn bảo bên đó rau chỉ to lá chứ không thơm tho gì hết, ăn chán như ngủ với vợ điếc vậy! Cái anh chàng này thật, ví von gì mà ba trợn ba trạo quá.

Hình như có tiếng mợ gõ cửa. Em phải ra phụ hàng rồi đây..."

Thư gấp quyển nhật ky lại rồi cất kỹ vào ngăn tủ quần áo. Nàng ngẩng đầu và bắt gặp khuôn mặt mình trong khung kính. Bất giác nàng ớn lạnh nghe như có nỗi cô đơn không tên đang len lỏi vào hồn. Như kẻ bị thôi miên, nàng chầm chậm đến bên tủ lấy ra chiếc áo kaki bạc màu hôm nào Cang ghé lại và để quên. Nàng ấp nó vào ngực, ngửi thoang thoảng đâu đây mùi thuốc lá quen thuộc, mùi vảy gầu còn bám trên từng sợi vải. Một vài sợi tóc ngắn còn vương trên cổ áo. Thư nhón chúng lên ve ve trong tay. Không dưng nàng thèm được ôm ghì lấy Cang, mân mê hôn hít những sợi tóc quăn rối và cả vết sẹo nhỏ nhạt màu sau gáy chàng.

Có tiếng gõ cửa lần nữa. Thư giật mình. Nàng mắc trả chiếc áo vào chỗ cũ rồi sửa soạn lại bộ dạng mình. Nhỏ Minh nãy giờ ngủ vùi trên giường đối diện, nhấc đầu lên hỏi ai nói gì đó chị Thư rồi lại vật mình nằm xuống quay mặt vào tường. Tối qua cô nàng hút chết. Minh và tên bạn trai đã mò vào Blue Night. Có thì giờ mà ở không nó phí đi, chị Thư ạ. Em bèn gọi phone rủ chàng đi nhót cho đỡ cuồng cẳng, Minh nói thế. Đâu được hơn một tiếng sau có cuộc cãi vả của đám con trai ngồi gần bên. Rồi súng nổ. Hoảng quá, cô cậu

nhà ta chui tọt xuống gầm bàn và lôi nhau bò ra cửa. Về đến nhà Minh chỉ còn kéo lết một chiếc giầy nơi chân. Cô nàng vừa thở hổn hển, vừa nói lào khào, mặt tái xanh như cô vợ bị bắt quả tang cắm sừng chồng. Trông đã tội lại thêm buồn cười!

Hơi thở Minh đều đặn trên khuôn mặt tươi tắn, duy hơi góc cạnh với mái tóc punk hớt vạt một bên khiến Thư nhiều lúc có ấn tượng con bé đã đổi giống thành một thằng con trai bụi đời nào đó. Bất giác Thư nhẹ lắc đầu. Một nửa quả địa cầu bên này thanh bình, tuổi trẻ vô tư, cuồng loạn; một nửa bên kia thì...!

Thư bước tới khép cánh cửa sổ. Giòng sông trước nhà vẫn xanh một màu rêu, loang lổ bóng râm những cây hoa Đại vàng chói hai bên bờ. Thành phố đã bắt đầu một ngày mới từ lâu. Trên đường xe cộ, nhất là Taxi đủ màu đã nhộn nhịp lắm. Xa xa Thư vẫn có thể nhìn ra những chóp cao ốc dễ đến đôi ba chục tầng. Chúng là những khách sạn danh tiếng Hilton, Regents... Và xa hơn nữa là bãi biển cát dài mà một chiều nào Cang đã dẫn nàng đi trên đó...

... Trên máy bay Thư nhìn ra ngoài khung kính nhỏ. Mây như những cánh đồng bông khổng lồ nằm san sát, đôi khi sắp lớp bên nhau, trắng nuột nà. Bỗng nàng có cảm giác như mình vừa hụt một nấc thang. Bà khách Mỹ tóc ngắn, to như một thớt voi ngồi cạnh ngủ gà ngủ vịt. Đầu bà ngoẹo sang một bên để lộ sự tương phản giữa màu da đồi mồi nơi cổ và mầu son phấn trên mặt. Cô tiếp viên tóc vàng đang nói gì đó vào máy vi âm. Bà khách cục cựa rồi mở mắt lờ đờ nhìn Thư. Hình như bà nói: "Nó đang xuống. Ôi tạ ơn Chúa nó đang xuống. Tôi sắp về nhà nhưng không biết ông lão nhà tôi có nhớ đường nhớ giờ mà ra đón không!" Bà liếc đồng hồ tay rồi cố ngồi cho ngay ngắn hơn nhưng không nôn nả, hấp tấp. Bà có vẻ cũng không hề thắc mắc có người bạn đồng hành đang mang một tâm trạng phức tạp. Đúng vậy. Bà biết thế nào được mối buồn của Thư, mối buồn của một người biết chắc từ đây đã xa hơn và xa hẳn quê nhà yêu dấu chưa biết đến bao giờ trở lại; và bà cũng biết thế nào được nỗi vui của Thư, vui vì chốc nữa đây sẽ gặp lại Cang sau hơn một năm anh đi định cư trước, và đã bảo trợ cho nàng ngay khi đặt chân đến Mỹ; nhưng trên hết bà không thể đoán được mối lo của Thư về một đời sống lạ mặt ở phía trước.

Máy bay hạ thấp thêm. Phía dưới Thư thấy những ô chữ nhật với các quân cờ li ti, gắn trên mình những hạt cườm đủ màu sắc. Cô tiếp viên lại nói gì đó khi xúi xuống chỗ nàng ngồi. Chắc cô nhắc nàng buộc dây an toàn. Thư thấy những ô cờ lớn hơn và những đường chia cắt dọc ngang cắt chúng thành những mảnh nhỏ. Trên những đường cắt nhiều vật di động như đoàn quân kiến bận rộn tải lương tránh lụt. Rồi dần dà những quân cờ rõ nét hẳn, biến thành những cao ốc xám trắng, những lùm cây xanh, những bãi cỏ bát ngát và những chuỗi xe hơi xinh đẹp như đồ chơi trẻ con...

Con chim sắt đang ù ù đáp xuống phi trường quốc tế Honolulu. Thư nhắm mắt lại, tai căng cứng và lòng bồi hồi xúc động. Mười phút sau nàng nối đuôi đoàn hành khách bước ra. Nàng mỉm cười khi cô tiếp viên lịch sự chào tiễn. Một đường bay dài như thế sao cô không mệt, vẫn như một đóa hoa tươi? Tới phòng khách bà khách ngồi cạnh nàng đã tỉnh như sáo sậu. Bà đang giơ đôi cánh tay hộ pháp ôm lấy một người đàn ông đầu bạc trắng, nhỏ thó và cao chỉ ngang tầm vai bà. Bà tíu tít một tràng rồi lại hôn người đàn ông tới tấp. Dường như ông ta khó thở, chỉ thều thào một cách tuyệt vọng trong tiếng động râm ran của hàng trăm sự đoàn tụ: "Honey, honey, take it easy!"

Chiếc túi ICM của Thư cứ khoác trên vai được một lúc thì nó lại tuột xuống. Cuối cùng nàng đặt nó xuống, lấy hai chân kẹp lại. Chả gì cô cao ủy Rosie cũng đã dặn dò mọi người là bằng mọi giá không được đánh mất "bảo vật" này. Nàng nhìn quanh quất. Đám người đi cùng chuyến đã rẽ vào lối có tấm biển đề chữ "Baggage Claim." Chỉ còn lại dăm ba người sốt ruột đi tới lui với điếu thuốc trên tay khi rời phòng quan thuế.

Hình như... mà đúng rồi! Thư reo thầm. Bóng Cang từ từ rõ nét nơi cuối hàng lang. Đi song song với anh là một người lạ mặt đeo kính cận. Thư xúc động quá. Đúng là Cang rồi. Tóc anh có rối phồng hơn làm cho khuôn mặt rám nắng như bị bóp hẳn lại. Nhưng mắt anh vẫn sáng và dáng đi vẫn nhanh nhẹn.

"Thư!" Cang reo lớn.

"Cang ơi..."

Thư chỉ gọi nhỏ được một tiếng rồi như muốn chảy ra. Cang phóng tới ôm lấy nàng, cuống quýt. Trong vòng tay ấm và chắc của Cang, Thư thấy mình như hồi tỉnh. Nàng nghe tiếng tim rộn rã như tiếng chim nhỏ hót mừng bình minh lên. Loáng thoáng có giọng Cang nói: "... Đây là anh Hiển, người của hội bảo trợ địa phương cũng ra đón em đấy..."

Rồi Thư tạm thời được đưa về trọ nơi gia đình ông Khoát. Ông vốn là em con dì của mẹ Cang. Ông sang Mỹ từ năm 75 cùng vợ và cô con gái nhỏ tên Minh. Vợ ông người gốc Chợ Lớn, buôn bán rất giỏi. Hiện hai ông bà đã có một cửa tiệm nhỏ bán thực phẩm Á Đông trong khu chợ Tàu.

Với chiếc xe dài quá khổ so với những chiếc Thư thấy nhan nhản ngoài phố, nó đen và có gắn thêm chiếc "mũ" Taxi nháy đỏ, Cang đã đưa Thư đi làm

thủ tục mọi giấy tờ cần thiết ban đầu. Cả hai đều mệt phờ và cả tuần sau Cang mới trở lại được sự sinh hoạt nghề nghiệp bình thường.

Lúc mới sang Cang cũng được cậu Khoát bảo trợ về nhà. Nhưng một tháng ngắn ngủi sau đó anh dọn ra riêng. Cậu mợ anh có vẻ giận. Và anh tìm được một chân chạy taxi không khó khăn lắm. Bằng chứng là năm ngàn dân tị nạn ở đây đã có đến một phần mười làm nghề này. Mỗi tuần, chỉ trừ ngày thứ Năm Cang đi họp, còn thì từ sáng đến tối anh chạy khắp vùng Honolulu kể cả những vùng phụ cận. Anh đón đưa khách du lịch đến thăm nơi được mệnh danh là hòn đảo thần tiên của hạ giới.

Trong lúc ấy Thư vẫn còn phải nhờ vào trợ cấp xã hội. Nhưng cũng chỉ hai tháng nàng tự bứng mình ra khỏi hệ thống trên. Nàng làm chân phụ bán hàng cho mợ Khoát. Ngày hai buổi nàng làm bạn với những đồng tiền xanh, những đồng foodstamps đủ màu, những gạo, rau dưa, hoa quả... Nào là tầm ruột, cóc, xoài, vú sữa, sa-bu-chê - chẳng thứ nào không nhắc nàng nhớ đến xóm cũ ngày xưa. Nàng nhớ sao cái xóm có cây sa-bu-chê lâu năm của ông Tư cảnh sát được bảo vệ bởi một chú chó đen to như con bê con. Trưa hè Thu trốn ngủ, lén ra cửa sau rủ mấy nhỏ bạn đi chọc chó và cố khều cho được những quả xanh non trên cành...

Chiều xuống nàng theo xe mợ Khoát về. Thỉnh thoảng qua khung kính xe, nàng "chụp" được những pô ảnh mang nét hao hao một góc cạnh nào đó rất thân quen ở quê nhà. Đó là những mái tôn xập xệ rỉ sét, những con hẻm nồng nực mùi rác rến và nước tiểu, những bà già Tàu tóc cắt ngắn với chiếc kẹp mạ đồng vàng xỉn nằm vắt một bên đầu, xách giỏ lúp xúp chạy theo xe... Chúng chẳng khác nào, đôi lúc Thư lẩn thẩn ví, nguồn nước mát ốc đảo cho kẻ lữ hành sắp chết khát, là nàng!

Thỉnh thoảng cuối tuần nàng xin nghỉ làm để có một ngày đẹp đẽ với Cang. Thư nhớ mãi có một chiều Cang chở nàng ra bãi biển. Cang cho xe từ từ đậu vào lề có nhiều gốc dừa già. Anh lặng lẽ dẫn nàng đi lang thang một lát, rồi cùng ngồi xuống một ghế đá nhìn ra trời nước mênh mông. Lúc ấy chiều đang xuống nhưng nắng vẫn còn tươi. Gió mơn man hẩy đùa tóc nàng lòa xòa. Những tàu dừa bám trên thân cây cao nghệu, đong đưa như những ngón tay nghệ sỹ khổng lồ, giữ nhịp cho một ca khúc thiên nhiên rầm rì muôn thủa. Đây đó dân tắm biển nằm dài trên bãi, xa xa trông như những hạt nho khô to nhỏ dính trên tảng bột lớn màu ngà. Và nước biển mới đẹp làm sao! Nàng tưởng tượng trên đám mây kia có một cậu con trời đã ngó xuống mặt biển giống như một tấm lụa mênh mông, phập phồng no gió được những bàn tay tiên dệt xong đem căng phơi. Cậu con trời bỗng nẩy ý tinh nghịch. Thoạt đầu cậu thả một miếng lơ xám xuống mép lụa tiếp giáp với chân trời xa, kế là một miếng màu xanh đậm. Thế là cậu đã có hai giải lụa nằm sát nhau nhưng không tiệp màu vào nhau. Cậu thích chí thả thêm một miếng lơ nhạt hơn xem sao. Giải lụa thứ ba này mang một màu thiên thanh thơ mộng thường gây được cảm hứng cho bao chàng thi sỹ dưới trần gian. Và cuối cùng, khi mép lụa phía bên này ôm sát chân bờ cát thì màu xanh chỉ nhuộm nhàn nhạt như màu áo cậu con trời đang mặc...

Thư xoay sang nhìn người yêu và thấy Cang đang ngồi như bất động, mắt đăm chiêu nhìn ra khoảng trời xa xa. Lúc này ông trời tuy đã hả hơi say, mặt bớt đỏ, nhưng lại đang sa chân và chới với chìm dần xuống mặt nước. Một cơn gió lạnh bất chợt quạt qua làm nét mặt Cang như nghiêm, như chai lại. Dường như có gì không ổn? Thư thấy sờ sợ rút tay mình khỏi tay anh. Cả hai yên lặng giây lâu. Một lát Cang lên tiếng, giọng xa xăm, buồn buồn.

"Hôm nay là ngày họ bắt cầm tù ba anh, Thư nhớ không?"

Nàng chưa kịp trả lời thì đã bắt gặp trong mắt Cang những tia máu li ti, hung tợn. Thư quay nhìn xuống đất chân di di mấy mảnh lá vàng. Hình ảnh người cha yêu dấu của Cang đã là nỗi ám ảnh không rời nơi anh. Đã hơn một lần khi hai người còn ở Panatnikhom Cang thổ lộ với nàng ít nhiều về hoàn cảnh gia đình anh:

Tôi chỉ biết lờ mờ chú Tự là em họ xa của ba. Do có tay nghề đóng bàn ghế, cộng thêm tính cần cù, chú đã dựng được cơ ngơi ngon lành tại Ngã Sáu. Chú bận rộn lắm và thỉnh thoảng mới ghé gia đình tôi. Đặc biệt lần nào chú cũng dúi vào tay tôi vào tờ Đức Thánh Trần thơm phức mặc cho ba mẹ tôi cau mày bảo chú làm thế cháu nó hư đi.

Đó là trước năm 75. Sau ngày "cách mạng" chú cũng tự "giải phóng" cửa tiệm và sống lặng lẽ như bao người khác đang đi trên con đường "vô sản hóa" của nhà nước vạch ra. Có lẽ vì vậy mà chú có thì giờ đến thăm hỏi mẹ tôi luôn, nhất là từ khi ba tôi vắng nhà.

Sáng sớm hôm ấy chú Tư lọc cọc chiếc xe đạp rách yên xuống nhà tôi. Chú dựng vội xe nơi hàng rào.

"Mẹ đâu con?" Chú hỏi tôi.

Rồi không kịp đợi câu trả lời, chú hấp tấp đi vào nhà trong. Mẹ tôi và út Hiền đang lúi húi gầy bếp than đá để luộc bắp, thấy chú, mẹ xoa hai tay vào nhau cho bụi đen rơi xuống. Bà đon đả.

"Chú đấy à, lên nhà sơi nước đi chú!" (Tuy vai chị nhưng mẹ tôi lúc nào cũng khách sáo.)

Chú Tự xua tay.

"Chị mặc em."

Rồi chú kéo mẹ tôi lại gần, nói nhỏ. Chỉ thấy mẹ tôi đứng

chết trân, miệng há hốc như người hóc xương. Mãi một lúc mẹ tôi mới giơ được tay lên ngực, rên rỉ "Chúa ơi!" rồi bà từ từ lả người ra. Chú Tự, tôi và em tôi cuống cuồng dìu mẹ vào nhà trong. Chúng tôi đỡ bà lên giường, vừa giật tóc mai vừa lấy dầu thoa bóp chân tay.

Đến trưa gia đình tôi (gồm cả mấy anh chị đã có gia đình) về quây quần đủ mặt để nghe tin dữ: Ba tôi đã bị bắt! Cả tuần qua ông cúm. Chẳng rõ từ đâu về nghỉ ngơi ở nhà chú Tự. Không dưng một đêm công an ập cửa vào còng tay ông lôi đi mất...

Ba mẹ tôi yêu nhau rồi lấy nhau, dĩ nhiên lúc nào thì tôi không rõ. Chỉ biết ông bà thích đông con nên sinh được một đàn cả chục đứa. Tôi là con trai út trong nhà. Thủa có trí khôn tôi đã thấy ba là một quân nhân rày đây mai đó, nhưng mẹ tôi được cái rất chịu khó bồng con bế cái "nhổ trại" theo ba. Chúng tôi hết từ Thừa Thiên lại xuống Quy Nhơn, hết Quy Nhơn lại xuống Nha Trang. Mới rời vào Sài Gòn được vài năm thì mất miền Nam. Trước năm 74 ba tôi được giải ngũ với cấp bực thiếu tá An Ninh Quân Đội.

Lúc Việt cộng vào tiếp quản thành phố Sài Gòn - Gia Định tôi lặng lẽ chứng kiến cảnh ba tôi "thay hình đổi dạng." Rồi như nhiều người ba tôi buộc phải ra trình diện cái gọi là chính quyền cách mạng. Mẹ tôi tuy không nói ra nhưng tôi hiểu là bà bấn loạn rất nhiều về số phận người chồng, người cha trong gia đình. Đã có lúc bà nhẹ nhàng lên căn gác xép quỳ trước tượng Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp đến hàng giờ.

Chẳng rõ nguyên cớ nào, có phải là sự may mắn nhất thời không, ba tôi chỉ phải "học tập" ngắn hạn tại địa phương. Rồi ba trở về với nét bình thản cố hữu không suy suyển. Nhưng cũng từ đó tôi thấy ba tôi càng ít nói hơn, ngay cả với mẹ tôi. Những bữa cơm mẹ vẫn cố tươm tất nhưng ba kém ăn hẳn. Người ông vốn cao, gầy; nay càng như cao, như gầy hơn!

Ngồi ăn núi lở, hướng chi gia đình tôi lúc ba còn tại chức đã sống đời vật chất thật khiêm tốn, nên chỉ vài tháng sau mẹ tôi đã phải lấy đi những chỉ vàng dành dụm sau cùng. Bà gầy được tí vốn buôn hàng vặt vãnh. Mấy anh chị lớn tôi cũng vất vả không kém. Phần tôi, tôi đã sở hữu được chiếc xe ba gác chạy kiếm mối ở các bến xuống hàng nơi cầu Văn Thánh để giúp thêm vào nền kinh tế vốn èo uột của gia đình.

Do vậy, cả nhà hình như bớt quan tâm đến ba tôi hơn (lúc này người chỉ thỉnh thoảng kín đáo gặp một số bạn thân thiết chuyện trò.) Tôi mang máng thấy một biến chuyển rất lạ nơi ba tôi nhưng vẫn để bụng.

Cho đến một hôm quãng giữa năm 76, ba tôi tổ chức bữa tiệc thật lớn vào một buổi chiều. Ba mời bạn bè đến nhậu nói là ăn giỗ. Trong bữa nhậu ấy, tôi vô tình nghe được một mẩu đối thoại. Một thanh niên còn trẻ, dường như thuộc cấp cũ của ba tôi, hỏi nhỏ.

"Sao ông thầy "chiến" dzậy, thiên la địa võng mà thoát tài dzậy?"

Ba tôi cười ôn tồn, nhưng nói hơi lớn.

"Chiến gì mà chiến, Bảy, hôm nay tao làm giỗ chung mấy thằng em liệt sỹ của tao..." Rồi ông ghé sát tai người bạn trẻ nói một câu gằn giọng. "Bỏ chuyện đó đi.. Tao nắm trong tay cái trận liệt hàng ngàn thằng sinh bắc tử nam, chọn không nổi vài thằng để làm bà con liệt sỹ sao?"

Nửa đêm hôm đó ba tôi bỏ nhà đi biệt. Thảng hoặc tôi cho mẹ biết những suy nghĩ về cha mình nhưng mẹ suýt bảo im. Và mẹ tôi lần hạt nhiều hơn.

Dĩ nhiên chuyện ba tôi vắng nhà không thể nào tránh khỏi những tai mắt "cách mạng". Trong những ông bà lối xóm "tốt bụng," người đứng đầu sổ phải là bà Hai Điển. Nhớ thời trước 75 bà là một người dị kỳ nhất xóm - Dị kỳ từ lối ăn nói, đi đứng cho đến cách ăn mặc. Nhất là mái tóc, lúc nào cũng đánh phồng lên như tổ quạ. Bà đi đi về về, làm nghề gì không ai rõ. Ai có tò mò bà chỉ nói mình là dân chạy bán vé xe đò lục tỉnh. Bà thui thủi trong căn nhà gạch hai tầng có cổng sắt rào kín. Trước nhà là bệ xi măng thờ Ba Ông và thờ cả đến hồn ma bóng quế mấy anh lính Mỹ nhậu say tông xe vào cột đèn chết dạo trước. Bà hay chép miệng: "Có thờ có thiêng, có kiêng có lành. Tôi cứ nghĩ mà tội cho mấy ông lính Mỹ ổng chết xứ mình không ai nhang khói. Bà con hổng hay chớ tui thấy mấy ổng hiện hồn dzìa réo ăn réo uống trước ngõ hoài hà. Mà uống phải uống Uých ky à nghe. Tầm bậy tầm bạ mà cúng rượu trắng mình là mấy ổng phung tùm lum tà la..."

Đó là lúc bà Hai Điển vui. Những hôm buồn bà để thí bàn thờ cho bụi bậm mốc meo. Do vậy, bà Hai Điển đã bị cả xóm gán cho cái tên mới: Hai Điên!

Sau 30-4, đùng một cái bà Hai Điển tự Hai Điên hiện nguyên hình! Bà chả điên, chồng bà chả phải đại úy BĐQ mê vũ nữ bỏ nhà như có lần bà nói và bà cũng chả hề là dân bán vé xe đò. Bà là Việt Cộng nằm vùng. Hơn một lần mẹ tôi được bà "ưu ái" dắt vào tận trong nhà khoe những bằng khen, những thành tích đánh Pháp chống Mỹ của chồng, một... liệt sỹ! Dĩ nhiên bản thân bà cũng được cách mạng chiếu cố tưởng thưởng, bằng cách cho đi họp hành liên chi hồ điệp với "Trên," và được cả bà Nguyễn thị Định "ôm hôn" theo tinh thần "hữu ái vô sản" nữa.

Đã nhiều lần bà lân la sang hỏi chuyện mẹ tôi về nhà cửa, về chồng con. Bà đi sồng sộc vào tận buồng trong mà không cần hỏi han ai. Nhưng mẹ tôi rất khéo. Bà bịa chuyện sau lúc học tập đường lối chính sách mới của nhà nước, ba tôi đã "hạ quyết tâm" từ bỏ con đường "sai

trái" cũ. Điều này có nghĩa là ba tôi đang làm ruộng chia với bà con ở miệt Vĩnh Long. Dĩ nhiên bà Hai Điển chưa tìm được có gì để bắt bẻ mẹ tôi, và bề ngoài mẹ tôi được yên ổn một thời gian.

Thỉnh thoảng nghe đâu đó những tổ chức phục quốc rải truyền đơn, phục kích, đấu tranh vũ trang... tôi lại khấp khởi mừng thầm lẫn nôn nóng. Rồi một ngày kia, sau hai năm lẳng lặng ra đi, ba tôi lần đầu tiên lén về thăm nhà. Ông vẫn gầy nhưng đen và rắn rỏi hơn. Hôm ấy cũng may mẹ tôi chạy được hàng, đã "thiết" chồng một bữa thịnh soạn. Nhưng khi ngồi xuống mâm, ba xua tay nói chỉ thèm một bữa canh cải cá rô nấu gừng. Tính ba tôi từ nào vẫn vậy. Ông biết thế nào là món ngon, biết nấu ăn ngon nhưng vẫn ưa ăn uống giản dị.

Trong bữa cơm mắt ông vui hơn miệng. Ông quay sang mẹ tôi bóp nhẹ một vai bà và nhỏ nhẹ!: "Mẹ mày độ rày gầy quá!", rồi quay sang chúng tôi ông nói như trách: "Mấy đứa phải thay ba săn sóc hơn cho mẹ một chút chứ!". Chỉ bấy nhiêu nhưng dáng chừng mẹ tôi cảm động lắm.

Cơm xong ba tôi vẫn ngồi trầm ngâm nơi bàn. Tôi cũng lảng vảng gần ông một cách cố tình. Ba tôi tinh ý vẫy tay bảo ngồi đối diện. Như tôi đã nói ông vốn là người trầm tĩnh, ít nói; thế nên mỗi lần ông lên tiếng, nhất là đối với bọn anh chị em chúng tôi là thế nào cũng có vấn đề. Thủa còn nhỏ, ông quắc mắt gầm một tiếng là chúng tôi đâu đó riu ríu lên phản nằm chờ... roi mây. Nhất là tôi, tuy bé nhưng nghịch rất tinh. Tôi cứ phân vân chả hiểu sao chưa từng bị ông gọt đầu không còn sợi tóc như lời người anh cả đôi lúc dọa dẫm. Nhưng lần này khác hẳn. Một chất keo vô hình đã kéo cha con tôi lại sát nhau hơn. Và chỉ sau một lúc ba tôi gợi ý, tôi thao thao nói đến những toan tính của mình. Thỉnh thoảng ba tôi cau mày rồi lại gật gù. Sau cùng bất ngờ ông cầm một chiếc đũa bẻ làm đôi. Tiếng gẫy nghe khô và gọn.

"Giả dụ sau này ba gẫy như chiếc đũa này, thì con tính sao, Cang?" Ba tôi ôn tồn hỏi.

Trong tích tắc tôi hiểu lời ông. Tôi đáp không cần suy nghĩ.

"Con sẽ là thân đũa lành thay ba!"

Dường như ba tôi nở nhẹ một nụ cười.

Rồi ba tôi lại khăn gói bí mật ra đi. Bà Hai Điển vẫn lui tới "chị chị em em" với mẹ tôi luôn. Công an phường cũng thường xuyên ghé "xin" nhỏ Hiền một ly nước đá lạnh. Nhưng kệ, tôi cứ lẳng lặng nghĩ đến lời ba tôi...

Khoảng hơn một tuần sau ngày ba lâm nạn, gia đình tôi mới chính thức được thông báo ông đang bị giam ở Phan Đăng Lưu. Ngoài ra, một số chiến hữu khác của ông cũng kém may mắn như vậy. Sau một thời gian Việt Cộng giải ông sang Chí Hòa và biệt giam ông vào hầm tối. Tại đây, mỗi tháng gia đình tôi chỉ được phép thăm nuôi một lần. Nói là thăm nuôi chứ thật ra từ lúc xiềng xích giam chân ba tôi lại, chúng tôi không hề được gặp mặt ông. Ba tôi chỉ được nhận vỏn vẹn một giỏ thức ăn sau nhiều đợt khám xét kỹ lưỡng.

Sau mỗi lần như vậy mẹ tôi lại âu sầu hơn, dù bề ngoài bà vẫn cố làm mặt cứng cỏi.

Ngày tháng kéo lê theo những nhục hình thể xác và tinh thần, cường quyền dành cho ba tôi với tội danh "âm mưu hoạt động chống phá lật đổ nhà nước cách mạng xã hội chủ nghĩa." Trong lúc ấy, dĩ nhiên họ cũng không để yên chúng tôi. Hết mẹ rồi lại đến lũ anh chị em chúng tôi bị gọi điều tra tuần một lần. Cả chú Tư cũng bị vạ lây. Tình trạng như thế kéo dài đến ba năm. Sau cùng, Việt Cộng mới đưa ba tôi và các chiến hữu của ông ra xử trước cái gọi là Tòa Án Nhân Dân Thành Phố (xưa là trụ sở Quốc Hội Sài Gòn.)

Gia đình tôi được gọi đến tham dự phiên xử. Sau mấy năm trời chúng tôi mới thấy được mặt ba. Tóc ông bạc trắng, khuôn mặt gầy gò, khắc khổ hơn. Thân hình ông trông không khác gì một cây thập giá biết cử động trong manh áo tù màu xám tro. Mẹ tôi ngồi yên tưởng đã mất hết thần trí, nhưng tôi vẫn nghe rõ từng tiếng nấc nhỏ trong cổ bà. Tôi ngước lên và đếm được sáu người đóng vai thẩm phán, bồi thẩm nhân dân và bào chữa viên; nhưng tất cả đều ngó xuống hàng "can phạm" với nét mặt lạnh như tiền.

Sau lưng các "can phạm" là đám công an áo vàng. Chúng đứng như tượng, chỉ những đôi mắt làm việc một cách linh động và ác độc...

Cùng tham dự phiên xử còn có đại diện các ban, ngành thành phố. Ngoài ra, để phiên tòa có tác dụng dằn mặt cả nước, họ còn cho bắt loa chĩa ra các ngả đường.

Phiên xử kéo dài cả buổi trời. Nó khởi đi bằng lời hài tội của những kẻ chiến thắng, và kết thúc bằng những lời cuối của người chiến bại. Tôi còn nhớ mãi những câu trầm tĩnh nhưng dứt khoát của ba tôi: "... là con dân Việt, chúng ta cương quyết bảo vệ màu cờ chính nghĩa tự do... nhưng hoài bảo chưa thành tôi đã lâm lụy... tôi muốn gửi tới đồng bào và các chiến hữu lời tạ lỗi chân thành!"

Tôi cũng nhớ câu nói xấn xổ của thày Sang ví bạo quyền chẳng khác nào lũ mọt đục khoét cây cổ thụ quý Việt Nam. Ông đã bị tụi áo vàng nhào tới đánh đập, bịt miệng và lôi khỏi phòng xử.

Ngày 23 tháng 12 năm 1982 Việt cộng đã xử tử ba tôi, cựu thiếu tá An Ninh Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa Võ Xuân Dương, cựu thẩm phán Phan Nhân Tâm, thày sáu Nguyễn Minh Sang và cựu cán bộ cộng

sản chiêu hồi Phạm Công Hiển. Phần lớn những chiến hữu khác từ năm năm khổ sai đến chung thân.

Ngày hôm sau gia đình tôi được đi nhận xác ba tôi từ Khu Giãn Dân Thủ Đức (trường Pháo Binh cũ) về...

Thư quay nhìn Cang. Anh vẫn ngồi như bất động. Lúc này mặt trời đã lặn hẳn xuống vùng nước biển mà dăm bẩy phút trước hãy còn sáng long lanh một màu vẩy cá bạc. Lát sau, bất giác Cang đỡ Thư đứng dậy, rồi hai người thả bộ chầm chậm dọc theo bãi cát mịn và ấm. Cang chợt hỏi.

"Nãy giờ em nghĩ gì vậy Thư?"

Thư ôm lấy tay người yêu.

"Em nhớ lại lúc anh kể về đời người cha yêu dấu..."

Cang bỗng níu Thư lại, hai tay giữ lấy hai vai và nhìn sâu vào mắt nàng. Những ánh đèn đường giúp Thư đọc được ngay chính trong mắt anh một câu nói: "Vậy thì bản thân anh làm sao quên được?"

Rồi Cang lại dìu Thu đi, nhưng chắc là mỗi người có một tâm trạng.

Tiếng xe ngoài phố đã thưa hẳn. Thư ngồi trước trang giấy trắng mở rộng. Nhỏ Minh sau lúc cằn nhằn đèn chói lại quay mặt vào trong ngủ tiếp. Lúc nãy về Thư để ý thấy quyển nhật ký để lật ngược như đã có ai tò mò mở ra xem. Không lẽ là Minh? Nàng giật mình đánh thót nhưng rồi lại tự trấn an vì con nhỏ đâu thông tiếng Việt.

Có tiếng nôn ọe của cậu Khoát xen lẫn tiếng thút thít đâu đây của vợ ông. Trước nàng vốn có ác cảm với đàn bà Tàu, những người tóc cắt ngang mang tai răng bịt vàng đỏ chóe. Họ ngồi sau những cửa hàng bách hóa sập xệ, nhưng có đủ khả năng làm điên đảo tình hình kinh tế gia đình các quân nhân, công chức ngày xưa. Bây giờ, trong hoàn cảnh gia đình này nàng bỗng đâm

Chuyện mưa nắng

TAM TRƯƠNG

Đúng và thật

Đúng khác với thật. Đúng là juste, thật là vrai, theo lập luận của Alain.

Phải vậy, ông ta có đưa ra quan niệm ca sĩ đúng khác với ca sĩ thật. Vì hát thật vẫn có thể làm chán tai người nghe. Người ta, nếu chỉ cần hát thật, có lẽ ở nhà ai cũng có, và không ai cần mua nhạc, đi nghe hát làm gì.

Lắm người tưởng nghĩ thật, đồng hóa với nghĩ đúng. Và từ ý nghĩ của họ, họ đâm ra hô hào người khác, thậm chí buộc tội quan điểm người khác. Họ sợ quan điểm nào khác họ. Và không gì có tiêu chuẩn bằng lòng hoài niệm của họ, để tự đó họ định giá mọi hoàn cảnh, mọi biến đổi.

Mối tương quan của người này với người khác, của một cá nhân trong một xã hội, một hoàn cảnh,... chả phải là sự điều chỉnh lại cảm giác *thật* lẫn nhau hầu có một tương quan *đúng*, để cho con người có thể sống cạnh nhau, sống cùng nhau hay sao. Khi một con người bơ vơ, yếu đuối, sợ sệt... thường họ phải chứng minh sự hiện diện của mình bằng cách này hay cách khác, tỏ lộ cho người xung quanh biết, là ta hãy còn đây. Hãy còn hiện diện đây. Càng lạc lõng, người ta càng sợ. Càng sợ, người ta càng hay hô hào.

Hô hào và đả phá là tình trạng đa số báo chí -- phương tiện truyền thông hầu như độc nhất của những người Việt tị nạn. Đến nỗi, lâu lâu có số báo nào không đả phá, hô hào, dạy bảo... người đọc, độc giả lại có lòng mừng. Có lẽ ít khi lắm, người đọc được hưởng sự thoải mái. Phải chăng sự thoải mái là sự cốt yếu trong tương quan của bất cứ giao tế nào? Người mua, người bán, người viết... và người đọc, người ăn cùng bàn, người làm cùng sở?

TAM TRƯƠNG

thương mợ Khoát - một người đàn bà Tàu chính hiệu. Suốt ngày bà chăm chút nơi cửa hàng để rồi bao nhiêu tiền kiếm được bị chồng lẫn con phá tán cả.

Nhớ có dạo Cang bàn to nhỏ gì đó với cậu Khoát, cậu đã vỗ bụng cười hềnh hệch: "Thôi mày ơi, đến nước này tàu đã chìm chạm đáy. Còn sống ngày nào đắm mình trong tửu sắc ngày nấy cho nó xong cái cuộc đời!"

Thư đoán trước dó có lẽ hai cậu cháu đã nhiều lần xung đột như vậy, và đó cũng là lý do Cang bỏ ra ở chung với vợ chồng Hiển, và chẳng bao lâu sau họ trở thành những người đồng chí hướng.

Thư bắt đầu cầm bút và trở lại với trang giấy:

"Cang thương,

Chiều thứ Bảy, như mọi lần tiệm đóng cửa sớm. Các cửa hàng bên kia đường đã im ỉm từ lâu. Cứ mỗi lần nhắc đến khu ấy em lại càng nhớ chợ Bến Thành mình nhiều. Cũng những cửa hàng trong khu nhà lồng, những thịt bò thịt heo treo lủng lẳng trên móc và được cắt xén nhiều ít tùy ý khách hàng. Có điều khác là giá cả được định sẵn, không có cảnh các mệ tốc váy quay cuồng, réo tam đại tứ đời nhà nhau ra chửi rủa khi không thuận mua vừa bán như người mình. (Nhưng Cang ạ, đôi lúc như thế em lại thấy hay hay!)

Mợ Khoát về trước còn em nẩy ý muốn đi một vòng phố. Em leo lên chiếc buýt vừa trờ tới. Hai bà già Tầu (hay Nhật?) đi chợ muộn về nhìn em lom lom rồi sổ một tràng. Em mỉm cười và khẽ lắc đầu. Chắc họ tưởng em là người cùng xứ. Ngoài khung kính phố chưa lên đèn nhưng người qua lại mỗi lúc một đông. Đó đây trước những khách sạn, từng đợt xe tour lớn nhỏ thả xuống hay đón đi khách du lịch muốn xem những màn văn nghệ mang sắc thái bản xứ. Mợ Khoát có hứa hôm nào rảnh sẽ đưa em đi xem Hula Show một lần cho biết tận mắt; nhưng cứ hình dung những chiếc mông tròn, vừa nghe điệu trống xập xình đã ngoáy tít lên làm em thấy ngượng làm sao ấy. Nhỏ Minh cứ cười sằng sặc bảo chị rỏ nhà quê, khi thấy em đứng lên, rời chiếc TV đang chiếu những cảnh như thế với những câu nói giỡn hết sức "sinh tử" của cậu Khoát: "Đàn bà con gái đứa nào lắc được như vậy, sau đều đẻ dễ!..."

Em xuống trạm nơi bãi Kuhio vè lang thang về phía Aquarium Center. Khách du lịch tản mát dần về các khách sạn cả rồi. Chỉ còn mấy người xe kéo cố đợi vét cuốc cuối, ngồi dựa dẫm thành xe phì phèo thuốc lá hay ngáp vặt nhìn cơn gió đánh bật những chiếc lá vàng cuối cùng xuống bãi cỏ, khiến mấy chú bồ câu béo trắng giật mình bay lên.

Rồi em lại đi ngang qua sở thú Honolulu. Còn nhớ hôm nào chúng mình ghé đây không, anh? Nhìn chú voi to đen như trái núi nhỏ, chậm chạp với trò tập thăng bằng bằng hai chân trước rồi hai chân sau, Cang đã buột miệng" "Chả thà anh là voi rừng sống với bầy còn sướng hơn!" Em đã ra đến bãi Waikiki lúc nào không rõ. Em tìm một góc ghế ngồi yên lặng nhìn ra bãi cát mênh mông. "Biển như đời người, khi nước rút thì buồn lắm!", bất giác em nhớ đến một câu văn của họ Hà từng đọc đâu đó mà hụt hẫng cả người.

Cang ơi, lúc này chỉ còn lác đác vài thanh niên thiếu nữ tóc vàng nằm phô thân xác như một trò tiêu khiển trên bãi chiều thôi. Họ nghĩ gì Cang nhỉ? Nhưng thế nào thì em vẫn tin đời họ chả bao giờ nghe ra được "tiếng vỗ của một bàn tay!" Nhưng thôi kệ họ. Phần em, em bồi hồi nhớ mãi ngày nào chúng mình còn đi bên nhau, dấu chân anh in trên cát xứ người chạy dài theo những gốc dừa và anh nói: "Dấu chân nào rồi cũng mờ đi, chỉ đậm mãi những dấu chân đi theo bước người Nguyễn Trãi..."

Đèn đường đã lên như ganh đua với những ngọn đuốc xa xa, vừa được thắp sáng dọc theo khu International Market Place. Mấy ông già đấu cờ nơi chiếc bàn gỗ cũ trên bãi đã bình thản nằm trên mấy băng ghế ngáy ò ò. Bóng đêm đang phủ xuống thành phố đảo bình yên. Nhưng Cang ơi, bất giác em lại chợt thấy em như một điểm tối thu mình nhỏ nhoi -- điểm tối đang ngóng về bên kia bờ đại dương giờ chắc trời đang sáng, phải sáng..."

Một phần truyện ngắn này được dựa trên lời kể của anh Võ Ngọc Cát, con trai liệt sỹ Võ Xuân Dương.

PHẠM THỊ XUÂN ANH

Bác Sĩ
NGUYỄN DUY CUNG
Giải Phẫu Thẩm Mỹ
PHÒNG MẠCH:
14441 Brookhurst St. #2
Garden Grove, CA 92643
(góc đường Hazard)
Liên lạc cô Xuân Uyên (714) 775-3718

ĐỖ KHIÊM

Người đàn bà bỏ chồng

Cái chuyện Bội Trân bỏ chồng thật ra chẳng có gì quan trọng và cần nói tới. Ngay cả với những người còn quan tâm đến duy trì văn hóa dân tộc nó cũng đã trở thành thứ yếu, một thứ hiện tượng phụ *(Epiphenomenon,* theo Nguyễn Văn Tạo, Tân Đại Tự Điển Anh Việt) của cuộc sống lưu vong. "*Epiphenomenon,* n. (pl.-*na*) hiện tượng phụ", trang 328 giữa "*Epiphany,* sử hiển thánh; thần thánh hiện ra; lễ Gia-Tô hiển hiện." và "*Epiphyte,* n. cây mọc bám vào cây khác; thụ sinh. *epiphytatism,* n. bệnh dịch cây." Bỏ chồng không được nhắc nhở đến trong văn chương "Thư gửi em còn ở bên nhà", "Thư trả lời anh còn đang kẹt ở đảo", trong thi ca trường xưa, người xưa và ngày xưa. Đàn bà bỏ chồng tồi, nhất là đàn bà Việt Nam bỏ chồng Việt Nam, đàn bà Mỹ, đàn bà Tây bỏ chồng Mỹ chồng Tây lại khác, và đàn bà Việt Nam bỏ chồng Mỹ chồng Tây thì ấy tôi đã bảo. Đằng này hơi rắc rối, Bội Trân trước có chồng Tây, nay bỏ chồng Việt, mai kia chưa biết được và chẳng có gì quan trọng hết. Riêng với hắn, hắn không ăn nhập gì lắm lắm, có hứng làm thơ được cũng chỉ hai giòng:

"*Bây giờ em bỏ người ta*
B B B T B B
Tiểu tâm tôi cũng cười khà một câu
T B B T B B T B

Có được hai giòng mà còn không thật, hắn không bao giờ cười *khà* cả, nhưng mà chuyện Bội Trân bỏ chồng chẳng có gì để cười cả, nó như là chuyện "*Trời mưa lâm râm/Cây trâm có trái...*" chuyện "*Tiện lúc tôi về chơi đây tôi gọi điện thoại.*"

Tiện lúc hắn về chơi Pháp, hắn gọi điện thoại. Số nhà cũ của Trân, ở ngoại ô Gentilly đang được tân trang, gần đường xe lửa RER tiện lợi, hai phòng ngủ trong chung cư mới có máy Intercom an ninh ở cổng ra vào dưới. Nhân vật chồng nàng nhấc máy, giọng bất cần đời mặc dù tôi mới đi làm về tôi đang mệt mỏi, cũng rào hỏi lý lịch một vài câu, lại "Anh là ai?"

"Tôi là Quân..."

"Phải Quân bên Thụy Sĩ không?"

Thụy Sĩ trung lập, có Hồng Thập Tự Quốc Tế, hắn nhận đại:

"Vâng."

"Bội Trân giờ không còn ở đây nữa," anh hơi gay gắt, anh cười chua xót hay là cười gì đó, tiếng cười có thể là của dã nhân hay của tráng sĩ nhìn trăng nhưng tiếng cười đáng kính, tiếng cười nhất định không thô bỉ như tiếng *khà* trong hai câu thơ trên của hắn, một khoảng khắc vài ba tiếng cười tóm lược, Bội Trân và tôi.

"Bội Trân không có nhà?"

Hắn lịch sự hỏi như không hiểu, hắn tế nhị, đằng nào thì dã nhân hay là tráng sĩ hắn đều cũng sợ.

"Không, Bội Trân giờ không còn ở đây nữa," anh dịu dàng hơn, chắc cũng nhờ cái Thụy Sĩ nhận vơ của hắn mà anh trung lập trở lại "*Alice doesn't live here anymore,* Bội Trân giờ ở số

điện thoại này anh làm ơn gọi đến đó..."

Dĩ nhiên là hắn không gọi lại số mới ngay. Lúc đó vào buổi tối, mới bắt đầu, chẳng biết có trăng lên hay chưa, hắn ghé đầu vào cửa sổ nhìn ra ngoài, đứng lên đi qua đi lại nhưng ra vườn để tìm kiếm thì hơi ngại, OK như vậy là Bội Trân bỏ chồng, dạo đó vào mùa đông tuy là mùa đông không lạnh ấy nhưng hắn vẫn ngập ngừng không dứt khoát muốn ra ngoài hẳn, Bội Trân bỏ chồng, không biết ngoài vườn có trăng không và nếu có trăng thì mình hai tay thọc túi cười kiểu gì đây và có cười nổi không.

Đường tàu điện RER đến La Défense khác với đường tàu điện Gentilly là nó hoàn toàn hiện đại. Ngược lại với ngoại ô miền nam Paris của Cách Mạng Lớn trong những căn phòng nhỏ trước kia giờ cũng trở thành khấm khá, cửa ngõ miền tây từ hai mươi năm nay chẳng chịt cao ốc bàn giấy tân kỳ, trông vướng mắt từ xa như những khu văn phòng làm ăn, business district của những thành phố lớn Mỹ. Cạnh Neuilly sur Seine quý phái, đằng sau Place de l'Etoile sang trọng, hai ba mươi từng dưới chân là nhằng nhợ lối xa lộ vào, ra. Ngày hắn sang đến Pháp lần đầu, khu Défense còn chưa hoàn tất nên đối với hắn nó là cái mới, giờ vẫn còn xa lạ, tất cả những gì chưa có sẵn hắn đều nghi ngại. Khu Défense có người chỉ trích, có người hãnh diện, trên thực tế nó chẳng qua cần thiết để cho những công ty lớn có nơi mà đặt đít, Paris nội thành từ lâu chật hẹp. Nó được cái có công tìm tòi, cao ốc người ta không chịu xây thẳng cho thực dụng, có cái tròn cái méo, ngoài bêtông và kính người ta còn khó nhọc vẽ vời những vằn vện ngả nghiêng. Nhưng nó có thêm vàng thêm đỏ ngoài cái xanh cái xám cổ hữu của loại kiến trúc này thì cũng vậy, cái hắn sợ khi vào đây là sợ lạc, bãi đậu xe năm ba từng số E số F, lối lên xuống cổng 1 cổng 2. Thành thử ra, khi nói chuyện với Bội Trân hắn không đề cập gì đến đời sống tình cảm của nàng hiện giờ mà chỉ hỏi cho kỹ hẹn nhau ở cầu thang máy số mấy. Trước khu Quatre-temps, ở ngoài Parvis, Quân biết cái tượng Miró không? Ừ, nhưng mà thôi, ở trong Quatre-temps tiệm vô khối, hắn nghĩ ngợi, Trân nghĩ ngợi, hắn nghĩ không ra, Trân bảo ở trong Quatre-temps trước tiệm Habitat đi. Quân biết tiệm Habitat không? Habitat bán bàn ghế, vật dụng trong nhà cho những người trẻ tuổi vừa lập gia đình, ở bên Hoa Thịnh Đốn còn có, tuy là Mỹ gọi là Conroy's, làm gì mà không biết. Trùng hợp Georgetown có cái mall cạnh khách sạn Four-Seasons, hình như là Georgetown mall thì phải, ở bên trong cũng có Conroy's. Four-seasons/Conroy's, Quatre-temps/Habitat, làm gì mà tìm không ra, hẹn nhau ở một thành phố lạ kiểu hai tuần nữa đến Trieste, trước nhà bưu điện chính, trước nhà ga chính, ở ngay cổng chính nhé còn hẹn được, làm gì có thể mất nhau ở La Défense trên đường RER hướng Saint Germain en Laye chỉ một trạm sau Charles de Gaulle - Etoile. Trân đừng có lo, Trân đi làm ra, mười hai giờ, ăn trưa nhe. La Défense nhiều xi-măng, bãi xi-măng ở La Défense gọi là *Parvis*, như bờ biển Deauville gọi là *planches* vì có lót ván để đi, parvis La Défense nhưng mùa đông mình hẹn ở trong, ở ngoài lỡ trời mưa ướt hết tóc, mình hẹn ở trong, kỳ này tôi về tây em bỏ chồng, mình hẹn ở trong trước cửa hàng gia dụng Habitat.

Vậy mà, Habitat hắn tìm mãi mới ra. Tối đi ngủ hắn lẩm nhẩm Habitat, Habitat, sáng dậy hắn cũng ý tứ chải chuốt đầu tóc, chi tiết quần áo coi cho có vẻ local một tí chứ đừng du khách Bolsa quá. Quần tây, giầy tàu made in Taiwan, đầu bóng Tango chải ngược ò e bandonéon coi đứng đắn trung niên, áo cardigan nhã nhặn, bên trong sơ-mi có ủi cẩn thận, bên ngoài manteau xám nhưng mà tí ti făng kín đáo thời trang, mình hết trẻ nhưng mà mình chưa già, ê giày công sở nhưng vẫn còn crew socks trắng, chưa phải Burlington ca-rô đâu, có cặp nhưng mà cặp Corduroy đeo vai, chưa phải cặp da quai cầm tay. Mới năm ngoái năm nay, nàng bỏ chồng, tôi có gì thay đổi, sáng ra, hắn có cạo râu nhưng mà không xức nước hoa.

Habitat ở trên từng hai của khu thương mại, vào một góc nhưng chưa đến mười hai giờ nên vẫn còn vắng vẻ. Ngày trong tuần, ít có ai rảnh rỗi mà đến mall vờn qua vờn lại, chỉ có cái khoảng từ giữa ngọ đến mùi là nhân viên các văn phòng kế cận ào ra đây dùng trưa và tiện thể shopping. Hắn quan sát vị trí kỹ càng, chỉ có một lối vào ra, không thể nào hụt Bội Trân được dù nàng có đến sớm. Vững bụng rồi hắn vòng trở xuống nhà để tìm một tiệm hoa.

Cái mục này, nói thật, cách đây chỉ hơn một năm hắn vẫn còn rất ngại. Vào tiệm hoa hắn rất là xấu hổ, có cảm tưởng như là mình ngớ ngẩn, cầm hoa đi ngoài đường hắn lại thêm bối rối, giống như là có gì tội lỗi phơi bày. Nhưng đó là chuyện của một năm về trước, lúc Bội Trân vẫn còn có chồng tuy là chồng đã bắt đầu hờ, chồng nhàn nhạt màu và ái ân lỡ cỡ. Nhưng đó là chuyện của một năm về trước, lúc hắn chưa tặng hoa cho Inès. Inès là con người cách mạng, hoạt động, quần lót không có thì giờ để giặt, mắt quầng thâm thiếu ngủ và đầu tóc rối bù, tay lem luốc mực và móng bẩn, giọng khàn thuốc lá và tranh luận, tiền bạc giấy tờ chìa khóa hồ sơ để đâu không biết nhưng thuộc lòng từng chữ của nghị quyết 242 Liên Hiệp Quốc và thỏa ước Cairo 1969, có thể to tiếng đập bàn nhưng tự nhiên gãi

háng, đi đái cũng không có thì giờ làm như phải chạy giặc "Ê ngưng, ngưng, một phút, để tao đi đái..." đến lúc ra chưa kịp kéo dây khóa quần "ừ mày nói tiếp đi..." Inès đột nhiên một hôm mặc váy, có mang cả vớ đùi nhưng làm sao khỏi, vớ đùi bị sứt chỉ, Inès cứ áy náy đến độ buồn cười "Tao làm sứt chỉ vớ đùi." Hắn thấy vậy cũng lạ, cả gan vào tiệm hoa một mình, mua một bó mang ra quán café quẳng dưới sàn, gọi điện thoại vời nàng ra.

"Tao làm cái việc này hơi bần tiện tiểu tư sản. Tao xin lỗi trước."

"Việc gì vậy?" Inès tinh ranh cười nghếch môi.

Hắn chỉ xuống đất vào bó hoa đang vùi sau ghế.

"Tao mua hoa cho mày."

Inès chui tọt xuống gầm bàn lôi ra, làm gẫy thêm mấy cái (lúc nãy khi dúi vào hắn cũng đã làm gẫy mấy cái). Inès cầm bó hoa gẫy một nửa, mặt đỏ bừng ấp úng.

"Đâu có, không sao. Việc này đâu có tệ, tao thích lắm, tao bằng lòng..."

Inès ôm hôn hắn thật thà, bó hoa xao động, từ đó hắn biết, về đàn bà chỉ có hai thành kiến được kiểm chứng. Đàn bà vốn sợ sứt chỉ vớ đùi, dù là đàn bà cách mạng. Đàn bà vốn thích được tặng hoa, dù là đàn bà đeo súng. Hắn từ đó lợi dụng, mua hoa lung tung, cũng mới chỉ hơn năm thôi mà hắn dõng dạc, vào tiệm hoa ở Quatre-temps lựa này lựa kia. Bảy cái hồng màu đỏ, thôi chín cái đi, ba cái loại này trắng, thêm cái này vàng vàng, còn cái này là cái gì, Bird of Paradise, gói giùm tôi. Một cách trơ trẽn và không biết ngượng. Gì cũng quen hết, hắn cầm bó hoa lòng thòng đằng đuôi, lết sau người trở lại trước cửa Habitat.

Bội Trân vẫn chưa đến, lần này đến lượt nàng đến trễ. Hắn đứng tựa thành, tuy nói ngọn nhưng mà bó hoa vẫn cẩn thận đặt hơi xa xa mình một chút

Làm thơ khó bỏ mẹ

Về đến Cali
Sáng dậy sớm tắm xong ra vườn còn tồng ngồng nhìn cỏ cây
Khác lạ vì mới được thu dọn trong khi di vắng
Có nắng bên kia ngõ trên bờ tường stucco vàng nhạt
Có hai bông hoa móm sói màu trắng
Có trời không mây xanh ngắt
Có vợ chồng nhà bên cái cọ còi hụ cứu thương ở xa và chim hót
Có điều muốn nói
Bằng lục bát bốn câu ba đoạn
Ba lần bốn mười hai vừa đủ dài
Mỗi đoạn xuống hàng
Mười hai câu mười bốn hàng
Một trăm sáu mươi tám chữ
Và bốn dấu chấm
Bắt đầu bằng trắc

"Trước vườn ra đứng tồng ngồng
..."
Được sáu chữ nhưng còn một trăm sáu mươi hai xin chịu
Chấm chấm chấm
(Chấm thì đã được ba chỉ còn thiếu một)
Nếu đây lại là một bài thơ thì ở trên đã thêm được hai dấu ngoặc
Nhưng đây không phải là bài thơ
Không thành bài thơ vì không nói được điều muốn nói
Điều muốn nói không phải là đứng cởi truồng nhìn ra vườn sau khi tắm
Vào ngày hôm sau vừa về đến nhà
Ở Cali trường stucco và trời không mây trắng
Điều muốn nói nặng
Điều muốn nói nhẹ
Nặng nhẹ làm thơ khó bỏ mẹ
Mới tìm được ra vần
Trắng vần với nặng
Nhẹ vần với mẹ
Điều muốn nói ra giờ vẫn nhẹ
Bước chân diều cao ốc vây quanh
Sáng trưa chiều xi-măng
Parvis La Défense
Ở Paris
Muốn nói gì
Làm thơ ai bảo dễ
Nào, muốn nói điều gì
Làm thơ khó bỏ mẹ.

ĐỖ Kh.

cho đứng đấn. Mới đây, có lần hắn ôm hoa trước người đứng đợi ở cổng đến phi trường John Wayne bị một bà tốt bụng lại hỏi thăm an ủi, mày đợi cái máy bay nào vậy, tao biết có cái từ St Paul đến trễ. Giờ hắn làm vẻ không cần, bỏ tiền vào máy mua tờ báo đọc như người nhàn rỗi, (dạo này bên Pháp có đến cả báo bỏ trong máy) xem cầm chừng và dọ thám người qua lại. Quá mười hai giờ rồi, tấp nập đàn bà bàn giấy. Hắn mới ở Mỹ sang, thấy đàn bà bên Tây thanh lịch, thấy nhiều đàn bà đẹp. Theo thói quen hắn đếm nhẩm coi bao nhiêu người bề được, cô này bề được không, coi lại xem, ờ bề cũng được, một hai ba bốn, nhiều quá mình phải tăng tiêu chuẩn chọn lọc, bỏ cô tàu cũn cỡn, đếm lại, bỏ cô nhật lạnh lùng, giữ cô đen đài các, giữ cô tóc dài dâm đãng, bảy tám sáu, bề được chứ, bề thử chơi. Nhìn mặt, nhìn lưng, nhìn ngực, nhìn đùi, nhìn ngang ngửa nhưng hắn vẫn còn để ý tìm Bội Trân. Bội Trân, theo hắn nhớ, thì đẹp lắm, và bề dĩ nhiên là phải được, thế nào cũng khoái lạc khỏi cần cân nhắc. Hắn chọn được mười người để ngủ với, lột quần lột áo họ và đọc xong ba trang báo thì Bội Trân tới.

Bội Trân từ xa đã đẹp hơn là theo trí nhớ của hắn từ năm ngoái. Hắn đang tụt quần tụt áo người đi đường vội ngưng lại. Bội Trân mặc quần ngang cổ chân, ống rộng và hơi ngắn mỗi bước đong đưa tiến lại gần. Hắn nỗ lực dứt người ra khỏi thành đang đứng tựa, cười máy móc hôn má nàng hai bên tự động. Hắn giật người ra không đứng vững, mấp máy ờ Trân.

"Ờ, Quân. Trân ra hơi trễ." Trân nhoẻn miệng.

"Chẳng sao."

Hắn nhìn xuống đất quanh quẩn, hai ống quần nàng vẫn còn rung động, áo choàng hắn những bốn túi hắn không biết để tay vào túi nào. Hắn vỗ vào bao thuốc, hắn mò ra cặp giấy vấn, cái hộp quẹt, hắn thấy không cần thiết. Hắn nhớ ra, quay người lại, với lấy bó hoa.

"Có mang cái này tặng..."

Trân nhìn thấy, như có trách, như buột miệng để làm gì, như mày vớ vẩn, như mày đừng vớ vẩn. Trân có trách, hắn có quê, hắn ấp úng như xin lỗi, như bỏ qua, thôi. Trân bỏ qua, Trân cầm bó hoa lên hai tay, ôm trước ngực như hoa hậu trúng tuyển, hắn thấy buồn cười nàng, hắn thấy buồn cười chính mình. Hắn nhìn cái hoa vàng cam rất đẹp, Oiseau du Paradis, thôi. Về đàn bà, nhất định là không nên có thành kiến gì cả, ngay cả thành kiến cho hoa và chắc là thành kiến sứt chỉ vớ đùi cũng vậy, đều thành kiến cả, ai bảo mình bày đặt, nhưng mà, thôi. Trân cũng hiểu, Trân cười tự nhiên, hắn cười giải thoát, thì mày ôm cái này đi, giờ đi đâu, giữa đàng đứng hai người dớ dẩn dằng co làm gì. Inès là Inès và bây giờ là Trân.

Việc Bội Trân bỏ chồng Việt Nam của nàng là một chuyện hiển nhiên tất phải đến. Hắn không gặp nàng một năm nay, nàng chỉ cho anh chồng có sáu tháng.

"Thì cũng chuyện gia đình nó. Bố mẹ, anh chị em. Tao cho nó sáu tháng xem có gì thay đổi, chẳng có gì thay đổi cả."

"Sáu tháng hơi mau. Giờ rồi sao?"

"Thì, giờ ly dị."

Hắn nhìn Trân nghĩ thầm, hai chữ "ly dị" nghe kinh khủng, chẳng kém hai chữ "cưới hỏi" là bao. Ai bảo mày cưới nó làm gì, đáng, giấy tờ phiền phức, đến lúc chán rồi bỏ, thủ tục rườm rà. Đâu phải lần đầu đâu. OK, lần trước mày còn trẻ, mày chẳng biết gì, mày vớ lấy phải ông tây râu xồm đẹp trai tao không nói, lần này mày lại chính thức ôm vào người con trai da vàng kỹ sư điện toán để làm chi.

"Thì ly dị," hắn nói vuốt ve. "Bố mẹ mày nghĩ sao?"

"Chẳng sao cả, ông bà chắc bây giờ Mỹ hóa rồi, dễ thôi."

Ừ, Mỹ hóa. Năm lần cưới hỏi, bốn lần ly dị cũng chẳng sao, chỉ có Mỹ mới thế. Tây đâu có vậy, thích nhau thì ở không thích thì chẳng, phải dễ tính hơn không, chuyện riêng tư cần gì những ràng buộc luật pháp, phải trước thị trưởng sau là tòa án. Bội Trân vẫn còn như vậy, Bội Trân hơi làm sao. Bội Trân ngồi ăn cơm Nhật Bản, Bội Trân ngồi ăn Yakitori, Bội Trân bảo.

"Với lại, tao có gặp một người khác."

Sau bát miso, giữa miếng mề gà và miếng thịt lợn nướng, Bội Trân có gặp một người khác. Gặp một người khác, chuyện này ai dám trách, tôi cho anh sáu tháng, anh làm gì thì làm. Với lại, tôi có gặp một người khác. Người khác, hắn biết rồi, ông tây giọng hơi hơi miền Nam hôm qua trả lời điện thoại. Chẳng ai trách những chuyện này, chỉ trừ hắn ra. *Còn tao thì sao.* Hắn ôn tồn.

"Nhưng còn tao. Sao mày không cho tao hay?"

"Tại mày không có đó."

Hắn vật người ra, thở dài. Đi săn thì mất chỗ ở nhà, ráng chịu, câu ngụ ngôn Pháp đã bảo. Tại hắn không có mặt ở đúng chỗ, vào đúng lúc, để nàng ngả vai vào. Lần trước cách đây mười năm đã thế, Trân sắp sửa nhưng chưa bỏ chồng Tây thì có hắn. Hắn đi rồi, Trân lấy chồng Ta. Lần này cách đây một năm cũng vậy, hắn gặp lại Trân lúc Trân với chồng rất căng, hắn vừa đi khỏi Trân bỏ chồng ngay. Tại lỗi hắn, chẳng bao giờ có mặt.

"Sao mày không *gọi* tao, hắn đâm ra cay cú."

Phải cẩn thận đề phòng lần sau. Có hai thì phải có ba.

"Lần sau mày nhớ gọi tao, hắn nghiêm nghị."

Trân nhìn hắn tử tế, Trân hứa, Trân gật đầu. Ừ, lần sau. Lần sau Trân có rồi, Trân gọi, hắn lại gần nghiêng vai Trân ngả đầu vào. Hắn ngước lên nhìn Trân lần nữa, Trân có vẻ thật thà, Trân không bao giờ

nói dối. Lần sau Trân sẽ gọi. It's a deal nhưng hắn chợt nghĩ ra rằng vai hắn nhỏ và dạo này cả hai bên đều bận bịu. Hắn nghĩ thầm, hắn có vợ, vợ hắn lại được lên chức vợ lớn, vòng tay hắn cũng bé thôi, hắn tính nhẩm, chưa kể nhân tình nhân ngãi nữa, vướng vít lắm. Nói cho ngon một câu, thật ra hắn cũng biết điều.

"Mày biết, tao cũng chỉ nói vậy thôi..."

Trân biết.

"Nhưng mà kỳ sau mày làm ơn gọi tao. Tao rảnh thì tao lại. Có thể tao không rảnh, chắc là tao không rảnh đâu, hắn lắc đầu, coi bộ tao không rảnh quá nhưng mà cứ gọi, biết đâu."

Trân chịu. Trân rộng rãi lấy lệ hay là Trân đồng ý, hắn không hiểu. Một đời chẳng lê nhân duyên thành bại những tình cờ. Mày rảnh tao bận, mày bận tao rảnh, có kẽ hở nào trống để mà gặp nhau. Hay là một đời lâu dài quá, ngay cả vài ba năm cũng vậy, chẳng cách nào. Tôi em lê lết thế này, có cả mười năm nay, núp sau cửa nhìn nhau, có sợi giây xích cài như tiếp chuyện với người lạ đến nhà bán dạo bảo hiểm nhân thọ, thảm lót sàn hay là máy hút bụi, em có bỏ mười chồng cũng vậy, tôi có năm ba vợ thì đã tới đâu. Tôi em có gì không, hắn định thọc tay vào nhưng hắn sợ nàng đóng cửa, kẹp đau. "Để khi nào khác." Hắn định thọc tay vào.

Hắn nhìn Trân đắn đo. Một đời quá dài, hay là một ngày đi, một tuần thôi. Một tuần chia đôi, một cuối tuần nhà quê Ile de France có mái rạ và có ngựa chạy, một cuối tuần bờ biển Touquet sáng mở cửa có gió mang cát từ hiên lọt vào phòng. Gần đây, nơi nào lái xe đến được, nơi nào quen thuộc, planches Deauville trùm người co ro sau rặng kính chắn trước cửa quán café, hành lang khách sạn Normandie baroque, gần đây, hay là một vài giờ máy bay. Hắn nhìn Trân mơ màng, trên ba mươi tuổi, người Trân

Tôi tìm em nơi người tôi tìm không ra

Bolsa có hàng ngàn người con gái
Nhởn nhơ Phước Lộc Thọ
Xỉa răng phở Nguyễn Huệ
Thâu tiền quày càfé
Đẩy xe chợ Man Wah
Nhún nhảy váy co ôm đít cổ chân gầy
Mơ màng vớ dán ôm đùi khoe dọc ngang
Kính mát Ray-Ban
Vòng vàng
Gài số MR2
Tự động Acura
Xếp hàng gửi quà Việt Nam

Bolsa có hàng trăm người con gái
Tóc đen nhuộm hung coi thấy chán
Phồng chỉa trong ngoài bình thường abnormal
Lèm nhèm hình bìa băng
Nhại tài tử Hồng Kông
Có khi da ngăm áo tắm
Nốn nà xanh xao
Có khi quần vợt thể thao
Gầy yếu nhớ cha anh còn cải tạo
Vấy vùng vú độn đám cưới nhà hàng Tàu
Cổ trần ngọc trai Nhật Bản
Bờ vai lẳng Vuitton Taiwan
Bolsa có hàng chục người con gái
Ngực mát bậc thềm đá hoa
Đùi đong đưa như võng
Bụng nắng mặt sàn xi măng
Chẳng mấy kẻ người cao
Tuy có chân dài và lưng ngắn
Bực bội buổi trưa hè mái tôn
Êm đềm tường đất bên bờ sông
Hơi thở ngắn nồng
Hình như tự tình quê hương
Hay là dị kỳ tây phương

Nhưng mà
Bolsa không có một người nào
Bolsa còn con gái
Bolsa chẳng có ai
Nhưng mà
Bolsa không có cả người ta
Bolsa lắm đàn bà cũng vậy
Độc nhất hay là nhiều loại
Xa gần tôi tìm mãi
Cách nào thôi vừa phải
Tôi tìm em nơi người sao tôi tìm ra
Tôi tìm em nơi người tôi tìm không ra.

ĐỖ Kh.

đã bắt đầu dầy, xương hai bên hông không còn nhô ra... đầu vai nàng đã hết những cạnh sắc để xô đẩy vào lúc nàng..., nhưng mà chẳng sao. Chẳng sao hết. Ở mà cái này là ái tình đó hả. Nhòm ngó một lúc mày bỏ chồng, gặp khi tao không vợ, ngày trước thì cư xá đại học, ngày nay thì khách sạn nghỉ mát. La Valette ở Malta, đừng xa quá, hay là Ý Đại Lợi cũng được, có bờ biển lại càng thơ mộng, nếu không Trung Âu bí hiểm, Berlin, Prague. Anh nằm vuốt ve em mười năm thèm muốn, thì cũng vậy vậy..., đùi gân em bây giờ lẳng, cổ em tròn, bụng có vết nhăn. Một hai ngày rồi đi tới đâu, đừng tới đâu làm gì, mở dấu ngoặc, đóng dấu lại, làm tình năm sáu bận rồi ôm nhau ngủ, dậy đi đái chắc phải kín đáo đóng cửa, dậy mặc đồ đi ra ngoài bách bộ nhìn chim bồ câu, cổ thành St Malo có tượng Jacques Cartier đứng chỉ tay ra biển về hướng Tây Bắc, Ciudad Universidad ở Madrid nơi này năm 1936 thợ may do thái hiền lành thuộc lữ đoàn quốc tế Ernst Thaelmann đánh bại lê dương hùng hổ của Franco. Hắn định hỏi, hắn tưởng tượng Bội Trân cởi truồng, hắn định hỏi, Bội Trân có nhiều... không, hắn định hỏi, Bội Trân không nói gì, hắn lại thôi. Cái này là ái tình đó sao.

Hắn nhìn Trân nghĩ là Bội Trân rất đẹp, Trân bỏ chồng ờ thì tội nghiệp, hắn nghĩ là Bội Trân rất đẹp, Trân nghĩ gì hắn không biết, Trân mỉm cười.

Đến lúc họ đi ra khỏi quán hắn vẫn còn hãnh diện. Đàn ông nhỏ nhen, đẹp thì được cái gì ở những nơi nhiều người qua lại. Giờ này đứng ở Parvis La Défense mười lăm phút, đếm có được đến hai mươi người đàn bà bề được. Dĩ nhiên, người đi cạnh hắn, tay cầm hoa cẩn thận là người bề được nhất nhưng mà đã không dám hỏi "Sao, bề không" với vẻ tự nhiên thì thôi, hắn giả nhân giả nghĩa, hắn vu vơ những chuyện đàng hoàng tử tế hơn. Hắn bóng gió kể lại vào cách đây chỉ một hai tháng, hắn ở Santa Ana có đi ăn đám cưới, thấy được ông cụ bà cụ Trân hắn nhìn mãi. Hôm đó hắn nhìn thật, hơi lâu, thấy Trân giống cả bố lẫn mẹ. Bố Trân bô trai, mẹ Trân đẹp gái, hắn nhìn hoài.

"Sao Quân không lại nói chuyện với ông bà?" Trân hỏi.

"Nói chuyện gì, Quân đâu có quen."

"Quân nói Quân là bạn Trân..."

Thích nhỉ, "Dạ thưa Bác, cháu là bạn Trân," để lần sau. Ông cụ bà cụ ở Bolsa, tiện gần nhà, hôm nào rảnh xin phép hai bác cháu đến chơi, cháu nhìn hai bác cho đỡ ghiền, Trân giống hai bác lắm, dạ. Biết đâu chẳng được coi album, đây Trân mười sáu tuổi, đây Trân mười ba, đây Trân ở truồng lúc còn đang tập lẫy. Mấy người này di tản 75, hình ảnh chắc mang theo đầy đủ hết, con này hồi nhỏ nó gầy, đầu gối thô, nó mặc váy đầm xòe, nó cao lồng ngồng không giống ai, nó mặc quần Pát hoa. Trân đã cho phép, để kỳ sau có dịp hắn sẽ lại gần gạ. Trân mới bỏ chồng đây, đáng đời, bác cho cháu xem hình đám cưới.

Trân bỏ chồng chẳng có gì là lạ, ngay cả cụ ông cụ bà giờ cũng còn Mỹ hóa. Cái chuyện đó không thành vấn đề, hắn đưa Trân về sở buổi trưa mùa đông có nắng trên Parvis La Défense. Bước chân Trân nấn ná, Trân dục hắn vài ba lần "Quân chắc có nhớ đường để về không" nhưng Trân đi chậm lại. Lạc thì đã sao, hắn hỏi Trân chừng nào sang Mỹ thăm bố mẹ. Trân ậm ừ, chắc còn phải đi Trung Mỹ với bồ. Colombie, café hay là coca hắn không để ý, hắn hỏi Trân chừng nào sang thăm Bolsa. Chồng Việt Nam gảy đàn của Trân, Trân bỏ không có gì là lạ nhưng mà lạ nhất là lúc chia tay rồi, chẳng hiểu sao Trân còn hỏi với:

"Phở ở bên đó ngon hay là bên này ngon?"

Có những câu không ai chờ đợi, có những câu suy nghĩ mấy cũng không thể trả lời. Hắn chỉ cười cho đỡ ngượng, đỡ ngượng hộ nàng, đỡ ngượng hộ hắn. Trân hình như cũng ngượng, hắn cười lơ lửng, Trân vào sở và hắn đi vội. Bội Trân mới bỏ chồng cũ có bồ mới, kỳ sau nếu bỏ bồ này hắn được Bội Trân hứa sẽ gọi, hắn không dám hỏi Bội Trân sao tìm được cái week end nào để mình nằm ôm nhau, hắn không dám hỏi, Bội Trân không dám nói, lấy bố lấy mẹ ra đưa đẩy lập lờ. Nhưng mà có cái câu kỳ khôi vào lúc cuối không hiểu từ đâu tới, từ tiềm thức nào không ngăn cản nổi.

Phở ở đâu ngon hắn không biết, có quan trọng không hay là ở đâu ngon thì cũng thế thôi.

ĐỖ Kh.

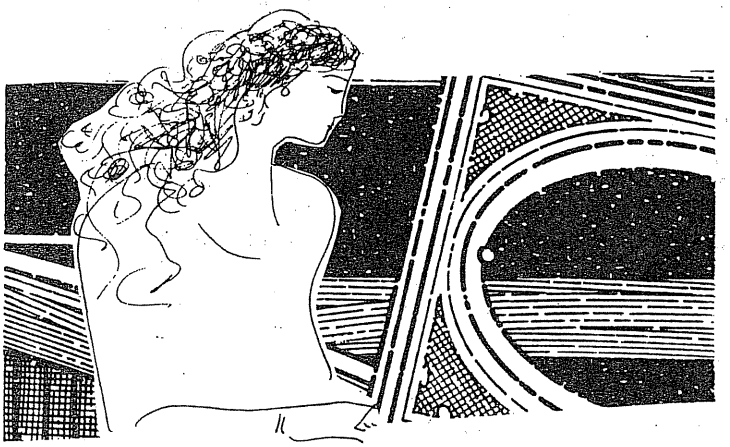

KẺ THÙ VÀ BẠN HỮU CỦA NGƯỜI TRẺ VIẾT VĂN

JOHN KNOWLES
NGUYỄN KHANH dịch

Trên lãnh vực văn chương, các nhà văn trẻ ngày nay có rất ít bạn bè nhưng kẻ thù thì phải nói là vô số kể. Ngay chính trong bản thân của từng nhà văn một cũng vậy, cũng có cả hai: một bạn, một thù. Và xưa nay, chỉ có một con đường duy nhất để giúp cho các nhà văn trẻ biết rõ hơn về chính mình: cứ tiếp tục viết, xem sao.

Giáo dục có lúc hầu như chẳng còn liên hệ gì đến văn chương giờ đây lại bắt đầu tái xuất hiện. Hầu hết những người trẻ viết văn ngày nay được học hành tới nơi tới chốn hơn hẳn nhiều nhà văn thủa trước, như Hemingway hoặc Faulkner chẳng hạn. Nhưng thử hỏi *học vấn là bạn hay kẻ thù của người cầm bút?*

Câu trả lời có lẽ là *cả hai.* Những hiểu biết, kiến thức tổng quát bao giờ cũng là một lợi điểm cho người viết, đó là chưa nói đến việc họ được hướng dẫn một vài kỹ thuật khéo léo nào đó cần thiết cho việc viết văn. Đôi lúc, người cầm bút còn phải học cách trau chuốt bút pháp của mình cho đến khi có thể chứng tỏ với thày dạy và với chính họ là mình có khả năng nắm vững được vấn đề một cách thấu triệt. Người viết còn phải học một nguyên tắc sơ đẳng của nghệ thuật: nghệ sĩ, tiểu thuyết gia không bao giờ *kể lể dài dòng* với người đọc, không *giảng giải* những việc xảy ra trong tác phẩm cho người đọc, không bao giờ tìm cách *hướng dẫn* hay *thuyết giảng* trong tác phẩm cho người đọc cũng như cho chính mình. Tại sao một nhà văn phải vất vả để sáng tạo ra nhân vật, thời gian, không gian và nhiều điều khác nữa, rồi sau đó tự hủy hoại công trình sáng tạo của mình bằng cách *đem trình bày tất cả mọi việc xảy ra cho người đọc.*

Thay vì mất công và thì giờ để giải thích về nhân vật và những sự kiện được trình bày trong tác phẩm của mình, nhà văn trẻ ngày nay phải cố gắng bằng mọi cách cho người đọc có cơ hội *sống* với nhân vật mình đã dựng lên, cho người đọc cơ hội tự *tìm thấy* con đường đi đến kết luận của tác phẩm. Nếu làm được điều này, người đọc sẽ không bao giờ quên được tác phẩm cả.

Như chúng ta vẫn thường nói: kinh nghiệm là ông thày quý nhất. Những tác phẩm hay chính là những kinh nghiệm cho người đọc. Có thể, người đọc sẽ không hiểu được một cách hoàn toàn những kinh nghiệm đó so với những kinh nghiệm mà họ đích thân thâu đạt được, nhưng khi *đã đọc là đã sống với kinh nghiệm.* Do đó, kinh nghiệm sẽ ở với người đọc và không thể nào họ có thể quên được.

Quyển tiểu thuyết thứ nhì của tôi mang nhan đề *Morning in Antibes* sau khi được xuất bản người chê cũng lắm mà kẻ khen cũng nhiều. Thật lòng tôi cũng không thích quyển đó cho lắm - và có nhà văn nào lại thích tác phẩm của mình sau khi nó được xuất bản hay không? - Tôi không thích tác phẩm đó vì tôi chưa đạt được tới mức độ mà tôi mong muốn, tôi đã kể lại quá nhiều và chưa tạo dựng được bao nhiêu cả. Nhưng cũng có nhiều người lại cho rằng tôi đã đi quá xa với tác phẩm này, họ chỉ thích nghe kể lại sự việc, hoàn cảnh nhân vật càng nhiều càng tốt, nhất là nguồn gốc bối cảnh của tác phẩm. Họ muốn biết cái anh chàng yếu đuối nhảy xuống dòng sông Riviera hồi 1958 chỉ vì chuyện tình duyên đổ vỡ từ đâu đến? Cô vợ có đời sống không mấy khá của anh ta thân thế ra sao? Còn những dân quý phái suy đồi của Pháp, những kẻ không nhà

phải sống ở bãi biển, đám dân Algerians với cuộc đời hầu như không có lối thoát, tại sao tôi lại không viết về những đám người đó "đầy đủ" hơn? Độc giả có người lại còn than là cuốn sách của tôi viết thiếu hẳn một đoạn đầu, hay tệ hơn nữa, chẳng có phần kết thúc. (Đôi khi tôi tự hỏi kinh nghiệm nào lại có cả phần khởi đầu lẫn kết thúc hay không?)

Với những lời phê bình như vậy của độc giả, tôi tự an ủi mình cho rằng vẫn không đáng ngại bằng chuyện độc giả bảo "*anh kể lể nhiều quá, làm ơn cho chúng tôi biết ít hơn một chút được không?*" Vấn đề là ở chỗ đó. Trở ngại của tôi là tôi không thể nào dựng được một tác phẩm mà trong đó lại ghi đầy đủ chuyện quá khứ cũng như cảnh ngộ hiện tại của các nhân vật trong tác phẩm được.Tôi không cho chuyện đó là quan trọng, vì điều cần làm là phải *viết được những gì các nhân vật trong tác phẩm đang nói, đang làm, đang suy nghĩ*, những cái *đang* đó ở trong một thời kỳ quan trọng trong cuộc đời của nhân vật. Trong cái đang có hàm chứa cả quá khứ và tương lai.

Tôi nghĩ nên để cho người đọc vận dụng tư tưởng, sự suy nghĩ của họ hơn là cứ bắt người viết phải trình bày tất cả mọi vấn đề trên giấy. Nếu tôi viết rõ hơn, đầy đủ hơn, tác phẩm của tôi lúc đó có khác gì một bức tranh ghi lại đời sống thật rõ từng nét một, để cho độc giả đứng ngắm trong chốc lát, thấy nhàm chán, nhắm mắt lại, và quên! Người đọc cần phải *tham dự* và mỗi tác phẩm cần phải là *một kinh nghiệm cho người đọc.*

Nhà văn Alain Robbe-Grillet, thuộc trường phái "phi tiểu thuyết" của Pháp là người đi quá đà trong lúc viết. Ông mô tả thật tỉ mỉ từng căn phòng của các nhân vật, mô tả màu gỗ, màu vải, mô tả từng góc cạnh ánh sáng, cách xếp đặt bàn ghế, vườn tược bên ngoài... rồi bỗng chợt ngưng lại để xen vào những đoạn đối thoại cũng thật tỉ mỉ. Những điều ông làm rất tốt, nhưng chỉ tiếc là quá đà, khiến cho người đọc có cảm tưởng ông bị ảnh hưởng sâu đậm của bộ môn hội họa. Do đó,, tác phẩm của ông trông giống như một bức họa hơn là văn chương, những bức họa tĩnh vật ghi lại những vật rất tĩnh.

Tuy nhiên, nếu học vấn là một người bạn tốt? Ở một điểm nào đó, thì giáo dục đồng thời cũng là một kẻ thù, và chính tôi đã có một kinh nghiệm khá chua cay về chuyện này. Mấy năm sau khi tốt nghiệp đại học Yale, tôi nghĩ đã đến lúc phải viết một quyển truyện. Tôi đến đảo Ischia, bắt đầu phác họa sơ qua về cuốn sách mình định viết, phác họa những căn bản siêu hình, ý niệm huyền thoại sẽ được hàm chứa trong tác phẩm cũng như ấn định những tiêu chuẩn, mực thước. Cuối cùng, tôi quyết định phải đưa chuyện gì ra làm bối cảnh cho cuốn sách và tự nghĩ cái gì mà chẳng được. Tôi bèn chọn đảo Ischia. Tại sao lại không nhỉ? Hòn đảo Ischia đang ở chung quanh tôi mà. Cho dù chẳng biết tí gì về hòn đảo này, chẳng quen một ai sống trên đảo, tiếng Ý thì không biết được tới mười chữ, nhưng tôi tin rằng với cái "sườn" hết xảy của tôi, những chuyện đó chắc chắn không ăn thua gì cả.

Tôi hoàn thành tác phẩm một cách nhanh chóng, đặt tựa là "Descent to Proselito," một tên riêng tôi đặt cho hòn đảo Ischia. Tôi tự nhủ thầm là các nhà phê bình văn học chắc chắn phải nhận ra ngay chữ "proselyte" ẩn dưới tựa đề của quyển sách và sẽ biết ngay tôi muốn viết gì trong tác phẩm này. Vui mừng, sung sướng vô hạn, tôi xuống tàu về lại Hoa Kỳ trao tác phẩm cho ông Thorton Wilder xem, nhờ ông bạn tốt bụng này đọc và phê bình hộ. Sau đó, ông trả lời "anh John Knowles ạ, tôi đọc đến trang 151 rồi và không thể nào tiếp tục đọc được nữa. Tôi nhận thấy anh không thật lòng quan tâm đến tác phẩm của anh đâu?"

Quan tâm? Chú ý? Tôi phải quan tâm, chú ý đến tác phẩm của tôi hay sao?"

Sau một vài tuần lễ tịnh dưỡng, tôi mới nhận thấy mình quả thật đã quá nôn nóng muốn trở thành một nhà văn lớn, một nhà văn nổi tiếng ngay mà chẳng chú ý gì đến bối cảnh và nhân vật trong tác phẩm của tôi cả. Tôi có để ý gì đến hòn đảo Ischia, đến những nhân vật người Ý tác phẩm của tôi đâu, cho dù tôi tạo dựng ra những nhân vật này với khả năng nhận thức siêu hình phải gọi là tuyệt hảo, một khả năng của người Ý chỉ có ở trong các quyển tiểu thuyết do các nhà văn Hoa Kỳ trẻ tuổi viết ra. Tôi quyết định lấy tác phẩm này về không xuất bản nữa, cho dù ông giám đốc nhà xuất bản có tìm cách trả lời khá gượng gạo rằng nếu tôi muốn, họ có thể cho in quyển sách này.

Từ đó, tôi bắt đầu viết về những đề tài, những vấn đề tôi quan tâm tới, những gì không những chỉ liên hệ đến sự quan sát, tâm trí của tôi mà còn liên hệ cả đến trạng thái, cảm nghĩ của tôi nữa. Tôi đã gặp thất bại vì tôi được học nhiều quá mà không tiêu hóa hết, thành ra tôi cần phải bắt đầu lại từ đầu, từ căn bản đơn giản để học cách phải làm việc như thế nào cho đúng.

Tôi dựng một tác phẩm khác, quyển "A Separate Peace." Trong lúc viết, tất cả mọi sự kiện nào khiến tôi phải thêm vào những chi tiết giả tạo đều bị gạt bỏ, những điều gì có cả trừu tượng quá đáng tôi cũng đặt sang một bên. Tôi nghĩ nếu mình viết thành thật và sâu xa về một nhân vật trong một hoàn cảnh thời gian thật riêng biệt nào đó cộng thêm với những kinh nghiệm riêng tư của họ, thì kết quả tác phẩm có thể sẽ là một biểu tượng cho những người khác ở hoàn cảnh, thời gian và kinh nghiệm khác. Tôi hiểu là nếu tôi cứ viết về những đề tài tượng trưng thì cuối cùng chắc chắn chẳng đạt được cái gì cả; nhưng nếu viết về những nhân vật với cá thể đặc biệt thì lại tạo được một ấn tượng rất tượng trưng. Tôi hiểu điều đó, thành thử không quan tâm gì cho lắm.

*
* *

Với những người trẻ viết văn, sinh hoạt kinh tế mỗi ngày một cao hơn trước đã tạo cho họ thêm

một người bạn đồng thời cũng có thể là kẻ thù: tiền. Trong lãnh vực văn chương hiện nay, việc kiếm tiền hầu như không mấy khó khăn, chỉ cần nổi tiếng một tí là tiền tự nhiên đến. Tiền không đến với người viết qua tác phẩm, mà qua một hệ thống liên lạc lớn nhất chưa từng ở Hoa Kỳ. Hệ thống này đã tạo dựng nên thị trường chữ nghĩa tại Mỹ.

Hệ thống nói trên hoạt động không ngừng, với con số nhân sự làm việc khổng lồ phục vụ cho nó - từ người đặc trách điều hành một tạp chí chuyên về thơ, cho đến ông thợ chụp hình cho một tạp chí tranh ảnh - và hàng bao nhiêu triệu người khác nữa nương vào đó mà sinh sống. Từ một tác phẩm giá trị, những tác phẩm được kể vào hạng trung bình cho tới những tác phẩm hạng lá cải, tất cả được đưa vào hệ thống này để phục vụ theo những mục tiêu được đề ra. Cũng qua hệ thống này, các nhà văn trẻ thỉnh thoảng lại nhận được tấm ngân phiếu (giá trị thường chỉ nhỏ thôi) đề tên mình.

Tôi thấy quá khó để gọi tiền bạc là kẻ thù của người cầm viết. Với những nhà văn trẻ, tiền chỉ là *kẻ thù khi họ chạy theo nó và bị hướng dẫn vào con đường sai lạc.* Nhưng ngược lại, nếu một nhà văn coi việc viết là quan trọng nhất và tiền tệ là vấn đề phụ thuộc, lúc đó tiền sẽ trở thành một người bạn rất ích lợi. Nhà văn chúng ta có thể ngỏ lời cám ơn thị trường chữ nghĩa đã giúp cho mình cơ hội kiếm tiền để sinh sống, để cho người viết có nhiều thì giờ tập trung vào công việc viết lách hơn, thì có lẽ chúng ta cũng nên cảm tạ thị trường chữ nghĩa này qua việc gom góp những gì chúng ta đã viết để tuyển chọn, xuất bản, dịch, quay thành phim. Nhưng xin nhớ rõ một điều: ngoại trừ trường hợp chúng ta trở thành một nhà văn nổi tiếng - như Tennessee Williams chẳng hạn - tất cả các nhà văn trẻ nên có một đời sống giản dị, vì có khi mình đã viết hết sức và viết tất cả những gì mình muốn viết, thị trường chữ nghĩa cũng không thèm lưu tâm tới.

Tất cả những "phần thưởng" khác mà xã hội dành cho một nhà văn đều có thể liệt vào *hạng kẻ thù,* như phải xuất hiện trước công chúng, bị phỏng vấn, diễn thuyết, trở thành "tiếng tăm," chẳng hạn; những thứ này ràng buộc không những chỉ với đời sống của người viết mà còn ngay cả công việc nữa. Tôi nghĩ cách hay nhất là đừng cho một ai biết gì về tác giả hay tại sao không chỉ in sách thôi, đừng để tên tác giả làm gì cả, xem câu chuyện rồi sẽ ra sao?

Nếu điều này được thực hiện, người đọc lúc đó chắc chắn sẽ không bị chi phối bởi những chuyện khác và sẽ đặt tất cả tâm trí vào quyển sách, chẳng mất thì giờ bàn luận gì về tác giả cả. Mỗi lần lật trang sách, người đọc sẽ không phải lầm bầm những điều không ra gì cả, chẳng hạn như "lại viết cái lối giống như Waugh" thay vì nghĩ tác giả này là người yêu chuyện truyền thống và nề nếp gia đình. Nếu sách in ra không để tên tác giả, người đọc chắc cũng chẳng bao giờ suy luận là nhà văn Graham Green nếu không phải là một người trở lại đạo, chắc ông ta sẽ có một quan điểm bình thường hơn về tôn giáo và không bị ám ảnh bởi những sai lầm mà Thiên Chúa Giáo đang mắc phải.

Tất cả mọi tác phẩm đều thành hình bởi sự xếp đặt của tác giả, do đó không nên để cho người đọc biết bề trái của câu chuyện hoặc tìm cách liên kết những gì đã xảy ra trong cuộc đời của tác giả với những điều được mô tả trong sách. Ông Salinger quả là có lý khi ông giữ kín cuộc đời của ông, thành ra càng đọc ông nhiều chừng nào chúng ta càng cảm xúc mạnh mẽ chừng nấy. Người đọc không thể nào phê bình là ông ta viết "thế này" vì chuyện tình cảm xảy ra trong đời ông" hoặc "tội nghiệp quá, viết thế này thì làm sao có thể được chọn là mẫu mực được." Độc giả cho dù có biết được những tin đồn liên quan đến nhà văn thì khi đọc, *xin đừng để cho những tin đồn này làm giảm mất giá trị của quyển sách đang có ở trên tay.*

Đồng ý là Salinger có lý, nhưng rất ít người bắt chước ông, trong đó phải kể cả tôi nữa. Vì nếu theo chân của ông, chắc chắn tôi đã không viết bài tiểu luận này làm gì. Con người chúng ta phần lớn đều sống với ảo tưởng, tự kỷ, thích đàn đúm, chú đã có mấy người muốn sống yên phận đâu.

Dĩ nhiên, một số nhỏ nhà văn lại có lối sống trái hẳn với lối sống của Salinger, họ dùng đủ mọi bộ mặt của mình để lôi kéo sự chú tâm của quần chúng. Những nhà văn này sống, hòa nhập cuộc đời và tác phẩm làm một.

Sự thành công, qua những bài phê bình hoặc được độc giả công nhận, đem lại cho nhà văn trẻ một phần thưởng thật quý giá: *tiếng nói của họ bắt đầu được lắng nghe.* Nếu không thành công, thì cho dù có bàn hết chuyện này sang chuyện khác, có tranh luận đến đâu đi chăng nữa, người đọc cũng chẳng bao giờ thèm nghe cả.

Từ lâu, thành công đã bị giảng giải một cách sai lầm là kẻ thù của các nhà văn trẻ Hoa Kỳ, mà quên hẳn đi rằng đau đớn nhất của người cầm bút là gặp thất bại. Trong lãnh vực văn chương, thất bại có nghĩa là không được giới phê bình văn chương hoặc độc giả công nhận, sẽ khiến cho nhà văn không còn thấy hứng khởi khi cầm bút được nữa. Cay đắng không phải là yếu tố thuận lợi cho người viết, cũng như sự nghèo đói sẽ làm cho người viết mất đi sự thoải mái cần thiết. Từ thất bại, nhà văn sẽ bắt đầu viết yếu đi, khiến cho sự thất bại mỗi ngày một lớn hơn trước. Lúc đó, nhà văn không thể nói, sách không thể xuất bản được vì chẳng ai muốn nghe; không phát huy được gì nữa cả, vì những cảm nghĩ hoặc quan điểm không chia sẻ được với người khác.

Ảnh hưởng của ma túy cũng đã thấy xuất hiện trở lại trong giới nhà văn trẻ, nhất là trong nhóm nhỏ những nhà văn ưa làm dáng và bắt chước. Những nhà văn trẻ này cho rằng họ đang đi theo con đường của Rimbaud, người nhờ ma túy để dựng cả "hệ thống đảo lộn cảm quan" và viết những bài thơ qua một thể điệu thật lạ kỳ. Điều mà họ không để ý đến là

thiên tài của Rimbaud đâu phải có nhờ ma túy, cũng như dù bắt chước Rimbaud cũng đâu biến họ thành một Rimbaud thứ hai, hoặc cứ mắc bệnh lao giống nhà văn Keats đâu có giúp cho họ trở thành một nhà văn Keats khác, đó là chưa kể tới chuyện chẳng có ai tìm cách mắc bệnh lao xem mình có giống nhà văn này hay không. Ma túy không đem lại cho người viết một cái lợi nào cả, mà thay vào đó là một mối họa khổng lồ: mất hết năng lực!

Năng lực quả thật là người bạn đáng kính nhất của người viết, và tôi tin tưởng là chẳng có nhà văn nào "kiệt lực không thể viết thêm được nữa." Cuộc đời buồn thảm và chán nản mà chúng ta đang sống đây giúp cho người viết biết bao nhiêu chất liệu sống thực để viết. Do đó, thất bại, nếu có, chắc chắn không phải vì thiếu chất liệu trong tài năng, mà chính vì thiếu năng lực. Người viết thiếu năng lực tưởng tượng để đi sâu vào đề tài mình muốn viết, thiếu năng lực của nghệ thuật tạo được điều muốn hình thành, và cuối cùng, thiếu hẳn đi năng lực vận động để viết những điều mình nghĩ lên trên giấy. Thính giác tốt cũng là một người bạn tốt của người cầm bút, để nhà văn có thể nhận được ngôn ngữ, nhất là đối với Anh ngữ.

Cuối cùng, một người bạn tốt nữa của nhà văn là cảm quan biết đùa vui với chính tác phẩm của mình. Đối với một nhà văn việc viết lách cho dù có nặng nhọc đến đâu đi chăng nữa hoặc bị ám ảnh bởi một lối viết nào đó, khi viết vẫn phải tìm cho được ở văn chương một sự thải mái tối thiểu. Có như vậy, sức tưởng tượng của người viết mới trôi chảy hơn trong khi viết và sẽ đặt ý muốn viết văn của người cầm bút vào vị trí thích hợp hơn.

*
* *

Nhà văn trẻ tìm ở đâu được những người bạn tốt như thế này? Xin thưa: tìm ở ngay chính mình. Nhà văn bắt buộc phải là người bạn tốt nhất của mình. Còn bạn xấu thì khỏi phải nói:nhà văn đã là người bạn xấu nhất của chính mình rồi.

NGUYỄN KHANH dịch

Thư

Chị NTCQ, *Châtenay Malabay (?), Pháp* - Đã nhận được thư, bài mới của chị. Rất cám ơn sự đóng góp vô cùng quý báu của chị. Sẽ có một thư riêng đến chị. Chúc chị an khang.

T.S, *Ontario, Canada* - Đã làm đủ những gì T.S. dặn. Trước là Thường Quán, sau là Hoàng Ngọc Tuấn, phải không? Úc Đại Lợi cả. Sao vậy?

NĐT, *London, Anh* - Bài của Mark Frankland sẽ đi trong số 6. Cám ơn bạn ta đã tiếp tay. ĐQT ở Canada đã biên thư cho ông. Nhận được chưa?

NHC, *Montreal, Canada* - Tuân lệnh bạn ta. Mong tin và bài.

CĐK, *Houston* - Sẽ đi cả hai bài. Gửi thêm nữa nhé! (H.)

XV, *San Antonio, Texas* - Đã gửi hết "bản vỗ" cho anh sữa. Nhận được làm gấp, gửi sớm để còn in. Mong thư anh.

Đính chánh

Trong bài "Ai làm chủ khảo trường Hà Nam khoa Đinh Dậu (1987): Nguyễn Khuyến hay Cao Xuân Dục" của Nguyễn thị Chân Quỳnh, có hai lỗi sau đây xin được đính chính:

* Lỗi thứ nhất, nếu không đính chính chắc Mitterrand sẽ không tha thứ về tội dám cắt đất đai của Pháp để phân phát cho Bắc Phi (Alger mới thuộc Bắc Phi, chứ không phải Angers). Sở dĩ có lầm lẫn như vậy vì Nguyễn Tuân viết: "Kỳ Đồng ở An-giê chín năm, và vẫn có dịp lui tới chỗ vua Hàm Nghi đang bị an trí ở đó." "An-giê" viết hơi giống "Angers.

* Lỗi thứ nhì mà không sửa e rằng nếu ông Tú không lồm cồm bò dậy kiện thì độc giả cũng sẽ phản đối vì "Bắc Hà" không vần với "trường quy":

... "*Được gần trường ốc vùng Nam Định*
Thua mãi anh em đám Bắc Kỳ
Mới biết văn hay mà chữ dốt
Tám khoa chưa khỏi phạm trường quy."

Tú Xương

Cuốn "Khoa Cử Ở Việt Nam" của Nguyễn thị Chân Quỳnh đã viết xong từ tháng Tư và đã đưa cho nhà xuất bản Đông Nam Á ở Paris. Nhưng vì những lý do riêng có thể tác giả sẽ gửi sang Hoa Kỳ in.

Xin tác giả và bạn đọc tha lỗi.

Cáo lỗi

Vì lý do trang báo giới hạn nên một số sáng tác và biên khảo lẽ ra "đi" trong *Thế Kỷ 21 số 5* đã phải dời lại cho số báo sau. Thành thật xin lỗi các thân hữu và mong độc giả lượng thứ.

TK 21

Xin mở rộng trái tim

NGUYỄN HUỲNH MAI

Không tánh là sự đồng tính, nhất thể, bất phân, không hai, là sự hòa hợp, đồng nhất giữa con người và vũ trụ hay sự hợp nhất. Người ở thể không tánh không nhìn thấy sự phân biệt giữa ta và người hay ta và cây cỏ, sự vật. Ta ở trong tất cả và tất cả là ta.

Người không tánh có một mãnh lực để hợp nhất giữa ta và tha nhân mà ta đã chọn lựa hay đối tượng mà ta muốn giúp. Mãnh lực phi thường đó hội nhập với tâm lực và trí lực của tha nhân khiến cho tâm lực và trí lực của họ được phục hồi mạnh mẽ, chuyển hướng theo chiều hướng của ta.

Mãnh lực phi thường đó chỉ có ở những kẻ có tình thương, tình yêu nhân loại rạt rào, sự hy sinh của cái tôi nhỏ bé để hướng đến sự phục vụ tha nhân.

Tình thương này sẽ đi về đâu?

Sẽ hướng đến sự phục vụ một đại đồng rộng lớn hơn là một tha nhân nhỏ bé. Nhưng tình thương này không phát triển, lớn mạnh được khi nó không phát ra để giúp một tha nhân nhỏ bé... Tình thương này phát triển bằng cấp số nhân.

Tình thương thật sự của nhiều cá nhân phát triển trải rộng ra hợp nhất giúp cho sự quân bình của vũ trụ và sự an toàn của nhân loại.

Làm sao để có nhiều cá nhân phát triển tình thương?

- Tình thương phải được truyền đạt. Người truyền đạt phải chịu hy sinh **hành đạo.** Người hành đạo không phải chỉ nói, chỉ giảng dạy mà phải **làm** phải chịu **hy sinh** phải **xả thân.** Nếu có một tình thương yêu thật sự thì có thể thực hiện bất cứ điều gì dù khó khăn hay chông gai cách mấy. Người biết hy sinh cá nhân mình để phục vụ đại đồng nhân loại chúng sinh ngoài một tâm lực mạnh mẽ để thành công còn có vô số tha lực yểm trợ. Tha lực yểm trợ đó là sự chuyển động của cơ trời. Người đi ngược cơ trời sẽ thất bại thảm thương vì việc làm của họ dù có tô son điểm phấn cũng nhằm vào sự phục vụ cá nhân, sự vị kỷ, họ chỉ có một con tim đóng chặt, con tim họ đóng chặt họ không thể hòa hợp đồng nhất với vũ trụ mà họ rớt ra khỏi sự vận chuyển của vũ trụ. Tâm hồn và thể xác của họ sẽ đi vào sự hủy diệt.

Thế giới mới là thế giới của tình thương, của sự đồng tính nhất thể của con người và vũ trụ. Ta phải mở rộng trái tim để đứng vào sự đồng tính đó.

Xin lắng nghe

Không tánh giúp ta những gì?

Và giúp ta như thế nào?

Khi ở thể không tánh ta trơ vơ như đồng hay ta thả lỏng cho mọi việc xảy ra quanh ta, mọi hành động, tư tưởng và lời nói xâm nhập ta, cuốn hút ta quay cuồng ta, ảnh hưởng ta?

Khi ở thể không tánh ta không chống vì lúc đó cái tôi của ta không có hiện diện, ta cứ để mọi sự việc xâm nhập ảnh hưởng ta và nhờ đó ta mới hiểu rõ hoàn cảnh và con người quanh ta. Sau đó nhờ ta không chống lại những gì xâm nhập ta nên nó không tạo ra khởi điểm để tạo ra hành động và lời nói ngược lại để tạo ra những xung đột mới và những chuỗi xung động sau đó.

Tất cả những gì xâm nhập ta sau khi tạo ra những xao động sẽ trôi qua và tâm ta trở lại chu kỳ không tánh vì tất cả không có nơi để bám lại, đọng lại.

Sự cứng rắn của không tánh không có nghĩa là không lay động, không lung lay xê dịch mà là sự uyển chuyển mềm mại. Sự uyển chuyển mà không gãy đổ, sự mềm mại để trở lại nguyên thủy

Cầm, một đêm trăng

Cầm đi, Phụng
Cầm dịu dàng
Cầm mơn trớn
Cầm nhẹ nhàng kẻo ánh trăng tan
Cầm đi, Phụng
Cầm chút nầy
Cầm suốt đêm nay
Cầm thật chặt kẻo ánh trăng vàng lọt kẻ tay
Cầm đi, Phụng
Cầm chân thành
Cầm cảm khoái
Cầm rung động
Cầm hạnh phúc vì thời gian âu yếm mong manh
Cầm đi, Phụng
Cầm kiểu nầy
Cầm đắm say
Cầm theo điệu luân vũ
Cầm ngất ngây vì yêu đương thoáng tựa khói mây
Cầm đi, Phụng
Cầm múa nhanh. Ô! Sung sướng
Cầm tột cùng ước mong
Cầm tình anh mê dại
Cầm như thế nầy. Chết cũng cam lòng.

NGU YÊN

chứ không phải mềm mại để thay đổi thể tánh hay hình thể. Tức sự chuyển động để trở lại nguyên tánh, nhất thể.

Con người và vũ trụ chuyển động không ngừng, sự thay đổi không ngừng. Ta muốn theo kịp sự thay đổi đó luôn luôn thì ta phải theo kịp *cái biết*. Và muốn có cái biết ta phải học cái nước, cái thay đổi. Ta không thể học cái nước, cái chuyển động liên hồi đó nếu ta không giữ cho ta ở thể không tánh để cho những cái chuyển động, cái mới xâm nhập ta. Sau khi những gì xâm nhập đã chuyển động trong ta. Ta biết nó là gì rồi ta cho nó đi và trở lại nguyên tánh để chuẩn bị cho cái **mới khác** vì thế nên ta luôn luôn ở thể **biết** mà **không biết.** Biết cái **cũ** nhưng chưa biết cái **mới.** Như vậy con người và sự vật vũ trụ chuyển đến đâu ta biết đến đó.

Ta biết sự thay đổi cái mới để làm gì?

Để ta không ôm cái biết đã xảy ra mười năm, hai mươi năm về trước để hành động sai lầm đi ngược lại thời gian không gian và **đi ngược lại con người hiện tại** và **hoàn cảnh hiện tại.**

Ta không thể nói chuyện với người của thế kỷ 21 với thành kiến, tư tưởng của người ở thế kỷ 19, của hoàn cảnh sống ở thế kỷ 19.

Muốn nói chuyện với một đứa bé ở xứ Mỹ, ta phải hiểu hoàn cảnh sống của nó, những gì nó đã học hỏi ở trường và ngôn ngữ hiện tại của nó. Muốn nói chuyện với một em bé ở Việt Nam, ta phải hiểu hoàn cảnh sống của nó ở Việt Nam và những gì nó đã học hỏi trong hoàn cảnh sống đó. Ta không thể lấy sự hiểu biết về em bé lớn lên ở Việt Nam mà nói với em bé lớn lên ở Mỹ và ngược lại.

Thế hệ Việt Nam mới là một thế hệ hỗn tạp được học hỏi và lớn lên từ khắp nơi trên thế giới. Có em đã trưởng thành trong mọi đặc ân sung sướng, được giáo dục hoàn mỹ, thì cũng có em sống và lớn lên trong cùng cực đau khổ đói nghèo của đất nước.

Tất cả phải được nằm trong sự yêu thương, nuôi dưỡng, của thế hệ đàn anh, xây dựng một nước Việt Nam mới trong tương lai. Sự xây dựng đó sẽ không thực hiện được nếu không có sự hiểu biết các em, vì nếu không hiểu biết thế hệ trẻ ta sẽ chỉ làm những gì ta thích, ta muốn, cho chính ta, mà những gì ta làm cho ta thì chắc chắn không phải những gì thế hệ trẻ muốn và có ích cho họ. Vậy hãy để cho thế hệ trẻ nói lên tiếng nói của họ. Ta chỉ là người lắng nghe, theo dõi, không phê phán, không thành kiến, không bóp chẹt, không đè bẹp, không chụp mũ. Trong tình yêu thương thế hệ trẻ, thế hệ tương lai của Việt Nam, ta hãy dẹp những cái ta thích cho chính ta, ta muốn cho chính ta, để ta chỉ thực hiện những gì mang lại hạnh phúc cho tương lai, một thế hệ Việt Nam mới.

NGUYỄN HUỲNH MAI

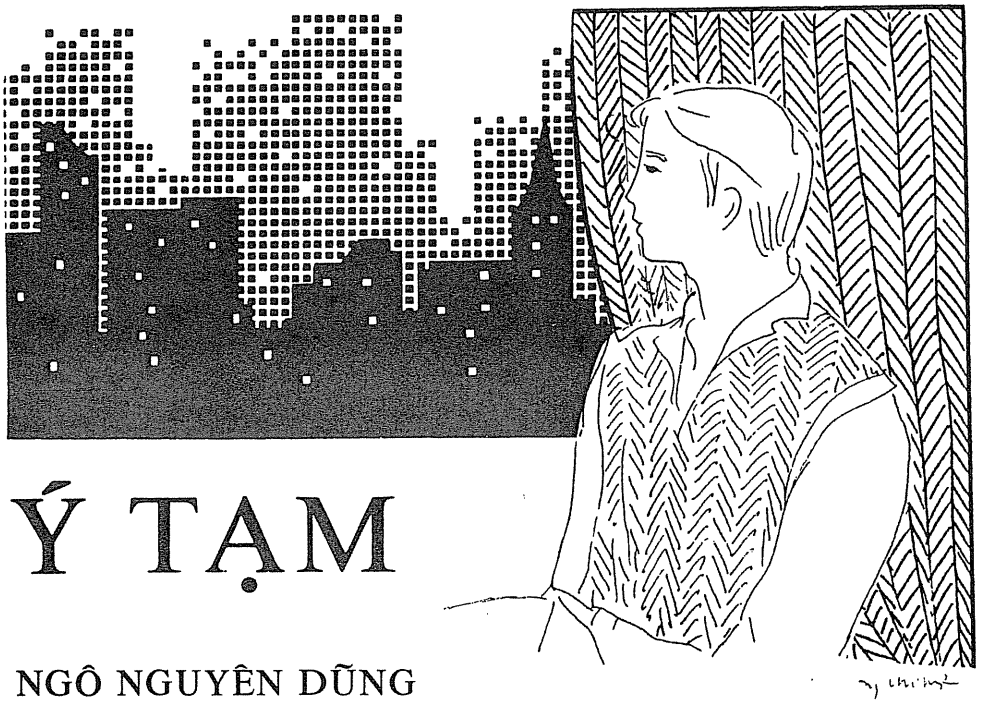

Ý TẠM

NGÔ NGUYÊN DŨNG

Phải đợi tới hơn bốn tuần sau, tôi mới có cái cảm tưởng đó. Từ Frankfurt bay sang Toronto. Từ Toronto đi bằng xe hơi lên Montréal vài ngày rồi trở lại... Trời, tôi không nhớ Tây Đức, không nhớ một chút xíu nào căn phòng chật hẹp riêng tư của tôi nằm dưới mái nhà hực nóng vào mùa hè. Rồi một đêm, chợt thức giấc, cái cảm tưởng đó nhẹ nhàng lan tới. Như một lưỡi sóng liếm nhẹ bãi tâm hồn tôi. Như con rắn thời gian dài ngoằng trườn êm vào khung cửa tâm tình tôi hé mở lơ đểnh. Tôi so sánh mình với một tên du mục. Mỗi năm, khi dòng sông đóng băng bắt đầu tan chảy; khi linh lan, bồ công anh, cúc dại nhí nhảnh nở đầy bình nguyên, và trên cao từng bầy ngỗng trời đan cánh nhau tìm về chốn cũ, thì gã du mục lại háo hức sửa soạn lên đường.

Xa quê hương gần 19 năm nay, đây là chuyến đi xa thứ nhì của tôi sau lần về thăm nhà vào năm 1973. Ngồi trong phi cơ, vượt qua Đại Tây Dương, lòng tôi trống rỗng. Tôi vẫn nghĩ rằng chuyến đi này không phải là một mùa nghỉ hè. Sau ngần ấy năm va chạm với cuộc sống nơi đất Âu châu già nua cũ kỹ, nhất là sau cái chết của cha tôi, tôi quyết định bay sang đất mới một khoảng thời gian ngắn.

Đón tôi ở phi trường Toronto là vợ chồng Nguyên Nghĩa và hai đứa bé: Quỳnh, đứa con gái hai tuổi và Mai-cô (Michael), đứa cháu trai bốn tuổi. Tôi hơi bỡ ngỡ khi Mai-cô hồn nhiên nắm tay tôi, thân mật như một người quen của gia đình từ lâu lắm. Bé Quỳnh còn "gan dạ" hơn nữa, chịu cho tôi bồng xuống bãi đậu xe... Cảm giác đầu tiên của tôi không rõ rệt lắm! Khung cảnh quanh tôi mới lạ quá. Vẻ đơn sơ và lặng lẽ không ngờ trong và ngoài phi trường. Những bãi xây cất tung bụi dưới nắng. Những con đường thiếu bóng mát êm đềm... Chỉ hơn tám giờ bay, từ một mảnh đất trời quen thuộc miền trung Đức, tôi bị ném vào một cõi hỗn độn.

Tổ ấm của vợ chồng Nguyên Nghĩa nằm trong một chung cư tại một góc đường náo nhiệt ngoài Toronto. Trong một lá thư gởi cho tôi trước đó, Nghĩa đã tả sơ sơ về khung cảnh nơi này. Tôi đã không có một ý niệm nào hết, dẫu mơ hồ. "*Cõi người ngày động đêm xao. Mở ra nghe đó khép vào vọng đây. Những hình thể vụt tới lui. Thoắt chưa sắc nét đã ngoài nhãn quan. Ngọn bật lên đỏ xanh vàng. Chia ba tư náo nhiệt đồn, nổ tung. Nghiến sâu đỉnh ốc nghìn răng. Xuyên ngang phiến mộng điếng hồn tịnh yên...*" Bây giờ, mắt thấy tai nghe. Quả thật, Nghĩa viết không sai. Đó là ngã tư dẫn vào phố chính của Mississauga và xuôi hướng về Toronto, thành phố lớn nhất Gia Nã Đại. Vọng lên từ cánh cửa ở tầng sáu ngó ra mặt đường là tiếng xe cộ rần rật rồ ga phóng đi khi đèn đổi xanh, tiếng còi hú ó ó ó... ồn ào gấp rút của đoàn xe chữa lửa từ sở cứu hỏa gần đó, tiếng kèn bấm dửng dưng thảng thốt khi có xe vào hầm đậu ở bên dưới... Một chút rối loạn len vào tâm tư tôi. Tôi sửng sốt nghĩ thầm: "Không thể hiểu nổi, chỉ sau ngần ấy giờ bay, mình đã hiện diện tại một nơi hoàn toàn khác lạ." Giờ giấc cách biệt giữa Đức và Gia Nã Đại làm lệch thời khóa biểu ăn uống ngủ nghê của tôi. Tính theo giờ Tây Đức, tôi ăn tối lúc 2 giờ

sáng, có thêm cặp uyên ương chủ nhiệm chủ bút nguyệt san *Làng Văn* Nguyễn Hữu Nghĩa và Nguyên Hương. Sau bữa cơm, trò chuyện một chút, tôi vào giường khi đồng hồ chỉ 11 giờ địa phương, tức là 5 giờ sáng ở bên kia. Tôi tưởng giấc ngủ sẽ tới nhanh. Nhưng không, những tiếng động rầm rì từ xa và ngay bên dưới vẫn lồng lộng vang lại, chạy rậm rật khắp huyết mạch như những giọt cà-phê quái ác. Tôi nằm với hai mắt nhắm mà trí óc vẫn thênh thang mở cửa. Mùa hè 1973, sau khi hiệp định Paris được ký kết, tôi ôn ỹ ba má mua cho tôi một vé máy bay về thăm nhà. Khởi hành ở Paris. Tôi cũng không ngủ được trong chuyến xe lửa nửa đêm từ Dortmund qua Paris. Lòng tôi nôn nóng lạ lùng. Như trẻ nhỏ bị bắt phải rời xa gia đình, lâu lâu mới được phép trở lại nhà. Vậy mà, chỉ vài đêm sau, trong bóng tối quạnh quẽ của căn nhà miệt ngoài Sàigòn, tôi đã trăn trở nhớ nhung căn phòng hẹp của tôi ở Đức? Tại sao vậy? Bao nhiêu năm trôi qua, 1973 sang 1975 tới mùa hè 1989, chi tiết ấy lạ rõ ràng đậm nét trong hồi ức tôi. Như buổi chiều nào đó, ngồi loay hoay cắt móng chân, chợt khám phá ra mình có một mụt ruồi to bằng đầu kim gút màu nâu thật nhạt dưới lòng bàn chân trái.

Tôi tự ru ngủ bằng cái *walkman* và một cuộn băng nhạc. Đêm Bắc Mỹ đầu tiên vẫn còn là căn phòng cửa đóng im lìm trong tâm tư tôi.

Tôi không có cái may sang đây sớm hơn đôi ngày để dự buổi ra mắt tập thơ "*Tóc Em Dài Em Cài Bông Hoa Lý*" của anh Lâm Hảo Dũng. Vài tuần trước đó, còn có anh Nguyễn Xuân Hoàng từ Cali bay sang, cho trình làng truyện dài "*Sa Mạc*" và nguyệt san *Thế Kỷ 21*. Nghĩ cho cùng, tôi không phải là một người hoạt bát trước đám đông. Tôi thường có cảm tưởng, sự hiện diện của mình không cần thiết. Thành ra khi được đề nghị làm một buổi ra mắt "hâm nóng" hai tập truyện của tôi được xuất bản vào cuối năm trước, tôi cười đáp: "Thôi, kỳ quá. Giờ này, *cúc đã tàn*. Và tôi cũng không có gì để *tâm tình*." Nhưng có lẽ, nếu không có gì trở ngại, khi cho in cuốn tiểu thuyết đầu tiên, tôi sẽ nhờ các bạn ở bên này giúp tôi tổ chức một buổi giới thiệu cuốn sách. Với văn chương chữ nghĩa, nếu gọi đó là một "trò chơi" thì tôi đã bỏn cợt quá đáng. Nhưng nếu cho rằng, ngòi bút có mang một "sứ mạng" thì tôi đã quan trọng hóa chuyện văn chương. Đối với tôi, đó chỉ là một "món nợ" phải trả. Những món nợ đối với gia đình, với quê hương mà tôi vẫn còn thiếu. Có điều, càng lấn sâu vào văn giới, tôi càng nhận thức rõ là mình có thể dùng ngòi bút để làm một-cái-gì-đó.

Trong tuần lễ đầu, tôi có điện đàm với các anh Lâm Hảo Dũng, Nguyễn Ngọc Ngạn, Phan Ni Tấn. Ngoài ra, tôi còn điện thoại cho Hồ Đình Nghiêm và một vài người bạn khác ở Montréal. Tôi hẹn sẽ lên thăm họ trong vài tuần sắp tới. Ở Montréal, tôi còn có gia đình người anh lâu ngày không gặp. Anh là cuống ruột tình thâm duy nhất của tôi ở ngoài nước. Vậy mà vì lý do này, nguyên nhân kia, gần mười năm rồi, tôi và anh không liên lạc thư từ với nhau nữa. Tôi nhớ hoài hai ngày ngắn ngủi anh sang Đức thăm tôi vào một sáng sớm, lúc tôi còn trọ học ở Krefeld. Quà cho tôi là một trái xoài Phi châu, một chục nem chua... Điều rõ rệt hơn hết, bản tính của tôi và anh khác biệt nhau quá. Anh vươn ra ngoài với đám đông, với niềm vui sống rộn ràng. Còn tôi khi nhớ về anh là nghĩ ngay tới căn phòng đèn vàng tù mù ở Nordstrasse, đối diện với nhà tù thành phố. Mùa đông, đêm dài lê thê, không biết đi chơi đâu, anh rủ tôi đi coi phim sex. Sau đó chúng tôi tới thăm một chị bạn rồi về ngủ. Thật lạ, trong căn phòng chưa tới 20 thước vuông, tôi với anh đi đứng ăn uống nói chuyện ngủ nghê kề cận nhau mà tôi có cảm tưởng, đó là hai chiếc bóng. Khoảng cách tuổi tác giữa anh và tôi là chín năm, cộng thêm khoảng thời gian dài xa nhà. Dù vậy, chúng tôi vẫn có cùng cuống rún của mẹ và ra đời bằng con tinh trùng của cha. Mối liên hệ máu mủ ấy khiến tôi bịn rịn không rời trong lần đưa anh ra nhà ga trở lại Bordeaux. Anh không cho tôi vào sân ga tiễn anh. Tôi năn nỉ, anh từ chối. Tôi van nài, anh xua đuổi. Nước mắt tôi ứa đầy khóe. Anh dúi vào tay tôi chiếc máy ảnh, cất giọng ra lệnh: "Tặng em đó, thôi về ngủ tiếp đi!" Tôi lặng lẽ đứng dõi theo anh băng qua lòng đường chưa thức giấc, tràn lan bóng tối. Chờ tới khi anh khuất sau cánh cửa nhà ga lô nhô dáng người, tôi mới quay lưng lủi thủi đi về nhà. Ngang qua một quầy báo và thuốc lá, tôi mua một bao Gauloise, loại thuốc mà anh ưa hút. Mở cửa bước vào phòng, tôi châm điếu thuốc đen đầu tiên trong đời thư sinh. Hơi thuốc cay xè, đắng ngắt khiến tôi choáng váng. Tôi dụi tắt điếu thuốc hút dở, ngả nằm sấp xuống giường, khóc mùi mẫn...

Bây giờ, những hình ảnh của 17 năm về trước chợt hiện ra sống động trong trí tôi. Ngày xưa, tôi và anh cách nhau một biên giới. Rồi anh sang Montréal định cư, giữa chúng tôi là Đại tây dương mênh mông. Hè năm nay, đang trọ một nơi xa anh chừng 600 cây số, mà sao tôi vẫn nghĩ rằng, mình không gần anh thêm một mảy may nào. Tim tôi se lại khi nhớ tới đời sống du mục. Trời ơi, thì ra nỗi đau đớn không phải vì cuống ruột thâm tình xa xôi vạn dặm, cũng không phải vì cuộc sống rày đây mai đó, mà vì trong ý nghĩ tôi, không còn một chỗ nào cho tôi trở về nữa. Tôi không muốn và không thể trở lại quê hương Việt Nam. Ngoài mảnh đất đó, trên mặt đất bao la này, dù tôi có sống đời du mục chăng nữa, nơi nào cũng là một chỗ trú tạm. Thể xác có thể vay mượn phần vật chất xứ người để tiếp tục sống. Còn những tâm hồn chưa bật rễ như tâm hồn tôi làm sao hỏi mượn một mảnh quê hương để tìm về?

Trước khi cha tôi chết nhiều năm, ông có ý muốn tôi sang đây sinh sống để anh em gần gũi nhau. Nhưng tôi không thích. Tôi tưởng mình đã tìm được chỗ thay thế tạm mảnh đất trời quê hương kia. Giờ đây, từ một nơi xa xăm

ngoảnh lại ngó cõi dung thân suốt 19 năm qua, tôi ngỡ ngàng nhận chân, mình vẫn chưa thuộc về nơi chốn nào cả. Tôi vẫn còn chiêm bao bằng ngôn ngữ Việt. Giấc ngủ tôi vẫn còn đầy ắp con người và khung cảnh cũ. Tàn trứng cá cạnh cửa ra vào. Những cái chết tưởng tượng của con người trong gia đình là nỗi ám ảnh thường xuyên về tình yêu và chia cách. Hành lý mang theo từ bên kia qua bên này không nhiều. Tôi chỉ lo sợ, khối óc con người nhỏ hẹp mau quên, không chưa đủ những hành trang kỷ niệm.

Cuối tuần đầu tiên nơi này, tôi đi theo vợ chồng Nguyên Nghĩa tới xem Niagara Falls. Trời nhiều mây. Thỉnh thoảng, mặt trời hé ra chiếu xuống dòng thác một mảnh cầu vồng. Những chiếc máy ảnh bấm lách cách. Bên kia thác là Hoa Kỳ, nơi mà thuở thiếu thời, tôi hằng mơ ước được đặt chân lên. Nhưng cõi lòng tôi lúc ấy dửng dưng kỳ lạ. Chỉ gợn lên một niềm vui giản dị khi xe quay hướng trở về, tôi nhận ra những bụi ngũ sắc cắt tỉa tươm tất, trồng cách khoảng ven đường. Màu bông của những ngày nghỉ hè Đà Lạt ngày xưa của tôi đây mà! Hoài niệm dấy lên. Giữa đường, trời đổ mưa nặng hạt. Những cơn mưa xứ lạnh lúc nào cũng giống nhau. Tôi chỉ giữ lại trong trí nhớ những mùa mưa nhiệt đới nồng nàn, ấm áp và cuồng bạo như trời và đất yêu nhau, đang bắn những sợi tinh khí vào bụng trái đất làm nẩy sinh sự sống. Tôi bần thần rã rượi vì những ý tưởng quá đà. Như hôm đầu tiên đi theo anh Nguyễn Hữu Kỳ và Nguyễn Tăng Chương, chủ nhiệm hai tờ *Công Luận* và *Sóng*, xuống trung tâm Toronto để xem phố Tàu và phố Tây. Đường Yonge và khu vực vây quanh đại lộ Spadina, đường Dundas là hai thế giới riêng biệt, là bên này Tây phương và bên kia Đông phương. Ở Đức làm gì có được khu phố Tàu y hệt Chợ Lớn như vậy. Nơi đây là biển màu sắc, âm thanh và mùi vị. Rất nhiều quán ăn, Việt cũng như Hoa. và tiệm bán thực phẩm Á Châu. Chỗ này có đủ hết những món ăn và những loại trái cây mà tôi, ròng rã ngần ấy năm ở Đức, chưa được nếm lại. Có cả xe nước mía, bán nước sinh tố xoài, mít, đu đủ, thơm... Vậy mà tôi vẫn còn nhớ một thứ: xoài tượng. Ngày xa xưa ấy, tới mùa xoài tượng, chị tôi đi chợ mua về một trái lớn bằng bắp chuối. Trưa ngủ dậy, cả nhà xúm xít bu quanh chén nước mắm đường. Chúng tôi nuốt nước miếng ngó bàn tay má gọt vỏ trái xoài to tướng. Rồi bà cắt cho mỗi đứa một miếng. Chúng tôi vừa ăn vừa hít hà, mồ hôi rịn ra đầy trán... Tự nhiên đang dạo chơi ở phố Tàu, tai nghe tiếng động, mắt ngó người xe lũ lượt qua lại, mà thót một cái, hồn tôi quày quả ngược về dĩ vãng. Hồn ma quá khứ bám mãi bên tôi. Như vết chàm. Như đường trầy trụa của những lần chơi đùa thơ ấu còn để lại trên da.

Bận về trời đã sẩm tối. Từ xa lộ nhìn qua, Toronto hiện ra một dãy nhà chọc trời giăng đèn sáng trưng. Cảnh tượng này chính là những giấc mộng thanh xuân mà tôi đã say mê qua phim ảnh. Chúng nhắc nhở tôi một quãng đời đã mất hút, một mơ ước đã thành tựu và một khát vọng phiêu lưu mới.

Tôi biết mình có nhiều mâu thuẫn. Chọn ra một chân lý, một lý tưởng để mỏi mắt tìm, dẫu biết rằng, tự nó đã là ảo tưởng rồi. Hiểu vậy, nhưng tôi vẫn bị những tư tưởng tuyệt đối thôi thúc, đẩy tới trước. Tôi vừa quay nhìn lại, vừa nhóng cổ ngó. Tôi yêu cái xô bồ sống động của Toronto, vừa mến không khí gần như lặng lẽ khép kín của Tây Đức.

Chiều thứ bảy của tuần lễ thứ nhì, vợ chồng anh Phan Ni Tấn tới chở tôi về nhà nhậu. Tôi mà nhậu nhẹt gì, nên chỉ uống cầm chừng theo anh. Tôi đó còn có mặt anh Nguyễn Trung Tâm và thê nhi.

MISSION GRAPHICS

Quality Commercial Printers

11562 Trask Avenue • Garden Grove, • California 92643

IN NHANH
GIÁ HẠ
PHẨM CHẤT TỐT

Nhận in
Kinh Sách - Quảng Cáo
Menu - Giấy Tờ Văn Phòng
Bìa Băng Nhạc
Poster - Video

President:
HOÀI BẢO
(714) 534-0253

Anh nói chuyện dí dỏm, đôi khi bất cần đời... Nhân dịp này, anh Tấn ký tặng tôi "*Hồi Ký Thơ.*" Trước đó qua điện thoại, tôi hỏi anh: "Uống bia vào, anh nói nhiều không?" Anh đáp "không." Tôi kêu lên: "Thôi, chết rồi. Tôi với anh nhậu chung chán chết, vì tôi uống vào cũng không nói luôn..." Vậy mà bữa uống bia tối đó cũng kéo tới ba giờ sáng. Thức dậy lúc 11 giờ, ra về tôi mới sực nhớ, bỏ quên tập thơ ở nhà anh. "... *Làng xóm hôm nay tuột ngoài trí nhớ. Em tuột ra ngoài kỷ niệm hư hao. Mở cửa hỏi thăm nắng ngoài khép hở. Sợi tóc em ai chôn dưới gốc đào...*"

Một sáng thứ bảy, nhằm ngày độc lập của Gia Nã Đại, chúng tôi đi Montréal. Trạm nghỉ là thắng cảnh "ngàn hòn đảo," 1000 Islands, sát biên giới Hoa Kỳ. Tôi ngồi trên phiến đá cạnh bờ mọc đầy cúc trắng để chụp hình. Không biết hồ có đủ 1000 hòn đảo như tên gọi không, nhưng tôi thấy thật nhiều doi đất nhú lên, có nhà và cây xanh um tùm. Đôi khi đảo chỉ là một đồi đá tảng lơ thơ cây cảnh hay một phiến đá nhô lên mọc èo uột một cây bạch dương thưa lá. Thiên nhiên đầu ngày lúc nào cũng mang bộ mặt êm ả tươi mát. Như chú vịt con lông xám thản nhiên quẫy nước tắm cạnh bờ, không ngó ngàng gì tới những tiếng ồn của chúng tôi. Cảnh hồ chưa có khách viếng thăm, yên lặng như một tấm lụa phơi giữa trời im gió. Sự thinh vắng ở đây vẫn không giống cái mê thiếp nặng nề mà tôi đã có dịp cảm nhận thuở xưa ở quê nhà. Một trưa hè, tôi cùng gia đình tới viếng thắng cảnh suối Vàng suối Bạc, miệt ngoài Đà Lạt. Trước mắt cậu bé lên mười, thiên nhiên là tổng hợp của nhiều bản sắc khác nhau mà tuổi nhỏ ngô nghê chưa nhận thức được. Không chừng, cho tới bây giờ, tôi cũng chỉ có thể xét đoán điều ấy một cách tượng trưng, đầy ấn tượng. Như vẻ hùng vĩ, man rợ, thách đố, lôi cuốn... pha lẫn với một chút kiêu ngạo, tàn nhẫn và bi thảm. Bộ mặt của thiên nhiên có hay không là ở tâm mình. Trong tâm cảm tôi 27 năm về trước, cái yên tĩnh lặng lẽ ở suối Vàng suối Bạc là giấc ngủ của một con sư tử. Ẩn khuất sau những ngọn đồi trọc gần đó, trong cánh rừng thông xa xa là những bất trắc. Người quen của cha tôi nói: "Trời vừa chạng vạng, nơi này đã bất yên!" Bao nhiêu năm sau, tại một không gian và thời gian cách biệt, tôi tự vấn, tạo hoá khi dựng ra thiên nhiên và muôn loài, còn bày thêm chi những bất công!

Buổi trưa tôi đặt chân tới Toronto, trời vàng nắng; chiều về trời rớt mưa nhẹ. Cũng như xế trưa ấy, xe vừa vào ngoại ô Montréal, mưa trút xuống. Tôi thốt lên: "Kỳ quá, tôi đi tới đâu là mưa tới đó." Vợ Nguyên Nghĩa thêm vào: "Vậy mà vẫn chưa gặp tiếng sét!" Tôi mỉm cười lửng lơ, không đáp.

Phố xá Montréal dưới mắt tôi là tập hợp của nhiều thành phố thơ mộng trên thế giới. Những con đường hẹp, ấm cúng phảng phất một chút lãng mạn Paris. Nhiều đồi dốc với những dãy nhà có mặt tiền giống hệt nhau là San Francisco mà tôi thấy trong truyền hình và phim ảnh. Những tiệm bán phở, bánh cuốn nằm sâu trong lề đường, dưới vài bậc thềm là dáng dấp Việt Nam với mùi hương Đà Lạt. Nếu Toronto là sức sống cuồn cuộn, thì Montréal là sự sống nồng nàn. Ngay chiều hôm đó, tôi gặp Hồ Đình Nghiêm và nhiếp ảnh gia Lê Quang Xuân tại gia thất một người bạn rất thân ái. Tôi và Trinh liên lạc thư từ với nhau đã nhiều năm. Tôi có tương đối nhiều bạn thư tín chưa từng gặp mặt, mà đã nối với nhau bằng sợi dây văn chương thân tình. Hôm nay, trực diện Trinh, tôi cảm động quá, kêu lên: "Trinh ơi, Dũng đây!" rồi ngớ ra, không biết nói thêm gì nữa.

Sau bữa cơm tối, vợ chồng Kinh-Trinh chở chúng tôi đi xem Montréal về đêm. Xe chạy qua phố chính, theo hướng Mont Royal rồi dừng lại ở khúc quanh Westmount. Từ triền núi này nhìn xuống, thành phố Montréal trải rộng bên dưới, trong màn đêm sẩm mực tàu. Đêm khoác lên Montréal chiếc áo nhung đen tuyền, đính muôn triệu hạt kim cương là những ánh đèn giăng mắc lóng lánh. Cảnh trí này, tôi đã thấy lần đầu trong chuyến bay từ Sàigòn qua Frankfurt 19 năm trước. Tôi còn là cậu học trò ngơ ngác, lớ ngớ đánh mất sổ chích ngừa khi đổi máy bay ở phi trường Bangkok lúc 12 giờ đêm. Phải chích thêm một mũi nữa, tôi mới được lên máy bay. Từ trên không trung nhìn xuống thành phố Bangkok, tôi đã xúc động ngây ngất trước hằng hà ánh điện lung linh như sao sa. Ký ức tôi ghi nhận khung cảnh ấy sâu đậm đến nỗi sau này, mỗi lần nhìn lại phố phường hoa đăng sâu thẳm dưới chân mình, lòng tôi lại bồi hồi tưởng nhớ. Anh Xuân chỉ cho tôi thấy vận động trường thế vận hội. Xa hơn nữa, chỗ có những hàng đèn nhỏ li ti như sợi tinh tú giăng ngang, là La Chine, có cảnh hồ tuyệt đẹp mà anh vẫn đi săn ảnh vào những bình minh.

Sáng hôm sau, chúng tôi lục tục kéo tới nhà sách Trung Việt. Và tôi có dịp gặp anh chị Trần Nhã Quyên. Chuyện vãn đôi ba điều, chụp vào tấm ảnh, vợ chồng Kinh-Trinh tạt ngang chùa Quan Âm cho hai đứa con học lớp Việt ngữ tổ chức hằng tuần tại đó. Khuôn viên chùa khá rộng, có sân cỏ trồng cây cảnh. Trên bậc thềm, dẫn vào chánh điện, có chừng ba hàng chậu trồng bông cúc vàng, vạn thọ và thúy cúc. Mái chùa lợp ngói xám, góc uốn cong đường nét Á Châu. Đã nhiều lần tôi tưởng tượng cảnh chùa tị nạn để đưa vào các truyện ngắn như "*Mưa*" đăng trong Hoa Sen, hay "*Tờ Kinh Lửa*" đăng trong *Làng Văn;* mà đây là lần thứ nhất tôi thấy tận mắt. Tôi cứ nghĩ là mình có duyên với đạo Phật, nên mấy lúc sau này tôi hay nhắc tới trong văn chương một vài triết lý Phật giáo đọc lóm ở đâu đó. Như câu chuyện một vài tờ kinh bỏ quên trên đá, chuyện Phật thuyết về hạnh của đất, tư tưởng bất nhị và ngay trong bài viết này, tôi muốn đưa ra quan niệm "chỗ nào trên thế gian này cũng là nơi tạm trú cả." Thật vậy, ý nghĩ lãng mạn cổ điển "mình là kẻ du mục

suốt đời đi tìm một nơi dừng chân" tự nhiên nhen nhúm trong tôi, sau hơn bốn tuần đặt chân lên mảnh đất này.

Rời chùa, chúng tôi tới viếng vườn bách thảo nằm cạnh vận động trường thế vận hội. Mùa này hồng đã qua thời mãn khai. Tôi muốn xem lan, nhưng thấy thiên hạ đứng chờ đông quá, lại không có nhiều thì giờ nên hẹn lần sau. Chúng tôi còn hẹn gặp các văn hữu khác chiều nay tại nhà anh Đỗ Quý Toàn.

Hiện diện trong buổi nướng thịt phía sau ngôi nhà xinh xắn nằm cuối một con đường yên tĩnh của gia đình họ Đỗ, ngoài chúng tôi ra, còn có các anh Nguyễn Hữu Chung, Luân Hoán, Lưu Nguyễn. Chúng tôi uống bia và một chút rượu mạnh. Thật ra, tôi không tha thiết mấy với rượu và bia, chỉ thích chiếu cố tới dĩa sà-lách và thịt nướng; nhưng tôi có cái tật, ăn rất khiêm tốn trước đám đông, nên tối đó, tôi chỉ uống chớ ăn không bao nhiêu.

Thú vị nhất là màn chiếu phim dương bản về phong cảnh Việt Nam của anh Lê Quang Xuân. Lâu lắm rồi, tôi mới được thấy lại một vài nơi chốn mà ngày xưa tôi đã đi qua. Cũng có nhiều danh lam thắng cảnh mà tôi chỉ mới nghe qua chớ chưa được thấy. Bây giờ, qua ống kính tài hoa của anh Xuân, hiện ra trước mắt tôi những mảnh *puzzle* tuyệt đẹp trên tấm ảnh quê hương không trọn vẹn. Chúng tôi từ giã ra về khi bên ngoài đêm đã đen quánh. Chậu dạ lý hương bên cửa kính nở bông thơm ngát. Hương đêm quá khứ của ngôi nhà ấu thơ miệt Tân Định nhấp nhô trở về trong trí tôi. Cõi trú thân trần quý đầu tiên và sau cùng ấy chỉ là chiếc bóng mờ của một kỷ niệm đã xa tắp.

Hôm sau, chúng tôi tạm biệt vợ chồng Kinh Trinh, về lại Toronto. Một hôm, hơn bốn tuần sau khi làm quen với đất và người nơi đây, tôi bàng hoàng tự hỏi, không lẽ mình chỉ là tên du mục, cứ mỗi hè lại cất bước đi tìm?

NGÔ NGUYÊN DŨNG
(Mississauga, 20-7-89)

Vừa xảy ra, đang nói tới

Sau hơn một tháng hôn mê

Nhiếp ảnh gia Trần Cao Lĩnh không còn nữa!

MINH HÀ

SAN JOSE (NN) - Nhiếp ảnh gia Trần Cao Lĩnh sau hơn một tháng mê man trên giường bệnh đã qua đời hồi 1g30 chiều ngày 29-8-1989, thọ 63 tuổi. Lễ hỏa táng được tổ chức tại San Jose.

Theo tin từ gia đình ông Lĩnh, ông đã bị ngất xỉu vì chứng đau tim từ hôm 27-7 tại nhà riêng và từ đó nằm hôn mê trong bệnh viện cho tới khi mất.

Là một nhiếp ảnh gia kỳ cựu và cấp bực quốc tế của Việt Nam từ hơn bốn thập niên qua, ông Lĩnh đã góp phần làm rạng danh cho làng ảnh Việt Nam trên trường quốc tế và đào tạo nhiều thế hệ nhiếp ảnh Việt Nam. Ông là bạn thân của những nhiếp ảnh gia bậc sư trong làng ảnh Việt Nam như Nguyễn Cao Đàm, Trần Việt, Nguyễn Mạnh Đan, Phạm Văn Mùi, Nguyễn Văn Chiêm...

Ông đã đoạt được hàng trăm phần thưởng nhiếp ảnh quốc tế và là tác giả của nhiều sách về ảnh cũng như về quê hương Việt Nam. Ông Lĩnh đã được giới văn nghệ ca ngợi như là "người nhiếp ảnh của Quê hương và Tuổi trẻ."

Sự ra đi của ông là một mất mát lớn trong làng sáng tác văn nghệ Việt Nam ở hải ngoại cũng như cho quê hương Việt Nam.

ĐÓN ĐỌC TRONG CÁC SỐ TỚI

* *Hồi ký* **của Nhã Ca**
* *Ngọn cỏ* - **Nguyễn Thiếu Nhẫn**
* *Nơi không có trăng sao* - **Hồ Đình Nghiêm**
* *Khoa học và Thế kỷ 21* - **Nguyên Phong**
* *Trường hợp Nam Tư* - **Vương Hữu Bột**
* *Tình yêu của Yvon* - **Hồ Trường An**
* *Thưa ông chủ nhiệm* - **Dino Buzzati**
* *Rượu của người say* - **Trần Sa**
* *Việt Nam, Tổ Quốc và Em* - **Diễm Châu**
* *Một nền kinh tế kiến thức* - **Nguyễn Minh**
* *Naguib Mahfouz* - **Đặng Văn Nhâm**
* *Thử đề nghị một phương pháp giảng dạy Việt ngữ...* - **Bửu Khải**
* *Văn minh Việt ở thời đại đồ đồng* - **Phạm Văn Hải & Phạm Quân Khanh**
* *Thơ* của **Cao Đông Khánh - Huỳnh Liễu Ngạn - Hoàng Xuân Sơn - Nguyễn Đăng Thường - Trần Mộng Tú...**

Nguyễn Hưng Quốc

Nhà phê bình văn học Nguyễn Hưng Quốc, tác giả "Tìm hiểu Nghệ Thuật Thơ Việt Nam" kể từ số này sẽ gửi đến bạn đọc mấy bài "đọc thơ" ngắn ngắn, trong đó ông bình, một cách cô đọng, một số bài thơ hay, đặc biệt từ năm 54 đến nay. Một thời gian nữa sau khi giao cho nhà xuất bản Văn Nghệ in tập "Nghĩ Về Thơ," Nguyễn Hưng Quốc sẽ viết đều đặn trên tạp chí của chúng ta.

Thế Kỷ 21

Ngã trên núi khi đi vác nứa

Thơ Trần Kha, từ trong nước gửi ra, được in trong tập *Tấm mát ngọn sông đào* do Lá Bối xuất bản năm 1981, gồm 21 bài, phần lớn đều ngắn và hầu như bài nào cũng đặc sắc. Một kỹ thuật vững vàng của nhà thơ giàu kinh nghiệm cộng với những đau đớn thật của người tù nhân, thơ rất rằm trăng: giữa vòng cung ngôn ngữ, chín đỏ một trái tim đêm.

Có thể bình bất cứ bài nào trong số 21 bài thơ của Trần Kha. Tôi chọn bài *Ngã trên núi khi đi vác nứa* chỉ vì một lẽ: bài thơ thể hiện hoàn chỉnh nhất tâm trạng của một người tù.

trượt dốc té nhào trên đỉnh núi
chết điếng toàn thân trong giây lâu
mưa rơi đều hạt mưa phơi phới
ngày đang tàn, hiu quạnh rừng sâu.

duỗi soải chân tay, gối trên nứa
ngó trời nhá nhem nghe mưa mau
tưởng như thi thể đang thối rữa
hồn viển vông chẳng chút oán sầu

mưa tung màn lưới trắng dày khít
làng xóm dưới núi ở phương nào?
gió lạnh tái tê bó liệm chặt
lả thiếp người, quên bẵng sướt đau

dầm mình trong hạnh của ẩn mật
mắt hoen nhòe hứng giọt thiên thâu
dò dẫm đường về đêm tối bít
sông xa núi thẳm, quê nhà đâu?

9-1979

Hai hình ảnh nổi bật nhất là bóng tối và cơn mưa. Bóng tối càng lúc càng dày đặc. Thoạt đầu, "*ngày đang tàn.*" Rồi "*trời nhá nhem.*" Rồi "*đêm tối bít.*" Và mưa. Lúc nhà thơ mới té ngã, mưa còn nhẹ, còn phơi phới bay. Mưa càng lúc càng dào dạt. Mau hơn, nặng hơn. Cuối cùng là "*mưa tung màn lưới trắng dày khít.*"

Hãy để ý đến cách tả cảnh của Trần Kha. Đêm, mưa và cả gió nữa, thật ra, đều là hình ảnh của nhà tù. Tất cả đều như một sức mạnh vây siết và vùi dập. "*Đêm tối bít*" dựng lên những tường vách. "*Mưa tung màn lưới*" dựng lên những rào cản. Và "*gió tái tê bó liệm chặt*" mang hình ảnh của những gông xiềng. Nét tài hoa và sự tinh tế của Trần Kha là ở chỗ đây: ông không nói đến nhà tù, nhưng đọc, người ta vẫn biết ngay, cái con người đi vác nứa bị té ngã giữa rừng sâu ấy là một tù nhân. Anh ta được *tự do* lao động, *tự do* đau đớn, *tự do* hấp hối trong một thế giới đã được hạn định, gác giữ nghiêm ngặt và thế giới ấy hoàn toàn khuất cách với thế giới của con người.

Đẩy nhận xét này lên một bước nữa, người ta bắt gặp nỗi bi kịch lớn nhất của người tù. Bi kịch không phải chỉ ở cảnh ngộ bị đày ải, bị cưỡng bách lao động một cách khổ sai. Bi kịch chủ yếu, trước hết, là những dằn vặt, những hãi hùng, những phập phồng lo âu, kết quả của cả một quá trình bị đe dọa, bị khủng bố thường trực, khiến nhìn đi đâu, ngó cái gì, ngay cả nhìn trời, nhìn mưa, nhìn gió, anh ta cũng mường tượng ra hình ảnh của ngục thất. Chính cái mặc cảm tù đày, cái ngục thất vô tình, đè nặng trong tâm thức ấy là một cực hình làm cho người tù rớt xuống tận cùng nỗi tuyệt vọng.

Trần Kha là nhà thơ rất ý thức và cũng rất tài hoa trong việc sử dụng hình ảnh và nhạc điệu để gửi gấm những gì mình không thể nói thẳng ra một tình trạng nguy hiểm. Trong bài ***Chủ nhật trời mưa,*** một bài thơ ngắn, chỉ có bốn câu, mỗi câu bảy chữ, người ta cũng bắt gặp hình ảnh ba cái ngục thất ấy:

đợi cơm ôm bụng lép đo giường
muốn sang thăm bạn cửa niêm phong
sập trận mưa giông trời tối ụp
buồng sách ngồi lên nghe trống không.

Ngục thất thứ nhất là căn phòng có "cửa niêm phong." Ngục thất thứ hai mênh mông hơn là cái bầu trời mưa giông và tối sầm bên ngoài. Ngục thất thứ ba là ở nỗi "trống không" trong tâm hồn nhà thơ.

Câu thứ ba hay, rất gợi hình. Bốn vần trắc chia nhau án ngữ hai đầu câu thơ. Vần trắc đầu "sập" và vần trắc cuối "ụp" đều là những âm tắc như muốn tượng thanh hóa cái tiếng động đóng sầm đột ngột, chát chúa, dữ tợn của cánh cửa sắt.

Dĩ nhiên, hình ảnh trung tâm của bài thơ *Ngã trên núi khi đi vác nứa* là hình ảnh của người tù. Một người nhỏ nhoi, yếu ớt và cô đơn cực độ in nhòe nhoẹt trên cái nền tối ám và mưa rơi lê thê. Người tù vác nứa. Đường dốc. Gánh nặng. Té nhoài. "*Chết điếng toàn thân trong giây lâu.*" "*Chết điếng,*" hai chữ vần trắc là cơn đau buốt. "*Toàn thân trong giây lâu,*" năm chữ vần bằng, trong đó có đến bốn chữ không dấu, nhẹ thênh, là sự lặng thiếp. Nhưng cơn đau đớn ấy, dù sao, cũng qua khá nhanh. Ngó thấy "*mưa rơi đều hạt*

mưa phơi phới" là đã qua rồi cái cơn đau thể xác. Chỉ còn lại nỗi buồn. "*Ngày đang tàn hiu quạnh rừng sâu,*" hơi thơ nhiều vần bằng, lại là vần bằng của dấu huyền, rất trầm. Nghe như tiếng thở dài hiu hắt trải ra vô tận giữa núi non.

Người tù, sau đó, một phần vì kiệt sức, một phần vì tuyệt vọng, đã chìm dần trong cõi sương mù lênh đênh của cái chết. Tâm trạng của người tù là tâm trạng của người hấp hối. Tưởng da thịt mình đang thối rữa. Tưởng gió đến làm khăn liệm. Tưởng trời đất là quan tài. Tử thần đang chập chờn quanh quất đâu đó. Đâu đó.

Trong khuôn khổ một bài bình ngắn, tôi không thể và cũng không muốn đi sâu vào từng yếu tố nghệ thuật. Chỉ xin lưu ý bạn đọc đến tiết tấu của mỗi câu thơ. Trần Kha rất tinh về âm luật. Từng thanh bằng thanh trắc đều được tính toán kỹ lưỡng để thể hiện cảm xúc. Những thanh trắc dồn ứ với nhau tạo nên nỗi u uất. Những thanh bằng liên tiếp ngân dài khắc họa niềm thê lương. U uất và thê lương là hai nét cảm xúc chủ đạo làm nên khí hậu của cả bài.

Người tù, trong cảm giác hấp hối, đã "*quên bẵng sướt đau*", "*hồn... chẳng chút oán sầu.*" Hơn nữa, còn "*đầm mình trong hạnh của ẩn mật.*" "*Hạnh của ẩn mật*" là gì? Đúng là "*ẩn mật!*" Có lẽ chỉ là một cơn ngất, thiếp mình trong hư không, hoàn toàn cắt đứt những đau đớn trong thể xác và những dằy vò trong tâm hồn. Cơn ngất qua đi. Người tù tỉnh lại. Thấy, hình như đã lâu, giữa lúc mê man, nước mắt ứa ra chan hòa trong những giọt nước mưa lạnh buốt. "*Mắt hoen nhòe hứng giọt thiên thâu.*" Người khóc. Trời đất khóc. Những giọt nước mắt từ vạn cổ cứ lênh đênh trôi mãi giữa đời.

Người tù dò dẫm bước đi. Đêm tối bít. Nhớ hình ảnh "*mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm*" trong *Cung oán ngâm khúc*. Người tù đang cố đi về. Nhưng về đâu? Không phải về nhà. Quê nhà vời vợi sau những "*sông xa núi thẳm.*" Anh chỉ về một trại giam cụ thể, chật chội, có "*cửa niêm phong,*" có người đứng gác, có những họng súng đen ngòm rình rập.

Ngã trên núi khi đi vác nứa, do đó, có thể nói là hình ảnh một nhà tù đang trôi đi. Trong mịt mùng mưa. Và đầm đìa nước mắt.

NGUYÊN HƯNG QUỐC

Nhà văn "Satanic" Rushdie chia tay vợ

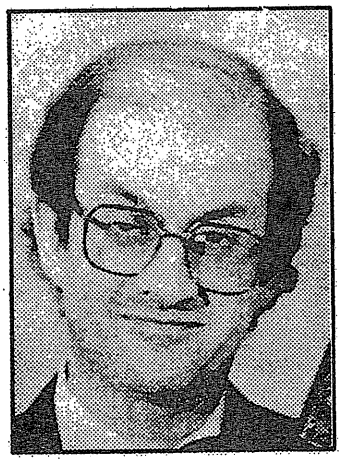

Salman Rushdie

LUÂN ĐÔN (AP, 26/8/89) Bà Marianne Wiggins, vợ của nhà văn Salman Rushdie, tác giả the Satanic Verses, cuốn sách đã từng bị ông đạo Ayatollah Ruhollah Khomeini lên án tử hình, vừa loan báo tin ly dị chồng.

Nguồn tin cho biết bà Wiggins, cũng là một nhà văn, và chồng là Rushdie "đã sống ly thân từ bốn tuần nay." Do sự sắp xếp của cơ quan an ninh Scotland Yard nhằm bảo vệ ông Rushdie nên bà Wiggins không biết là chồng mình hiện ở đâu."

Hai vợ chồng văn sĩ này lấy nhau vào tháng Giêng 1988, nhưng đến ngày 14 tháng Hai vừa qua đã phải sống ẩn náu khi nhà lãnh đạo Iran lên án tử hình ông vì cho rằng cuốn The Satanic Verses phỉ báng Hồi giáo.

Khomeini chết ngày 3 tháng Sáu, nhưng lệnh do ông ban ra chưa được thu hồi.

Trước khi chia tay, Wiggins còn nhấn mạnh vợ chồng bà đã phải thay đổi chỗ ở đến 56 lần.

Trả lời cho một bài phỏng vấn của tạp chí phụ nữ Anh tờ Options, vào tháng Sáu, 89, bà Wiggins, 41 tuổi, nhấn mạnh là bà đã phải sống cuộc đời trốn chui trốn nhủi của một kẻ hoang tưởng."

Chính sự hăm dọa mạng sống của Salman Rushdie đã làm bà phải hủy bỏ chuyến đi Mỹ ra mắt tác phẩm John Dollar của bà.

Bà Wiggins trưởng thành ở Lancaster Pa., làm lễ rửa tội theo Chính Thống giáo Hi Lạp khi mới lên mười tuổi.

Bà quả phụ Dương Hùng Cường vừa tử nạn

Một nguồn tin vừa nhận được từ Pháp vào hồi cuối tháng Tám vừa qua cho hay bà quả phụ Dương Hùng Cường, nhũ danh Vũ Hoàng Oanh vừa mệnh chung. Theo nguồn tin từ nhà văn Trần Tam Tiệp thì bà Dương Hùng Cường đang đứng ở đầu hẻm chờ con thì một chiếc xe hơi từ xa phóng lại lao thẳng lên lề đường đâm chết bà. Sau đó chiếc xe này lái đi mất dạng. Bà Dương Hùng Cường mất ngày 25 tháng Bảy vừa qua và đã được hỏa táng tại Bình Hưng Hòa. Bà quả phụ Dương Hùng Cường mất đi để lại sáu con còn nhỏ. Riêng nhà văn Dương Hùng Cường đã bị Cộng Sản bắt giam và chết trong nhà tù hồi Giáng Sinh năm 1987.

Đọc thơ Mai Thảo

Ta thấy hình ta những miếu đền

VŨ HUY QUANG

Tập thơ trên trăm trang, ngót nghét trăm bài. Trang 3, sai một lỗi in: tên mai tên hỏa, đã in là tên mái tên hỏa. Trang 31, bài Cỏ sớm, giòng hai: Ngồi bên ta cũng muốn vui cùng, đã in thành... cũng muốn vui lòng. Trang 33, giòng 6, (bài viết văn trở lại), hàng người có nguyễn sĩ tế ở đầu, đã in thành hàng ngàn người có Nguyễn Sĩ Tế ở đầu. (bỏ chữ ngàn, và không viết hoa tên Nguyễn Sĩ Tế) Trang 49, giòng cuối bài: cuối thung, thay vì cuối thang.

Không ít người ngạc nhiên khi thấy Mai Thảo in một tập thơ. Không ít thân hữu của ông đón mừng tập thơ đầu của ông. Và không ít độc giả tò mò tìm mua tập thơ của một tác giả sau hơn 45 tác phẩm bằng văn xuôi, nay xuất bản tập thơ. Với một tập thơ như vậy, không ai dại gì mà viết về nó, bởi vì thẩm định, thưởng ngoạn là quyền của độc giả, mà dông dài nhận định đôi khi đi xa hẳn ý tứ của chữ nghĩa mà tác giả gửi gấm. Nhưng, nếu nói rằng *Thơ là tiếng thở* chẳng hạn, một người đọc nào cũng, theo ý mình, bảo rằng tiếng thở ấy là tiếng thở ngắn... hay tiếng thở dài.

Người làm thơ, lẫn người không làm thơ, đều chung nhau ở một điểm: chúng ta đều muốn hoàn thành một điều gì đó. Chúng ta sắp đặt trong đời sống (hồi trẻ ưa vẽ nguệch ngoạc trên tường, khi lớn thì bày biện đồ đạc theo ý mình). Khi lẩm nhẩm ca hát, chúng ta xen vào những âm thanh chêm vào những đoạn ta không thuộc. Vô hình chung, ai cũng tuân theo một nhịp điệu tự cõi lòng mình.

Vậy thì Mai Thảo có những nhịp riêng của thơ ông. Nhịp nhàng ấy được tạo ra bởi cá tính, hoàn cảnh sống của ông. Không ai ngạc nhiên khi ít ra trong tập thơ có cả chục bài ông viết cho, nhớ đến, gửi đi... nói về tình bằng hữu. Còn gì nữa? Ông làm quen với cả chứng bệnh, dỗ dành nó. Ông nói chuyện một mình. (Mừng tuổi mình) Đôi khi nhìn bức tường, lúc nhìn trăng, khi ngắm cô hàng xóm (Mỹ?) phơi nắng.

Lâu lâu ông có than phiền

Dậu chưa đổ đã bìm chen lấn
Huyệt chửa đào xong đã quỷ cười

Than phiền của một người sống với văn chương một đời, biết rằng khu vườn không phải không đáng yêu mến, nhưng lâu lâu chân dẫm lên gai nhọn. Mai Thảo có một ngữ điệu riêng trong thơ ông, cũng như trong văn ông từ bấy lâu nay, nhưng trong thơ, ngữ điệu ấy lộ hẳn:

Có khi đếch nghĩ điều chi hết
Hệt kẻ ngu đần cũng rất hay

Vượt lên điều THẾ LÀ GÌ, mà là NHƯ THẾ NÀO, đó là nghệ thuật âm thanh trong thi ca. Nhạc thơ (lyric) được diễn ra bằng cảm, để ngâm lên để hát lên: nhịp ngâm trong thơ Mai Thảo (điều chi HẾT,... HỆT kẻ...) không đồng một điệu, bởi vì ở những bài khác, sự trúc trắc cố tình của ông

Ngất đỉnh cây kia gió thét gào
Trọn mùa. Thành động biển trên cao

vân vân... làm cho đôi khi đọc thơ Mai Thảo không dễ. Nói cho ngay, đọc thơ chả bao giờ dễ, nhưng những âm điệu của một người yêu thơ tự nửa thế kỷ, trọng chữ nghĩa cả đời, thì cảm xúc của Mai Thảo không

phải một sớm một chiều độc giả thấy là giản dị, dễ mà nhận thấy những cảm xúc sôi nổi đã lắng đọng, đã thu gọn, đã gói ghém.

Có lẽ bài "Ta thấy hình ta..." là bài ông gom góp kinh nghiệm, cảm hứng, cách nhìn đời, ngẫm nghĩ về nhân sinh trực diện, và đi thẳng nhất trên giấy

Sao không, huyết lệ trong trời đất

Là phát sinh từ huyết lệ ta

Đối với riêng tôi, là những lời thơ đẹp.

*

* *

Có người viết phải áo quần tươm tất, người viết thì nằm, người phải ngồi chỗ yên tĩnh... Đa số các bài thơ Mai Thảo sáng tác ra, là khi ông đi xe buýt. Dĩ nhiên có bài ông viết trên máy bay (bài này sau khi đã có vài ly), được thân hữu đùa là dưới ảnh hưởng...của rượu, không bằng những bài ông ngồi một mình trên xe buýt (khi đi đến một tỉnh khác để lo bài vở cho tạp chí Văn), những bài ấy bình thản và trong suốt hơn.

*

* *

Mai Thảo ưa nói chuyện về thơ. Ưa ngâm thơ nhưng lại không chịu nghe ai bình thơ một cách ngẫu hứng luông tuồng. Chắc ông không tán thưởng những nhận định dễ dàng điều mà ông xuất phát tự đáy lòng, ở những năm cuối cuộc đời. Nay tôi vì được nghe biết một vài lỗi in sai trong tập thơ, mượn cớ viết ra thành một bài chuyển đến độc giả (vì sợ tập thơ có tái bản và thêm phần hiệu đính cũng mất một thời gian), những mong một chút ý kiến riêng của lòng ưa thích không bị coi là cạn cợt.

VŨ HUY QUANG

Ta thấy hình ta những miếu đền, tập thơ MAI THẢO, Văn Khoa xuất bản 1989, US $7.00, 120 trang.

Ta thấy hình ta những miếu đền

Ta thấy tên ta những bảng dường
Đời ta, sử chép cả ngàn chương
Sao không, hạt cát sông Hằng ấy
Còn chứa trong lòng cả đại dương

Ta thấy hình ta những miếu đền
Tượng thờ nghìn bệ những công viên
Sao không, khói với hương sùng kính
Đều ngát thơm từ huyệt lãng quên

Ta thấy muôn sao đứng kín trời
Chờ ta, Bắc Đẩu trở về ngôi
Sao không, một điểm lân tinh vẫn
Cháy được lên từ đáy thẳm khơi

Ta thấy đường ta Chúa hiện hình
Vườn ta Phật ngủ, ngõ thần linh
Sao không, tâm thức riêng bờ cõi
Địa ngục người là, kẻ khác ơi!

Ta thấy nơi ta trục đất ngừng
Và cùng một lúc trục trời ngưng
Sao không, hạt bụi trong lòng trục
Cũng đủ vòng quay phải đứng dừng

Ta thấy ta đêm giữa sáng ngày
Ta ngày giữa tối thẳm đêm dài
Sao không, nhật nguyệt đều tăm tối
Tự thuở chim hồng rét mướt bay

Ta thấy nhân gian bỗng khóc òa
Nhìn hình ta khuất bóng ta xa
Sao không, huyết lệ trong trời đất
Là phát sinh từ huyết lệ ta

Ta thấy rèm nhung khép lại rồi
Hạ màn. Thế kỷ hết trò chơi
Sao không, quay gót, tên hề đã
Chán một trò diên diễn với người

Ta thấy ta treo cổ dưới cành
Rất hiền giấc ngủ giữa rừng xanh
Sao không, sao chẳng không là vậy
Khi chẳng còn chi ở khúc quanh.

MAI THẢO

HAI GIỜ VỚI RENÉ TAVERNIER

TRẦN THANH HIỆP

Ghi chú: *Văn Bút Quốc Tế, sau Hội Nghị lần thứ 53 Maastricht (Hòa Lan) và Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, sau Đại Hội Montréal tháng Chín/89 sẽ hoạt động trong một tình hình mới có nhiều khác biệt với tình hình 14 năm qua.*

Để những người cầm bút lưu vong có thêm cơ sở nhận định về tình hình đó, tôi đã được nhà thơ René Tavernier, chủ tịch Trung Tâm Văn Bút Pháp, vừa đắc cử Chủ tịch Văn Bút Quốc Tế tại Hội Nghị Maastricht, hồi tháng Năm 89, dành cho tôi một buổi chiều để mạn đàm về một số vấn đề liên quan đến Văn Bút.

René Tavernier đã tiếp tôi tại Trụ sở của Văn Bút Pháp ở quận 4, thủ đô Paris, với tư cách một "ký giả," (hành nghề trở lại sau hơn 30 năm) mà không phải với tư cách chủ tịch VBVNHN. Đây là một cuộc phỏng vấn có tính cách tâm tình, thân mật nên không sửa soạn trước và thực hiện bằng tiếng Pháp. Tôi đã được sự đồng ý của René Tavernier để thâu băng cuộc đối thoại

TRẦN THANH HIỆP: Việc nhà thơ Tavernier chủ tịch Văn Bút Pháp đắc cử chủ tịch Văn Bút Quốc Tế là một niềm hân hoan lớn cho những trung tâm bạn đã ủng hộ nhà thơ ấy trước và trong lúc tranh cử. Chúng ta hãy bắt đầu câu chuyện bằng cách nói về một "Tavernier ứng cử viên." Ông đã gửi cho các trung tâm bạn tuyên bố lý do tranh cử. Xin ông tóm lược văn kiện đó.

R. TAVERNIER: Văn Bút Quốc Tế có truyền thống là ứng cử viên chức vụ chủ tịch phải tuyên bố rõ lý do vì sao đã tranh cử. Các lý do tôi đã trình bày có thể tóm tắt như sau:

Tôi vốn không có ý định ra tranh cử khi được biết vì lý do sức khỏe, nhà văn Francis King đã lấy quyết định rút lui khỏi chức vụ chủ tịch Văn Bút Quốc Tế khi mãn nhiệm. Tôi cho rằng từ 1945 đến nay, Văn Bút Quốc Tế đã bốn lần họp Hội Nghị tại Nhật Bản và Đại Hàn vậy mà vùng này chưa có ai làm chủ tịch Văn Bút Quốc Tế. Chỉ mới có ba phó chủ tịch.

Cho nên tôi hết sức thuyết phục Trung Tâm Văn Bút Nhật Bản giới thiệu ứng cử viên. Rất tiếc có lẽ vì lý do ngôn ngữ, Yasushi Inoue đã không chịu nhận lời. Vì vậy tôi đã ra tranh cử với ý định sẽ vận động để nhiệm kỳ sau sẽ có một chủ tịch người châu Á hoặc ở một vùng nào khác, ngoài châu Âu.

Tất nhiên là Văn Bút Quốc Tế cũng nên tận dụng cơ hội có biến chuyển tốt ở Đông Âu để đi tới thành lập những trung tâm Văn Bút ở Liên Xô và các nước vùng Ban-tích. Nhưng đồng thời cũng phải tranh đấu cho nhân quyền và nhất là quyền tự do ngôn luận, sáng tác đặc biệt ở Lỗ, Tiệp, Cuba, Việt Nam, Thổ, Trung Đông, Nam Phi, Bắc Phi v.v...

Tôi có ý định tạo ra một bầu không khí thân hữu giữa các trung tâm Văn Bút. Phải tránh mọi hành vi gây hấn, kiêu mạn, nghi kỵ. Các hội nghị, các cuộc họp của Văn Bút phải là những cơ hội hợp tác quốc tế, một sự hợp tác trong mọi trường hợp không đẩy xuống hàng thứ yếu các sáng kiến cứu nguy, cứu trợ văn nghệ sĩ bị đàn áp.

Muốn thực hiện được những mục tiêu đó, tôi nghĩ rằng đã phải có một sự liên hệ lâu năm với Văn Bút. Tôi là hội viên của tổ chức này từ 27 năm nay, giữ chức vụ chủ tịch Văn Bút Pháp từ 1979, phó chủ tịch Văn Bút Quốc Tế và có mặt đều đặn trong các sinh hoạt của Văn Bút. Ngoài ra còn phải có tinh thần quốc tế và tha thiết với văn học của các nước. Tôi luôn luôn tạo những cuộc đối thoại về văn hóa giữa các nước.

Điều quan trọng là làm sao cho Văn Bút Quốc Tế trở thành sinh động, sung túc, thống nhất, để chống lại những đe dọa đối với văn hóa, đối với tự do.

T.T.H: Có một điểm mới trong chương trình hoạt động ông phác họa, đó là bước phát triển dự tính của Văn Bút Quốc Tế theo hai chiều hướng Đông Âu và châu Á. Liệu có thực hiện được không?

R.T: Ngay từ khi chưa bắt tay vào việc tôi đã gặp rất nhiều thuận lợi. Các quan hệ của tôi với các trung tâm ở Đông Âu rất tốt. Về mặt châu Á thì cũng dễ. Đại Hàn, Nhật Bản, Đài Loan, Trung Quốc đối với tôi không có vấn đề. Riêng Việt Nam thì lại còn dễ hơn nữa. Cuộc tiếp xúc với các bạn Việt Nam từ nhiều năm nay cho tôi cảm tưởng rằng giữa hai nước Pháp, Việt đã có những mối tương đồng về nhiều mặt khiến cho cuộc sống chung rất tự nhiên và thoải mái.

T.T.H: Cuộc bỏ phiếu ra sao? Ai chống? Ai ủng hộ?

R.T: Kỳ bầu ở Maastricht chỉ có hai ứng cử viên, nhà văn người Nigéria: Chinua Achebe với sự ủng hộ của các phó chủ tịch A. den Doolaard, Peter Elstob, Nadine Gordimer, Michael Scammell, Per Wastberg, các trung tâm ở Mỹ, ở Bắc Âu, ở Tây Âu có Anh, Tây Đức v.v... Và tôi, có sự ủng hộ của các phó chủ tịch Clancier, Matvejevio, Youn-Sook Moh cùng các trung tâm của châu Phi, châu Á, Đông Âu và một phần Nam Mỹ... dĩ nhiên có cả của trung tâm Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại. Tôi hơn Chinua Achebe năm phiếu nên đã được bầu. Có hai phiếu trắng.

T.T.H: Vậy có thể nói rằng ứng cử viên đã trở thành chủ tịch trong tương lai sẽ mở rộng Văn Bút Quốc Tế về hai phía Đông Âu và châu Á?

R.T: Đúng vậy.

T.T.H: Ông chủ tịch vừa nói về một "Tavernier ứng cử viên." Bây giờ chúng ta hãy nói về một "Tavernier chủ tịch," người đã đắc cử chủ tịch Văn Bút Quốc Tế tại Maastricht (Hòa Lan) hồi tháng Năm vừa qua, trước kẻ đối thủ thất cử của mình là nhà văn Chinua Achebe (người Nigeria) với năm phiếu sai biệt. Tuy sau đó mọi người đã đồng thanh chấp thuận kiến nghị của Trung Tâm Văn Bút Canada, vùng nói tiếng Anh, đề nghị coi số phiếu bầu ông chủ tịch như của toàn thể các đại biểu, ta có nên lo ngại rằng Văn Bút Quốc Tế sẽ lâm vào tình trạng chia làm hai phe không?

R.T: Từ hai năm nay, kể từ Hội Nghị Lugano, quả thật có một nhóm người có ý định muốn thao túng tổ chức Văn Bút Quốc Tế, muốn bằng mọi giá, bãi bỏ quyết định của Hội Nghị Tokyo ủy cho Đại Hàn tổ chức Hội Nghị Văn Bút Quốc Tế lần thứ 52. Do đó tôi đã ra ứng cử như một người chủ tịch "hòa giải." Tôi không tin rằng tình trạng chia đôi mà người ta lo ngại có thể xảy ra được vì nhóm người ấy không đại diện cho tất cả những hội viên của các trung tâm mà họ nhân danh. Thật vậy, nếu một mặt đã có những phiếu Bắc Âu, Hoa Kỳ chống tôi thì mặt khác cũng lại có những lời chúc mừng rất thân mật, nồng nàn từ Bắc Âu, Hoa Kỳ gửi tới cho tôi. Không, không, tôi không phải là kẻ thù của nước Mỹ. Trái lại. Tôi muốn nói rằng tôi rất có thiện cảm với người Mỹ vì những đam mê, vì tinh thần tự do của họ. Tôi cũng biết ơn họ năm 1944 đã can thiệp để giúp giải phóng nước Pháp khỏi sự chiếm đóng của "quốc xã"

(nazis). Không. Theo tôi, không thể có hiểm họa Văn Bút Quốc Tế bị chia làm hai. Điều này lại càng khó có thực giữa lúc mà người Nga vui mừng hướng về Văn Bút Quốc Tế. Họ vui mừng được gia nhập vào một đại gia đình quốc tế của những người cầm bút. Vậy lúc này không phải là lúc mà một số người khác lại có thể rời bỏ Văn Bút Quốc Tế để ra đi. Những người Nga này không phải chỉ nhắm riêng nước Mỹ. Trong quá khứ, nước Nga đã bắt đầu những liên hệ văn hóa của họ không phải với nước Mỹ mà với các nước lân cận như Đức, Anh, Pháp, đặc biệt với Pháp. Những người Nga tới Paris thăm tôi đều tỏ ra rất hân hoan khi được trở lại Văn Bút Quốc Tế, tôi không nói dưới sự bảo trợ, với sự ủng hộ của Văn Bút Pháp, điều tôi đã mang tới cho họ, dĩ nhiên với điều kiện họ phải chấp nhận cùng tôn trọng những nguyên tắc của Văn Bút. Và họ đã tôn trọng. Tôi rất mừng.

Nói chung, tôi không bận tâm về hiểm họa phân hóa trong Văn Bút Quốc Tế. Và nếu có những người chủ trương chia rẽ, họ sẽ bị cô lập trước dư luận. Ta hãy tưởng tượng hội Văn Bút Quốc Tế hiện hữu bị cắt đứt với châu Mỹ La Tinh, với châu Á, với một nửa châu Âu, với nước Nga! Đó là một Văn Bút Quốc Tế đã bị cắt cụt. Nó sẽ nói cho ai nghe?

Không, không... Có thể đã có những tranh chấp cá nhân. Không nên bi thảm hóa những tranh chấp ấy và đã đến lúc phải chấm dứt. Cuộc bầu cử đã diễn ra một cách dân chủ. Những người ấy đã thất cử. Tôi đã không thuyết phục được họ vì họ tin họ sẽ thắng. Tôi cũng không chắc là tôi sẽ thắng. Nhưng tôi không tự coi như đã đánh bại họ. Tôi chỉ coi như mình đã làm cho một điều gì được đắc thắng và, như tôi đã từng nói, tôi là một "cựu kháng chiến," lúc nào tinh thần kháng chiến cũng thúc đẩy tôi. Vậy tôi không có điều gì phải học hỏi nơi họ và tôi cũng không muốn cho họ những bài học. Văn Bút Quốc Tế không phải là một tổ chức có mục đích đi tới mỗi nước để dạy dỗ dân chúng nước ấy. Trước hết, chú ý tới văn hóa của các nước chỉ có nghĩa là nêu vấn đề tự do để tạo cơ hội nói về tự do, điều đáng kể nhất trong văn hóa chớ không phải là để "lên lớp ai." Tôi không phải là một vị đại sứ của Hoa Kỳ, chúng tôi chỉ là những người làm công việc văn hóa. Về điểm này, tôi xác định nay tôi không còn là một người chủ tịch chỉ chăm lo cho trung tâm Văn Bút Pháp mà là một người chủ tịch "quốc tế." Vì tôi rất yêu nước Anh, nơi tôi đã theo học bậc đại học và bởi tôi sử dụng dễ dàng tiếng Anh nên tôi cũng rất chú ý tới hệ ngôn ngữ Anh. Dĩ nhiên tôi sẽ không bận tâm đến những ngôn ngữ (jargon, slang) đến thứ tiếng Anh căn bản... (có lẽ chúng ta đang rời bỏ lãnh vực văn học!) Trái lại, tôi rất chú trọng tới văn học Mỹ, văn học Anh, văn học Bắc Âu.

T.T.H: Về mặt hành động thực tế và trong nhiệm kỳ của ông, Văn Bút Quốc Tế có phương tiện cụ thể hóa hai bước phát triển mới của Văn Bút Quốc Tế hướng về châu Á và các nước Đông Âu không?

R.T: Có. Đối với các nước ở Đông-Âu, chúng ta là nguồn hy vọng sâu xa của họ. Phương tiện của chúng ta là mời những người cầm bút các nước ấy đến với chúng ta. Tại Hán Thành và Maastricht đã có mặt các nhà văn Nga (bảy người), ngay trước khi Trung Tâm Văn Bút Nga được chính thức thành lập. Nhân dịp Hội nghị lần thứ 54, họ có thể đến bao nhiêu người cũng được, tùy họ.

Phương tiện của chúng ta còn là tạo điều kiện để cho các nhà văn được tự do gặp gỡ nhau, cùng nhau thảo luận về những vấn đề của họ, không phải chỉ những loại vấn đề như tiền niên liễm, nguyệt liễm hay ngay cả vấn đề bảo vệ nhân quyền dĩ nhiên rất quan trọng -- mà còn cả những vấn đề sao để họ có thể cùng đọc tác phẩm của nhau, giúp nhau phiên dịch các tác phẩm. Đó, phương tiện ở đó chứ ở đâu. Ngoài ra, tôi muốn nói đến một kinh nghiệm khác: sự tồn tại của Văn Bút Hung Gia Lợi đã biến cơ cấu này thành nơi cố thủ của nền văn hóa chính thống Hung Gia Lợi để đương đầu với sự chiếm đóng của Liên Xô. Ngày nay, Hung Gia Lợi đã trở thành một nước khá cởi mở, với một trung tâm Văn Bút, sinh động, qui tụ được rất nhiều tác giả có tiếng của Hung...

Tất nhiên, về phương tiện, sẽ không có 36 phương tiện. Đối với những văn nghệ sĩ bị cầm tù, thì phải can thiệp công khai và không công khai. Đối với những văn nghệ sĩ lưu vong, sống trên đất nước người thì đã có một ủy ban quốc tế để giúp đỡ họ một cách rất giới hạn, dĩ nhiên -- về mặt tài chánh. Để trao đổi văn hóa, đã có những cuộc gặp gỡ, hội họp, trong khuôn khổ những hội nghị quốc tế hay những cuộc họp địa phương, tuy hẹp hơn nhưng đã cho phép người cầm bút lưu vong tiếp xúc với đồng nghiệp ngoại quốc để -- ai biết đâu -- thêm kinh nghiệm mới, tin tưởng mới, văn hóa mới, thẩm mỹ mới, do cuộc gặp gỡ mà nẩy sinh. Chung quy, đó là tình trạng trước cuộc chiến thế giới lần thứ nhất, 1914-1918, các nhà văn cũng như mọi người có thể đi lại mà không cần giấy thông hành. Một nhà văn Anh có thể tới Pháp rất dễ dàng, sống ở đó một cách thoải mái, rồi đi St. Petersbourg, đi Mỹ... Chính vì tình trạng đó không còn nữa nên Văn Bút mới ra đời. Về mặt sáng tác nhiều hình thức kiểm soát, kiểm duyệt đã được đặt ra, về mặt giao thông giấy thông hành đã được thiếp lập. Có nhiều trường hợp các nhà văn không xin được giấy thông hành. Việc

làm của chúng ta là phải phá bỏ những ngăn trở để những cuộc gặp gỡ ấy được dễ dàng thực hiện. Đó, vấn đề phương tiện của chúng ta phải được quan niệm như vậy để Văn Bút Quốc Tế có thể tận dụng khả năng của mình.

T.T.H: Hmm...

R.T: Hãy nói một chút về trường hợp Việt Nam. Khi chúng tôi có được trong tay một số tài liệu do các bạn Việt Nam cung cấp về văn hóa Việt Nam, văn hóa cổ truyền hay văn hóa hiện đang hình thành, những tài liệu ấy sẽ được một số người biết đến, trong đó có chúng tôi. Những người đó chú ý, lắng nghe để tiếp thu một tiếng nói khác tiếng nói của chính họ. Như vậy là các bạn Việt Nam đã đóng góp rất to lớn cho việc bảo tồn văn hóa Việt Nam. Đó là điều mà tôi chờ đợi ở mỗi các bạn.

Cũng là điều hay nếu chúng ta đã không tự giới hạn mình như những người chuyên "bảo vệ" (défenseurs). Chúng ta không phải là người của ngoại giao đoàn hay của cảnh sát công an hay của bất cứ một tổ chức nào. Chúng ta là một gia đình của một lớp người hơi kỳ lạ, mượn giấy bút để tự do diễn tả rung cảm của mình. Nhờ đó mà đi vào được những thế giới riêng của mỗi người. Ngôn ngữ là cách tư tưởng biến đổi (moduler, modulate). Một thí dụ, trong tiếng Bồ Đào Nha, tất nhiên là có những từ tương tự với các từ table (bàn), pas (bước chân) v.v... của tiếng Pháp. Nhưng điều đáng kể là như tôi được biết, lại có những khái niệm đặc thù của người Bồ Đào Nha, chẳng hạn như khái niệm về buồn rầu (tristesse, sadness), sầu muộn (mélancolie, melancholy) mà các nhà văn Bồ đã giải thích rất dài dòng. Vậy một ngôn ngữ hay một nhà văn sử dụng ngôn ngữ đó vừa mở rộng ra bên ngoài lại vừa khép kín vào bên trong để tồn trữ những gì mà tổ tiên đã để lại, những gì người ấy đã học được, đã cảm thấy khi yêu thương quê hương mình. Người ấy dù đã rời bỏ quê hương nhưng vẫn mang trong mình hình ảnh của quê hương qua ngôn ngữ.

T.T.H: Cách đây hơn một năm ông có viếng thăm Liên Xô. Ông còn giữ nguyên vẹn những cảm tưởng đầu tiên khi đặt chân lên Mạc Tư Khoa hay đã có những thêm bớt về những cảm tưởng ấy. Theo ông, có biến đổi ở sau bức màn sắt hay không?

R.T: Tôi chưa bao giờ là người cộng sản. Tôi lúc nào cũng là người "chống Staline." Tôi đã sang Liên Xô và đã thăm Mạc Tư Khoa. Trở về nước, tôi đặc biệt giữ trong ký ức sự ngạc nhiên về hiện tượng đổi mới nơi những người trí thức mà tôi đã gặp. Dĩ nhiên, tôi không có cơ hội nói chuyện với thợ thuyền, với nông dân, trước hết bởi vì tôi không biết tiếng Nga, sau nữa là vì tôi chỉ dư thì giờ để tiếp xúc với các văn nghệ sĩ, các nhà khoa học, trí thức. Tôi rời Liên Xô với xác tín rằng ở Liên Xô thật sự đã có những thay đổi cơ bản và vì vậy tôi nghĩ rằng việc lần đầu tiên trong lịch sử Văn Bút Quốc Tế thâu nhận các nhà văn Nga làm thành viên -- điều cho tới lúc đó tôi vẫn chống kịch liệt -- là việc ta có thể dự tính lúc này bởi vì đó là một cách giúp cho những sự biến đổi mới bắt đầu ở Liên Xô có cơ phát triển. Chúng ta chưa biết rằng ngày mai sẽ ra sao. Nhưng trong mọi trường hợp khi cơ hội đến thì chúng ta phải nắm lấy như Sarkharov đã nói là "đừng gạt bỏ bàn tay đang chìa ra..."

Đó không phải là ý kiến của riêng một mình tôi. Gorbatchev khi tới Bắc Kinh, tuy chưa nói gì, chưa làm gì, mà đã gây chấn động dư luận Trung quốc vì sự hiện diện của ông ta đã là một biểu tượng. Sau này tình hình tại đó sẽ như thế nào, ta chưa đoán được cho thật đúng được. Nhưng chắc chắn là nó không thể trở lại y nguyên như trước được nữa...

T.T.H: Còn đối với châu Á, ông chủ tịch có những dự tính gì, cũng để cụ thể hóa, thắt chặt thêm nữa, những mối liên lạc với vùng đất này của thế giới?

R.T: Có chứ. Tôi đã đi thăm Đài Loan ba lần, Đại Hàn ba lần và Nhật Bản một lần. Theo tôi đối với những nước này không thành vấn đề, không có bất cứ một khó khăn nào. Tôi chưa có dịp đi thăm Trung Quốc, nhưng tôi sẽ thực hiện ước muốn tới nước đó. Còn Việt Nam, tôi nghĩ rằng tình thế rồi cũng phải thay đổi, dưới áp lực của tình hình Liên Xô cũng như của những biến chuyển của nội tình Trung Quốc...

T.T.H: Trong hiện tình, ta có thể làm gì được để cứu các văn nghệ sĩ bị cầm tù ở Việt Nam?

R.T: Một nhà văn Nga vừa mới được ra khỏi nhà tù cộng sản có nói với tôi rằng: "Dù thế nào chăng nữa đừng nên do dự khi cần phải nêu tên tuổi những người bị cầm tù vì bọn cai tù sẽ gặp phải khó khăn nếu việc nêu tên ấy có một tầm ảnh hưởng quốc tế. Vì như vậy là tạo ấn tượng xấu về chế độ của họ." Tôi cũng tin như vậy. Cho nên nếu có cơ hội là Văn Bút Quốc Tế phải lên tiếng, phải can thiệp và việc lấy thái độ này không nhắm chính trị Việt Nam mà nhắm số phận của các nhà trí thức Việt Nam, một vấn đề tối quan trọng. Người ta có thể nói rằng nếu chỉ cần làm vậy ở Paris hay ở Londres thì dễ quá. Có thể đúng vậy. Nhưng tôi không có nhu cầu muốn tỏ ra mình can đảm. Tôi chỉ muốn tìm cách giúp cho những đồng nghiệp lâm nạn của tôi tại đó, kẻ bị khóa miệng, kẻ mất hết liên lạc với gia đình, kẻ đòi tự do một cách tuyệt vọng. Chỉ còn một cách độc nhất là cứ nhắc đi nhắc lại mãi mỗi khi có cơ hội. Và tới một lúc nào đó, như đã xảy ra tại nhiều nước khác,

nhà cầm quyền sẽ phải nhượng bộ để được rảnh tay. Do đó, tôi chủ trương rằng trong mọi trường hợp đừng bao giờ bỏ cuộc trong việc tranh đấu cho các văn nghệ sĩ bị cầm tù. Văn Bút Quốc Tế phải có nhiều quyết nghị thông báo cho các nhà cầm quyền Việt Nam biết rõ những quyết nghị này để họ đừng lầm tưởng rằng đó chỉ là những hành động riêng lẻ, để họ nhận rõ được rằng đó là một chính sách can thiệp liên tục và cương quyết. Ngoài ra, còn phải lôi cuốn báo giới vào việc can thiệp của chúng ta. Như vừa mới đây, Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại đã tổ chức một cuộc gặp gỡ quốc tế với sự tham dự của cả người Pháp lẫn người Việt. Tôi đã đích thân tới. Người bạn thân của tôi, nhà thơ Georges Emmanuel Clancier cũng tới, lại còn có cả Olivier Todd là người rất am tường vấn đề Việt Nam. Như vậy là đã làm cho mọi người hiểu rõ thêm vấn đề văn nghệ sĩ bị cầm tù ở Việt Nam, làm cho tôi coi những người này như những người bạn dù tôi chưa quen biết họ. Thật là một cách cứu giúp họ khá đắc lực.

T.T.H: Liệu Trung Tâm Văn Bút Nga có giúp được gì cho các văn nghệ sĩ bị cầm tù ở Việt Nam không?

R.T: Tôi rất mong điều này. Hiện nay, trung tâm Nga vừa mới được chấp nhận như một thành viên trên nguyên tắc. Kỳ tới, trung tâm này sẽ chính thức sinh hoạt với chúng ta và tôi sẽ đặt thẳng vấn đề với họ và nói cho họ biết rằng tôi cần sự tiếp tay của họ. Tôi nghĩ rằng đó cũng sẽ là một sức ép đối với nhà cầm quyền Việt Nam. Và nếu vẫn không có kết quả, tôi sẽ tìm những sức ép khác, lần này ở Mạc Tư Khoa!

T.T.H: Hồi nãy, ông chủ tịch có nói tới những quan hệ văn hóa đặc biệt giữa Pháp và Việt Nam. Chính tôi là một trong những người Việt đã thể nghiệm rất sâu đậm những quan hệ ấy. Nhưng ngược lại, làm thế nào để cho người Pháp sở đắc được những kinh nghiệm Việt Nam, để cho họ đi vào được thế giới văn học Việt Nam? Dưới mắt một người Pháp, vấn đề này được đặt ra như thế nào?

R.T: Có hai cách. Tôi và các bạn người Pháp của tôi sẽ có những cố gắng đặc biệt về vấn đề này. Nếu có tác phẩm viết bằng tiếng Pháp hoặc đã được phiên dịch thì việc phải làm chỉ còn là "đọc" những tác phẩm ấy. Nếu chỉ mới là những bản thảo viết bằng tiếng Việt, chưa được phiên dịch thì phải phiên dịch (công việc này chúng tôi không thể đảm nhiệm). Chúng tôi sẽ tìm nhà xuất bản của Pháp để các bản thảo ấy được in thành tác phẩm. Muốn tìm nhà xuất bản không phải là không có những khó khăn, nhưng tôi sẽ không lùi bước trước bất cứ một khó khăn nào để kiếm kỳ được nhà xuất bản. Những nhà xuất bản có tiếng.

T.T.H: Tôi muốn trở lại với Tavernier, nhà thơ, để cùng bàn về thơ. Thơ của Tavernier, dĩ nhiên. Giữa những bài thơ sáng tác vào thời kỳ 1938-1945 và những bài thơ hiện nay, có sự liên tục hay không, hay đã có những đứt đoạn?

R.T: Có liên tục. Chắc chắn là đã có liên tục. Dĩ nhiên đề tài có khác, rung cảm có khác. Nhưng phong cách thì không thay đổi. Tuy vậy, phải nói rằng tôi đã có những cố gắng tìm cho thơ của tôi thêm nhiều độc giả mới. Tôi rất yêu những nhà thơ khó hiểu và ít độc giả. Nhưng tôi cho rằng lúc này phải làm những bài thơ để người đọc cảm thông được với người làm thơ. Tôi không có ý nói phải làm thơ cho quảng đại quần chúng. Nhưng cũng nên tránh loại thơ chỉ dành cho những nhóm "tao dàn" (cénacle, literary group) trí thức. Hồi tôi còn trẻ, tôi chịu rất nhiều ảnh hưởng của những nhà thơ siêu thực (surréalistes, surrealist) vì họ đã chỉ vẽ cho tôi thế nào là sự tự do về ảnh tượng, làm sao để khám phá được những lạ thường trong cách diễn tả. Tuy vậy, tôi không có ý định đi vào con đường tân cổ điển (néo-classicism, neo-classicism) vì tôi không tin rằng người ta có thể trở lại quá khứ. Tôi chỉ muốn tìm ra được những nhịp điệu để diễn đạt các tâm trạng của tôi: mơ ước, đau khổ, yêu thương v.v...những nhịp điệu có thể làm người cho người khác cùng rung động với tôi. Thơ tôi không phải là thơ tiền phong nhưng cũng không phải là thơ tụt hậu!

T.T.H: Ông biết rằng người Việt Nam chúng tôi rất thích thơ...

R.T: Tôi biết lắm.

T.T.H: Cho nên chúng tôi muốn được nghe ông nói chút ít về kinh nghiệm thơ của riêng ông. Theo ông trong cuộc sống hiện đại, thơ còn chỗ đứng hay không?

R.T: Điều này tùy từng nước. Như ở nước Nga, thơ vẫn còn chiếm một chỗ đứng quan trọng trong dân chúng. Có thể là tại những nước không có tự do, thơ đã mất hết ảnh hưởng đích thực của nó.Tại Pháp, nhà thơ cuối cùng có một số lượng độc giả rất lớn là Jacques Prévert mà tôi quen rất thân. Tuy thế Pháp cũng còn nhiều nhà thơ hay. Nước Y Pha Nho cũng có một nền thi ca có quần chúng đông đảo.

T.T.H: Czeslaw Milosz nói rằng thơ thời nay đượm vẻ ủ ê, rầu rĩ. Có đúng như vậy không?

R.T: Tôi biết Czeslaw Milosz lắm. Đúng vậy. Quả thật thơ bây giờ ủ ê, rầu rĩ. Nhưng thơ tôi không mắc bệnh chán chường. Thơ tôi đôi khi là tiếng kêu của đau khổ thật, nhưng trong thực chất lại là tiếng kêu của hy vọng.

T.T.H: Giải thưởng Hàn Lâm Viện Pháp trao tặng ông có phải để công nhận

Văn hữu khắp nơi chuẩn bị về Canada dự

ĐẠI HỘI VĂN BÚT VIỆT NAM HẢI NGOẠI

MONTREAL (CBA) - Đại Hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại sẽ diễn ra tại Montréal, Canada, vào ba ngày 28, 29 và 30-09-1989.

Sau lá thư vận động của Ban Tổ Chức, một số các văn hữu, các đại diện báo chí người Việt tại Hoa Kỳ, Canada, Úc Châu, Tây Đức, Pháp đã gởi thư hưởng ứng tham dự.

Một số các văn hữu khác cũng đã nhận lời nói chuyện trong cuộc hội thảo song song với cuộc họp hội đồng Văn Bút, đó là các anh Nguyễn Ngọc Ngạn (Canada,) Nguyễn Ngọc Bích, Võ Đình, Viên Linh, Chử Bá Anh, Thế Uyên (Hoa Kỳ) và Từ Nguyên (Pháp).

Trong phiên họp tổ chức ngày 15-07-1989 tại tư gia của nhà văn Võ Kỳ Điền có sự tham dự của quí anh Chử Bá Anh (Văn Bút Trung Tâm Miền Đông Hoa Kỳ,) Nguyễn Ngọc Ngạn, Phan Ni Tấn và Nguyễn Trung Tâm (Văn Bút Trung Tâm Ontario) để sửa soạn Đại Hội.

Mặc dù phương tiện eo hẹp, cuộc họp đại hội đồng Văn Bút cũng như hội thảo được thu xếp tại một hội sảnh khang trang tại trung tâm thành phố Montréal mà anh em văn hữu Québec lo trang trí tạo một khung cảnh thoải mái, thân mật cho Đại Hội. Đêm thứ sáu 29-09-1989 sẽ là một đêm sinh hoạt văn nghệ và đêm tiếp tân tối thứ năm 28-09-1989 do ba hội đoàn Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại - Trung Tâm Québec, Liên Hội Người Việt Canada và Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia vùng Montréal đứng ra đồng tổ chức để chào mừng các vị tham dự Đại Hội Văn Bút Hải Ngoại cũng như giới thiệu cộng đồng người Việt địa phương với gia đình Văn Bút.

Nhân buổi tiếp tân này, Văn Bút Việt Nam - Trung Tâm Québec cũng sẽ cho ra mắt hai Tuyển Tập là công trình đóng góp của các cây viết người Việt Canada. Tuyển Tập thứ nhất gồm các truyện ngắn và thơ bằng Anh hoặc Pháp ngữ. Mục đích của Tuyển Tập song ngữ là để giới thiệu các cây viết người Việt tại Canada với xã hội mới như một đóng góp vào tấm thảm văn hóa đa diện của Canada, một chính sách được cả các chính phủ liên bang và tỉnh bang cổ súy.

Về nội dung, Đại Hội sẽ gồm có hai phần. Phần Đại Hội Đồng sẽ có các phiên họp tiểu ban và khoáng đại để các đại biểu chính thức của các Trung Tâm Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại biểu quyết Bản Điều Lệ và Nội Qui Văn Bút cũng như bầu Ban Chấp Hành Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại chính thức đầu tiên.

Dự thảo Bản Điều Lệ đã được anh Từ Nguyên (Paris) gởi cho các Trung Tâm Văn Bút để tham khảo về đề nghị sửa đổi.

Về phần hội thảo, người ta ghi nhận có tất cả hai phiên khoáng đại với đề tài Văn Nghệ Sĩ Việt Nam Tự Do - 14 Năm Sinh Hoạt Hải Ngoại và Các Vấn Đề của Người Văn Nghệ Sĩ Việt Nam Hải Ngoại.

---

phong cách thơ đặc biệt của ông?

R.T: Giải thưởng ấy nhắm vào toàn bộ các tác phẩm về thơ của tôi. Tôi đã viết rất nhiều về thơ, về các nhà thơ, trong hai mươi năm trường và để chất đống trong nhà. Một hôm có một nhà xuất bản đến tìm tôi và đề nghị tôi đưa bản thảo cho ông để in...

Chừng một năm nữa tôi sẽ hoàn tất thêm một tập thơ khác. Tôi đã được giải thưởng nhân dịp tôi xuất bản tác phẩm sau cùng của tôi, nhưng chính là vì toàn bộ công trình sáng tác mà tôi đã thực hiện. Đó là điều làm cho tôi rất bằng lòng vì người thơ lúc tôi còn trẻ vẫn là người thơ lúc tôi không còn trẻ nữa, nhưng trong người thơ này vẫn còn cháy ngọn lửa của tuổi trẻ. Đó, tôi như vậy đó.

Paris 6/89

TRẦN THANH HIỆP

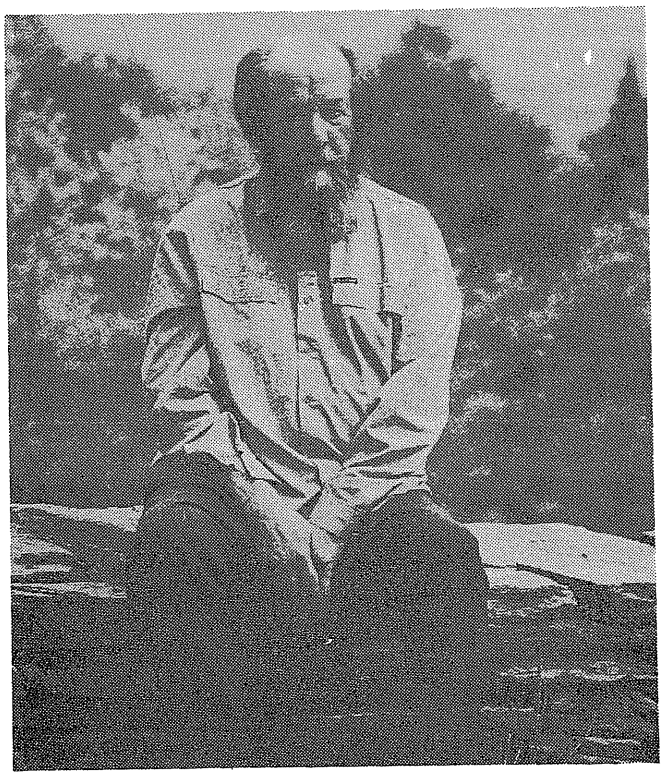

Aleksandr Solzhenitoyn:

"CHÚNG TA CÓ HAI LÁ PHỔI ÔNG KHÔNG THỂ THỞ BẰNG MỘT LÁ, CÒN LÁ KIA ĐỂ YÊN"

DAVID AIKMAN thực hiện
TRỊNH Y THƯ chuyển ngữ

Khi được hỏi ai là nhà văn lớn nhất của văn học Nga ở thế kỷ 20, nhiều người đã không ngần ngại nói ngay: Aleksandr Solzhenitsyn (Nobel 1970). Sự việc Solzhenitsyn đang sống lưu vong, đang tách lìa hẳn ra khỏi đất nước và dân tộc ông không chút mảy may cản trở những dòng chữ như thác lũ vẫn ào ạt tuôn ra từ ngòi bút của ông, mặc dù năm nay ông đã ngoài 70 tuổi. Tuy vậy, từ năm 1983, Solzhenitsyn lại chọn lựa một thái độ im lặng, có lẽ, một phần vì ông cảm thấy không cần thiết phải lên tiếng thêm nữa, phần khác ông thất vọng vì thái độ mà ông gọi là hèn kém, nhu nhược của Tây phương. Ông rút về sống với gia đình trong một sơn trại rộng 50 mẫu tây miền rừng núi hẻo lánh tiểu bang Vermont. Ông sống lặng lẽ, không tiếp xúc với ai ngoại trừ một số bạn bè thân thiết. Ông cũng từ chối tất cả những yêu cầu phỏng vấn đến từ báo chí Tây phương. Sơn trại nơi ông và gia đình trú ngụ là một bí mật và được bảo vệ bởi một vòng đai an ninh bao quanh toàn thể khu đất. Sự thay đổi đột ngột của một nhà văn đầy cá tính và nhiệt thành như Solzhenitsyn khiến nhiều người thắc mắc: chẳng lẽ ông đã buông bút? Chẳng lẽ ông đã thua trận?

Câu trả lời là không. Sau một thời gian dài im tiếng, Solzhenitsyn xuất hiện trở lại và thế giới phải bàng hoàng, chưng hửng trước công trình nghệ thuật vĩ đại mà ông sắp sửa cống hiến sau 13 năm lao tâm khổ trí. Tác phẩm mà ông sắp trình bày với nhân loại có nhan đề là Vòng Quay Đỏ *dài 5000 trang và ông nói đó là tất cả những gì ông hằng suy tưởng, hằng khám phá trong suốt 53 năm cuộc đời viết văn của ông. Trong tác phẩm đó ông vẽ lại những biến cố trọng đại dẫn đến cuộc cách mạng vô sản Nga năm 1917.*

Solzhenitsyn đã không làm những người ngưỡng mộ ông thất vọng. Ông đã trung thành với tiếng nói của chính ông cho đến giờ phút chót. Những gì ông viết ra, từ Vòng Đầu, Khu Ung Thư *cho đến* Vòng Quay Đỏ *đều được thúc đẩy do lòng thương xót quê hương và dân tộc ông đang bị tàn phá bởi những người Cộng sản. Trong bài phỏng vấn do ký giả David Aikman thực hiện đăng trên báo TIME số ra ngày 24/6/89, và được chuyển sang Việt ngữ dưới đây, ông đã chua xót thốt lên: "... Trong suốt 70 năm, chúng tôi đã và đang tàn phá mọi thứ trong đất nước chúng tôi, từ đời sống người dân cho đến mọi căn bản về sinh vật, sinh môi, đạo đức, kinh tế..."*

Bài phỏng vấn phá tan mọi nghi vấn bao trùm tên tuổi Solzhenitsyn từ hơn mười năm nay. Trong đó, ông nói về Lenin, về quyển Vòng Quay Đỏ, *về sự trở về quê hương Nga của ông nếu có... Đọc hết bài phỏng vấn, chúng ta thấy Solzhenitsyn vẫn là Solzhenitsyn. Ông vẫn là ngọn đuốc soi sáng khung cảnh vô cùng đen tối của một thế kỷ mệnh danh là hiện đại. Ông vẫn là niềm hy vọng cuối cùng sau những tuyệt vọng chất chứa liên miên. Ông vẫn là một nhà văn cặm cụi ngồi viết những dòng chữ có trách nhiệm. Ông vẫn là nhà văn của nhà văn*

TRỊNH Y THƯ

Hỏi: Ấn bản Nga ngữ của cuốn *Tháng Tám 1914* được xuất bản vàonăm 1971, và giờ đây bản dịch Anh ngữ lần tái bản hoàn toàn đổi mới cũng vừa được ấn hành. Ông có thể cho biết tại sao ông cảm thấy cần thiết phải viết thêm cả 300 trang sách cho kỳ tái bản này?

Đáp: Chương viết về Lenin là chương đầu tiên tôi thêm vào bộ sách. Nhưng một số lớn những chương được viết thêm phát xuất từ sự kiện là, với thời gian, tôi hiểu ra phong trào dẫn đến cuộc cách mạng và những nguyên do của nó không thể được nhìn một cách đơn thuần qua cuộc Đại chiến thứ nhất, năm 1914. Khái niệm lúc đầu của tôi cũng giống như khái niệm của đa số ở cả Đông lẫn Tây phương ngày nay, tức là, biến cố chính mang tính cách quyết định là cuộc Cách mạng Tháng Mười và những hậu quả của nó. Nhưng dần dà tôi thấy rõ điều đó không đúng, và cuộc Cách Mạng Tháng Mười chẳng phải là một cuộc cách mạng chút nào cả. Chúng ta định nghĩa cách mạng là một biến cố tự phát từ đại chúng, và cuộc Cách mạng Tháng Mười không hề mang tính cách đó. Cuộc cách mạng thực sự phải là cuộc Cách mạng Tháng Hai. Cuộc Cách mạng Tháng Mười không đáng được gọi là cuộc cách mạng. Nó chỉ là một cuộc đảo chính và trong suốt thập niên 20 chính các nhân vật trong đảng Bolshevik vẫn gọi nó là cuộc "Đảo chính Tháng Mười." Ở Liên Xô, người ta cố tình trá ngụy thay thế cuộc Cách mạng Tháng Hai bằng cuộc Cách mạng Tháng Mười.

Hỏi: Vì vậy, ông có nghĩ cuộc Cách mạng Tháng Hai là sự thoát ly ra khỏi lịch sử nước Nga hơn là cuộc Cách mạng Tháng Mười?

Đáp: Đúng vậy, nó còn nhiều hơn một sự thoát ly. Hệ thống Tháng Hai -- nếu ông có thể gọi nó như vậy -- bắt đầu tan rã trước khi được bồi đắp. Nó sụp đổ từ tuần này sang tuần khác. Cuộc Đảo chính Tháng Mười chỉ làm công việc nhặt lên cái sức mạnh nằm lăn lóc dưới đất không thuộc về riêng ai đó.

Hỏi: Tại sao ông quyết định đặt nhan đề cho toàn bộ tập tiểu thuyết ông đang hoàn tất là *Vòng Quay Đỏ*? Và tại sao ông gọi mỗi giai đoạn cá biệt trong đó là một "nút thắt?"

Đáp: Ở đây chúng ta không nói đến những vòng quay của một chiếc xe hơi. Chúng ta nói đến vòng quay vô cùng vĩ đại của vũ trụ, giống như vòng

"Cuộc Cách Mạng Tháng Mười không đáng được gọi là cuộc cách mạng. Nó chỉ là một cuộc đảo chính..."

ngân hà hình trôn ốc, một vòng quay cực kỳ to lớn mà một khi đã bắt đầu quay rồi thì mọi người, kể cả những người quay theo nó, đều trở thành một khối những nguyên tử bất lực. Một tiến trình vĩ đại không ai đủ sức ngăn cản được một khi đã phát động.

Về những "nút thắt" thì sở dĩ tôi dùng là vì lý do sau: Tôi bắt đầu viết về giai đoạn 1914-1922. Nếu tôi viết lại từng chi tiết về giai đoạn này thì tập sách sẽ trở nên quá dầy, vì thế tôi chia ra thành nhiều phân cảnh mà trong đó tôi cho là diễn tiến của những biến cố đang được quyết định. Đây là những nút thắt, những thời điểm quyết liệt nhất, nơi mọi thứ tuần tự được cuộn lại và buộc thành một cái nút thắt.

Hỏi: Một nhân vật trong bộ tiểu thuyết này mà ông tỏ ra ngưỡng mộ rất nhiều là Thủ tướng Pyotr Stolypin. Ông có thể tóm tắt vai trò của Stolypin như thế nào trong lịch sử Nga?

Đáp: Điều đáng nói là trong thời gian hoạt động của Stolypin, những phe nhóm bảo thủ xem ông là kẻ phá hoại đã tàn phá đất nước Nga. Trong khi đó nhóm *Kadets* (Dân chủ Lập hiến) -- một nhóm tự gọi là cấp tiến nhưng thực ra là cực đoan trong môi trường sinh hoạt của Âu Châu -- lại gọi ông là bảo thủ. Sự thực, ông là một người cấp tiến. Ông quan niệm rằng trước khi tạo dựng được một xã hội vì dân, chúng ta hãy tạo dựng người công dân trước đã. Và vì thế, ông chủ trương nâng cao mức sống kinh tế một nông dân mù chữ trước khi nhồi nhét vào tay hắn mọi thứ quyền. Đây là một ý tưởng hết sức xây dựng. Ngoài mọi nghi ngờ, Stolypin là một nhân vật chính trị lớn trong lịch sử nước Nga vào thế kỷ 20. Và khi cuộc cách mạng xảy ra, chính chế độ tự do dân chủ của năm 1917 đã dẹp bỏ mọi chủ trương cải cách của Stopypin để trở về khởi điểm.

Trong suốt 70 năm, chúng tôi đã và đang tàn phá mọi thứ trong đất nước chúng tôi, từ đời sống người dân cho đến mọi căn bản về sinh vật, sinh môi, đạo đức, kinh tế. Một cách tự nhiên, người ta quay về quá khứ để tìm kiếm vài điểm tựa, vài ý tưởng xây dựng. Người ta tìm đây tìm đó và cuối cùng khám phá ra những tư tưởng canh tân của Stolypin và cách thức ông giải quyết vấn đề nông dân.

"Trong suốt 70 năm, chúng tôi đã và đang tàn phá mọi thứ trong đất nước chúng tôi, từ đời sống người dân cho đến mọi căn bản về sinh vật, sinh môi, đạo đức, kinh tế."

Hỏi: Xuyên qua toàn thể nền văn hóa đa tạp của Nga, ông nhìn Lenin như thế nào?

Đáp: Giữa văn hóa Nga và Lenin có rất ít sự tương đồng. Dĩ nhiên, Lenin tốt nghiệp từ một trường Trung học Nga. Ông ta chắc cũng có đọc những tác phẩm cổ điển Nga. Nhưng đầu óc ông ta bị thâm nhập bởi tinh thần chủ nghĩa Quốc tế. Ông ta không thuộc về một quốc gia nào cả. Ông ta là người của các quốc gia -- ở giữa các quốc gia. Trong năm 1917, ông ta đứng ở phía cực tả của nền dân chủ cách mạng. Mọi thứ xảy ra vào năm 1917 được hướng dẫn bởi những nhân vật chủ xướng của nền dân chủ cách mạng, nhưng những gì xảy ra lại vuột khỏi tầm tay họ. Họ đã không nhất quán đủ, đã không tàn nhẫn đủ trong khi Lenin đã tàn nhẫn và nhất quán cho đến phút chót. Trong ý nghĩa đó, sự xuất hiện của Lenin trong lịch sử Nga là một điều được tiên liệu trước.

Hỏi: Triết gia người Anh, Bertrand Russell, một người theo chủ thuyết vô thần, có gặp Lenin và mô tả Lenin là con người độc hiểm nhất mà ông từng gặp. Ông có nghĩ Lenin là người độc hiểm không?

Đáp: Tôi chưa bao giờ gặp Lenin, nhưng tôi có thể xác nhận điều này. Lenin là người độc thân một cách bất thường.

Hỏi: Theo ông, độc hiểm có nghĩa là gì?

Đáp: Không có lòng thương xót, không có nhân tính khi đến với nhân dân, với quần chúng, với bất cứ ai không tuân theo đường lối của ông ta. Người nào tách ra khỏi ông ta một chút, thí dụ như nhóm Menshevik, lập tức ông ta lật họ xuống, lăng mạ họ, dùng mọi thủ đoạn để gây thương tổn đến họ. Ông ta ghét thậm tệ những người nào không triệt để tuân thủ. Ngay cả khi chữ "độc hiểm" không được dùng trong một ý nghĩa rộng rãi, siêu hình thì ông vẫn có thể áp dụng từ ngữ đó vào Lenin với ý nghĩa thông dụng hằng ngày của nó.

Hỏi: Nhiều nhà phê bình từng lên án ông là bài Do Thái dựa trên những điều

ông miêu tả, nhân vật khủng bố Bogrov trong cuốn *Tháng Tám 1914*, và một nhà văn còn dùng những từ ngữ như "Một nghi thức mới của những bậc trưởng thượng Zion uyên bác."

Ông có phản ứng gì về những lời cáo buộc trên?

Đáp: Tôi miêu tả Bogrov bằng một đường lối hiện thực nhất, với từng chi tiết về đời sống, gia đình, ý thức hệ cũng như hành vi của hắn. Tôi công nhận những gì người anh của Bogrov diễn tả về hắn ta là đúng đắn và khả tín nhất. Tôi không hề có chủ ý làm giảm đi sự trọng đại của cái xung lực anh hùng đã khích động con người Bogrov. Tôi cho là sự áp đặt từ ngữ "bài Do Thái" lên tác phẩm *Tháng Tám 1914* là một kỹ thuật thiếu lương tâm của các con buôn. Trước đây, tôi tưởng điều này chỉ có thể xảy ra ở Liên Xô. Lúc đó quyển sách chưa ra đời vì tôi chưa muốn tung ra, nhưng người ta đã lớn tiếng gán ghép chọ nó là một quyển sách kinh tởm, mang nặng tư tưởng đế quốc, đáng khinh bỉ, đầy tính chất dấy loạn, vân vân... Sách chưa được in nên không ai kiểm chứng được những lời cáo buộc nọ.

Nhưng thực sự vấn đề ở đây là gì? Từ ngữ "bài Do Thái" thường được dùng một cách hết sức vô ý thức và cẩu thả, ý nghĩa đích thực của nó trở nên mềm ủng. Tôi xin đề nghị một định nghĩa cho từ ngữ đó như sau: "Bài Do Thái là một thái độ đầy thành kiến và thiếu công chính về quốc gia Do Thái nói chung." Nếu người ta chấp nhận được định nghĩa này thì sự việc sẽ trở nên sáng tỏ là không những không hề có tư tưởng bài Do Thái trong tác phẩm *Tháng Tám 1914* mà tư tưởng đó còn không thể nào hiện diện được trong bất cứ một tác phẩm nghệ thuật chân chính nào. Không một nghệ sĩ chân thực nào có thể đầy thành kiến và thiếu công chính về bất cứ một quốc gia nào mà không tự hủy đi toàn bộ công trình nghệ thuật của chính mình. Một tác phẩm nghệ thuật luôn luôn phải có nhiều chiều hướng, chứ không phải là một tập hợp những lý thuyết rỗng tuếch.

"Khi viết một quyển sách, người ta không thể lúc nào cũng phải tự hỏi: không biết điều này sẽ được diễn dịch ra sao? Mà phải nghĩ là: Cái gì đã xảy ra?"

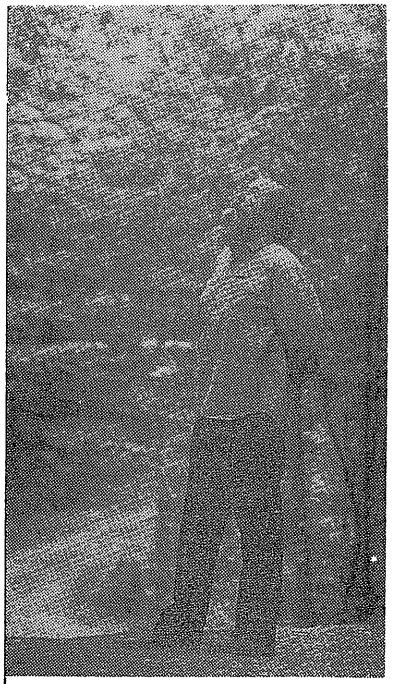

Trong tiểu thuyết của tôi không có sự tổng quát hóa về một quốc gia Do Thái. Khi viết một quyển sách người ta không thể lúc nào cũng phải tự hỏi: Không biết điều này sẽ được diễn dịch ra sao? Mà phải nghĩ là: Cái gì đã xảy ra? Bổn phận của tôi là mô tả những điều đã xảy ra.

Hỏi: Ông có tin tưởng một ngày nào đó tác phẩm *Vòng Quay Đỏ* sẽ được ấn hành ở Liên Xô?

Đáp: Tôi không chút nghi ngờ về điều đó.

Hỏi: Ông từng tuyên bố các tác phẩm của ông phải được trở về nước Nga trước khi ông muốn về.

Đáp: Vâng. Tôi đã mất 53 năm trời mới viết xong bộ *Vòng Quay Đỏ*. Tất cả những gì tôi hằng suy tưởng, hằng khám phá, mọi lao tâm khổ trí đều đi vào tác phẩm đó. Nếu tôi trở về Liên Xô trước khi quyển *Vòng Quay Đỏ* về thì tôi sẽ giống như một người câm. Không ai biết chỗ đứng của tôi ở đâu. Tôi sẽ không biểu lộ được điều gì. Chỉ khi nào quyển sách được đọc thì chúng tôi mới có thể nói chuyện với nhau được. Quyển sách phải có mặt trong mọi tiệm sách ở Liên Bang Xô Viết.

Nhưng, một cách tổng quát hơn, sự trở về của tôi không do tôi hoàn toàn quyết định. Nhà cầm quyền Liên Xô vẫn chưa bãi bỏ bản án phản quốc mà họ gán lên tôi. Ở phần đất đó, tôi vẫn bị xem là một tội phạm đã phản bội chính đất nước mình.

(Đến đây bà Natalya Solzhenitsyn xen vào:)

Trước hôm lên đường lưu vong một ngày, chồng tôi chính thức bị kết tội phản quốc. Cho đến bây giờ, điều này vẫn chưa được thay đổi.

Solzhenitsyn tiếp tục: Và rồi, thay vì mang tôi ra bắn, họ lưu đày tôi khỏi xứ sở.

Hỏi: Ông có nói ông là nhà văn thuộc truyền thống thế kỷ 19 của Nga. Ông muốn ám chỉ điều gì ở đây?

Đáp: Điều đó không có nghĩa là tôi theo sát với văn loại và kỹ thuật của giai đoạn này. Khác xa lắm. Chất liệu viết của tôi hoàn toàn khác thường và đòi hỏi văn loại riêng, kỹ thuật riêng của nó. Nhưng điều tôi

muốn ám chỉ khi tuyên bố như vậy là sự duy trì tinh thần trách nhiệm đối với độc giả, đối với đất nước và đối với chính bản thân tôi. Tinh thần đó được tìm thấy trong dòng văn học Nga ở thế kỷ 19. Họ viết rất có trách nhiệm. Họ không xem việc viết văn là một trò chơi.

Hỏi: Tiểu thuyết gia Mỹ, Henry James, có lần mô tả tiểu thuyết Nga là một con "quái vật khổng lồ, lỏng lẻo và lòng thòng." Tác phẩm trường thiên *Vòng Quay Đỏ* của ông dầy đến vài ngàn trang, dài hơn quyển *Chiến Tranh và Hòa Bình* nhiều lần. Cái gì ở văn chương Nga đòi hỏi một tác phẩm tiểu thuyết phải dài hơn bình thường như ở các quốc gia khác.

Đáp: Tôi công nhận tác phẩm của tôi là một tác phẩm rất dài. Có câu ngạn ngữ: Người lãng quên lịch sử là người tái diễn lịch sử. Nếu chúng tôi không thuộc lịch sử của chính chúng tôi thì chúng tôi sẽ phải chịu đựng thêm một lần nữa tất cả những lầm lẫn, những hy sinh, những phi lý tương tự. Quyển sách này được viết ra không phải để đọc qua một cách dễ dàng, không phải để tìm sự thích thú mà để thấu hiểu lịch sử. Và để thấu hiểu lịch sử, tôi cảm thấy là độc giả của tôi nhất định cần quyển sách này.

Hỏi: Do đó, dưới cái nhìn của ông, văn chương vẫn tiếp tục phải có một mục đích đạo đức, triết lý và chính trị rất cao?

Đáp: Đúng vậy. Ở Nga, từ xưa đến giờ vẫn thế.

Hỏi: Ông được so sánh với cả Tolstoy lẫn Dostoyevsky, về phạm vi những chủ đề fng nêu lên lẫn sự luận bàn về tâm lý và ý tưởng của các nhân vật trong truyện. Xin ông cho biết mối tương quan giữa ông và hai tác giả này.

Đáp: Trong tôi có một cảm giác rất mạnh mẽ ngưỡng phục lẫn gần gũi với cả hai người, mặc dù mỗi người mỗi khác. Tôi gần với Tolstoy hơn ở thể loại kể truyện, ở cách chuyển đạt chất liệu, ở sự phong phú dàn trải nhân vật cũng như hoàn cảnh. Nhưng tôi lại thấy gần với Dostoyevsky hơn ở khả năng thông hiểu và diễn dịch lịch sử.

Hỏi: Ông có cảm tưởng định mệnh chờ đón ông, ngay khi còn rất trẻ, khiến ông trở thành một nhà văn để viết, để thế giới biết về những điều vô cùng hệ trọng?

Đáp: Hiển nhiên là như vậy, có một thứ trực giác nào đó. Chúng tôi không biết nó đến từ đâu, nhưng chúng tôi có nó trong người. Từ năm lên 9 tôi đã biết là tôi sẽ trở thành một người viết văn, mặc dù lúc đó tôi không hề có một ý niệm gì về những điều mình sẽ viết. Một thời gian ngắn sau đó, tôi bị đốt cháy bởi chủ đề cách mang, và vì thế, bắt đầu từ năm 1936, khi tôi 18 tuổi, tôi chưa bao giờ do dự về chủ đề viết của tôi, và không một điều gì có thể làm tôi chuyển hướng được. Đôi khi ta có một khả năng tiên đoán rất kỳ lạ, thí dụ, khi tôi mô tả tướng Alexander Krýmov. Không biết điều gì về ông ta cả, tôi tưởng tượng ra và phác họa con người ông ta. Sau đó tôi biết được là tôi đã mô tả ông ta như thể tôi đã gặp ông ta vậy. Thực là kinh ngạc những gì tôi đoán về ông ta đều gần đúng.

Hỏi: Trong thời niên thiếu, có lúc ông đã là một người Cộng sản đầy tin tưởng, một đoàn viên trong Đoàn Thanh niên Cộng sản *Komsomol*. Ông đã thay đổi như thế nào để trở thành một người tin tưởng vào Thiên Chúa Gia Tô giáo?

Đáp: Để tôi chữa lại một điều sai lầm ở đây. Tôi được dậy dỗ bởi cha mẹ và gia đình tôi trong tinh thần đạo Gia Tô, và gần như trong suốt thời gian đi học, đến năm 17, 18 tuổi, tôi luôn luôn đối kháng với nền giáo dục Xô viết. Tôi phải che giấu điều này không để ai hay biết. Nhưng sức manh của chủ nghĩa Mác-xít, đang bành trướng ở Xô-viết, đã va chạm mạnh mẽ và từ từ thấm nhập vào, chế ngự đầu óc một thanh niên trẻ. Từ năm 17,18 tuổi, trong tôi đã có sự thay đổi và từ đó tôi trở thành một người Mác-xít, một người Lê-nin-nít tin tưởng vào tất cả những điều này. Tôi sống như vậy trong suốt thời gian học đại học, thời gian chiến tranh và cho đến khi tôi đi tù. Nhưng ở trong nhà tù, tôi gặp gỡ rất nhiều hạng người. Tôi thấy là niềm tin tưởng của tôi thiếu hẳn một căn bản vững chắc, không thể đứng vững khi dối đầu và tôi đã phải chối bỏ nó. Rồi nỗi thắc mắc dấy lên quanh câu hỏi là tôi có nên trở về với những gì tôi học được khi còn bé không. Phải mất đến một năm trời. Người khác có ảnh hưởng tôi phần nào nhưng căn bản là sự trở về những gì tôi tin tưởng trước đó. Sự kiện tôi đau ốm tưởng không thoát được cái chết cũng gây chấn động một cách sâu đậm nơi tôi. Năm 34 tuổi, tôi hồi sinh sau khi được cho biết là bệnh tình vô phương cứu chữa. Những xáo trộn như vậy luôn luôn va chạm mạnh vào lòng tin của con người.

"Trong suốt 300 năm vừa qua của tiến trình văn minh Tây phương, bổn phận bị quét đi và quyền lợi bành trướng. Nhưng chúng ta có hai lá phổi. Ông không thể thở bằng một lá, còn lá kia để yên."

Hỏi: Ý tưởng của ông về đức tin nơi Thiên Chúa, dưới dạng giáo hội Chính thống Nga, lẫn tinh thần chủ nghĩa quốc gia Nga khiến nhiều nhà phê bình lên án ông là ái quốc cực đoan và bài ngoại. Ông có là một người quốc gia không, và điều này có ý nghĩa gì đối với ông?

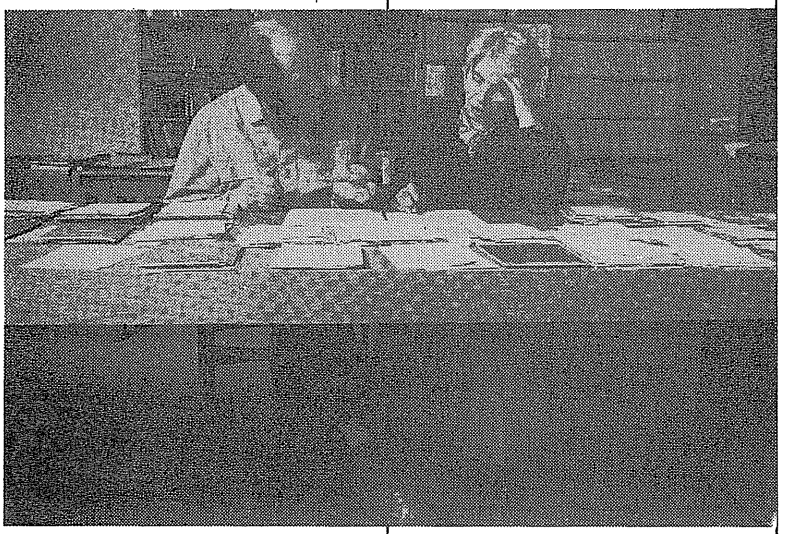

Đáp: Quả là phi thường những điều láo khoét người ta nói về tôi. Để tôi kể cho ông nghe một vài điều người ta kết án tôi: "Tôi là người chủ trương chính trị thần quyền, tôi muốn quốc gia phải được cai trị bởi giai cấp tăng lữ." Nhưng tôi có bao giờ viết ra những điều như vậy đâu. Còn nữa, tôi là người hoài vọng chế độ Nga Hoàng và tôi muốn nước Nga cộng sản quay về chế độ quân chủ như thời Nga hoàng. Bên cạnh sự kiện chỉ có một tên ngốc mới nghĩ là người ta có thể đem quá khứ về, tôi chẳng bao giờ đặt bút viết những lời lẽ kiểu đó cả. Không bao giờ tôi viết chế độ quân chủ là một thể chế lý tưởng. Mọi thứ bắt nguồn từ sự kiện ở Xô viết, Nga hoàng Nicholas Đệ nhị bị xem không phải là giống người. Người ta hạ ông xuống ngang hàng với con khỉ, với một kẻ đáng khinh bỉ hết mực. Nhưng tôi đã mô tả ông như một nhân vật thực, một con người. Nói cách khác, tôi đã đi trệch ra những gì được xem là bình thường.

Có người cố tình bóp méo sự thực, có người không muốn phiền hà kiểm chứng lại xem có đúng không. Thực là phi thường. Tôi thấy xấu hổ cho những người gọi là ký giả. Không còn ai thèm trích dẫn nguyên văn nữa.

Điều này cũng đúng với lời cáo buộc tôi là một người quốc gia. Tôi là người yêu nước. Tôi yêu đất nước tôi. Tôi muốn đất nước tôi hồi sinh vì nó quá bệnh hoạn, vì trong suốt 70 năm trời nó bị tàn phá và nó đang nằm bấp bênh giữa bờ sinh tử. Nhưng điều này đâu khiến tôi trở thành một người quốc gia. Tôi không muốn tạo giới hạn cho một ai cả. Mỗi xứ sở đều có những người yêu nước riêng quan tâm đến định mệnh đất nước mình.

Hỏi: Ông giải thích như thế nào về những cảm quan không mấy êm dịu đối với quan điểm của ông?

Đáp: Ở Âu Châu có nhiều phản ứng khác nhau về tôi. Nhưng ở Liên Xô cũng như ở Mỹ, sự việc giống như một hệ thống giây chuyền: mọi ý kiến về tôi đều rập khuôn như nhau. Ở Liên Xô, tôi có thể hiểu được. Đó là vì Bộ Chính trị. Họ nhấn một cái nút, và mọi người đồng thanh nói những gì Bộ Chính Trị ra lệnh. Nhưng ở Mỹ thì thời trang là cái gì rất quan trọng. Nếu ngọn gió thời trang thổi về chiều nào thì mọi người đều viết theo chiều đó với một sự đồng ứng tuyệt hảo. Quả là một điều đặc biệt tuyệt diệu.

Trong bài diễn văn đọc ở Harvard (năm 1978) tôi bày tỏ quan điểm của tôi về sự nhu nhược của nước Mỹ, trong bụng nghĩ là một thể chế dân chủ thì phải thèm khát được nghe lời chỉ trích và sẽ chấp nhận nó. Có lẽ nền dân chủ có thích và muốn được chỉ trích nhưng báo chí thì nhất định là không. Báo chí trở nên rất khó chịu, và từ đó trở đi, tôi biến thành kẻ thù của báo chí Mỹ vì tôi đã sờ mó vào cái điểm yếu rất tế nhị đó của họ. Có người còn nói "Tại sao giới lãnh đạo của chúng ta lại cho hắn vào xứ sở này một cách dễ dàng như vậy? Lẽ ra đừng cho hắn vào mới đúng."

Tôi phải nói đây là điều rất đáng buồn, bởi vì chủ đề của bài diễn văn Harvard -- "Một Thế Giới Chia Cắt" -- rất quan trọng cho lối nghĩ ở Mỹ cũng như ở Tây phương. Đó là: thế giới này không phải là một đường thẳng đơn điệu cũng không phải được cấu tạo bởi những phần tử đồng chất nhất loạt quy về một con đường duy nhất. Lỗi lầm của Tây phương, và đây cũng là câu mở đầu bài diễn văn Harvard, là ai nấy đều thẩm định các nền văn minh khác bằng trình độ họ dùng để ước lượng văn minh Tây phương. Nếu không làm như thế họ trở nên bất lực, xuẩn ngốc, phản động, và không được kể vào. Quan điểm này thực là nguy hiểm.

Hỏi: Ngày nay, ở Liên Xô và khắp thế giới Cộng sản đang xảy ra những biến cố vô cùng trọng đại. Tại sao ông lại chọn thái độ im lặng trước những biến chuyển này?

Đáp: Nếu tôi bắt đầu im lặng khi những biến đổi này mới chớm mào thi có thể đó là điều khá ngạc nhiên. Nhưng tôi đã như thế từ năm 1983, trước khi có một dấu hiệu nào về những biến đổi này. Tôi phải ngưng công việc tôi đang làm để trở thành một nhà bình luận chính trị ư? Tôi không muốn làm điều đó. Tôi đã ngoài 70 rồi và tuổi tác đang đè nặng lên tôi.

Hỏi: Ông từng tuyên bố đời sống đạo đức của Tây phương suy thoái trong suốt 300 năm qua. Ông muốn nói gì ở đây?

Đáp: Có sự tiến bộ về kỹ thuật, nhưng không phải vì thế mà cũng có sự tiến bộ về nhân văn. Trong bất cứ một nền văn minh nào sự tiến bộ này bao giờ cũng rất phức tạp. Văn minh Tây phương - Gia Tô, lúc trước được gọi là Tây phương, nhưng nay đúng hơn phải gọi là Tây phương - Tà đạo, phát triển mạnh về khoa học và đời sống tinh thần, tri thức nhưng lại có sự mất mát về căn bản đạo đức của xã hội. Trong suốt 300 năm vừa qua của tiến trình văn minh Tây phương, bổn phận bị quét đi và quyền lợi bành trướng. Nhưng chúng ta có đến hai lá phổi. Ông không thể thở bằng một lá còn lá kia để yên. Chúng ta phải đặt bổn phận và quyền lợi ngang nhau. Nếu luật pháp không ràng buộc thì chúng ta phải tự kiểm soát lấy chúng ta. Xã hội Tây phương được xây đắp dựa trên ý tưởng là mỗi cá nhân phải biết tự chế. Mọi người phải ý thức được những gì có thể làm và những gì không thể làm. Luật pháp tự nó không ràng buộc con người để từ đó thứ duy nhất chúng ta bành trướng là quyền lợi, quyền lợi, quyền lợi trong lúc lãng quên đi bổn phvn.

Hỏi: Hơn tất cả mọi thứ khác, tiếng tăm của ông trong văn chương thế giới dính liền với những điều ông viết về các trại lao động ở Xô Viết. Có phải kinh nghiệm sống qua các trại này đã cho ông sự thông hiểu về đời sống Xô viết mà ông sẽ không sao có được nếu ông ở bên ngoài?

Đáp: Đúng thế, bởi vì ở những cảnh huống như vậy nhân tính trở nên vô cùng rõ rệt. Tôi thấy may mắn đã từng sống qua các trại lao động như vậy -- và nhất là lại sống sót mà trở về.

TRỊNH Y THƯ

Chú thích của người dịch:
Từ ngữ "quốc gia" dùng trong lịch sử và văn hóa Nga mang một ý nghĩa xấu. Nó ám chỉ các thành phần quốc gia cực đoan Nga, thân chính quyền, mang nặng dầu óc kỳ thị và bài xích các sắc dân thiểu số khác.

LƯNG CHỪNG

Lưng chừng tuổi bốn mươi
tất cả mọi diều trở nên sung mán
ngay cả niềm khổ lụy thuần thành
không còn nỗi chi nghi hoặc
lao đời đi chuyến tàu tốc hành
quằn quại dường song sắt
Có khi đời lắng trầm
như mặt nước hồ Đông Bắc
Mặt trời nở tươi ra những vạt nắng ngày đông
lạnh buốt rát
mặt - mặt ửng hồng
Lưng chừng tươi bốn mươi chiều cao huyết áp
những sợi máu căng chùng
trên vóng mô những sinh vật vi ti trở về
trần gian trở về nơi khuấy động
sấp ngửa trận cười - buồn vui cực lực
Có phải sắp biết hết mọi diều
mỗi phút giây gắn liền sinh hóa
qua những hố hang vạn vật chui luồn
những triều nghiêng đá nhọn tâm linh
ngã bất thần bờ gai bụi cỏ
những dấu trường canh nhạc bản trần tình
hồn nhiên lên, tấu khúc!
ở
lưng chừng tuổi bốn mươi

HOÀNG XUÂN SƠN

Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy trả lời phỏng vấn của Thế Kỷ 21

"SANH RA TRONG THỜI LOẠN LẠC TÔI PHẢI DẤN THÂN VÀO CHÍNH TRỊ"

LÊ ĐÌNH ĐIỂU và
HOÀNG KHỞI PHONG thực hiện

LTS.- Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy, 65 tuổi, chủ tịch Ban Chấp Hành Trung Ương Liên Minh Dân Chủ Việt Nam, sau gần 45 dấn thân vào "đấu tranh chính trị," vẫn là một "anh hùng chưa thấm mệt." Hiện cư ngụ tại Revere, tiểu bang Massachusetss (miền đông bắc Hoa Kỳ), giáo sư Huy thường đi đó đây, từ các tiểu bang trong nước Mỹ đến các nước Âu Châu, Á Châu, Úc Châu... để "du thuyết" hoặc huấn luyện cán bộ.

Trong lúc đó, ông cũng không ngừng nghiên cứu và viết sách. Bộ sách The Le Code *do ông dịch và chú giải cùng Tạ Văn Tài, đã trở thành một bộ sách tham khảo quốc tế. Đầu năm 1985, ông cũng đã gây được sự ngạc nhiên, thán phục trong cộng đồng Việt Nam hải ngoại, khi lần đầu tiên ông tái bản tập thơ* Hồn Nước *dưới bút hiệu Đằng Phương.*

Nguyễn Ngọc Huy, con người đa tài, đa dạng, nghĩ gì về hiện tình cộng đồng, đất nước và thế giới -- và về chính ông? Mời bạn đọc theo dõi cuộc phỏng vấn do Hoàng Khởi Phong và Lê Đình Điểu thực hiện.

Hỏi: Xin giáo sư cho độc giả của Thế Kỷ 21 biết về một vài nét về tiểu sử.

Đáp: Tôi sanh năm 1924 tại Chợ Lớn (Bịnh Viện Chợ Rẫy), nhưng quê quán là tỉnh Biên Hòa. Thuở nhỏ, tôi học cấp tiểu học ở trường làng tôi là xã Mỹ Lộc, và học cấp 2 tiểu học ở trường tại quận lỵ quận Tân Uyên, rồi học cấp cao đẳng tiểu học ở trường trung học Petrus Ký. Năm 1943, tôi làm thư ký tại Tòa Hành Chánh tỉnh Cần Thơ.

Khi trẻ, tôi rất thích thơ và sử. Tôi nhận thấy trong văn học Việt Nam, thơ hùng tráng thật hiếm có nên nuôi mộng làm nhà thơ hùng tráng viết bài ca tụng các danh nhơn và các công nghiệp lớn của dân tộc Việt Nam. Từ 1943 đến 1945, tôi đã viết một số thơ loại này với bút hiện Đằng Phương, nhưng chưa đăng báo nào. Tôi đã đánh mất bản thảo các tác phẩm đã viết cuối năm 1945 và chỉ còn nhớ để chép lại các bài ngắn như Dòng Nước Sông Hồng, Chiến Sĩ Triều Trần, Bản Hành Quân Của Trương Phụ, Gởi Nguyễn Du..., còn bài thơ dài ca ngợi triều Tây Sơn và Vua Quang Trung thì không sao nhớ hết nổi nên đành chịu thất lạc luôn.

Từ đầu năm 1945, tôi đã gia nhập Đại Việt Quốc Dân Đảng (ĐVQDĐ) để tranh đấu cho nền độc lập của dân tộc Việt Nam. Nhờ đó, khi Việt Minh nắm chánh quyền, tôi đã biết đó là một tổ chức của Cộng Sản, đồng thời cũng được cho biết về đường lối thật sự của Cộng Sản. Vì vậy, tôi chỉ ở trong phong trào kháng chiến của Việt Minh trong một thời gian ngắn rồi về thành. Từ 1946, tôi về Sài Gòn, làm việc trong Thư Viện Quốc Gia và ban đêm, ngủ lại trong sở luôn. Trong thời kỳ này, anh em trong Xứ Bộ Nam Việt của ĐVQDĐ giao cho tôi nhiệm vụ viết tài liệu chánh trị cho đoàn thể và viết bài cho tờ báo của đoàn thể là tờ *Thanh Niên* (cơ quan chánh thức của Thanh Niên Bảo Quốc Đoàn, một tổ chức ngoại vi của Xứ Bộ Nam Việt ĐVQDĐ) và tờ *Đuốc Việt*. Đây là thời kỳ tôi sáng tác nhiều nhứt. Các bài khảo cứu và bình luận chánh trị được tôi

ký dưới bút hiệu Hùng Nguyên, các bài trào phúng được ký dưới bút hiệu Cuồng Nhân (báo *Thanh Niên)* và Ba Xạo hay Tử Xạo (báo *Đuốc Việt).* Vì có lời giao hẹn với anh em trong báo *Đuốc Việt* là tất cả đều phải dùng một bút hiệu có chữ Việt bên trong nên các bài thơ đăng *Đuốc Việt* đã được ký với bút hiệu Việt Tâm, chỉ đến năm 1953, khi họp tập một số bài thơ đã đăng báo trong tập thơ Hồn Việt, tôi mới dùng lại bút hiệu Đằng Phương.

Hỏi: Vừa đi làm, vừa viết văn, viết báo, các hoạt động chính trị của ông trong giai đoạn này ra sao?

Đáp: Năm 1949, tôi bỏ sở làm để hoạt động toàn thời gian cho đoàn thể. Trong thời gian này, tôi đã làm huấn luyện viên chánh trị cho Trường Cán Bộ Thanh Niên Nha Trang lúc Anh Nguyễn Tôn Hoàn làm Bộ Trưởng Thanh Niên, và năm 1951, tôi được anh em đưa ra hoạt động với chi nhánh của Thanh Niên Bảo Quốc Đoàn ở Bắc Việt. Năm 1951, Thanh Niên Bảo Quốc Đoàn bị chánh phủ Nguyễn Văn Tâm giải tán, tôi trở về Sài Gòn và dạy quốc văn ở trường trung học tư thục Lê Bá Cang. Lúc này, vì công tác của đoàn thể có ít nên nhơn lúc có thì giờ dư, tôi tự học để thi lấy bằng tú tài Việt Nam.

Năm 1953, ĐVQDĐ đã hợp tác với Ông Ngô Đình Nhu và một số nhơn sĩ cùng đoàn thể quốc gia khác thành lập Phong Trào Đoàn Kết Hòa Bình, đòi hỏi Pháp phải trả thực quyền cho Việt Nam và Quốc Trưởng Bảo Đại phải dân chủ hóa chế độ. Lúc ấy, tôi được chỉ định làm liên lạc viên giữa Anh Nguyễn Tôn Hoàn với Ông Ngô Đình Nhu. Khi Ông Ngô Đình Diệm về nước cầm quyền, Ông Ngô Đình Nhu đã không giữ lời cam kết trong Phong Trào Đoàn Kết Hòa Bình là lập một chánh phủ liên hiệp với các đoàn thể quốc gia và dân chủ hóa chế độ, mà lại chủ trương thiết lập một thể chế độc tài và đàn áp các đoàn thể quốc gia. Anh Nguyễn Tôn Hoàn đã phải rời Việt Nam sang Pháp.

GS Nguyễn Ngọc Huy trong cuộc phỏng vấn dành cho báo *Người Việt*

Hỏi: Ông đã cùng đi với ông Hoàn?

Đáp: Năm 1955, tôi được anh em chỉ định đi Pháp để phụ giúp anh Nguyễn Tôn Hoàn đồng thời để học hỏi thêm. Tôi đã ghi tên học Trường Khoa Học Chính Trị Paris lúc đó đổi tên lại là Viện Nghiên Cứu Chánh Trị Paris và Trường Đại Học Luật Khoa và Khoa Học Kinh Tế Paris. Tôi đỗ bằng tốt nghiệp Viện Nghiên Cứu Chánh Trị Paris năm 1958, Cử Nhơn Luật Khoa năm 1959, Cao Học Chánh Trị năm 1960 và Tiến Sĩ Chánh Trị Học năm 1963. Tôi vừa đỗ bằng này thì chánh quyền Ngô Đình Diệm bị lật đổ và tôi trở về Sài Gòn trong tháng 11 năm 1963.

"Ông Ngô Đình Nhu đã không giữ lời cam kết (...) là lập một chính phủ liên hiệp với các đoàn thể quốc gia và dân chủ hóa chế độ..."

Hỏi: Về nước, ông đã tham chánh, hay lại vừa làm báo vừa dạy học?

Đáp: Sau cuộc chỉnh lý chánh phủ Ông Dương Văn Minh ngày 30 tháng 1 năm 1964, anh Nguyễn Tôn Hoàn được mời làm Phó Thủ Tướng Đặc Trách Bình Định và anh đã nhờ tôi giữ chức Đổng Lý Văn Phòng cho anh. Khi Tướng Nguyễn Khánh tung ra Hiến Chương Vũng Tàu để xây dựng lại chế độ độc tài, ĐVQDĐ đã chống lại. Tướng Nguyễn Khánh nghĩ rằng nếu Anh Nguyễn Tôn Hoàn và tôi còn ở lại trong nước thì ông ta không thể điều khiển được các sĩ quan thuộc ĐVQDĐ. Do đó, ông ta đã bắt Anh Nguyễn Tôn Hoàn và tôi rời Việt Nam. Tôi đã sống lưu vong ở Hongkong và ở Nhựt trong hai tháng 9 và 10 năm 1964. Khi Tướng Nguyễn Khánh trao quyền lại cho hai Ông Phan Khắc Sửu và Trần Văn Hương, tôi trở lại về Sài Gòn hoạt động với anh em.

Hỏi: Vụ ông tách rời khỏi ĐVQDĐ đầu đuôi ra sao?

Đáp: Trong năm 1964 các anh em trong ba Xứ Bộ Bắc, Trung và Nam Việt của ĐVQDĐ đã có những bất đồng quan điểm lớn: anh em trong Xứ Bộ Nam Việt chủ trương phải theo đường lối dân chủ và thành thật hợp tác với các đoàn thể quốc gia khác thì mới giữ được cho Miền Nam Việt Nam khỏi mất trong tay Cộng Sản. Anh em hai Xứ Bộ Bắc và

Trung Việt thì muốn duy trì đường lối cũ của ĐVQDĐ. Nhận thấy rằng đã có sự bất đồng ý kiến sâu rộng như vậy mà vẫn cứ giữ danh hiệu cũ của Đảng thì không tránh khỏi sự xung đột với các đồng chí cũ vì mỗi bên đều cho rằng mình mới phải là đại diện chánh thống của đoàn thể, tôi đã thuyết phục các anh em trong Xứ Bộ Nam Việt của ĐVQDĐ thành lập một chánh đảng mới tên là Tân Đại Việt. Đảng này đã tham dự các hoạt động chánh trị của Miền Nam Việt Nam, nhưng vẫn giữ tánh cách bí mật.

Hỏi: Chúng tôi được biết ông cũng là người sáng lập Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến. Phong Trào này có phải là "hậu thân" của Tân Đại Việt?

Đáp: Năm 1969, nhận thấy Miền Nam Việt Nam đã có một Hiến Pháp tương đối dân chủ, mà trong chế độ dân chủ, chánh đảng phải hoạt động công khai, anh em Tân Đại Việt đã cùng một số nhợn sự độc lập và anh em một số đoàn thể khác, đặc biệt là anh em Việt Nam Quốc Dân Đảng, họp tác nhau thành lập Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến (PTQGCT) mà tôi là Tổng Thư Ký. Lập trường của PTQGCT từ khi thành lập đến năm 1975 là ủng hộ chánh phủ quốc gia trong việc đối phó với cộng sản, nhưng không tham dự chánh phủ và đòi hỏi chánh phủ phải áp dụng đúng các qui tắc dân chủ và chấm dứt nạn tham nhũng cũng như nạn đưa bè phái bất tài nắm các chức vụ quan trọng.

Hỏi: Trong lúc hoạt động chánh trị đảng phái như vậy, ông có làm việc cho chính phủ không?

Đáp: Từ năm 1965, tôi vào làm giáo sư Học Viện Quốc Gia Hành Chánh, dạy về Chánh Trị Học và Luật Hiến Pháp và đồng thời làm giảng viên ở nhiều Viện Đại Học khác: Viện Đại Học Đà Lạt, Viện Đại Học Huế, Viện Đại Học Cần Thơ, Viện Đại Học Vạn Hạnh, Viện Đại Học Minh Đức, Trường Đại Học Sư Phạm Sài Gòn. Tôi cũng được mời làm giảng viên ở các trường quân sự như Trường Cao Đẳng Quốc Phòng, Trường Chỉ Huy Tham Mưu Cao Cấp, Trường Đại Học Chiến Tranh Chánh Trị. Năm 1967, tôi được mời làm Khoa Trưởng Trường Đại Học Luật Khoa và Khoa Học Xã Hội Cần Thơ.

Năm 1968, tôi được mời tham dự Phái Đoàn VNCH trong cuộc đàm thoại ở Paris nên từ chức Khoa Trưởng Trường Đại Học Luật Khoa và Khoa Học Xã Hội Cần Thơ. Đến Paris, tôi nhận thấy Cộng Sản Việt Nam (CSVN) chỉ dùng cuộc đàm thoại làm một diễn đàn để tuyên truyền sau khi giúp Phái Đoàn VNCH xây dựng một hệ thống lý luận để đấu khẩu với chúng, và đi một vòng các nước Âu Châu để trình bày cho kiều bào biết về tình thế chung và lập trường của VNCH, tôi lại trở về Sài Gòn hoạt động với anh em. Năm 1973, tôi lại được mời tham dự Phái Đoàn VNCH tham dự hội nghị La Celle Saint Cloud và cũng chỉ ở Pháp mấy tháng rồi trở về Việt Nam.

Hỏi: Ông rời Việt Nam năm nào, và làm gì từ đó đến nay?

Đáp: Từ năm 1975, tôi sang Hoa Kỳ và vào làm việc khảo cứu cho Trường Đại Học Luật Khoa Harvard. Trong mấy năm đầu, công tác chánh của tôi tại trường là tham dự việc dịch ra tiếng Anh và chú thích bộ luật nhà Lê thường được biết dưới tên là Luật Hồng Đức, nhưng thật sự, như tôi đã phát giác sau khi nghiên cứu kỹ, đã được Ông Nguyễn Trãi soạn thảo vào đầu đời Lê. Bản dịch và chú thích này đã được Ohio University Press ấn hành năm 1987 dưới tên là The Lê Code. Ngoài ra, tôi vẫn tiếp tục công cuộc tranh đấu chống cộng. Từ 1981, tôi đã cùng các anh em PTQGCT và nhiều nhơn sĩ độc lập hợp tác nhau thành lập Liên Minh Dân Chủ Việt Nam (LMDCVN) và được bầu làm Chủ Tịch Ủy Ban Chấp Hành Trung Ương của tổ chức này. Hiện nay, LMDCVN đã móc nối được với các anh chị em còn ở lại trong nước và đã có tổ chức cơ sở ở Hoa Kỳ, Canada, Úc Đại Lợi và các nước Tây Âu. Sau khi LMDCVN được thành lập, tôi không còn làm việc toàn thời gian cho Trường Đại Học Luật Khoa Harvard nữa, chỉ còn giữ chơn nghiên cứu tại đó để có thể sử dụng các tiện nghi của Trường như thư viện v.v...

"... vì mỗi bên đều cho rằng mình mới là đại diện chính thống (...), tôi đã thuyết phục các anh em (...) thành lập Tân Đại Việt."

Hỏi: Xin cho biết quan điểm của giáo sư về sự thay đổi của khối Cộng ở Nga, Đông Âu và mới đây nhất là Trung Cộng sau vụ Thiên An Môn.

Đáp: Nói chung thì cả thế giới cộng sản hiện đang lâm vào một cuộc khủng hoảng lớn. Sau một thời kỳ bành trướng thế lực rất mạnh nhờ sức mạnh bạo tàn và sự lừa bịp, Cộng Sản Quốc Tế đã gặp những khó khăn nan giải. Đặc biệt, vì chế độ cộng sản không có động cơ cho người dân tận lực hoạt động sản xuất nên nền kinh tế các nước cộng sản không thể phát triển được. Nhà cầm quyền Liên Sô cũng như Trung Cộng đều nhận chân rằng nếu duy trì chế độ đương hữu và chánh sách mà họ đã áp dụng trước đây, họ sẽ hoàn toàn thua cc nước kỹ nghệ hóa Tây Phương về mặt kinh tế và các ưu thế chánh trị và quân sự hiện nay của họ cũng sẽ mất luôn. Bởi đó, họ nhứt định phải

cải cách và tung ra chủ trương *tái thiết cơ cấu* (Liên Sô) hay *hiện đại hóa* (Trung Cộng). Nhưng muốn thành công trong sự cải cách, người cộng sản phải chấp nhận tự do hóa chế độ và từ bỏ chủ nghĩa Lenin vì thực tế đã chứng tỏ rằng chủ trương độc tài toàn diện của chủ nghĩa này không thích ứng với trình độ kỹ thuật của thế giới ngày nay. Khốn nỗi, chánh quyền của người cộng sản lại đặt nền tảng trên chủ nghĩa Lenin. Đối với họ, từ bỏ chủ nghĩa này cũng chẳng khác nào hủy phá nền tảng chánh quyền của họ. Bởi đó, họ một mặt chủ trương cải cách, một mặt xác nhận là họ trung thành với chủ nghĩa Lenin. Kết quả là họ loay hoay mãi mà không tìm được lối thoát và càng ngày càng lún sâu vào các khó khăn. Tuy nhiên, tình thế Liên Sô và Trung Cộng có nhiều chỗ khác nhau.

Nhà lãnh đạo Liên Sô Gorbachev đã vì sự chống báng ngầm của bộ máy Đảng mà không thực hiện được các cải cách kinh tế ông chủ trương. Để phá vỡ lực lượng bảo thủ cản trở ông, ông phải áp dụng một chánh sách tương đối cởi mở về chánh trị. Nhưng người dân Liên Sô đã nhơn cơ hội tương đối tự do hơn trước, đã đưa ra nhiều yêu sách: thiểu số đòi quyền tự trị, công nhơn đòi tăng lương. Do đó, Liên Sô gặp rất nhiều khó khăn: trong khi nền kinh tế chưa cải thiện được mà yêu sách của dân chúng lại cứ tăng lên thì không tài nào các nhà cầm quyền Liên Sô có thể giải quyết vấn đề phát triển kinh tế và sự bất ổn chánh trị sẽ cứ gia tăng chớ không giảm thiểu được.

Nhà lãnh đạo Trung Cộng Đặng Tiểu Bình trái lại, đã thực hiện được sự cải cách về mặt nông nghiệp, nhưng không chấp nhận sự cởi mở về mặt chính trị. Do một hoàn cảnh đặc biệt mà phong trào đòi tự do hóa của sinh viên Bắc Kinh đã lớn mạnh lên quá mức tưởng tượng và Đặng Tiểu Bình đã phải dùng sự đàn áp bạo tàn để duy trì chánh quyền mình. Hiện nay, ông ta vẫn làm chủ tình thế, nhưng Trung Cộng sẽ không thể yên ổn lâu dài. Trước vụ thảm sát Thiên An Môn, sự cải cách kỹ nghệ và thương mãi đã gặp những trở lực lớn rồi. Với vụ thảm sát đó, các nước kỹ nghệ hóa Tây Phương sẽ bớt sự đầu tư và giúp đỡ về tài chánh và kỹ thuật và tình trạng kinh tế nói chung sẽ suy xụp. Điều này sẽ làm cho tình trạng xã hội sẽ suy sụp theo. Ông Đặng Tiểu Bình nay đã quá già yếu rồi. Khi ông chết đi, sẽ không còn lãnh tụ nào đủ khả năng duy trì tình thế hiện tại và Trung Cộng cũng sẽ lâm vào cảnh bất ổn chánh trị như Liên Sô.

Hỏi: Phải chăng đó cũng là vấn đề của các nước cộng sản nói chung?

Đáp: Các nước Đông Âu lại ở trong tình trạng đặc biệt hơn. Các nước này đã bị Liên Sô biến thành chư hầu từ sau Thế Chiến II và bị cột buộc vào Liên Sô về các mặt chánh trị, quân sự và kinh tế. Trừ Bảo Gia Lợi -- vốn đã được người Nga giúp để thoát khỏi ách đô hộ của người Thổ Nhĩ Kỳ hồi thế kỷ thứ 19 nên có thiện cảm với Nga --, người các nước chư hầu khác đã chống lại Liên Sô vì vừa ghét cộng sản, vừa ghét người Nga và Liên Sô đã phải nhiều lần gởi quân sang đàn áp các cuộc nổi dậy của dân chúng Đông Âu.

Riêng ở Hung Gia Lợi thì cuộc nổi dậy năm 1956 đã do chính một lãnh tụ cộng sản chủ xướng. Để làm dịu bớt sự chống đối, sau khi đàn áp cuộc nổi dậy này, Liên Sô đã đặc cách cho người Hung có một chánh sách cởi mở về kinh tế. Nhờ đó, người Hung đã có một nếp sống tương đối cao hơn các nước Đông Âu khác (trừ Đông Đức). Tuy nhiên, vì chế độ cộng sản vẫn được duy trì nên nền kinh tế Hung không phát triển mạnh được. Nhơn cơ hội nhà lãnh tụ Gorbachev tung ra chánh sách *tái thiết cơ cấu* ở Liên Sô, các lãnh tụ cộng sản Hung đã phụ họa theo và đã có những thay đổi lớn. Về mặt chánh trị, họ đi đến mức chấp nhận nguyên tắc đa đảng và chủ trương sẽ tổ chức những cuộc bầu cử tự do trong năm tới. Nếu họ thật sự cho bầu cử tự do và chịu trao chánh quyền cho đối lập không cộng sản trong trường hợp họ thất cử thì họ quả đã theo chủ trương dân chủ tự do và chịu bỏ chủ nghĩa Lenin, tức là bỏ chế độ cộng sản. Như vậy, họ sẽ có thể phát triển nền kinh tế nước họ được.

"(Luật Hồng Đức) như tôi đã phát giác sau khi nghiên cứu kỹ, đã được Nguyễn Trãi soạn thảo vào đầu đời Lê."

Phần Ba Lan thì may mắn có một Giáo Hội Công Giáo rất mạnh và công nhơn đã nhờ sự ủng hộ của Giáo Hội này mà tổ chức được một nghiệp đoàn mạnh chống lại chế độ cộng sản là Nghiệp Đoàn Liên Đới (Solidarity). Nhà cầm quyền cộng sản Ba Lan đã phải mở cuộc thương thuyết với Nghiệp Đoàn này, nhưng rồi lại trở mặt, ban bố tình trạng quân luật và bắt giam các lãnh tụ công nhơn. Nhưng sau đó, vì tình trạng kinh tế suy sụp không cách cứu chữa, họ lại phải chịu nhượng bộ, hợp pháp hóa Nghiệp Đoàn Liên Đới và cho Nghiệp Đoàn này đưa người ra tranh cử vào Quốc Hội. Tuy đã dàn xếp trước để vẫn giữ được đa số trong Quốc Hội, họ đã để cho một khá đông nhơn viên Nghiệp Đoàn đắc cử

Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy nói chuyện với cộng đồng người Việt ở "quận Cam." (Hình của UB Phát Huy Chính Nghĩa NVTD, năm 1984).

và đóng vai tuồng đối lập. Trái với các lãnh tụ cộng sản Hung, các lãnh tụ cộng sản Ba Lan vẫn còn cố duy trì ưu thế chánh trị của Đảng mình và do đó mà ít có hy vọng hơn Hung trong việc giải quyết các khó khăn kinh tế của mình.

Hỏi: Đó có phải một cái "vòng lẩn quẩn" của canh tân đất nước?

Đáp: Nói chung, tình trạng của đại đa số người cộng sản ngày nay chẳng khác nào tình trạng vua quan nhà Nguyễn hồi thế kỷ thứ 19. Lúc đó, đám vua quan này ý thức rằng trước làn sóng Tây Phương tràn đến, Việt Nam cần phải canh tân mới bảo vệ được nền độc lập. Nhưng nếu canh tân thì phải bỏ ý thức hệ Nho Giáo mà ý thức hệ này là nền tảng của chánh quyền. Do đó, triều đình Huế cứ loay hoay mãi mà không canh tân được cho đến khi mất nước trong tay người Pháp. Quí vị độc giả muốn biết rõ hơn về các thay đổi bên trong các nước cộng sản và các khó khăn nan giải của các nước ấy, xin đón đọc quyển TÁI THIẾT CƠ CẤU, SỰ PHỤC HẬN CỦA CHỦ NGHĨA MARX ĐỐI VỚI CHỦ NGHĨA LENIN mà chúng tôi sẽ xuất bản trong tháng tới đây.

Hỏi: Trước đây giáo sư quan niệm Trung Cộng luôn luôn là một chỗ dựa cho bất cứ phong trào giải phóng nào của Việt Nam. Quan niệm đó giờ đây còn được duy trì không?

Đáp: Sau năm 1975, Cộng Sản Việt Nam (CSVN) đã đứng hẳn về phía Liên Sô để chống lại Trung Cộng mặc dầu Trung Cộng đã giúp chúng rất nhiều trong việc chống Pháp và chống Mỹ. Với chánh sách này, Việt Nam đã trở thành một cái khâu trong vòng đai mà Liên Sô dùng để bao vây Trung Cộng. Do đó, Trung Cộng đã xem CSVN là kẻ tử thù và sẵn sàng giúp các tổ chức chống lại CSVN, dầu đó là tổ chức không cộng sản. Trong tình thế đó, phong trào giải phóng của Việt Nam có thể lấy Trung Cộng làm chỗ dựa.

Tuy nhiên, với chánh sách *tái thiết cơ cấu* của Liên Sô, tình thế đã đổi khác. Vì nhu cầu *tái thiết cơ cấu,* Liên Sô phải hòa dịu với các nước kỹ nghệ hóa Tây Phương, mà đã hòa dịu với các nước kỹ nghệ hóa Tây phương thì không thể tiếp tục chống báng Trung Cộng. Do đó, Liên Sô đã nhân nhượng nhiều đối với Trung Cộng để có sự hòa giải giữa hai bên, và làm áp lực để CSVN cũng phải hòa giải với Trung Cộng. CSVN thế chẳng đặng đừng, phải xuống nước cầu hòa với Trung Cộng. Phần Trung Cộng cũng gặp khó khăn nội bộ nên sẵn sàng chấp nhận bắt tay CSVN. Như vậy, Trung Cộng không còn là kẻ tử thù của CSVN và người quốc gia Việt Nam không còn có thể lấy Trung Cộng làm chỗ dựa được nữa.

"... tình trạng của đại đa số người cộng sản ngày nay chẳng khác nào tình trạng vua quan nhà Nguyễn hồi thế kỷ 19."

Hỏi: Giáo sư đã hơn một

lần công bố không công nhận sự chỉ đạo của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu trong công cuộc đấu tranh với Cộng Sản. Nhưng thực tế có những dấu hiệu cho biết nhiều thành viên của Liên Minh Dân Chủ, do những liên hệ cũ với Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa, đã bầy tỏ những cảm tình hay liên hệ mật thiết với những hoạt động của cựu Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu. Xin giáo sư cho biết quan điểm về việc này.

Đáp: Nói chung, lập trường của tôi đối với Ông Nguyễn Văn Thiệu như sau. Tôi xem ông ta như là người quốc gia Việt Nam như tôi và có quyền cũng như có nhiệm vụ tranh đấu chống cộng sản để giải phóng Việt Nam. Nhưng tôi không chấp nhận việc ông ta tự xem là kẻ đương nhiên có quyền lãnh đạo người quốc gia trong công việc chống cộng này. Vì chính ông ta và bộ hạ ông ta có những lời nói mập mờ làm cho người ta có thể nghĩ là tôi hoạt động cho ông ta nên tôi phải nhiều lần đính chánh và tôi đã phải dùng đến những lời rất mạnh mẽ đối với ông ta mới chấm dứt được tình trạng này.

Trong hàng ngũ của LMDCVN, có những người có mối liên hệ thân thuộc hoặc tình cảm hay đã chịu ơn Ông Thiệu trước đây. Tôi đã cho tất cả các chiến hữu của tôi biết rằng LMDVN không cấm đoán việc họ gặp gỡ Ông Thiệu vì lý do cá nhơn, nhưng tuyệt đối không chấp nhận việc họ hợp tác với Ông Thiệu về chánh trị. Để tránh mọi ngộ nhận, tôi đã yêu cầu những người gặp gỡ Ông Thiệu vì lý do cá nhơn thông báo việc này cho tôi và các chiến hữu khác biết mỗi khi có sự gặp gỡ. Do đó, khi cùng Ông Thiệu đưa ra chủ trương làm sống lại Hiệp Định Paris 1973, Giáo Sư Vũ Quốc Thúc đã xin từ chức Chủ Tịch Liên Khu Bộ Âu Châu và rời hàng ngũ LMDCVN. Ngoài ra, còn một vài người khác đã bị LMDCVN đặt ra ngoài hàng ngũ vì đã gặp riêng Ông Thiệu mà không thông báo cho anh em khác biết. Những người tự động rời LMDCVN hay bị LMDCVN đặt ra ngoài hàng ngũ vì vấn đề Ông Thiệu không còn được đoàn viên LMDCVN xem là chiến hữu, nhưng vẫn được xem là người quốc gia và là người bạn đồng hành trong công việc chống cộng.

"(Nếu) Trinh Xuân Lãng hoặc Nguyễn Cơ Thạch ngỏ ý được gặp, tôi sẽ từ chối..."

Hỏi: Trong trường hợp Trịnh Xuân Lãng hoặc Nguyễn Cơ Thạch ngỏ ý được gặp giáo sư. Xin giáo sư cho biết: Nhận hay không và lý do nhận hay không nhận.

Đáp: Trong trường hợp Trịnh Xuân Lãng hoặc Nguyễn Cơ Thạch (hay một nhơn vật nào khác của chánh quyền CSVN) ngỏ ý được gặp, tôi sẽ từ chối không gặp vì hai lý do: 1. Tôi không công nhận chánh quyền CSVN, 2. Tôi không tin là CSVN thật sự chấp nhận dân chủ hóa chế độ của họ. Do đó, tôi nghĩ rằng việc tôi gặp người của họ chẳng những hoàn toàn vô ích mà còn làm mất chánh nghĩa tranh đấu của người quốc gia Việt Nam.

Hỏi: Trong trường hợp được làm lại từ đầu xin giáo sư cho biết ông thích ở vị trí nào hơn, để phục vụ Tổ quốc:

a) Thi sĩ Đằng Phương

b) Giáo sư Viện trưởng Học viện Quốc gia Hành Chánh

c) Lãnh tụ của một đảng phái hay một đoàn thể chính trị.

Đáp: Trước hết, tôi phải minh định là tôi không hề làm Viện Trưởng Học Viện Quốc Gia Hành Chánh. Chức vụ Viện Trưởng này trước hết do Giáo Sư Trần Cửu Chấn đảm nhiệm. Sau khi Ông Ngô Đình Diệm về nước bỉnh chánh, Giáo Sư Vũ Quốc Thông được bổ nhiệm vào chức vụ này, và sau khi Đệ Nhứt Cộng Hòa bị lật đổ, Giáo Sư Nguyễn Văn Bông được đưa ra thay thế Giáo Sư Vũ Quốc Thông. Khi Giáo Sư Nguyễn Văn Bông mất, Giáo Sư Nguyễn Văn Binh được đưa lên làm Quyền Viện Trưởng cho đến lúc Giáo Sư Nguyễn Quốc Trị được bổ nhiệm làm Viện Trưởng. Phần tôi thì từ khi làm việc cho Học Viện Quốc Gia Hành Chánh năm 1965, tôi chỉ là một giáo sư không có trách nhiệm gì đặc biệt trừ chức vụ Chi Vụ Trưởng Giảng Huấn mà các anh chị em giáo sư phải thay nhau đảm nhận. Đến mấy năm sau cùng của Đệ Nhị Cộng Hòa, tôi mới thường trực đảm nhận chức vụ Giáo Sư Trưởng Ban Cao Học Ngoại Giao của Học Viện.

Nếu sanh ra trong một nước Việt Nam độc lập, tự do và thái bình, thì tôi đã theo hoài bão của tôi lúc nhỏ và làm thi sĩ Đằng Phương chuyên viết thơ hùng tráng; có cần phải thêm một công việc làm để mưu sinh thì tôi thi lấy bằng của Đại Học Văn Khoa và làm giáo sư Văn Khoa. Vì sanh trong một nước Việt Nam không độc lập, thiếu tự do và chìm đắm trong sự loạn lạc nên tôi phải dấn thân vào cuộc tranh đấu chánh trị và do đó mà phải học về chánh trị, dạy về chánh trị và đứng ra lãnh đạo một đoàn thể chánh trị. Dầu cho có được làm lại cuộc đời từ đầu mà hoàn cảnh Việt Nam không khác hoàn cảnh tôi đã trải qua thì tôi cũng sẽ làm như tôi đã làm.

(HOÀNG KHỞI PHONG và LÊ ĐÌNH ĐIỂU)

ĐỘC THƯ

SÁCH TRONG THÁNG

*** Hồi ký Phạm Duy, Thời Cách Mạng Kháng Chiến.**

Hồi ký dầy 350 trang. Có nhiều hình ảnh kèm theo. Phạm Duy Cường xuất bản. Văn Nghệ tổng phát hành. Giá 15 Mỹ Kim.

Cuốn hồi ký Phạm Duy, Thời Cách Mạng Kháng Chiến là một tập trong toàn bộ 5 tập: Thời Thơ Ấu, Thời Vào Đời, Thời Cách Mạng Kháng Chiến, Thời Nam Bắc Phân Chia và Thời Hải Ngoại. Có lẽ, đây là một thời kỳ mà Phạm Duy cảm thấy mình đã có nhiều đóng góp âm nhạc cho đất nước nhất nên đã được in đầu tiên.

Tập hồi ký này kể lại một giai đoạn lịch sử bắt đầu từ năm 1945 đến lúc bỏ "về thành" của chính tác giả. Ba mươi sáu chương sách là ba mươi sáu câu chuyện bắt đầu từ khi Phạm Duy theo gánh cải lương "Đức Huy - Charlot Mâu" ghé Cà Mâu, cuối con đường xuyên Việt và trải dài theo những dặm đường đất nước. Cuộc đời của Phạm Duy, theo những ngày kháng chiến, đã được gắn liền với quê hương và những ngày tháng ấy có lẽ đáng nhớ nhất trong đời của người nhạc sĩ tài hoa, đã cống hiến cho dân tộc những bản nhạc đậm đà tình người và sống rất lâu trong tâm hồn của người thưởng ngoạn.

"Hồi ký - Thời Cách Mạng Kháng Chiến" này đáng lẽ chỉ nên viết sau khi tôi có cơ hội đi thăm lại những nẻo đường cũ, gặp lại những bạn bè xưa, ôn lại những chuyện đã bị tro bụi phủ lên vì gần nửa thế kỷ chia rẽ giữa người Việt đã khiến cho những chuyện đẹp nhất của một thời kỳ lịch sử nào đó cũng dễ dàng trở thành những chuyện tuyên truyền chính trị. Nhưng ở vào tuổi 70 này, tôi không thể chờ đợi được nữa, bây giờ ngồi ở giữa Thị Trấn Giữa Đàng, nhớ được chuyện gì thì cứ viết ra, nếu có dăm ba nhầm lẫn nào đó về địa danh, tên người hay thứ tự của sự việc thì sẽ sửa sai sau..."

Nhạc sĩ Phạm Duy đã mở đầu tập hồi ký của mình bằng những lời chân thành hư thế. Chắc chắn có nhiều điều đáng đọc về người nhạc sĩ tài hoa này, trong một giai đoạn lịch sử rất đặc biệt...

Căn Nhà Ngói Đỏ. Tập truyện Nguyễn Xuân Hoàng.

Tuyển tập dầy 203 trang. Bạt của Hoàng Khởi Phong. Văn Nghệ xuất bản. Giá 8 Mỹ kim.

Căn Nhà Ngói Đỏ, không phải là những thiên tự truyện được sắp xếp lại gần nhau, nhưng người đọc sẽ thấy bàng bạc một chân dung có lẽ rất giống tác giả. Những truyện kể tuyệt vời, ở đó chất đời sống có nhiều mùi vị khác nhau nhưng tựu chung, đều có cùng xúc cảm từ những đổ vỡ bất toàn của một đời người. Chất sống, từ những trang sách kể bằng một thứ ngôn ngữ rất điềm tĩnh mà chất liệu của sự tàn nhẫn nóng hổi đã được tác giả làm dịu đi. Căn Nhà Ngói Đỏ với những nhân vật, nơi chốn, thời gian không gian, với những luồng sóng dữ dội của thời thế, của lịch sử, phủ chụp lên con người, tất cả chỉ là một một phần rất nhỏ nhoi trong cơn giông bão ấy...

Tôi nghĩ "Căn Nhà Ngói Đỏ" là một tập tùy bút hơn là một tập truyện ngắn. Ở thể tùy bút, ngôn ngữ của Nguyễn Xuân Hoàng rất linh động diễn tả được những xúc cảm đã có từ những nhân vật sống, những cảnh thổ cũ, những mảnh đời hôm nay và những cảnh huống đã qua. Những đoản văn, với chữ nghĩa diễn tả ý nghĩa có thực, đã thành một môi trường tốt để hiển lộng những suy tưởng thành văn chương.

Tuổi ấu thơ buồn thảm, u ám, đổ vỡ. Tất cả những điều ấy đã trộn lẫn lại để thành những nung nấu tấm lòng và như những sợi đàn rung cộng ng trong hồn người đọc và người viết. Từ Saigon quê hương xa đến Cali bây giờ, từ Nha Trang hang động tuổi thơ đến Đà Lạt tuổi vừa mới lớn, những nơi chốn đã nhắc lại trong trí nhớ những tâm tư chẳng thể nhạt nhòa. Với lòng người yêu chữ nghĩa, những Boris Pasternak, những Đổ

Phũ, những Bình Nguyên Lộc, những Vũ Khắc Khoan, chỉ là những hồi chuông gọi thức giấc cuộc sống ở những nơi chốn một đời.

Nhiều người viết đã nghĩ về Căn Nhà Ngói Đỏ, như Định Nguyên "Đây là truyện kể tuyệt vời về mọi phương tiện: bút pháp, nhân vật lại nhiều chất văn chương và có những cái lạnh lùng tàn bạo," như Nhật Tiến "... Nói về sự xúc động thì tôi thấy truyện Barbara làm tôi xúc động hơn," như Nguyễn Mộng Giác "Nguyễn Xuân Hoàng rất bi quan khi viết về hạnh phúc gia đình, khi mô tả tuổi ấu thơ, bất cứ truyện nào cũng vậy, vẫn có cái dáng của sự tàn nhẫn, lạnh lẽo đổ vỡ..." và Hoàng Khởi Phong "Tự truyện Một Người Vô Tích Sự đầy xúc động đến độ nghẹt thở vì những chất sống..."

*** Tập thơ "Quê Hương" của Định Nguyên.**

Thơ Định Nguyên. 96 trang. Bìa và phụ bản Thái Lãng. Văn Nghệ Xuất Bản. Giá 8 Mỹ Kim.

Nếu thơ giập mật là những tiếng chửi thề vào đời sống thì những bài thơ trong Quê Hương lại là những đoạn âu ca, những lời thơ mộng, những lời ân ái.Với Lưu Đình Vong và Định Nguyên là hai khác biệt, dù là một người. Một, với thái độ bất cần soi mói, nhìn vào đời sống để thấy được những lố lăng. Và một, rất hiền hòa thơ mộng, với những nơi chốn cũ, với những tâm tình xưa. Tập thơ Quê Hương, không biết có phải là cơn gió mát thổi qua khung trời mùa hạ nung nấu, của những thời kỳ thay đổi mau lẹ và tận cùng của đời người.

Thơ lục bát, thơ bảy chữ, hay những đoạn văn xuôi óng mượt - cùng chỉ là những cánh diều vươn cao lên khuôn trời xanh, để thơ mộng thăng hoa, để ngôn ngữ nẩy mầm những lời tình tự yêu đương. Thơ Định Nguyên có âm hưởng ca dao, có lời quan họ mộc mạc nên ở lâu với trí nhớ. Một vài câu, nhắc lại đoạn đường chiến binh, một vài bài, nhớ về đời sống cũ, nơi chốn xưa và bàng bạc cùng khắp, tấm lòng yêu thương trải rộng.

Thơ có ngậm ngùi, có cay đắng,có những lúc tưởng nghĩ về những đời sống giả mượn:

"Nói nhau nghe những ngậm ngùi
Hát cho bỏ mặc bên đời dưng không
Cười cho tan tác chập chùng
Ngoài kia nghe chợt mùa Đông bao giờ..."

(Bên Đời)

hay

"Hỏi quê xuân đã về chưa
Tha hương đáy chén rượu thừa nhạt tanh
Xôn xao son phấn quanh mình
Nghe ra chỉ bóng lẫn hình điêu ngoa"

(Bất Chợt)

Nhưng cũng có thơ mộng, rất là... rất thơ:

"Thơ của tôi là chuyện rất... thơ
Con chim trốn nắng dưới hiên chùa
Trộm nhìn thương quá đôi môi Phật
Nó hát một mình giữa buổi trưa..."

(Rất Thơ)

Những thơ mộng, những thương mình thương người, những cô em hàng xóm, những chợt thù, những hoang đàng ca dao, những trăng xưa, những hạt bụi qua đời,... chắc có lẽ làm mềm lòng người và có giá trị chân thực hơn là thi ca của những người gồng mình muốn thơ thành khẩu hiệu. Chiến sĩ thì phải hát bài hành xông trận, còn người thơ có thể viết được những câu thơ tình không trong thời buổi hôm nay?

Với Định Nguyên, một người lính cũ, một người tù đã chịu nhiều đầy ải, và một người muốn mơ ước những khoảng trời xanh, và tập thơ Quê Hương - chắc đã có câu trả lời thỏa đáng.

ĐỘC THƯ

Sách báo nhận được

*** HOA NẮNG TRÊN CAO, NGUYỄN TƯ,** tập truyện. Sách dầy 176 trang, giá 14 Úc kim. Địa chỉ liên lạc Nguyễn Tư P.O. Box 36 Newton, 2042 Australia. Đây là tác phẩm thứ sáu của Nguyễn Tư. Các cuốn trước có tên Gửi Người Bên Ấy (1984), Dáng Xưa (1985), Đêm Lãng Quên (1986), Bên Trời Lận Đận (1986) và Người Tù Ở Lại (1987).

*** VĂN UYỂN,** Tạp chí xuất bản hai tháng một lần. Số 1, ra ngày 15-8-1989. Người thực hiện: Trần Nghi Hoàng và Trần Thị Bông Giấy. Báo dầy 120 trang, gồm bài viết của tác giả Đỗ Khiêm, Nguyễn Hữu Liêm, Vũ Thế Ngọc, Trần Nghi Hoàng, Hà Mai Phương, Tường Vũ Anh Thy, Trần Thị Bông Giấy...

YOGA, Biên khảo của TRẦN VĂN KHA, Tác giả là cựu sĩ quan QLVNCH, giải ngũ bắt buộc năm 1966, tái ngũ năm 1968. Giải ngũ năm 1974, vì đáo hạn tuổi, với cấp bậc Đại Tá. Tị nạn Hoa Kỳ 1975. Từ 75 đến 80 dạy Hatha Yoga và Thiền cho người Mỹ ở Bowie, Maryland YOGA dày trên 500 trang do tác giả tự xuất bản. Nhà Văn Nghệ của ông Vũ Thắng Tiết phát hành. Đề giá 16 Mỹ kim.

Lê Thu Thủy trong Casualities of war

Kể từ khi rời Sài Gòn vào năm 1975 Lê Thu Thủy mới lên bẩy, cô còn quá trẻ để có thể hiểu rõ về cuộc chiến Việt Nam. Cô thú nhận rằng cô có nghe nói về những trận đánh xẩy ra trên đất nước cô, về kẻ thắng, người bại nhưng lúc đó cô còn quá nhỏ để có thể cảm nhận được những bất hạnh mà đồng bào cô đang nhận chịu. Phải mãi đến hơn 14 năm sau, khi trở lại vùng Đông Nam Á để góp mặt trong phim *Casualties of War* Thu Thủy mới có cơ hội hiểu rõ sự tàn khốc của chiến tranh và những đau đớn mà đồng bào cô đã trải qua.

Trong phim, Thu Thủy đóng vai Oanh, một cô gái làng bị bắt dẫn đi, bị làm nhục và sau đó bị giết bởi binh sĩ Hoa Kỳ. Phim *Casualiies of War* do Sean Penn đóng vai tên trung đội trưởng điên khùng và Micheal J. Fox đóng vai người quân nhân cố liều mình để bảo vệ cô thôn nữ ngây thơ đã dựa trên một câu chuyện thật xẩy ra tại miền Cao Nguyên vào năm 1966, năm mà Thu Thủy mở mắt chào đời. Cuốn phim Thủy đã phải cố gắng hết sức mình để có thể diễn tả vai trò một cách trọn vẹn.

Thu Thủy không hề sửa soạn để bước vào thế giới điện ảnh cũng như không hề biết rằng mình sẽ phải trải qua một kinh nghiệm hết sức khó khăn khi ghi tên tham dự cuộc tuyển lựa tài tử do đạo diễn Brian DePalma tổ chức. Lúc nhìn thấy thông cáo dán tại một tiệm ăn Việt Nam tại Paris, Thu Thủy đã nghĩ rằng người ta cần một chân vớ vẩn để xuất hiện trong phim vài phút đồng hồ, vì nếu biết trước vai trò quan trọng như thế có lẽ cô không dám ghi tên tham dự. Khi đến phim trường đóng thử, Thu Thủy và hàng chục thiếu nữ mơ làm tài tử được yêu cầu diễn tả nét mặt đầy kinh hoàng và hét lên. Sau khi xem đoạn phim video do Thủ Thủy diễn xuất, đại diễn De Palma quyết định đến Paris gặp cô trước khi có quyết định sau cùng. Ngay trong phút đầu gặp gỡ, đạo diễn De Palma đã bị cô gái Á Châu nhỏ nhắn nhưng đầy quyến rũ chinh phục. Chỉ vài tuần sau khi DePalma, Thủ Thủy đã có mặt ở Bangkok để quay phim.

Thu Thủy đến Thái Lan cũng đột ngột như khi cô từ giã SàiGòn 14 năm trước đó. Ngày 30 tháng Tư, khi quân Cộng Sản tiến chiếm Sài Gòn, Thủy đã vội vã theo cha và hai anh lên tầu, bỏ lại đằng sau bà mẹ và ba anh chị. Bốn người anh và chị lớn của cô đã rời Sài Gòn trước đó vài ngày. Thủy chỉ còn nhớ rằng vào cái ngày đen tối đó, thành phố Sài Gòn hết sức là hỗn độn, mọi người tranh nhau dành một chỗ trên trực thăng hoặc một chỗ trên tầu. Cô cũng cố gắng chen lấn lên tầu, dù lúc đó chẳng ai biết mình sẽ được đưa đến bến bờ nào. Chiếc tầu chở cha con Thu Thủy cập bến Phi Luật Tân và vài tuần sau đó cha con cô được đưa về trại tạm trú tại Florida. Sau khi xuất trại cha cô trở thành nhân viên xã hội và Thủy phải theo cha di chuyển từ nơi này đến nơi khác và sau cùng định cư tại Silver Spring, Maryland. Thu Thủy là con gái út của Thứ Trưởng Nội Vụ Lê Công Chất, mẹ cô tên Huỳnh Thị Tâm là cô giáo lớp năm. Năm 1979, bà Tâm được đoàn tụ với các con ở Paris, nhưng không có dịp gặp lại chồng. Ông Lê Công Chất từ trần năm 81 vì bệnh ung thư. Sau khi cha chết, Thủy dọn tới ở với chị và hoàn tất bậc trung học tại Illinois. Cô nhập quốc tịch Hoa Kỳ và sau đó sang Pháp thăm mẹ, tại đây cô gặp Phan Quang Bình, một sinh viên y khoa và người thanh niên này đã khiến cô thay đổi ý định trở lại Mỹ.

Cô kết hôn với Phan Quang Bình cuối năm 88 và sau đó ghi tên vào trường Đại Học ở Paris. Mục đích của cô bây giờ là hoàn tất đại học và dù đã đến với điện ảnh qua phim Casualities of War, Thủy không mong mình trở thành tài tử chuyên nghiệp.

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ
VƯƠNG ĐỨC HẬU
M.D., F.A.C.O.G., INC.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF OB & GYN

14536 Brookhusrt St., Phòng 101 (góc Hazard)
Westminster, CA 92683

Điện Thoại: (714) 531-5505

* Cựu thường trú và tốt nghiệp hậu Đại học Sản Phụ Khoa tại Hollywood Presbyterian Hospital và University of Southern California, Women Hospital Los Angeles
* Bác sĩ chuyên môn Sản Phụ Khoa Việt Nam Board Certified và hành nghề đầu tiên tại California
* Giáo sư Đại học U.C. Irvine, OB-GYN Department.
* Assistant Clinical Professor tại U.C.I Medical Center; khu sản phụ khoa

Với sự cộng tác của

NỮ BÁC SĨ

HỒ THỊ ÁNH NGUYỆT, M.D.

American Board of OB — GYN

Tốt nghiệp Y Khoa Đại Học U.C.L.A.
Tốt nghiệp chuyên môn Sản Phụ Khoa tại University of Texas, Medical Branch — Galveston, Texas.

✻ CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ

SẢN KHOA

* Đỡ đẻ và giải phẫu sanh đẻ.
* Không nhận phá thai.
* Nhận sanh bình thường nếu lần trước bị mổ đẻ (Cesarean Section).
* Giải phẫu cột ống dẫn trứng sau khi sanh.
* Chỉ dẫn phương pháp sinh trai hay gái theo ý muốn.
* Văn phòng có trang bị máy Fetal Monitor Ultrasound tối tân để theo dõi thai kỳ.
* Đẻ không đau theo ý muốn

PHỤ KHOA

* Bệnh đàn bà, Huyết trắng
* Khám bệnh tổng quát phụ nữ
* Kế hoạch hóa gia đình; Cột hoặc đốt ống dẫn trứng.
* Sexual Dysfunction. Nhiễm trùng đường tiểu. Đau khi có kinh nguyệt.
* Kinh nguyệt bất thường; chảy máu bất thường.
* Bệnh hiếm muộn và giải phẫu bằng tia Laser tối tân.
* Giải phẫu bướu tử cung; Sa tử cung; Bướu buồng trứng.
* Truy tầm và chữa trị Ung thư cổ tử cung, Tử cung và Buồng trứng. Truy tầm Ung thư vú
* Giải phẫu sửa nhỏ âm đạo theo ý muốn

ĐẶC BIỆT: Cộng tác với Subspecialists, Giáo sư tại các đại học U.C.I, U.S.C, U.C.L.A. Dùng phương pháp tối tân nhất:
— Cấy trứng - Cấy tinh trùng - Thụ thai ống nghiệm v.v..
— Nối ống dẫn trứng bằng phẫu thuật kính hiển vi để có bầu trở lại (sau khi cột)

XIN VUI LÒNG LẤY HẸN

NGÀY GIỜ KHÁM BỆNH: Thứ Hai — Thứ Sáu: 9:30 AM — 6:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM — 2:00 PM
Nghỉ Chủ Nhật

NGHỀ THI SĨ

TRỊNH Y THƯ

Dân tộc Việt Nam là một dân tộc yêu chuộng thi ca. Mỗi người Việt Nam là một thi sĩ. Từ thuở còn cắp sách đến trường tôi đã được nghe những câu nói tương tự và cho đến bây giờ, sống trên xứ người, tôi vẫn luôn luôn tin tưởng đó là sự thực. Không tin sao được? Cứ thử nhìn một vòng nam Cali nơi có nhiều báo chí Việt ngữ nhất tại hải ngoại thì đủ biết dân Việt Nam yêu thơ đến độ nào. Báo Việt có thể thua kém báo Mỹ về nhiều mặt nhưng riêng về khoản thơ thì báo Mỹ bị báo Việt bỏ rơi xa lắc xa lơ. Tờ Los Angeles Thời báo là tờ có số lượng lưu hành cao nhất miền Tây Hoa Kỳ. Ấn bản chủ nhật của nó lên đến gần một triệu rưỡi số. Tuy nhiên cả một chồng báo dày cộm như thế mà bao giờ cũng chỉ có vỏn vẹn một bài thơ khiêm nhường trong phụ trang văn học mà phải khó khăn lắm mới lôi ra được. Thường bài thơ cũng rất ngắn, trích từ tuyển tập nào đó của các tác giả thành danh như Donald Hall, John Updike, Joseph Brodsky, Philip Levine, Czeslaw Milozs v.v... Mầm non văn nghệ đừng hòng bén mảng tới đây. Không ai dư thì giờ đọc thơ những người chưa nổi tiếng.

Người Mỹ đọc báo cả một tuần chỉ bị tra tấn bởi một bài thơ ngắn ngắn. Việt Nam ta khác hẳn. Xuống Bolsa, giở bất cứ một tờ báo nào, từ báo chuyên về quảng cáo thương mại cho đến báo văn học nghệ thuật, người đọc cũng bị choáng ngợp với một rừng thơ. Trang phụ nữ có thơ phụ nữ. Trang nhi đồng có thơ nhi đồng. Đến những bức ảnh nữ tài tử Âu Mỹ hở ngực hở mông cũng được chú thích bởi những câu thơ ngâm vịnh. Người đọc cứ no ứ con mắt vì thơ. Thơ hiếu hỉ, thơ tán gái, thơ móc họng, thơ thất tình, thơ để cho có thơ. Chỗ nào cũng có thơ. Quả là một thời kỳ cực thịnh của thi ca. Người ngoại quốc nhìn vào, giả sử người ngoại quốc đó đọc và hiểu tiếng Việt, chắc sẽ nghĩ là thi sĩ Việt Nam hẳn phải được trọng vọng ghê lắm và nghề thi sĩ là nghề hái ra tiền. Chao ơi, quả là một nhầm lẫn to lớn! Trọng vọng? Kể cũng không đến nỗi nào nhưng hái ra tiền thì chắc chắn là không. Người Âu người Mỹ nghĩ vậy vì các thi sĩ của họ chỉ làm thơ thôi mà thường rất giàu có. Robert Frost sống dư dả có tiền mua cả nông trại. James Wright lúc nào cũng như ông giám đốc lớn. Đó là dân Mỹ, một dân tộc mỗi tuần chỉ có can đảm đọc một bài thơ. Đến những dân tộc yêu thơ hơn chút đỉnh như dân Nga thì thi sĩ của họ có thớ lắm. Yevtushenko vi vút nay đây mai đó khắp năm châu bốn biển. Voznesensky có lần đọc thơ ở quảng trường Mạc Tư Khoa thu hút trên 14 ngàn người vào nghe. Kinh đến thế thì thôi. Thi sĩ mà kiếm tiền không kém ca sĩ nhạc giật gân. Chả trách người ngoại quốc hiểu sai về thi sĩ Việt Nam.

Thi sĩ Việt Nam nếu chỉ làm thơ, xong in thơ đem bán mong kiếm tiền độ nhật thì chắc sẽ đói muôn năm ngày tháng. Tại sao thế nhỉ? Tại sao dân tộc Việt Nam yêu thơ như thế mà lại để các thi sĩ của mình chết đói, không được như thi sĩ xứ người?

Làm thơ mà leo lên tới Phó Thủ Tướng như Tố Hữu thì quả là thế gian hãn hữu. Nhưng cái thứ thơ "*Thương cha, thương mẹ, thương chồng. Thường mình thương một, thương ông thương mười*" của Tố Hữu chỉ bôi bẩn nền thi ca chân chính mà thôi. Nhất quyết không thể gọi Tố Hữu là thi sĩ được. Kỳ dư, làm thơ ở Việt Nam, và bây giờ ở hải ngoại cũng thế, không thể xem là một "nghề", mặc dù chức thi sĩ cũng cao quý không kém gì chức bác sĩ hay luật sư. Trong "Cổng Trường Vôi Tím" của Nhã Ca viết trước 1975 có một mẩu đối thoại rất thú vị như sau:

...

"*Mà người nớ, mà Vịnh làm nghề chi?*"

"*Thi sĩ.*"

"*Thi sĩ? Cái nghề chi lạ rứa?*"

"*Thi sĩ là làm thơ. Chàng làm thơ, viết văn. Chàng là nghệ sĩ.*"

...

"*Nghề đó nhiều tiền không?*"

...

"*Bộ dì không đọc sách đọc báo chi hết răng mà ngất ngơ rứa. Dì có đọc thơ bao giờ không?*"

"*Có, nhưng ai lại có nghề đó răng chừ.*"

...

Trong khối óc lãng mạn của cô gái vừa mới lớn đó thì thi sĩ chỉ là một cái nghề như trăm ngàn

ngành nghề khác chứ có gì nghiêm trọng đâu. Nhưng bà dì của cô không sao tưởng tượng điều đó ra được và vì thế bà cứ thắc mắc, hỏi tới hoài.

Thực ra, chức thi sĩ cũng ghê gớm lắm chứ chẳng phải tầm thường như vẫn được hiểu một cách sai lầm. Trong xã hội, lắm kẻ chỉ đứng bán hàng ngoài cửa tiệm cũng được gọi là ông giám đốc này, bà chủ tịch nọ. Có người chưa từng một ngày đứng giảng bài trên bảng đen mà chỉ cần xách cái cặp da nâu, mặt mày đăm chiêu một chút là lên ngay chức giáo sư. Dân mình vốn xuề xòa, dễ dãi lại hay nể trọng những nghề trí thức, âu đó cũng là chuyện thường tình. Nhưng thi sĩ thì không phải ai cũng được gọi như vậy. Làm thơ như Tố Hữu chỉ đáng được gọi là văn nô, nhưng bác sĩ làm về thì vẫn là bác sĩ. Chữ thi sĩ coi vậy chứ cao quý lắm, không phải lúc nào cũng vọng động mà được.

Từ điển Random House có hai định nghĩa cho từ thi sĩ: thứ nhất, thi sĩ là người làm thơ; thứ hai, thi sĩ là người có tâm hồn nhậy cảm với nghệ thuật. Định nghĩa thứ hai, theo tôi, quan trọng hơn định nghĩa thứ nhất bội phần. Nó loại bỏ một số không ít người tự xưng là thi sĩ. Nhưng có tâm hồn nhậy cảm với nghệ thuật mà dùng nghệ thuật đó cho những âm mưu đen tối thì còn ghê tởm, đáng khinh bỉ gấp ngàn lần. Tôi muốn nói tới Chế Lan Viên với những câu thơ đại loại như:

Hỡi sông Hồng tiếng hát bốn nghìn năm/ Tổ quốc có bao giờ đẹp thế này chăng./

Hoặc:

Ôi Tổ quốc ta, ta yêu như máu thịt/ Như mẹ cha ta, như vợ như chồng/ Ôi Tổ quốc nếu cần ta sẽ chết/ Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, khúc sông

Vì những câu thơ như trên của Chế Lan Viên mà hàng trăm, hàng nghìn thanh niên Việt Nam hai miền Nam Bắc đã lao đầu vào đổ máu một cách uổng phí cho những chém giết vô lý, cho những tham vọng ngu xuẩn của một thiểu số thống trị. Dùng thơ để khích động lòng người không phải là một sáng kiến mới mẻ gì. Lý Thường Kiệt ở thế kỷ thứ mười một đã biết dùng thơ để khích động ba quân tướng sĩ nức lòng giết giặc bảo vệ sơn hà. Nhưng đó là việc làm của nhà chính trị chứ không phải của nhà thơ. Dĩ nhiên, nhà thơ vẫn có thể trở thành nhà chính trị, nhưng trước khi khoác áo chính trị lên người anh hãy cởi chiếc áo nhà thơ để lại dây đã rồi muốn làm gì thì làm. Lúc đó việc làm của anh sẽ được xét đoán dưới tư cách một nhà chính trị hoàn toàn. Nhà thơ nên ở riêng một nơi khác, nơi cái nhìn của hắn ta không bị bẻ cong, khuất lấp.

Đọc những câu thơ trên của Chế Lan Viên tôi có cảm tưởng ông ta đang là một nhà chính trị chứ không còn là một nhà thơ nữa. Nhưng, khi xưa nhà chính trị Lý Thường Kiệt có thi tài và yêu thương đất nước, dân tộc đã cứu dân Việt khỏi thảm họa diệt vong thì ngày nay nhà chính trị Chế Lan Viên cũng có thi tài nhưng yêu thương xã hội chủ nghĩa đã đưa dân Việt đến tận cùng của nghèo đói và thống khổ.

Những câu thơ của Chế Lan Viên không phải là những câu thơ thiếu nghệ thuật, nhưng tôi cho đó là thứ nghệ thuật phi nhân bản, đáng bị lên án. Nó ghê tởm không kém gì những hình thức cai trị hà khắc của chế độ Cộng sản Việt Nam đương thời.

LÊ BI

Thơ gởi Chế Lan Viên

Người làm thơ trước một việc đơn giản
Có thể rung động với bề rộng bề sâu
mọi bề tất cả.
Và có thể thấy chuyện xưa nay mai mốt
đầy tương quan giữa nguyên nhân hậu quả
Ông hay cúi gục trước những vĩ đại của Lăng Hồ
Có thấy nó đá được xây đắp bằng bao triệu
nắm xương khô
Bác nằm yên ổn trên cao
mà dân đen cứ ngập ngụa trong từng bữa no
bữa đói
Đảng đầy hào quang cách mạng
mà đất nước cứ lún dần xuống vực sâu tăm tối
Sao ông không viết thêm một tập Điêu Tàn
Lần này không phải chỉ cho dân chàm
mà cho cả tổ quốc Việt Nam
Không phải chuyện cũ mấy trăm năm
mà là những hiện thực hôm nay và trước mắt
Ông hãy viết lại đi
chẳng cần diện tích to lớn của tâm hồn thi sĩ
Cũng chẳng cần mặt trời tư tưởng
vì một người bình thường cũng có thể tìm được
hình nước không xa
Nó đang điêu tàn như một bãi tha ma
Hãy viết lại đi
chỉ cần ông trở lại cái thời bắt đầu biết
tập nghe tập nhìn tập nghĩ
và đứng dậy làm thơ bằng sĩ khí.

Chế Lan Viên là một người có thi tài. Điều đó không ai chối cãi. Nhưng kẻ có tài dùng tài mình phục vụ một chế độ phi nhân thì còn nguy hiểm hơn kẻ bất tài giữa đường làm điều xằng bậy. Dùng thơ để phục vụ chế độ, cho dù là một chế độ tốt đi chăng nữa, thì vẫn không phải là thiên chức của người làm thơ, huống hồ đây lại là chế độ phi nhân bản như chế độ Cộng Sản Việt Nam.

Không ai dùng thơ ca tụng cuộc Cách mạng Vô sản Nga hay hơn ngòi bút của Vladimir Mayakovsky. Nhưng rốt cục, kết liễu đời mình vào năm 37 tuổi sau khi nhìn thấu được bộ mặt ghê tởm của đảng Cộng Sản Nga dần lộ ra dưới triều đại Stalin. Một người khác, nhà thơ nữ Marina Tsvetaeva, chán cảnh đời sống lưu vong quay về cố hương, nhưng cũng phải tìm cái chết sau một thời gian ngắn. Tôi dám khẳng định với Chế Lan Viên là thơ không bao giờ đi đôi với chế độ, nhất là những chế độ phi nhân.

Vì làm thơ để phục vụ chế độ nên Chế Lan Viên không sao thoát được cảnh phải đặt bút viết những câu như sau:

Ôi giữa lòng ta Bác đến từ hồi nào/ Bác vĩ đại mà chẳng làm ai kinh ngạc/ Một buổi sáng, nhìn lòng ta, ta thấy Bác/ Nước mắt ràn, ta cảm hết ơn sâu...

Hoặc như:

Hình của Đảng lồng trong hình của Nước/ Ôi đường đến với Lê nin là đường về Tổ quốc.

...

Khi đọc những câu thơ trên tôi có cảm giác lờm lợm nơi cần cổ. Người làm thơ đôi lúc vẫn có thể đeo mặt nạ để nói lên những điều không "sống" thực với lòng mình tuy điều đó cần thiết cho đời sống. Nhưng đeo mặt nạ cỡ Chế Lan Viên thì trên đời này chỉ còn một người nữa là Tố Hữu.

Chế độ Cộng Sản tồi tệ nên lúc nào cũng tìm cách tự đánh bóng. Cách đánh bóng hay nhất vẫn là qua thi ca. Sau khi Mayakovsky mất, nhà cầm quyền Cộng Sản Nga đã cho người đến phủ dụ Boris Pasternak mong biến nhà thơ này thành một thứ thi sĩ của chế độ. Dĩ nhiên, Pasternak đã thẳng tay từ chối, và nhận lãnh những hậu quả không tốt đẹp xảy đến cho ông sau đó. Nhưng chính vì thế, thơ của Pasternak vẫn ngự trị trong tâm hồn đại đa số dân Nga và ngày nay ông được xem là một trong bốn thi sĩ lớn nhất của văn học Nga ở thế kỷ thứ hai mươi. Ba thi sĩ kia (Osip Mandelstam, Anna Akmatova và Marina Tsvetaeva) cũng như Pasternak đều là nạn nhân của chế độ Cộng Sản.

Đánh bóng chế độ, chủ nghĩa chưa đủ, Đảng còn ra lệnh cho văn nô đánh bóng cá nhân. Người được đánh bóng nhiều nhất vẫn là Hồ Chí Minh. Ở khoản này, văn nô Cộng Sản Việt Nam qua mặt quan thầy Liên sô cái vù. Hai văn nô Chế Lan Viên và Tố Hữu thi đua nhau ca tụng "Bác" không tiếc lời đến nỗi dân chúng đọc riết rồi cũng phải tin là cục phân của "Bác" không thối chút nào mà còn thơm phưng phức! Quả là một sỉ nhục lớn lao cho nền thi ca chân chính! Ngoài những bài làm rải rác đây đó ròng rã mấy chục năm "tạ ơn" công đức "bác Hồ," Chế Lan Viên còn làm nguyên một tập thơ có nhan đề "Hoa Trước Lăng Người" nhân cái chết của Hồ Chí Minh, trong đó có những câu như:

Bạc phơ râu tóc của Người như của một tiên ông/ Người sinh ra là để ở một khu rừng/ Cái xứ thiên nhiên không tên, thời gian không tuổi/ Làm những bài thơ mở đầu bằng sắc núi xanh xanh/ Chính vì ta mà Bác phải lao vào giữa cuộc đấu tranh

...

Viết những câu thơ này, Chế Lan Viên có ý muốn thần thánh hóa Hồ Chí Minh, tôn Hồ Chí Minh lên thành một thánh nhân của loài người. Điều đó sai lầm về mặt lịch sử, dân tộc, đã đành mà còn hết sức phi lý khi nhìn từ vị trí một người làm thơ. Người làm thơ đi tìm chân lý chứ không bao giờ vẽ ra chân lý rồi bảo người khác tin vào đó.

Đến đây chúng ta thấy rõ sự khác biệt lớn lao giữa hai khuynh hướng hiện thực và hiện thực xã hội chủ nghĩa trong nghệ thuật sáng tác. Người nghệ sĩ hiện thực chụp bắt những gì chung quanh mình ta, ký thác vào tác phẩm của mình và gọi đó là sự thực, là chân lý. Người sáng tác theo quan niệm hiện thực xã hội chủ nghĩa vẽ ra sự thực theo nhãn quan của mình rồi gọi đó là chân lý. Sự thực được vẽ ra thường chẳng bao giờ đi đôi với sự thực ngoài đời. Sáng tác theo kiểu này có lỗi rất lớn với lịch sử vì những điều được nói lên hoàn toàn có tính cách ngụy tạo, dễ làm hậu thế có cái nhìn lệch lạc về thời đại mình. (Nhưng có phải đây chính là điều người Cộng Sản đang cố thực hiện không? Đến lịch sử quá khứ của dân tộc họ còn cố bẻ cong queo theo quan niệm duy vật, phê phán bằng giọng điệu Mác xít thì làm sao họ quên được thời hiện tại?).

Thực ra, Chế Lan Viên cũng vất vả lắm vì cứ phải chạy thục mạng theo chính sách thay đổi soành soạch của nhà nước. Vừa chạy vừa "vẽ" nên đôi khi "vẽ" rất dở. Khi đảng Cộng Sản Việt Nam học hặc, cơm không lành canh không ngọt với Trung quốc, Chế Lan Viên đã phải "vẽ" người anh em cũ Đặng Tiểu Bình như sau:

Bắng nhắng băng nhăng, láu ta láu táu/ Tên lùn ấy muốn đóng một vai cao trên sân khấu/ Mao dựng nó từ đầu, giờ làm bộ phê Mao/ May ra trò này khiến nó thêm cao/ Bị Đất kỷ hai lần vứt vào sọt rác/ Mới lóp ngóp bò ra liền khoác lác/ "Xưa vạn lý trường chinh, giờ ta cũng trường chinh."/ Thôi đi mà! Lùn tịt cái thân anh.

...

Không hiểu mai mốt đây vì nhu cầu sinh tồn của Đảng, Đảng bắt lại quan hệ với Trung quốc thì Chế Lan Viên biết ăn biết nói thế nào đây? Cái thân bồi bút khổ như vậy đó. Biết chưa?

Đối với Chế Lan Viên thì trên đời này chỉ quan thầy Liên sô là số một. Cái gì của Liên Sô cũng nhất. Chế Lan Viên đồng hóa hai tổ sư Cộng sản Mác và Lê Nin với tổ tiên dân Việt một cách không ngượng nghịu:

Mác Lê nin cùng với Hùng vương/ Người hội tụ của những

nguồn ánh sáng

...

Nhưng đến những câu thơ sau:

... *Biết ơn tài sáng tạo Liên sô/ Đưa sóng lòng ta vượt cõi bờ/ Ta đứng reo giữa nghìn tinh thể/ Ôi chị Hằng Nga, cô gái Nga*

thì Chế Lan Viên đã khoác thêm một chiếc áo nữa lên người: Áo đầy tớ. Hình như có nhiều lần Chế Lan Viên báng bổ văn thi sĩ miền Nam là làm tay sai cho Mỹ - Ngụy. Có ai làm tay sai hay không thì tôi không biết; vả lại, đứng ở thế chiến thắng, Chế Lan Viên muốn mắng mỏ người chiến bại thế nào mà chẳng được. Nhưng vô liêm sỉ cỡ Chế Lan Viên khi viết những câu thơ xưng tụng quan thầy Liên sô hết cỡ như trên thì chắc chắn không một thi sĩ miền Nam nào chịu làm. Khi đọc những câu thơ này, tôi bỗng bật cười. Có lẽ vì sùng thượng nước Nga quá mức nên Chế Lan Viên đã nhìn chị Hằng Nga ra cô gái Nga? Đành rằng đàn bà con gái Nga cũng có nhiều người đẹp lắm chứ (và thường những cô gái này thù ghét chế độ Cộng Sản đến xương tủy; thí dụ nàng Lara của Bác sĩ Zhivago). Nhưng ví các cô gái Nga với chị Hằng Nga khi thấy phi thuyền Nga bay lên cung trăng thì thiệt là quê kệch, dị hợm.

Cùng với Tố Hữu, qua thi ca, Chế Lan Viên đã cố đưa Cộng Sản Nga lên như một mẫu mực tuyệt đối. Cả hai đều không ngờ là ngày nay Cộng Sản Nga đang trải qua những biến đổi nghiêm trọng có cơ đánh bật móng cả thành trì Mác Lê mà đảng Cộng Sản Sô viết cố công xây dựng từ hơn 70 năm nay. Tố Hữu và Chế Lan Viên ngạc nhiên chăng? Thực ra, sự ngạc nhiên phải để cho những người xưa nay vẫn tự hỏi tại sao mãi đến bây giờ chế độ Cộng Sản mới có sự khủng hoảng tận thượng tầng như vậy. Đáng lẽ nó phải xảy ra sớm hơn nhiều chứ? Nỗi ngạc nhiên tan đi rồi, còn lại là thắc mắc: khối Cộng sản ngày mai sẽ ra sao? Những thi sĩ như Chế Lan Viên có còn tiếp tục bẻ cong ngòi bút ca tụng Liên sô vĩ đại nữa không?

Thắc mắc thứ nhất to lớn quá! Tôi không có câu trả lời. Nhưng để trả lời cho thắc mắc thứ hai, tôi biết chắc là Chế Lan Viên đang ngồi chờ nghị quyết của Đảng và sẽ bỏ rơi Liên sô vĩ đại cái rụp một khi Đảng bắt được vài đồng tiền viện trợ của Mỹ. Chỗ nào cho tiền chỗ đó sẽ có thơ xưng tụng. Chỉ giản dị vậy thôi.

Loại thi sĩ như Chế Lan Viên ở những quốc gia Cộng sản đầy rẫy. Yevtushenko gọi chúng là bọn người theo chủ nghĩa *cái ghế bành*. Đối với chúng, ý thức hệ không hề có chỗ đứng trong đời sống, quốc gia dân tộc chỉ là phương tiện. Làm thơ ở đây mới thực là một cái nghề. Nghề bồi bút. Nghề này, tuy cũng dính líu tới chuyện làm thơ, nhưng khác xa nghề thi sĩ của người yêu cô bé lãng mạn trong "Cổng Trường Vôi Tím."

TRINH Y THƯ

TRUNG TÂM TRUY TẦM

UNG THƯ NGỰC (VÚ)

BÁC SĨ **NGUYỄN MẠNH**

CHUYÊN KHOA QUANG TUYẾN

9513 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683

Tel: (714) 531-8833

- Dùng kỹ thuật tối tân để khám phá ung thư thật sớm
- Chỉ dẫn kỹ càng cách thức tự khám ngực để khám phá ung thư ngực thật sớm
- Có nữ chuyên viên nhiều kinh nghiệm khám và chụp hình ngực

Thông báo

CUỘC THI VIẾT VĂN HÈ 89

I. Mục đích:

1. Khuyến khích tuổi trẻ Việt Nam trau giồi và giữ gìn ngôn ngữ, văn chương tiếng mẹ đẻ.

2. Giới thiệu những tài năng mới đóng góp vào nền văn chương Việt Nam hải ngoại, tạo điều kiện và cơ hội để các bạn trẻ yêu thích văn chương có dịp xuất hiện.

II. Thành phần tham dự:

Dành cho tất cả các bạn thanh niên sinh viên và học sinh.

III. Hình thức, đề tài, số chữ:

Hình thức: Truyện ngắn.

Đề tài: Tự truyện (có thực hay giả tưởng).

Số chữ: Ít nhất 1,000 chữ, dài nhất 3,500 chữ.

IV. Thời hạn:

Từ ngày ra thông cáo này cho đến 6 giờ chiều ngày 30 tháng 11 năm 1989.

V. Điều kiện gửi bài:

1. Bài chưa hề đăng tải trên bất cứ một tờ báo hay tạp chí nào.

2. Bài viết một mặt giấy trắng khổ 81/2 x 11, đánh máy hoặc viết tay rõ ràng, đánh số thứ tự mỗi trang ở phía trên góc phải, ghi tắt tên truyện dưới số trang.

3. Ký bút hiệu ở dưới cùng của bài viết.

4. Mỗi người có quyền gửi nhiều bài dự thi. Mỗi bài dự thi làm phóng ảnh thành 5 bản.

5. Ban tổ chức được quyền đăng các bài dự thi trên báo *Người Việt* được ưu tiên xuất bản các truyện trúng giải.

6. Điền đầy đủ chi tiết vào Phiếu ghi danh Dự thi, cho phiếu này vào bì thư nhỏ dán kín.

7. Bì thư này cùng với bài viết (gồm 5 bản) bỏ chung vào bì thư lớn gửi về:

GIẢI VIẾT VĂN HÈ 89
14841 Moran St., Westminster, CA 92683

VI. Ban giám khảo: Gồm các vị nhà văn, nhà báo, nhà giáo có uy tín.

VII. Giải thưởng:

1 giải nhất 500 USD và tặng phẩm.
1 giải nhì 300 USD và tặng phẩm.
1 giải ba 200 USD và tặng phẩm.
5 giải khuyến khích (có triển vọng) mỗi giải: 50 USD và tặng phẩm

Little Saigon, ngày 10 tháng Tư, 1989
Ban Tổ Chức
Nhật báo Người Việt

CUỘC THI VIẾT VĂN HÈ 89

Phiếu Ghi Danh Dự Thi

Họ và tên: . . . . . .
Ngày sinh: . . . . . .
Nơi sinh: . . . . . .
Nghề nghiệp: . . . . . .
Địa chỉ hiện tại: . . . . . .
Phone: . . . . . .
Tác phẩm dự thi: . . . . . .

ngày . . . tháng . . . năm 1989

Nhà Xuất Bản NGƯỜI VIỆT

14841 Moran Street, Westminster, CA 92683

Tel. (714) 892-9414 & 892-9316 Fax: (714) 894-1381

ĐÃ XUẤT BẢN

PHẠM QUỐC BẢO
Cùm Đỏ
Truyện ký, 7.25 MK
Cõi Mộng Du
Truyện dài, 7.00 MK
Đời Từng Mảnh
Cõi Mộng Du tập II, 8.00 MK
Dâu Bể
Tập truyện, 8.00 MK

NGUYỄN MỘNG GIÁC
Mùa Biển Động
Truyện dài, (hết)
Bão Nổi
Truyện dài (hết)
Ngựa Nản Chân Bon
Tập truyện (hết)

NGUYỄN BÁ TRẠC
Ngọn Cỏ Bồng
Tập Thơ Văn,

NGUYỄN MẠNH TRINH
Thơ Nguyễn Mạnh Trinh
Thi tuyển (Hết)

NGUYỄN XUÂN QUANG
Người Căm Thù Ruồi
Tập truyện, 6.00 MK

NGUYỄN XUÂN HOÀNG
Người Đi Trên Mây
Truyện dài, 10.00 MK

VÕ NGÃ
Gối Gốc Mai
Thi tuyển, (Hết)

THẾ GIANG
Thằng Người Có Đuôi
Tập truyện (tái bản), 10.00 MK

NGUYÊN PHONG
Hành Trình Về Phương Đông
(tái bản), 10.00 MK

LÊ THÁI BẰNG và LÊ ĐÌNH ĐIỂU
Nguyên tác John Hohenberg
Ký Giả Chuyên Nghiệp
Biên khảo, 19.50 MK

TỪ NGUYÊN
Kỹ Thuật Săn Tin Viết Tin
Biên khảo, 12.00 MK

LƯU ĐÌNH VONG
Thơ Giập Mật
Thơ, 9.00 MK

NGUYỄN TẤT NHIÊN
Tâm Dung
Thơ, 7.00 MK

KIỆT TẤN
Thương Nàng Bấy Nhiêu
Tập truyện, 12.00 MK

NHIỀU TÁC GIẢ
Mùa Hè 1999
Tập truyện, 6.50 MK

NGUYỄN HỮU BÀO
Thơ Tuổi Thơ
Thơ cho thiếu nhi, 8.00 MK

ĐANG IN

BÙI BÍCH HÀ
Buổi Sáng Một Mình
Tập truyện

XUÂN VŨ
Thiên Đàng Treo
Tập truyện XHCN

SẼ XUẤT BẢN

NGUYỄN XUÂN HOÀNG
Bụi và Rác
(Người Đi Trên Mây, tập II)
Truyện dài

NHIỀU TÁC GIẢ
Tuyển tập truyện ngắn
trúng giải kỳ thi viết văn Hè 89
do nhật báo Người Việt tổ chức

Đã phát hành khắp nơi

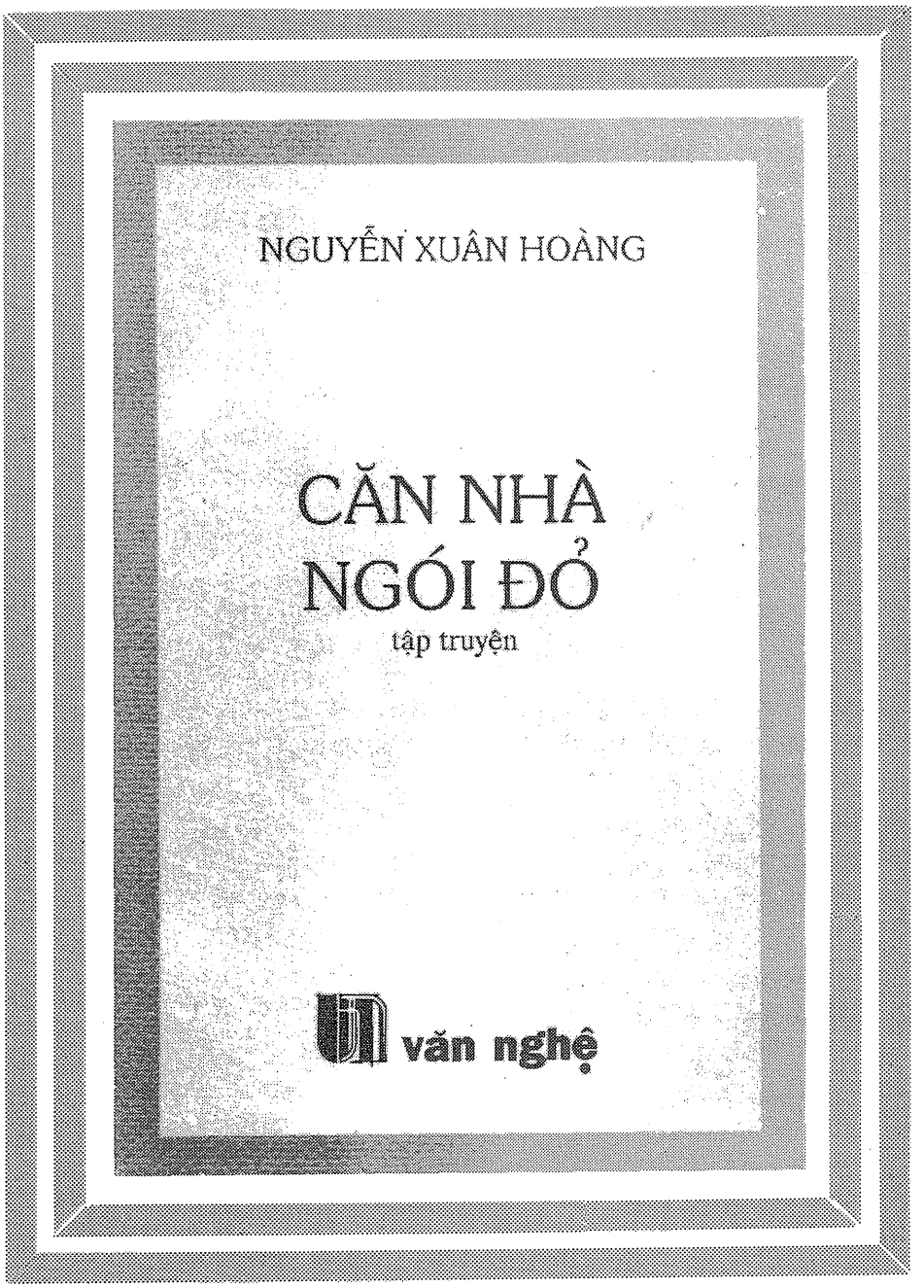

HẸN NHAU Ở

BI/DA
sàigòn

44, Avenue d'Ivry 75013 Paris
Centre Commercial Les Olympiades
Tel 45.84.04.85
(Sát nách Las Vegas, cùng từng lầu với Nam Á, Thúy Nga, Phượng Hoàng)

* NHƯ MỘT CHỖ DỪNG CHÂN

để hong ấm hiện tại lưu vong, để thắp sáng kỷ niệm Sàigòn, để hồi tưởng quê hương Việt Nam bằng hương vị đích thực của Mỹ Tho, Bến Tre, Biên Hòa, Lái Thiêu, Tân An...

* NHƯ MỘT CHỖ TÌM LẠI

để thưởng thức tất cả những gì đã thưởng thức sáng tới, trưa qua, chiều về ở vỉa hè, góc phố, quán chợ Sàigòn, Đa Kao, Tân Định, Thị Nghè, Phú Nhuận...

* NHƯ MỘT CHỖ NGỒI LÂU

để uống cà phê đá, nghe nhạc thính phòng và chiêm ngưỡng những đường bay của CƠ trên môi BI...

SAU HẾT VỚI TUỔI TRẺ VÀ
NHỮNG NGƯỜI TÌNH CỦA BI DA

Như một
chỗ thụt bi-da
lý tưởng
của Sàigòn thu nhỏ

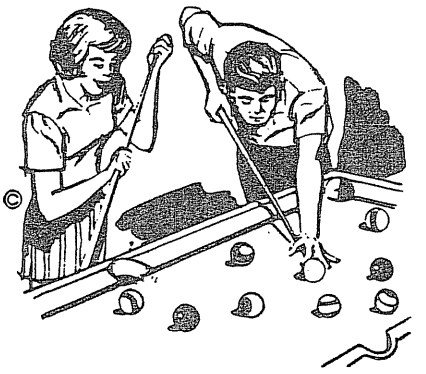

BULK RATE
U.S. POSTAGE
PAID
SANTA ANA CA
PERMIT NO. 23

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

EDWARD C. REID

2120 MAIN ST. SUITE 150 HUNTINGTON BEACH, CA 92648

(714) 536-4014

KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN VỀ

TAI NẠN

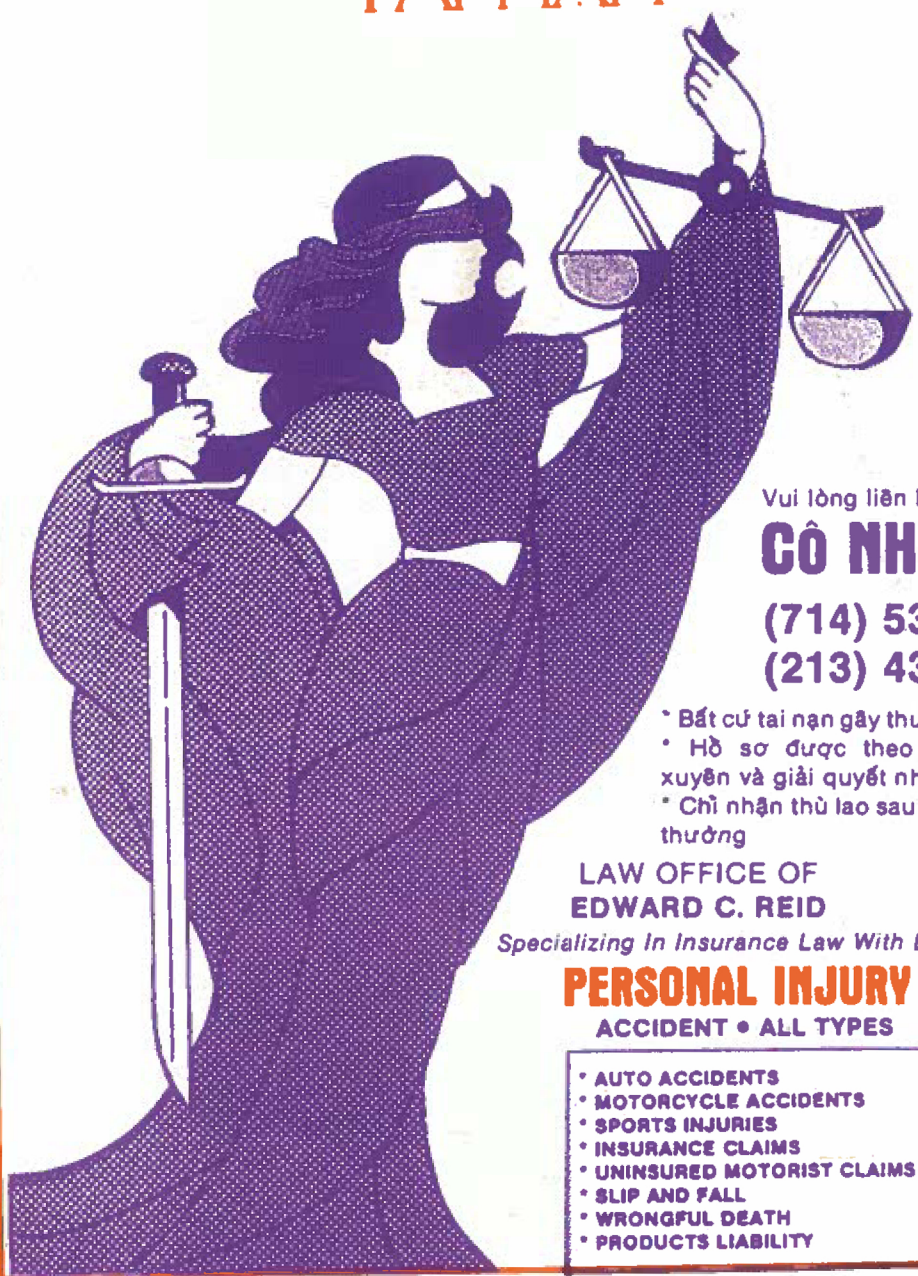

Vui lòng liên lạc ngay:

CÔ NHƯ LAN

(714) 536-4014

(213) 434-4421

* Bất cứ tai nạn gây thương tích nào
* Hồ sơ được theo dõi thường xuyên và giải quyết nhanh chóng
* Chỉ nhận thù lao sau khi được bồi thường

LAW OFFICE OF

EDWARD C. REID

Specializing In Insurance Law With Emphasis On:

PERSONAL INJURY

ACCIDENT • ALL TYPES

- AUTO ACCIDENTS
- MOTORCYCLE ACCIDENTS
- SPORTS INJURIES
- INSURANCE CLAIMS
- UNINSURED MOTORIST CLAIMS
- SLIP AND FALL
- WRONGFUL DEATH
- PRODUCTS LIABILITY

FREE CONSULTATION NO RECOVERY – NO FEE